

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

-----o0o-----

BIÊN QUỐC THẮNG

**VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**
-----o0o-----

BIÊN QUỐC THẮNG

**VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Chuyên ngành : CNDVBC & CNDVLS

Mã số : 62.22.03.02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TSKH Lương Đình Hải

Hà Nội - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng, những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả luận án

Biền Quốc Thắng

DANH MỤC CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

TPHCM : Thành phố Hồ Chí Minh

CNH, HĐH : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa

GD&ĐT : Giáo dục và Đào tạo

KH&CN : Khoa học và Công nghệ

VH&NT : Văn hóa và Nghệ thuật

NNLCLC : Nguồn nhân lực chất lượng cao

PGS : Phó Giáo sư

GS : Giáo sư

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	6
1.2. Những công trình nghiên cứu ngoài nước và trong nước liên quan đến luận án 6	
1.2. Giá trị, hạn chế của các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án và những vấn đề luận án tiếp tục làm sáng tỏ	26
Chương 2. MỘT SỐ NỘI DUNG LÝ LUẬN VỀ TRÍ THỨC VÀ VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VIỆT NAM	32
2.1. Quan niệm và đặc điểm của trí thức	32
2.2. Vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam...	43
Chương 3. VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA....	63
3.1. Khái quát về Thành phố Hồ Chí Minh và đặc điểm đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh	63
3.2. Vai trò của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay - thành tựu và hạn chế.....	75
3.3. Một số vấn đề đặt ra đối với việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay	106
Chương 4. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	122
4.1. Nâng cao nhận thức cho người dân Thành phố Hồ Chí Minh về vai trò của đội ngũ trí thức trong giai đoạn hiện nay	122
4.2. Hoàn thiện chính sách tuyển dụng và sử dụng đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh	126
4.3. Tạo dựng môi trường và điều kiện hoạt động thuận lợi để phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh	130
4.4. Đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh.....	140
4.5. Đổi mới chính sách đãi ngộ vật chất và tinh thần đối với đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh	145

KẾT LUẬN CHUNG	150
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ.....	153
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	155
PHỤ LỤC	167

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, cuộc cách mạng KH&CN đã đưa nhân loại chuyển từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức, từ chỗ lấy tài nguyên thiên nhiên, vốn đầu tư, nguồn lao động giá rẻ; sang lấy trí tuệ, tri thức của con người làm nguồn lực, tạo nên sức mạnh quốc gia, động lực quan trọng để thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi đất nước. Vì vậy, vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với mỗi quốc gia, dân tộc hiện nay là phải đầu tư xây dựng nguồn lực trí tuệ vững mạnh, phát huy tri thức của con người một cách có hiệu quả để đưa đất nước hòa nhập vào xu hướng phát triển mới của thời đại.

Đối với Việt Nam, một quốc gia bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp, nghèo nàn, lạc hậu, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, các cuộc chiến tranh để lại hậu quả nặng nề, nền sản xuất cơ bản nhỏ lẻ, manh mún, mang tính tiểu nông, năng suất lao động thấp, năng lực cạnh tranh kém. Ý thức được xu thế phát triển của thời đại và thực trạng của đất nước, trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta đã chỉ rõ: “Cần khai thác và sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó nguồn lực con người là quý báu nhất, có vai trò quyết định, đặc biệt đối với nước ta, khi các nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất còn hạn hẹp” [25, tr.9]. Do đó, để sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại nhằm thực hiện mục tiêu: nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; kiên quyết và kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ gìn hoà bình, ổn định, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới đòi hỏi chúng ta phải phát huy có hiệu quả sức mạnh tổng hợp các nguồn lực, cả nội lực lẫn ngoại lực, trong đó nội lực giữ vai trò quyết định và “đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng” [33, tr.81]. Vì vậy, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức để đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên là một yêu cầu cấp bách đối với Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Đối với TPHCM, trên cơ sở quán triệt các quan điểm của Đảng và Nhà nước về đường lối, chủ trương phát triển đất nước nói chung, đội ngũ trí thức nói riêng, Đảng bộ và chính quyền đã cụ thể hóa bằng nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát huy vai trò của đội ngũ này đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển Thành phố. Kết quả, từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức TPHCM đã không ngừng lớn mạnh về mọi mặt và có nhiều “đóng góp tích cực, quan trọng vào sự phát triển của thành phố; góp phần tạo nên nhiều thành tựu trên các mặt đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội” [34, tr.1]. Sau hơn bốn mươi năm được hoàn toàn giải phóng và đặc biệt sau hơn ba mươi năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện, giờ đây TPHCM đã trở thành một trung tâm kinh tế, văn hóa, GD&ĐT, KH&CN, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, có sức hút, sức lan tỏa lớn không chỉ đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam mà còn đối với cả nước. Tuy nhiên, trước yêu cầu “cùng cả nước, vì cả nước”, “đi trước, về đích trước” trong sự nghiệp CNH, HĐH và với mục tiêu xây dựng TPHCM trở thành thành phố có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình; sớm trở thành một trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, KH&CN của khu vực; thì những đóng góp của “đội ngũ trí thức Thành phố vẫn chưa đáp ứng yêu cầu và chưa ngang tầm với trình độ phát triển của các thành phố trong khu vực” [34, tr.3]. Những hạn chế đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân, một trong những nguyên nhân không thể không kể đến đó là: công tác phát huy vai trò đội ngũ trí thức tại TPHCM thời gian qua có lúc, có nơi chưa được quan tâm đúng mức; một số cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chưa nhận thức sâu sắc được vị trí, vai trò của đội ngũ này; bên cạnh đó, một bộ phận trí thức chưa ý thức được trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển của Thành phố.

Những hạn chế kể trên đã dẫn đến hệ quả: một số chủ trương, chính sách của Đảng bộ và chính quyền TPHCM đề ra trong thời gian qua còn tồn tại một số bất cập, chưa theo kịp với yêu cầu phát triển của Thành phố và đất nước, cũng như xu thế vận động của thời đại; trước những vấn đề mới phát sinh, chính quyền Thành phố còn tỏ ra lúng túng khi thực thi các quyết sách; dẫn đến, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, ngày càng quá tải, cản trở đến

mục tiêu tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống dân sinh; quy hoạch và quản lý đô thị chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế; chất lượng GD&ĐT, KH&CN, nguồn nhân lực chưa thật sự là động lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc trong nhân dân chậm được khắc phục, hợp tác quốc tế còn có những mặt hạn chế... Trước thực trạng đó, Đảng bộ TPHCM đã xác định: lấy phát huy nguồn nhân lực nói chung và phát huy vai trò đội ngũ trí thức nói riêng làm khâu đột phá hàng đầu, mang tính chiến lược quan trọng để khắc phục những tồn tại, khơi thông những điểm nghẽn nhằm thúc đẩy Thành phố phát triển nhanh hơn, đáp ứng sự tin tưởng của Đảng, sự kỳ vọng của nhân dân. Chính vì vậy, việc đi sâu phân tích một cách khách quan, có hệ thống vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời kỳ đổi mới, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp khoa học để phát huy có hiệu quả hơn vai trò của đội ngũ này nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế của TPHCM cũng như cả nước là nhiệm vụ mang tính cấp thiết hơn bao giờ hết.

Với những lý do như trên, nghiên cứu sinh đã chọn vấn đề: ***Vai trò đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*** để làm đề tài luận án tiến sĩ Triết học của mình, với mong muốn góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

2.1. Mục đích của đề tài

Trên cơ sở luận giải, làm sáng tỏ vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời kỳ đổi mới, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò của đội ngũ này trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ của đề tài

Để đạt được mục đích trên, ngoài việc tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ cơ bản như:

Thứ nhất, luận giải một số nội dung lý luận về trí thức và vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Thứ hai, phân tích thành tựu, hạn chế và một vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong giai đoạn hiện nay.

Thứ ba, đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy hơn nữa vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời gian tới.

3. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Về cơ sở lý luận: luận án tiếp cận dưới góc độ triết học xã hội, được triển khai trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò đội ngũ trí thức trong sự vận động và phát triển xã hội.

Về phương pháp nghiên cứu: trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như: phân tích và tổng hợp, lịch sử và lôgic, quy nạp và diễn dịch, thống kê và so sánh, trừu tượng hóa và khái quát hóa...

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Về đối tượng nghiên cứu: luận án nghiên cứu vai trò đội ngũ trí thức TPHCM đối với sự phát triển của TPHCM trong thời kỳ đổi mới.

Về phạm vi nghiên cứu: luận án nghiên cứu đội ngũ trí thức TPHCM - là những trí thức đang sinh sống, làm việc trong các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn TPHCM từ đổi mới (1986) đến nay.

5. Những đóng góp mới của luận án

Một là, luận án góp phần làm sáng tỏ vai trò đội ngũ trí thức TPHCM thời kỳ đổi mới trên cơ sở phân tích những thành tựu và hạn chế của nó trong việc: cung cấp luận cứ khoa học cho Đảng bộ và chính quyền Thành phố hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách; phát triển NNLC; nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao KH&CN; xây dựng và phát triển văn hóa TPHCM theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phản biện xã hội góp phần hoàn thiện chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ và chính quyền TPHCM.

Hai là, luận án chỉ ra và phân tích một số bất cập trong việc phát huy vai trò đội ngũ trí thức TPHCM trên các mặt như: nhận thức ở một bộ phận người dân TPHCM chưa đầy đủ về vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp CNH, HĐH; công tác tuyển dụng, sử dụng trí thức chưa hợp lý; môi trường và điều kiện hoạt động của đội ngũ trí thức chưa hoàn thiện; công tác đào tạo đội ngũ trí thức chưa

đáp ứng yêu cầu phát triển của TPHCM; chính sách đãi ngộ chưa tương xứng với những đóng góp của đội ngũ trí thức.

Ba là, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy có hiệu quả hơn nữa vai trò đội ngũ trí thức TPHCM trong thời gian tới như: nâng cao nhận thức cho người dân TPHCM về vai trò của đội ngũ trí thức; hoàn thiện chính sách sử dụng đội ngũ trí thức; xây dựng môi trường và điều kiện hoạt động thuận lợi để phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức; đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ trí thức; đổi mới chính sách đãi ngộ vật chất và tinh thần đối với đội ngũ trí thức.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Về ý nghĩa lý luận: luận án góp phần làm sáng tỏ hơn một số vấn đề lý luận về quan niệm, đặc điểm trí thức, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam; đặc điểm và thực trạng vai trò đội ngũ trí thức TPHCM trong thời kỳ đổi mới.

Về ý nghĩa thực tiễn: những kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo cho cán bộ quản lý các cấp ở TPHCM trong việc phát huy vai trò đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH; là tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy những nội dung liên quan đến đội ngũ trí thức.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án được kết cấu thành 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Từ xưa đến nay, vấn đề trí thức luôn trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà khoa học cả trong và ngoài nước. Bên cạnh các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung và Đảng bộ TPHCM nói riêng; thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu bàn về trí thức trên nhiều phương diện khác nhau:

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC VÀ TRONG NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Những công trình nghiên cứu bàn về quan niệm, đặc điểm, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam

- Những công trình nghiên cứu nước ngoài:

Trong cuốn sách “*Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài, kế lớn trăm năm chấn hưng đất nước*” [51] do Thẩm Vinh Hoa và Ngô Quốc Diệu (chủ biên) (2008) đã luận giải khá kỹ lưỡng và làm nổi bật tư tưởng của Đặng Tiểu Bình - nhà lãnh đạo kiệt xuất trong công cuộc cải cách, mở cửa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc về nhân tài như: nhân tài là then chốt của sự phát triển; đường lối tổ chức, xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ; trong đó đáng chú ý là những tư tưởng về công tác bồi dưỡng, đào tạo, tuyển chọn, sử dụng, bố trí, đãi ngộ nhân tài, tạo môi trường cho nhân tài phát triển, cải cách chế độ dân sự. Qua cuốn sách này, người đọc không chỉ thấy được sự kế thừa, phát triển quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông của Đặng Tiểu Bình về nhân tài, trí thức; mà còn thấy được sự vận dụng sáng tạo các lý luận của Đặng Tiểu Bình trong chiến lược xây dựng nhân tài, phát triển đội ngũ trí thức ở Trung Quốc hiện nay.

Nhiều tác giả (2009), “*Về trí thức Nga*” do La Thành và Phạm Nguyên Trung dịch [88]. Đây là công trình tập hợp bài viết của các học giả - trí thức nước Nga trước Cách mạng Tháng Mười của nước Nga thuộc Liên Xô cũ và nước Nga thời kỳ “hậu Xô viết”. Từ các bài viết, chúng ta thấy được chính kiến của trí thức rất đa dạng, thậm chí có khi khác biệt nhau, nhưng đều trên tinh thần học thuật nghiêm túc,

ý thức trách nhiệm cao trước xã hội. Trong bối cảnh nước Nga từ cuối thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX, mặc dù giới trí thức Nga có quan niệm khác nhau về bản thân mình, nhưng họ đều viết nên những trăn trở, dồn nén và phản ứng trước thời cuộc. Với tập hợp hơn 10 bài viết, được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, song chúng ta vẫn thấy được ở họ có những điểm khá thống nhất như: trí thức là một lực lượng xã hội tương đối đông đảo về số lượng, có sự liên kết nội tại tương đối mật thiết và thống nhất, có học thức ở trình độ nhất định, luôn tự ý thức về sứ mệnh của mình đối với cộng đồng, có thái độ dấn thân để thực hiện sứ mệnh. Có thể nói, hai dịch giả Việt Nam đã mang đến cho người đọc bức tranh tương đối trung thực về tình cảnh người trí thức trong giai đoạn biến động của lịch sử nước Nga.

Ngoài ra, một số công trình công bố mặc dù không đề cập trực tiếp đến khái niệm, đặc điểm, vai trò, nhân tố ảnh hưởng đến vai trò đội ngũ trí thức, song vấn đề này đã được các tác giả lồng ghép trong nghiên cứu của mình, tiêu biểu như:

Tác giả Lý Quang Diệu (1994) có tác phẩm *“Tuyển 40 năm chính luận của Lý Quang Diệu”* [19]. Trong tác phẩm này, tác giả đã làm nổi bật những tư tưởng cơ bản của Lý Quang Diệu - Thủ tướng đầu tiên ở Singapore về tầm quan trọng của nhân tài, vai trò của GD&ĐT đối với việc phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài. Qua cuốn sách này, chúng ta nhận thấy quan điểm nhất quán: Singapore là chế độ thực hành trọng dụng nhân tài, phát triển nhân lực bậc cao, phát triển nhân tài là nhân tố quyết định thành công của Singapore trong thời gian qua.

Còn ở cuốn sách *“Chính trị và kinh tế Nhật Bản”* [132] của Okuhina Yasuhiro (1994), tác giả đã nêu lên những vấn đề cơ bản về nhân tài, chính sách công tác cán bộ, phát triển nhân tài ở Nhật Bản. Từ sự phân tích những kinh nghiệm trong việc đánh giá và luân chuyển cán bộ, phát huy người tài trên cơ sở đặc điểm của xã hội Nhật Bản, tác giả nhấn mạnh đến việc bảo tồn và phát huy yếu tố truyền thống dân tộc; thực hiện chế độ đào tạo, quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan công quyền, chú trọng xây dựng các phẩm chất, đặc biệt là phẩm chất trung thành của cán bộ; bảo đảm chế độ chính sách và tiền lương cho cán bộ yên tâm cống hiến.

Từ việc làm sáng tỏ khái niệm nhân tài, tiêu chuẩn đánh giá, phạm vi phân loại nhân tài, đến việc khái quát lại quá trình phát triển nhân tài ở Trung Quốc trước

cải cách, mở cửa và nhận thức của Đảng Cộng sản, Chính phủ Trung Quốc đối với vấn đề phát triển nhân tài sau cải cách, mở cửa; trong cuốn sách: “*Chiến lược nhân tài của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay*” [92] do tác giả Nguyễn Thị Thu Phương (2009) chủ biên đã tập trung đi sâu phân tích chiến lược nhân tài của Trung Quốc trong hai giai đoạn (1978 - 1999) và (2000 - 2008). Sau cùng, tác giả đã đánh giá về những thành tựu và hạn chế của chiến lược nhân tài ở Trung Quốc. Đặc biệt, trong cuốn sách này tác giả đã rút ra một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam như: xây dựng chiến lược tổng thể về nhân tài; kiện toàn cơ chế phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài.

Tác giả Nghiệm Ngạn Thân (2012) có công trình “*Phát hiện và sử dụng nhân tài*” do Thúy Lan - Thanh Hà - Xuân Dục dịch [103]. Tác giả của công trình này không chỉ là một học giả mà còn là một chính khách nổi tiếng ở Trung Quốc. Vì vậy, toàn bộ nội dung công trình là những tư tưởng được rút ra từ kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của chính bản thân tác giả. Trong đó, đáng chú ý là những nội dung về cách dùng người, cách lựa chọn cán bộ, nghệ thuật lãnh đạo... Tác giả nhấn mạnh, đối với người lãnh đạo, “nếu đánh giá con người không chuẩn, dùng người không hợp lý, không phân biệt được bậc hiền tài hay kẻ bất tài, người tốt hay kẻ xấu thì đó chính là người lãnh đạo “lầm cảm” nhất” [103, tr.45]. Có thể nói, cuốn sách là tài liệu tham khảo rất có giá trị đối với cán bộ làm công tác lãnh đạo, quản lý của nước ta từ Trung ương đến địa phương trong giai đoạn hiện nay.

- Những công trình nghiên cứu trong nước:

Trong cuốn sách “*Trí thức Việt Nam thực tiễn và triển vọng*” [21], tác giả Phạm Tất Dong (1995) đã nêu lên một số đặc điểm, chức năng, cấu trúc của trí thức. Về đặc điểm, tác giả nhấn mạnh đến hai dấu hiệu cơ bản là: lao động trí óc có chuyên môn cao và trình độ học vấn cao. Còn chức năng: sáng tạo, phê phán, đào tạo cán bộ, tham gia các hoạt động xã hội. Về cấu trúc có hai lát cắt: “Một lát được bổ dọc về nghề nghiệp và một lát về trình độ chuyên môn” [21, tr.40]. Trên cơ sở đó, tác giả cho rằng khái niệm trí thức phải được định nghĩa trong khuôn khổ: đó là những người sáng tạo, phổ biến và vận dụng văn hóa; học vấn đại học; luôn trăn trở, suy ngẫm trước xu thế vận động, những bước thăng trầm của đất nước, dân tộc; có năng lực tư duy sáng tạo.

Kế thừa một số kết quả từ nghiên cứu trên, trong công trình *“Định hướng phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong CNH, HĐH”*, xuất bản năm 2001 [23], tác giả Phạm Tất Dong đã nhấn mạnh đến bốn chức năng cơ bản của trí thức như: sáng tạo văn hóa, duy trì những giá trị cơ bản của xã hội theo hướng chân, thiện, mỹ và chân lý; phê phán xã hội, biết nhìn rõ sự vật, phải suy nghĩ đến cùng và dám phê phán những gì không đúng, không hợp lý; đào tạo lớp trí thức mới cho đất nước; tham gia các hoạt động xã hội hoặc các công việc mang tính xã hội. Bên cạnh đó, tác giả còn đi sâu phân tích vai trò trí thức trên các mặt: phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế - xã hội như một lực lượng sản xuất trực tiếp; sáng tạo văn hóa, giữ vững nền tảng tinh thần của xã hội, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong CNH, HĐH; lãnh đạo và quản lý đất nước, điều hành sự nghiệp CNH, HĐH.

Còn trong tác phẩm *“Một số vấn đề về trí thức Việt Nam”* [116], tác giả Nguyễn Thanh Tuấn (1998) sau khi làm sáng tỏ một số quan niệm khác nhau về tầng lớp trí thức ở nước ta đã đưa ra định nghĩa: “Trí thức là một tầng lớp xã hội đặc thù, độc lập tương đối, chuyên làm các nghề có tính chất lao động trí óc phức tạp và sáng tạo, và có học vấn chuyên môn cần thiết cho lĩnh vực lao động đó” [116, tr.16]. Với xuất phát điểm coi trí thức như là một nhân cách sáng tạo, tác giả đặc biệt nhấn mạnh đến bản chất xã hội của trí thức. Theo đó, trí thức cần phải xem xét các thuộc tính, phẩm chất của nhân cách sáng tạo: thế giới quan triết học, hệ thống phương pháp nghiên cứu và lao động khoa học, nghệ thuật là thuộc tính hàng đầu của trí thức; phẩm chất trí tuệ; phẩm chất đạo đức và tự do ý chí; “cái tôi trí thức”; nhân cách trí thức là sự thống nhất tính giai cấp và tính nhân loại. Ngoài ra, tác giả còn đi sâu phân tích vai trò của trí thức đối với tiến bộ xã hội trong lịch sử đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng cũng như trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Với tư cách là người lãnh đạo đất nước, trong cuốn sách *“Trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước”* [84], nguyên Tổng bí thư Đỗ Mười (1999) đã khẳng định tính nhất quán của Đảng và Nhà nước ta khi đánh giá vai trò, tầm quan trọng của trí thức đối với công cuộc phát triển đất nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, cuốn sách còn khẳng định trách nhiệm của Đảng và Nhà nước đối với việc xây dựng, phát huy vai trò của trí thức nhằm

đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới. Ngoài ra, tác giả cũng chỉ ra những hạn chế cần khắc phục nhằm phát huy tiềm năng, trí tuệ đội ngũ trí thức một cách tốt nhất.

Trong luận án *“Vai trò của trí thức Thủ đô Hà Nội trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước”* [91], tác giả Nguyễn Xuân Phương (2004) đã đạt được thành công nhất định khi đưa ra khái niệm trí thức, phân tích làm sáng tỏ một số đặc trưng cơ bản của trí thức, thực trạng về số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ trí thức Việt Nam, những đặc điểm tiêu biểu của trí thức Thủ đô Hà Nội. Tuy nhiên, một số đặc điểm của trí thức mặc dù luận án có đề cập, song tác giả chưa có điều kiện đi sâu phân tích để làm sáng tỏ như: năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, truyền bá, áp dụng tri thức và các giá trị văn hóa vào thực tiễn... Bên cạnh đó, tác giả cũng chưa chỉ ra được những nhân tố ảnh hưởng đến việc phát huy vai trò của trí thức nói chung và trí thức Thủ đô nói riêng trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Ở cuốn sách *“Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp CNH, HĐH”* [100], trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin cũng như kế thừa một số kết quả của các nghiên cứu trước đó, tác giả Đỗ Thị Thạch (2005) đã đưa ra khái niệm trí thức, đặc biệt là về trí thức nữ. Đối với trí thức, trong khái niệm tác giả đã nêu lên các đặc điểm cơ bản: trí thức không phải là một giai cấp mà là một tầng lớp xã hội; là người có trình độ học vấn cao, trình độ chuyên môn sâu; có đạo đức, lương tâm; lao động trí óc phức tạp. Bên cạnh đó, tác giả còn đi sâu phân tích vai trò của đội ngũ trí thức nữ trên các lĩnh vực như: khoa học, quản lý, lãnh đạo, VH&NT. Ngoài ra, ở công trình này tác giả còn nêu lên một số yếu tố tác động đến sự phát triển trí tuệ của phụ nữ Việt Nam hiện nay như: tư tưởng “trọng nam, khinh nữ”; tư tưởng quá đề cao vai trò nam giới, coi thường phụ nữ; sự vướng bận gia đình của người phụ nữ...

Trên một phương diện khác, trong tác phẩm *“Trí thức ngành kiến trúc trong thời kỳ đổi mới”* [96], sau khi phân ra làm ba nhóm chuyên ngành chủ yếu, tác giả Lê Quang Quý (2006) đã đưa ra khái niệm, đặc điểm và vai trò của đội ngũ trí thức ngành kiến trúc. Ngoài ra, tác giả còn phân tích một số yếu tố tác động đến xu hướng phát triển đội ngũ trí thức ngành kiến trúc trong thời kỳ đổi mới như: sự tác động của cuộc cách mạng KH&CN, kinh tế tri thức; xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới; quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Còn với công trình “*Đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới*” [94], tác giả Ngô Thị Phụng (2007) đã phân tích một số đặc trưng cơ bản của trí thức khá cụ thể như: là người lao động trí óc phức tạp, sáng tạo; sản phẩm lao động của trí thức là tri thức khoa học mới; có trình độ học vấn, chuyên môn cao; tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra khái niệm về trí thức, trí thức khoa học xã hội và nhân văn. Ngoài ra, tác giả còn nêu bật được một số vai trò của đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trên các phương diện như: xây dựng và phát triển các quan điểm, tư tưởng học thuật của khoa học xã hội và nhân văn; truyền bá tri thức khoa học xã hội và nhân văn, góp phần vào việc đào tạo và phát triển con người; thực hiện phê bình, phản biện, dự báo xã hội; lực lượng trực tiếp tham gia vào việc xây dựng và phát triển một mô hình xã hội nhất định.

Kế thừa các quan niệm trước đó, đặc biệt là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cuốn sách “*Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với trí thức nước ta hiện nay*” [109], tác giả Ngô Huy Tiếp (2008) đã đưa ra định nghĩa về trí thức, trong đó nhấn mạnh đến hai dấu hiệu cơ bản của lực lượng này như: lao động trí tuệ, có chuyên môn sâu và có học vấn cao. Bên cạnh đó, tác giả còn phân tích một số vai trò của đội ngũ trí thức như: xây dựng luận cứ khoa học góp phần quan trọng trong việc hoạch định, phản biện và hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thúc đẩy quá trình CNH, HĐH đất nước; quyết định sự nghiệp GD&ĐT, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; phát triển những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu nền văn hóa, văn minh nhân loại. Tuy nhiên, do phạm vi tiếp cận khá rộng, tác giả đã chưa diễn đạt được một cách đầy đủ và sâu sắc về các đặc điểm cũng như vai trò của đội ngũ trí thức, đặc biệt là vai trò phản biện xã hội của đội ngũ này.

Trên bình diện hẹp hơn, trong cuốn sách “*Phát huy tiềm năng của trí thức khoa học xã hội và nhân văn trong công cuộc đổi mới đất nước*” [90], tác giả Nguyễn An Ninh (2008) đã đi từ việc làm sáng tỏ tiềm năng của con người nói chung, trí thức khoa học xã hội nói riêng; đến việc chỉ ra các vai trò và những vấn đề đặt ra của việc khai thác tiềm năng trí thức khoa học xã hội hiện nay. Cơ bản tán thành các quan điểm

của các nghiên cứu trước đó, tác giả đưa ra định nghĩa về trí thức khoa học xã hội. Bên cạnh đó, cuốn sách còn phân tích những yếu tố quy định tiềm năng của trí thức khoa học xã hội như: từ quá trình tích lũy năng lực khoa học, qua thực tiễn lao động khoa học, môi trường khoa học, môi trường chính trị - xã hội, khả năng lao động sáng tạo, tính tích cực chính trị - xã hội. Ngoài ra, công trình cũng đi sâu phân tích xu thế và quá trình khai thác tiềm năng trí thức khoa học xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Quan niệm về trí thức ở cuốn sách *“Trí thức Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập”* [57], tác giả Nguyễn Đắc Hưng (2009) đã kế thừa nội dung của hai công trình công bố trước đó: *“Trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển đất nước”* (2005) [55] và *“Trí thức Việt Nam tiến cùng thời đại”* (2008) [56]. Điểm chung của các công trình này là sau khi tổng quan một số quan niệm khác nhau, tác giả đã trình bày quan niệm của riêng mình về trí thức; trong đó nhấn mạnh đến hình thức lao động “bằng trí tuệ và có tính sáng tạo và đã có những cống hiến nhất định hữu ích cho xã hội” [57, tr.10]. Bên cạnh đó, cuốn sách còn đi sâu phân tích vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức với tư cách là lực lượng sản xuất trực tiếp nhất, có ý nghĩa quyết định đến tương lai phát triển của mỗi quốc gia, đặc biệt đối với nước ta trong thời kỳ hội nhập.

Nghiên cứu mang tính chuyên sâu về đội ngũ trí thức dưới góc độ tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả Nguyễn Khánh Bật và Trần Thị Huyền (Đồng chủ biên) (2012) trong cuốn sách *“Xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* [11], đã làm sáng tỏ một số khái niệm như: trí thức, nhân tài, hiền tài, kinh tế trí thức; các tác giả đi đến khái quát những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về trí thức. Không những thế, ở trong cuốn sách này, các tác giả còn nêu bật sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng, Nhà nước ta để hình thành nên những quan điểm về trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Dựa trên các quan niệm về trí thức trong và ngoài nước, đặc biệt là các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức, tác giả Đức Vượng (2014) trong tác phẩm *“Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước”* [131] đã đưa ra định nghĩa về trí thức khá dài và khá toàn diện với 10 luận điểm. Bên cạnh đó, công trình còn nêu lên những đặc trưng cơ bản, thiên chức, phẩm chất của người trí thức

Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức; mối quan hệ giữa trí thức với công nhân, nông dân. Thêm nữa, công trình còn khái quát một cách chung nhất những đóng góp của đội ngũ trí thức Việt Nam từ thời kỳ dựng nước, giữ nước, đến thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay.

Ngoài ra, còn có một số công trình nghiên cứu được đăng trên các tạp chí khoa học đề cập đến quan niệm, đặc điểm, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam như: Phan Thanh Khôi (1996), *“Những bài học từ quan điểm của Lênin về trí thức”* [63]; Phạm Tất Dong, Bùi Khắc Việt (1999), *“Chính sách của Đảng đối với trí thức”* [22]; Nguyễn Đức Bách (2008), *“Suy ngẫm và nhận thức về vấn đề trí thức”* [2]; Vũ Quang Vinh (2008), *“Chủ tịch Hồ Chí Minh với trí thức và nhân tài”* [129]; Nguyễn Khánh Bật (2011), *“Vị trí, vai trò của trí thức trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH theo tinh thần Đại hội XI của Đảng”* [10]; Phan Thanh Khôi, Nguyễn Văn Sơn (2011), *“Các Văn kiện của Đảng tiếp tục những quan điểm đổi mới đối với trí thức”* [65]; Nguyễn Trọng Chuẩn (2013), *“Trí thức và trách nhiệm xã hội”* [15]...

1.1.2. Những công trình nghiên cứu tiêu biểu bàn về thực trạng vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh

- Về thực trạng vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam:

Trong tác phẩm *“Trí thức Việt Nam thực tiễn và triển vọng”* [21], bên cạnh phân tích các quan niệm về trí thức, vai trò của trí thức, tác giả Phạm Tất Dong (1995) đã đi sâu phân tích một cách khái quát những thành tựu, hạn chế của vai trò trí thức Việt Nam từ khi đất nước bị thực dân Pháp đô hộ đến giai đoạn kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc, cũng như trong công cuộc đổi mới. Còn đối với cuốn sách: *“Định hướng phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa”*, xuất bản năm 2001[23], tác giả đã nghiên cứu một cách khá toàn diện hơn về thực trạng vai trò của trí thức Việt Nam trên các mặt như: phát triển lực lượng sản xuất; giữ vững nền tảng tinh thần của xã hội, phát huy bản sắc dân tộc; lãnh đạo và quản lý đất nước, điều hành sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Không những thế, cuốn sách còn chỉ ra những mặt ưu điểm, mặt nhược điểm, cũng như tâm trạng, nguyện vọng của đội ngũ trí thức Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Bên cạnh trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức, sự hình thành, phát triển của trí thức Việt Nam trong tiến trình lịch sử; hai tác giả Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Quốc Bảo (2001), trong công trình *“Một số vấn đề về trí thức Việt Nam”* [60], đã tập trung đi sâu phân tích vai trò trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đổi mới đất nước. Trong quá trình phân tích, hai tác giả cũng đã chỉ ra những mặt mạnh, mặt hạn chế vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam.

Với công trình *“Trí thức giáo dục đại học Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”* [98], tác giả Nguyễn Văn Sơn (2002) cho rằng: đối tượng tác động chủ yếu của đội ngũ trí thức giáo dục đại học Việt Nam là những sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Do đó, đội ngũ này có các vai trò cơ bản như: là lực lượng trực tiếp tham gia vào quá trình đào tạo ở bậc cao nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân; mục đích lao động nhằm tạo ra những người lao động sáng tạo, có phẩm chất đạo đức; vừa là nhà khoa học, vừa là nhà chính trị.

Ở cuốn sách *“Trí thức với Đảng, Đảng với trí thức trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước”* [61], tác giả Nguyễn Văn Khánh (chủ biên) (2004) đã kế thừa một phần kết quả từ công trình nghiên cứu được công bố trước đó (2001). Điểm mới của công trình này chính là việc tác giả trình bày một cách rất khái quát về vai trò của trí thức Việt Nam từ thời phong kiến đến trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; và từ khi Đảng ta ra đời lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc đến giai đoạn xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới.

Còn tác giả Đỗ Thị Thạch (2005), trong công trình *“Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp CNH, HĐH”* [100], sau khi làm sáng tỏ quá trình hình thành, đặc điểm, xu hướng biến đổi đã tập trung phân tích những thành tựu, hạn chế vai trò của đội ngũ trí thức nữ Việt Nam trong quá trình phát triển đất nước trên một số lĩnh vực như: nghiên cứu khoa học, lãnh đạo, quản lý, VH&NT. Bên cạnh đó, tác giả còn chỉ ra những đóng góp của lực lượng trí thức nữ Việt kiều, trí thức nữ là sinh viên. Ngoài ra, trong công trình này, tác giả còn nêu lên những thuận lợi và khó khăn của đội ngũ trí thức nữ Việt Nam trước yêu cầu CNH, HĐH đất nước.

Với cuốn sách “*Đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới*” [94], tác giả Ngô Thị Phụng (2007) đã phân tích thực trạng vai trò của đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới trên các mặt: phát triển quan điểm, tư tưởng học thuật khoa học xã hội và nhân văn; cung cấp luận cứ khoa học cho đường lối phát triển kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị của đất nước; xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng nguồn lực con người nói chung và nguồn lực cho đội ngũ mình nói riêng; đề xuất và thực hiện chiến lược an ninh và quốc phòng của đất nước. Ngoài ra, tác giả còn chỉ ra nguyên nhân thành tựu, hạn chế trong việc thực hiện vai trò của đội ngũ này.

Ở phương diện nghiên cứu chuyên sâu hơn, cuốn sách “*Phát huy tiềm năng của trí thức khoa học xã hội và nhân văn trong công cuộc đổi mới đất nước*” [90], tác giả Nguyễn An Ninh (2008) đã phân tích một cách có hệ thống, bài bản về việc phát huy tiềm năng đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn ở nước ta trong thời kỳ đổi mới. Không chỉ nêu lên thành tựu, hạn chế, công trình còn chỉ ra một số nguyên nhân dẫn đến thành tựu, hạn chế đó; đồng thời khái quát những vấn đề đặt ra trong quá trình phát huy tiềm năng trí thức khoa học xã hội nước ta thời gian qua.

Kế thừa một số quan điểm về vai trò của trí thức ở các công trình trước đó, trong cuốn sách “*Xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH theo tư tưởng Hồ Chí Minh*” [11], hai tác giả Nguyễn Khánh Bật và Trần Thị Huyền (Đồng chủ biên) (2012) đã phân tích vai trò của trí thức Việt Nam dưới dạng khái quát, liệt kê trên các mặt như: góp phần đưa đất nước ra khỏi tình trạng nước kém phát triển; xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; tham gia công tác lãnh đạo và quản lý. Bên cạnh đó, các tác giả còn chỉ ra hạn chế, yếu kém của trí thức Việt Nam hiện nay và nguyên nhân của những hạn chế đó.

Tác giả Đức Vượng (2014), có cuốn sách “*Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước*” [131]. Đây là công trình phân tích khá chi tiết về thực trạng sử dụng đội ngũ trí thức Việt Nam trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội. Thông qua đó, tác giả làm rõ những kết quả đạt được và những hạn chế của đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Ngoài ra, trong thời kỳ nước ta đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế, có một số công trình đề cập đến thành tựu, hạn chế việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam được công bố trên các tạp chí khoa học như: Đặng Hữu (2008), *“Đội ngũ trí thức trong thời kỳ CNH, HĐH và phát triển kinh tế tri thức”* [59]; Hoàng Xuân Sính (2008), *“Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế”* [97]; Trường Lưu (2008), *“Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”* [76]; Phạm Đình Đạt (2012), *“Đội ngũ trí thức trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước”* [44]; Võ Văn Thắng (2013), *“Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập quốc tế”* [104]...

- Về thực trạng vai trò của đội ngũ trí thức TP HCM:

Trong bài viết *“Trí thức TP HCM và những vấn đề của trí thức xây dựng chủ nghĩa xã hội”* [95], tác giả Nguyễn Quới (1989) đã đi sâu phân tích trí thức TP HCM trên các mặt: số lượng, cơ cấu, chất lượng. Bên cạnh đó, tác giả cũng chỉ ra những mặt mạnh và hạn chế của đội ngũ trí thức TP HCM. Về mặt mạnh, trí thức TP HCM luôn tỏ rõ tinh thần dân tộc sẵn sàng, một lòng yêu nước nồng nàn; trí thức trung niên và lớn tuổi, đặc biệt trí thức được đào tạo ở nước ngoài đã có những đóng góp quan trọng vào việc giải quyết một số vấn đề kinh tế - xã hội của Thành phố và Đất nước; bộ phận trí thức trẻ giàu nhiệt tình trong công tác và say mê khoa học kỹ thuật; đã có nhiều sáng kiến và công trình khoa học áp dụng đem lại hiệu quả nhất định. Còn về hạn chế, tác giả cho rằng: yếu kém về số lượng và bất hợp lý về cơ cấu, chất lượng đào tạo trí thức chưa phù hợp, năng lực sáng tạo trí thức khoa học kỹ thuật chưa thể hiện rõ nét, xu hướng viên chức - hành chính hóa đang làm lũng đoạn, suy yếu giới trí thức, thiếu trưởng thành về mặt chính trị - xã hội.

Với cuốn sách *“Trí thức Sài Gòn - Gia Định 1945 - 1975”* [89], tác giả Hồ Hữu Nhựt (2001) đã cung cấp cho người đọc một cách nhìn bao quát, có chiều sâu về những hoạt động cũng như vai trò to lớn của trí thức Sài Gòn - Gia Định trong ba mươi năm đấu tranh giải phóng dân tộc. Ở phần mở đầu, tác giả phân tích về sự hình thành và chuyển hóa của đội ngũ trí thức Sài Gòn - Gia Định từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng Tháng Tám 1945; ba phần còn lại tác giả đi sâu phân tích các hoạt động và

những đóng góp to lớn của trí thức trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ở phần kết luận, tác giả đã khái quát truyền thống và bài học kinh nghiệm của trí thức Sài Gòn - Gia Định. Có thể nói, đây là cơ sở quan trọng để xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong giai đoạn hiện nay.

Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM (2002), *“Sài Gòn - TPHCM: con người và văn hóa trên đường phát triển”* [112]. Đây là công trình xuất bản dựa trên việc chọn lọc các bài báo cáo từ cuộc Hội thảo khoa học “300 năm Sài Gòn - TPHCM” nhân dịp kỷ niệm Sài Gòn - TPHCM ba trăm tuổi. Trong đó, đáng chú ý là bài viết của tác giả Hồ Hữu Nhựt: *“Trí thức Tây học” với văn hóa Sài Gòn - Gia Định*. Ở bài viết này, tác giả trình bày khá hệ thống vai trò của trí thức Tây học trong việc xây dựng và canh tân văn hóa ở Sài Gòn - Gia Định nói riêng và Nam Bộ nói chung. Trên cơ sở đó, tác giả kết luận một cách khái quát: trí thức Tây học không chỉ đấu tranh xây dựng nền văn hóa, giáo dục mới, tiến bộ, yêu nước mà còn góp phần vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc tại Sài Gòn - Gia Định.

Tác giả Hoàng Anh Tuấn (2004) chủ nhiệm đề tài *“Thực trạng sử dụng đội ngũ KH&CN trên địa bàn TPHCM, nguyên nhân và các giải pháp phát huy hiệu quả”* [117]. Từ các phương pháp như: thống kê, so sánh, phỏng vấn, điều tra xã hội học... các tác giả thực hiện công trình này đã cung cấp cho người đọc bức tranh khá đầy đủ về thực trạng sử dụng đội ngũ KH&CN trên địa bàn TPHCM. Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết, công trình đã đi sâu phân tích thực trạng đội ngũ KH&CN trên hai mặt số lượng và chất lượng. Bằng việc tập trung làm rõ hiện trạng sử dụng, trong đó đáng chú ý là dựa trên các số liệu điều tra và ý kiến của 100 nhà khoa học; công trình đã đưa ra những nhận xét, đánh giá cũng như phân tích nguyên nhân sử dụng chưa hiệu quả đội ngũ KH&CN trên địa bàn TPHCM.

Ban Tư tưởng Văn hóa Thành ủy TPHCM - Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM (2005): *“Sài Gòn - TPHCM 60 năm tiếp bước con đường Cách mạng Tháng Tám 1945 - 2005”* [4]. Công trình xuất bản dựa trên tập hợp các bài tham luận trong cuộc Hội thảo khoa học: “Cách mạng Tháng Tám và 60 năm đấu tranh, xây dựng Sài Gòn - TPHCM (1945 - 2005)”. Trong số đó có bài viết: *“Vai trò và bài học của Mặt trận và lực lượng trí thức trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám*

năm 1945 ở Sài Gòn” của Phạm Bá Nhiều, nhấn mạnh đến phong trào đấu tranh của lực lượng sinh viên, học sinh ở các đô thị Miền Nam Việt Nam trong cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Bên cạnh đó còn ở bài viết: *“Phong trào đấu tranh của giới trí thức, văn nghệ sĩ thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954 - 1960)”* của Võ Thị Thanh Tuyền, khái quát những hoạt động của trí thức yêu nước Nam Bộ trong kháng chiến chống chế độ Mỹ - Diệm ở các đô thị. Trên cơ sở phân tích các phong trào đấu tranh của trí thức, văn nghệ sĩ, tác giả đi đến kết luận: *“Phong trào đấu tranh chính trị của lực lượng trí thức ở các đô thị Nam Bộ đã góp phần quan trọng cùng nhân dân cả nước làm nên cuộc Đồng Khởi năm 1960”* [4, tr.421].

Ở bài viết *“Vai trò đội ngũ trí thức trong lĩnh vực nghệ thuật ở TP HCM”* [52], tác giả Trần Quốc Hoàn (2008) đã rất thành công khi nêu bật được những đóng góp của đội ngũ trí thức TP HCM trong lĩnh vực nghệ thuật thời kỳ đổi mới với các nội dung như: nghiên cứu và đưa ra những luận cứ khoa học tham gia việc hoạch định các chính sách văn hóa, nghệ thuật; tuyên truyền, bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tích cực xây dựng con người mới.

Với đề tài *“Khả năng thu hút và thực tế sử dụng trí thức Việt kiều về làm việc tại TP HCM trong quá trình phát triển và hội nhập”* [93], tác giả Trần Văn Phương (chủ nhiệm) (2009) đã tập trung làm sáng tỏ khái niệm về trí thức, tiềm năng, đặc điểm của trí thức Việt Nam và người Việt Nam ở nước ngoài. Bên cạnh đó, tác giả đi sâu phân tích thực trạng thu hút và thực tế sử dụng trí thức Việt kiều ở TP HCM trên hai phương diện: khả năng thu hút và hiệu quả của việc tiếp nhận.

Trong bài viết *“Trí thức TP HCM trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”* [118], tác giả Trương Văn Tuấn (2009) đã chỉ ra được những đóng góp và hạn chế của trí thức TP HCM trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Bên cạnh đó, tác giả còn nêu lên một số giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển của TP HCM. Tuy nhiên, trong khuôn khổ một bài viết công bố trên tạp chí, tác giả mới chỉ dừng lại ở dạng khái quát, liệt kê là chủ yếu, chưa đi sâu phân tích một cách có hệ thống để thấy được thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện vai trò đội ngũ trí thức TP HCM.

Khi nghiên cứu đề tài “*Khảo sát thực trạng làm việc của cán bộ nghiên cứu giảng dạy các ngành khoa học xã hội và nhân văn tại TPHCM*” [48] do Lê Thị Mỹ Hà (chủ nhiệm) (2010), các tác giả đã dựa trên nhiều phương pháp nghiên cứu, đặc biệt là phương pháp thống kê và điều tra xã hội học để làm sáng tỏ thực trạng làm việc của cán bộ nghiên cứu giảng dạy các ngành khoa học xã hội và nhân văn tại TPHCM trên các mặt như: năng lực của cán bộ nghiên cứu khoa học, môi trường làm việc, hiệu quả công việc. Trên cơ sở đó, công trình đi sâu phân tích một số vấn đề còn tồn tại, hạn chế và chỉ ra các nguyên nhân của nó.

Đối với bài viết “*Thực trạng đội ngũ trí thức TPHCM và giải pháp phát triển đội ngũ trí thức phục vụ sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế*” [119], tác giả Trương Văn Tuấn (2012) bên cạnh chứng minh sự tăng nhanh về mặt số lượng trí thức đã chỉ ra những bất cập trong công tác xây dựng đội ngũ trí thức tại TPHCM, cụ thể: sự không tương xứng giữa yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng đáp ứng của đội ngũ trí thức; sự mất cân đối giữa đội ngũ khoa học lí thuyết và khoa học ứng dụng, giữa khu vực sản xuất kinh doanh và khu vực hành chính sự nghiệp; sự khan hiếm các chuyên gia đầu ngành, chưa đáp ứng kịp thời lực lượng kế cận có đủ năng lực chủ trì các chương trình, dự án trọng điểm; sự không tương thích giữa mục đích phát triển đội ngũ trí thức với cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài.

Trên một phương diện khác, tác giả còn có luận án với tên đề tài: “*Xây dựng đội ngũ trí thức tại TPHCM trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước*” [120], bảo vệ năm 2015. Trong luận án này, tác giả tập trung đi sâu phân tích thực trạng công tác xây dựng đội ngũ trí thức TPHCM là chủ yếu. Mặc dù có đề cập đến vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM, tuy nhiên trong khuôn khổ đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả mới chỉ dừng lại ở việc điểm qua các vai trò một cách chung nhất, chưa có điều kiện để luận chứng làm sáng tỏ một cách có hệ thống về thành tựu, hạn chế, chỉ ra những bất cập trong việc phát huy vai trò của đội ngũ này.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TPHCM (2013), “*Nhân sĩ trí thức Sài Gòn - Gia Định đồng hành cùng dân tộc*” [125]. Nếu như ở tập I của cuốn kỷ yếu các tác giả trình bày một cách khái quát về vị trí địa lí - chính trị của Sài Gòn - Gia

Định, ý nghĩa và vai trò của trí thức trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc; thì ở tập II các tác giả đã trình bày quá trình hình thành của các tổ chức tham mưu cho cấp ủy qua các thời kỳ với những tên gọi khác nhau.

Còn trong bài viết *“Tìm hiểu về thực trạng đội ngũ trí thức TP HCM trong sự nghiệp CNH, HĐH”* [62], tác giả Vũ Đức Khiển (2013) đã chỉ ra những đóng góp, hạn chế và nguyên nhân của đội ngũ trí thức TP HCM trên một số lĩnh vực, đặc biệt là trên lĩnh vực KH&CN trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Tuy nhiên, bài viết này tác giả mới chỉ dừng lại ở việc nêu lên vấn đề dựa trên báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN trong giai đoạn 2006 – 2010 của Sở KH&CN TP HCM là chủ yếu. Tác giả chưa đi sâu phân tích vai trò đội ngũ trí thức TP HCM một cách có hệ thống, đặc biệt chưa rút ra được những vấn đề đặt ra, đề xuất các giải pháp để phát huy có hiệu quả hơn nữa vai trò đội ngũ này trong giai đoạn hiện nay.

Thành ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP HCM (2015), *“TP HCM 40 năm xây dựng, phát triển và hội nhập”* [107]. Công trình được xuất bản dựa trên việc chọn lọc các bài viết trong cuộc Hội thảo khoa học “TP HCM - 40 năm xây dựng, phát triển và hội nhập”, nhân kỷ niệm 40 năm ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước. Các bài viết trong công trình này đã phân tích, đánh giá, luận giải, bổ sung làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề về thành tựu, hạn chế của TP HCM trong bốn mươi năm, từ năm 1975 đến năm 2015; đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, góp phần phát triển TP HCM nhanh và bền vững. Trong số đó có bài viết của Hồ Sơn Diệp: *“Đội ngũ trí thức TP HCM - 40 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 2015)”*. Ở bài viết này, tác giả đã nêu lên những đóng góp và hạn chế của đội ngũ trí thức TP HCM trên một số lĩnh vực. Tuy nhiên, các nội dung trên tác giả mới chỉ dừng lại ở dạng khái quát, chưa đi sâu phân tích để làm sáng tỏ các vai trò cụ thể của đội ngũ trí thức TP HCM.

Ngoài ra, có một số công trình không trực tiếp bàn về vai trò trí thức TP HCM, nhưng trong quá trình nghiên cứu, các tác giả đã lồng ghép, đề cập đến như: Ban Thường vụ Thành ủy, Đảng Cộng sản Việt Nam TP HCM (1995), *“TP HCM hai mươi năm (1975 - 1995)”* [3]; Phan Xuân Biên và Trần Nhu (chủ biên) (2005), *“TP HCM 30 năm xây dựng và phát triển”* [12]; Ủy ban Nhân dân

TPHCM, Sở KH&CN (2005), “*KH&CN TPHCM 30 năm một chặng đường phát triển*” [122]; Hà Minh Hồng và Lê Hữu Phước (2011), “*Sài Gòn - TPHCM hành trình 100 năm (1911 - 2011)*” [53]; Ủy ban Nhân dân TPHCM - Viện nghiên cứu phát triển (2012), “*TPHCM 35 năm xây dựng và phát triển*” [124]; Ban Tuyên giáo Thành ủy TPHCM (2014), “*Truyền thống và phát triển*” [5]...

1.1.3. Những công trình nghiên cứu tiêu biểu bàn về giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh

- Về giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam:

Nếu như công trình “*Luận cứ khoa học cho các chính sách nhằm phát huy năng lực sáng tạo của giới trí thức và sinh viên*” năm 1994 [20], do tác giả Phạm Tất Dong làm chủ nhiệm, đã đề ra các giải pháp nhằm khơi dậy, khai thác, sử dụng năng lực sáng tạo của trí thức, sinh viên trong hoạt động GD&ĐT là chủ yếu; thì đến công trình “*Trí thức Việt Nam thực tiễn và triển vọng*” năm 1995 [21], tác giả đã đề ra các giải pháp ở phạm vi rộng hơn. Cụ thể, trên cơ sở nhìn lại kết quả thực hiện các chính sách của Đảng đối với trí thức, tác giả đã nêu lên một số quan điểm và khuyến nghị một số chính sách nhằm phát huy vai trò của đội ngũ trí thức như: phát triển GD&ĐT, sử dụng và đãi ngộ trí thức hợp lý, thực hiện đoàn kết, tập hợp rộng rãi tầng lớp trí thức trong và ngoài nước.

Với cách tiếp cận cụ thể hơn so với hai công trình trên, trong cuốn sách “*Định hướng phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong CNH, HĐH*” xuất bản năm 2001 [23], tác giả Phạm Tất Dong đã đưa ra các khuyến nghị về định hướng hoạch định chính sách về trí thức như: cần xác định rõ nguồn lực con người có trí tuệ là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất trong quá trình đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; tạo mặt bằng dân trí ngày càng cao cho dân tộc, đầu tư thích đáng cho GD&ĐT, KH&CN; tăng mức đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn từ ngân sách Nhà nước cho lĩnh vực hoạt động của trí thức; đãi ngộ xứng đáng về vật chất và tinh thần đối với lao động của trí thức; tạo môi trường, điều kiện hoạt động và sự tiếp cận của trí thức với thực tế đất nước; trí thức hóa công, nông.

Trong cuốn sách “*Trí thức trong công cuộc đổi mới đất nước*” [7], hai tác giả Nguyễn Quốc Bảo, Đoàn Thị Lịch (1998) đã đưa ra một số giải pháp chủ yếu

nhằm phát huy tiềm năng của trí thức trong công cuộc đổi mới như: xây dựng đội ngũ trí thức mạnh về số lượng và chất lượng, nâng cao nhận thức, chính sách đào tạo, sử dụng, đãi ngộ trí thức. Trong đó, các tác giả cho rằng: đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với trí thức là giải pháp quan trọng nhất để phát huy có hiệu quả vai trò của trí thức.

Ở công trình *“Trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển đất nước”* [55], tác giả Nguyễn Đắc Hưng (2005) đã đề xuất giải pháp đổi mới cơ chế chính sách đối với đội ngũ trí thức. Theo đó, Đảng và Nhà nước cần đổi mới chính sách về: đề bạt, bổ nhiệm; thực hiện cơ chế đấu thầu các đề tài, chương trình nghiên cứu công khai; chính sách về tiền lương, khen thưởng, trọng dụng.

Còn tác giả Đỗ Thị Thạch (2005), trong cuốn sách *“Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp CNH, HĐH”* [100] đã nêu lên một số quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về trí thức nói chung và trí thức nữ nói riêng. Tác giả cũng đã đề ra phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng và phát huy nguồn lực trí thức nữ trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Về giải pháp, công trình đề xuất: phát triển GD&ĐT nâng cao trình độ cho phụ nữ nhằm tạo mặt bằng để phát triển số lượng và chất lượng đội ngũ trí thức nữ, xây dựng chính sách hợp lý trong đào tạo và sử dụng đội ngũ trí thức nữ, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững; tạo điều kiện để đội ngũ trí thức nữ không ngừng tự vươn lên về mọi mặt.

Trên cơ sở thực trạng và xu hướng phát triển đội ngũ trí thức ngành kiến trúc, tác giả Lê Quang Quý (2006) trong tác phẩm *“Trí thức ngành Kiến trúc trong thời kỳ đổi mới”* [96] đã đưa ra một số giải pháp với nội dung cơ bản như: nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của đội ngũ trí thức ngành kiến trúc; đổi mới GD&ĐT, sử dụng hợp lý, có chế độ đãi ngộ thỏa đáng, tạo dựng môi trường khoa học thuận lợi, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Với tác giả Ngô Thị Phượng (2007), trong công trình *“Đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới”* [94] đã đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trên các mặt: nhận thức, đào tạo, bồi dưỡng, tạo động lực, môi trường lao động thuận lợi, sự hợp tác trong lao động, sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Cùng với việc nêu lên các phương hướng, cuốn sách *“Phát huy tiềm năng của trí thức khoa học xã hội và nhân văn trong công cuộc đổi mới đất nước”* [90] của tác giả Nguyễn An Ninh (2008) còn đề ra một số giải pháp nhằm phát huy có hiệu quả tiềm năng của trí thức khoa học xã hội nước ta trên các mặt như: nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của khoa học xã hội, tạo động lực, tạo nguồn lực, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và tiếp tục đổi mới công tác quản lý của Nhà nước để phát huy tiềm năng của trí thức khoa học xã hội nước ta.

Còn đối với tác giả Ngô Huy Tiếp (2008), trong tác phẩm *“Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với trí thức nước ta hiện nay”* [109] đã đề xuất một số giải pháp nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức Việt Nam với các nội dung cơ bản như: đổi mới nhận thức của các cấp ủy Đảng và cơ quan quản lý Nhà nước về vai trò, vị trí đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH; tăng cường công tác tư tưởng của Đảng trong các tập thể trí thức; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý trong lĩnh vực KH&CN có tâm và có tầm; đổi mới chính sách GD&ĐT đội ngũ trí thức; xây dựng chính sách thu hút, sử dụng đội ngũ trí thức trong và ngoài nước, xây dựng chính sách đãi ngộ và tôn vinh những trí thức có đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng đất nước, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo đối với đội ngũ trí thức.

Trong đề tài *“Xây dựng đội ngũ trí thức quân đội trong thời kỳ mới”* [58] do tác giả Nguyễn Mạnh Hưởng (2012) làm chủ nhiệm đã xác định yêu cầu và nêu lên một số giải pháp cơ bản như: nâng cao chất lượng GD&ĐT, chính sách sử dụng, chính sách đãi ngộ...để xây dựng đội ngũ trí thức quân đội mạnh về số lượng và chất lượng trong thời kỳ đất nước đổi mới.

Cơ bản đã tán thành với các nghiên cứu trước, hai tác giả Nguyễn Khánh Bật và Trần Thị Huyền (Đồng chủ biên) (2012), trong tác phẩm *“Xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* [11], đã đưa ra một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay như: hoàn thiện môi trường và điều kiện hoạt động của trí thức, thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức, tạo chuyển biến căn bản trong đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo của Đảng đối với đội ngũ trí thức.

Trên cơ sở phân tích thực trạng đội ngũ trí thức trên một số lĩnh vực hoạt động, trong công trình *“Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước”* [131], tác giả Đức Vượng (2014) đã đề xuất hệ thống các giải pháp vừa mang tính tổng thể vừa mang tính cụ thể nhằm xây dựng và phát huy có hiệu quả đội ngũ trí thức Việt Nam trong giai đoạn 2011- 2020. Về tổng thể là đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, bản thân người trí thức. Còn về cụ thể là các giải pháp trên các lĩnh vực hoạt động của trí thức như: GD&ĐT, KH&CN, nghiên cứu lý luận chính trị, tư tưởng, giảng dạy lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lập pháp, hành pháp, tư pháp, văn hóa, báo chí – xuất bản, kinh tế, công nghiệp, nông nghiệp, doanh nghiệp, công nghệ thông tin, y tế, quốc phòng – an ninh, ngoại giao, lực lượng trí thức Việt Nam làm việc ở nước ngoài.

Ngoài ra, còn có một số công trình dưới dạng bài viết được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước đề xuất giải pháp phát huy vai trò đội ngũ trí thức Việt Nam, tiêu biểu như: Nguyễn Đức Bách (1995) *“Mấy vấn đề cần đổi mới tạo động lực và điều kiện để trí thức nước ta phát huy tài năng trí tuệ”* [1]; Đỗ Thị Thạch (2008), *“Trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế”* [101]; Đinh Ngọc Giang (2008), *“Thu hút và sử dụng trí thức phục vụ đẩy mạnh CNH, HĐH”* [46]; Nguyễn Thị Thom (2012), *“Tạo động lực và môi trường để phát huy tính sáng tạo của đội ngũ trí thức”* [108]; Phan Thanh Khôi (2012), *“Tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển mới của trí thức Việt Nam”* [66]...

- Về giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM:

Ở bài viết *“Trí thức TPHCM và những vấn đề của trí thức xây dựng chủ nghĩa xã hội”* [95], tác giả Nguyễn Quới (1989) đã kiến nghị một số giải pháp như: chính sách tự do về mặt tư tưởng, thu hút trí thức nhất là trí thức ngoài Đảng vào các tổ chức và hoạt động xã hội - chính trị đa dạng, đổi mới hình thức đào tạo đại học và sau đại học, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tăng ngân sách đầu tư cho khoa học kỹ thuật, thay đổi cách thức quản lý khoa học kỹ thuật và chính sách tiền lương...

Còn trong đề tài *“Thực trạng sử dụng đội ngũ KH&CN trên địa bàn TPHCM, nguyên nhân và các giải pháp phát huy hiệu quả”* [125], do Hoàng Anh Tuấn (2004) làm chủ nhiệm đã đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy có hiệu quả

tiềm năng trí tuệ của đội ngũ KH&CN TPHCM như: sớm áp dụng phương thức quản lý tri thức để phát huy hiệu quả sử dụng đội ngũ KH&CN; đổi mới cơ chế tổ chức, phân cấp, điều hành thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; đổi mới nội dung hoạt động Hội đồng KH&CN; phát triển đội ngũ ngang tầm với yêu cầu phát triển Thành phố; triển công nghệ cao - là môi trường vật chất để nâng cấp đội ngũ KH&CN.

Với đối tượng nghiên cứu hẹp hơn, trong công trình *“Khả năng thu hút và thực tế sử dụng trí thức Việt kiều về làm việc tại TPHCM trong quá trình phát triển và hội nhập”* [93] do Trần Văn Phương (2009) làm chủ nhiệm đã đưa ra một số kiến nghị nhằm thu hút, sử dụng có hiệu quả trí thức Việt kiều như: triển khai, giao cho các ban ngành có liên quan như Bộ Ngoại giao, Sứ quán Việt Nam ở các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới điều tra toàn diện đội ngũ trí thức Việt Nam ở nước ngoài; lập danh sách các ngành nghề Thành phố cần sử dụng chuyên gia, trí thức Việt kiều về công tác, đồng thời cần xác định các vị trí mà trí thức Việt kiều đảm nhiệm; nhanh chóng ban hành chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với trí thức về nước làm việc.

Trong bài viết *“Trí thức TPHCM trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”* [118], tác giả Trương Văn Tuấn (2009) đã đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của đội ngũ này đáp ứng yêu cầu xây dựng TPHCM văn minh, hiện đại như: nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong công tác xây dựng đội ngũ trí thức, đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, tạo lập môi trường thuận lợi, thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh, đề cao trách nhiệm của trí thức. Còn trong bài viết: *“Thực trạng đội ngũ trí thức TPHCM và giải pháp phát triển đội ngũ trí thức phục vụ sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế”*, năm 2012 [119]. Trên phương diện tiếp cận khác, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ trí thức TPHCM đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế như: quy hoạch phát triển nhân lực gắn liền với công tác xây dựng đội ngũ trí thức giai đoạn 2011 - 2020; tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy và chính quyền về vai trò, vị trí quan trọng của trí thức; cải tiến công tác quản lý đào tạo nguồn nhân lực; tạo môi trường thuận lợi, hoàn thiện chính sách; đề cao trách nhiệm của trí thức, phát huy vai trò của các Hội trí thức, dân chủ hóa các hoạt động khoa học. Kế thừa hai kết quả nghiên cứu trước đó, trong luận án: *“Xây dựng đội ngũ trí thức tại TPHCM*

trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước”, năm 2015 [120]; tác giả đã đề ra một số giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ trí thức TPHCM trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước trên các mặt như: về cơ chế, chính sách xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức; về quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng đội ngũ trí thức; đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; mở rộng các quan hệ hợp tác trong nước và với quốc tế.

Ở công trình “*Khảo sát thực trạng làm việc của cán bộ nghiên cứu giảng dạy các ngành khoa học xã hội và nhân văn tại TPHCM*” [48] do Lê Thị Mỹ Hà (2010) làm chủ nhiệm; sau khi phân tích kết quả đạt được cũng như chỉ ra những hạn chế, công trình đã đề xuất một số kiến nghị đối với các chủ thể như: nhà trường, đơn vị sử dụng, cơ quan quản lý nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực khoa học xã hội và nhân văn trên địa bàn TPHCM.

Từ việc phân tích kết quả đạt được sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 27 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) tác giả Nguyễn Võ (2013) trong bài viết: “*5 năm thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW ở Đảng bộ TPHCM, những chuyển biến bước đầu*” [130] đã rút ra một số kinh nghiệm, trong đó đặc biệt nhấn mạnh: nâng cao nhận thức của cán bộ đảng viên, nhất là cấp ủy các cấp về vấn đề trí thức là giải pháp rất quan trọng nhằm thực hiện tốt hơn Nghị quyết trong thời gian tới.

1.2. GIÁ TRỊ, HẠN CHẾ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC LÀM SÁNG TỎ

1.2.1. Giá trị khoa học của các công trình được tổng quan

Những vấn đề liên quan đến trí thức, trí thức Việt Nam, đội ngũ trí thức TPHCM đã được các nhà khoa học ngoài nước, trong nước nghiên cứu một cách rất công phu trên nhiều góc độ, phương diện khác nhau. Điều đó không chỉ cho thấy sự đa dạng, phong phú trong các nghiên cứu, mà còn để lại nhiều giá trị quan trọng về mặt học thuật. Hầu hết các công trình nghiên cứu đã đạt được giá trị lý luận và thực tiễn. Những giá trị khoa học đó sẽ là tiền đề thuận lợi cho tác giả luận án thực hiện nghiên cứu đề tài: vai trò đội ngũ trí thức TPHCM trong giai đoạn hiện nay. Từ tổng quan tình hình nghiên cứu, tác giả khái quát một số nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, bàn về trí thức và đội ngũ trí thức Việt Nam. Trước hết, các công trình nghiên cứu trên đã đề cập tới khái niệm, đặc điểm đội ngũ trí thức trên nhiều bình diện khác nhau. Qua sự phân tích ta thấy: khái niệm và đặc điểm đội ngũ trí thức đến nay vẫn còn đang có nhiều tranh cãi, có nhiều ý kiến khác nhau. Đây là điều dễ hiểu, bởi vì trí thức là một phạm trù lịch sử; do đó, nhận thức về trí thức và đặc điểm đội ngũ trí thức phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, mỗi thời đại. Cũng chính vì vậy, giữa các nước, hay trong cùng một nước luôn tồn tại những quan điểm khác nhau về trí thức. Tuy nhiên, qua các công trình nghiên cứu chúng ta cũng dễ dàng nhận ra một số “tiêu chí” được đại đa số các tác giả tán thành như: trí thức là một tầng lớp xã hội, lực lượng lao động trí óc phức tạp, sáng tạo, có trình độ học vấn cao... Trước sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng KH&CN, nền kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa, trong những năm gần đây, ở một số công trình nghiên cứu khi đề cập đến vấn đề trí thức, các tác giả đã tập trung nhấn mạnh đến tiêu chí: trách nhiệm, hiệu quả đóng góp của đội ngũ này đối với sự phát triển xã hội. Có thể nói, đây là bước chuyển biến về nhận thức quan trọng, phù hợp với xu hướng vận động, phát triển của thời đại ngày nay.

Về vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam, đây là nội dung được đề cập nhiều nhất trong các nghiên cứu. Qua các công trình tổng quan cho thấy, đại đa số tác giả đều thống nhất khẳng định: trong tiến trình lịch sử, trong mọi thời đại, dù cho thể chế chính trị khác nhau thì trí thức vẫn luôn là nhân tố có vai trò quyết định nhất đối với sự hưng thịnh hay suy vong của mỗi dân tộc, tiến bộ, văn minh của xã hội. Trọng dụng trí thức, trọng dụng nhân tài, đầu tư cho GD&ĐT, KH&CN, phát triển VH&NT, trở thành quốc sách hàng đầu ở mỗi quốc gia. Để minh chứng cho nhận định đó, các công trình đã đi sâu nghiên cứu vai trò trí thức trên nhiều phương diện khác nhau: từ phạm vi khái quát, vĩ mô, đến cụ thể ở từng lĩnh vực, giới tính, địa phương, ngành nghề... Điều đó không chỉ khẳng định vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức đối với sự tồn tại và phát triển xã hội, mà còn cho thấy được sự phong phú, đa dạng vai trò của đội ngũ này. Bên cạnh phân tích thành tựu đạt được, trong các nghiên cứu, một số nhà khoa học đã mạnh dạn chỉ ra những tồn tại, yếu kém, cùng với đó là cơ hội, thách thức của đội ngũ trí thức Việt Nam giai đoạn hiện nay như:

trình độ chuyên môn, năng lực sáng tạo, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học, hiểu biết về pháp luật quốc tế, bản lĩnh chính trị... Ngoài ra, một số công trình còn nêu lên những nhân tố ảnh hưởng, đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc phát huy vai trò đội ngũ trí thức nước ta.

Thứ hai, bàn về đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị của các công trình nghiên cứu trên đã bước đầu làm rõ quá trình hình thành, phát triển cũng như đặc điểm, vai trò đội ngũ trí thức TPHCM trong tiến trình lịch sử dưới nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau. Trong các công trình nghiên cứu, các tác giả đều thống nhất cao quan điểm: trí thức TPHCM là bộ phận của đội ngũ trí thức Việt Nam, luôn đồng hành cùng với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Hơn nữa, một số nghiên cứu còn đưa ra những đánh giá, dự báo xu hướng vận động của đội ngũ trí thức TPHCM. Trên cơ sở thực trạng, các nghiên cứu đã nêu lên một số phương hướng, đề ra giải pháp nhằm xây dựng, phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ này trong thời gian tới.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm sáng tỏ

Thứ nhất, về quan niệm, đặc điểm trí thức, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam. Trong một số nghiên cứu, các tác giả đã đưa ra khá nhiều quan niệm về trí thức, đặc biệt Nghị quyết lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X nêu lên định nghĩa về trí thức tương đối hoàn chỉnh. Tuy nhiên, hiện nay nhận thức về quan niệm này vẫn chưa có sự đồng thuận cao trong xã hội. Ví như, một số quan niệm chỉ thiên về trí thức KH&CN, còn trí thức hoạt động trên lĩnh vực khác không được đề cập, hoặc đề cập khá mờ nhạt; hay mặc nhiên xem người có trình độ học vấn từ đại học trở lên là trí thức đã dẫn đến việc “gạt ra” một số người không có bằng cấp cao nhưng lại có nhiều phát minh, sáng chế, có nhiều tác phẩm VH&NT có giá trị...ngoài đội ngũ của họ. Lường trước sự phức tạp của vấn đề này, Nghị quyết của Đảng ta đã nhấn mạnh: “khái niệm trên không thể bao quát được hết các đối tượng trí thức cụ thể và những trường hợp ngoại lệ” [33, tr.66]. Vì vậy, trên cơ sở tán thành quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức, luận án đi sâu phân tích làm sáng tỏ một số đặc điểm cơ bản của trí thức nhằm phân biệt với các giai

cấp, tầng lớp khác trong xã hội như: trí thức là người lao động trí óc phức tạp; có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo; có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn cao; tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội; truyền bá, áp dụng tri thức khoa học, giá trị văn hóa vào thực tiễn.

Về vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam, mặc dù đã có khá nhiều công trình đề cập dưới nhiều góc độ và phương diện khác nhau. Tuy nhiên, một số nghiên cứu lại quá chú trọng nhấn mạnh vai trò này, lại xem nhẹ vai trò khác; hay phân tích vai trò của trí thức trên bình diện quá rộng như: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước...nên chưa làm nổi bật được thiên chức riêng có của đội ngũ này. Vì vậy, kế thừa thành tựu của các nghiên cứu trước đó, trong khuôn khổ của đề tài, luận án sẽ tập trung phân tích một số vai trò mang tính đặc trưng của đội ngũ trí thức Việt Nam như: cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao KH&CN góp phần thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phản biện xã hội góp phần hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Về nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam, mặc dù đã có một số công trình đề cập, song cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào diễn đạt một cách đầy đủ những nhân tố ảnh hưởng đến các vai trò cụ thể của đội ngũ trí thức nước ta. Do đó, trên cơ sở các kết quả đã đạt được, luận án sẽ tiếp tục đi sâu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò đội ngũ trí thức Việt Nam trên các phương diện như: truyền thống văn hóa, tâm lý, phong tục, tập quán của dân tộc; đường lối, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; giáo dục và đào tạo; môi trường và điều kiện hoạt động; số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ trí thức.

Thứ hai, về đặc điểm và vai trò của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh. Ở chừng mực nhất định, các công trình nghiên cứu của một số tác giả đã đề cập đến đặc điểm, vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM. Tuy nhiên, nội dung này cho đến nay vẫn còn đang trình bày ở dạng khái quát, liệt kê dưới dạng chung nhất

là chủ yếu. Hiện chưa có công trình nào nghiên cứu làm sáng tỏ đặc điểm, vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM một cách chuyên sâu, có hệ thống dưới góc độ chính trị - xã hội thuộc chuyên ngành Triết học. Chính vì vậy, trên cơ sở kế thừa những kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu trước đó, luận án sẽ tập trung đi sâu nghiên cứu vấn đề này trên các phương diện cơ bản như sau:

Một là, luận án bắt đầu từ việc phân tích một cách khái quát về TPHCM. Bởi vì, đây chính là những tiền đề quan trọng để hình thành các đặc điểm, cũng như quy định nên vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời kỳ đổi mới.

Hai là, nêu và phân tích một số đặc điểm thể hiện tính đặc thù của đội ngũ trí thức TPHCM như: hình thành, phát triển gắn liền với lịch sử hình thành, phát triển của TPHCM; được hội tụ từ nhiều nguồn, cả trong và ngoài nước; năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường; có điều kiện sinh sống, học tập và làm việc thuận lợi hơn so với một số địa phương khác trong cả nước; tăng nhanh cả về lượng lẫn chất và có cơ cấu đa dạng trong thời kỳ đổi mới.

Ba là, phân tích và chứng minh làm sáng tỏ những thành tựu và hạn chế đối với việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời kỳ đổi mới với các nội dung cơ bản như: cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng bộ và chính quyền hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển TPHCM; phát triển NNLCLC đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH TPHCM; nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao KH&CN góp phần thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH TPHCM; xây dựng và phát triển văn hóa TPHCM theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phản biện xã hội góp phần hoàn thiện chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ và chính quyền TPHCM.

Bốn là, chỉ ra và phân tích một số vấn đề còn bất cập trong việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM từ khi đổi mới đến nay trên các phương diện cơ bản như: nhận thức ở một bộ phận người dân TPHCM chưa đầy đủ về vai trò của đội ngũ trí thức; sự bất cập trong công tác tuyển dụng, sử dụng dẫn đến hạn chế việc phát huy vai trò của đội ngũ này; môi trường và điều kiện hoạt động chưa thực sự khuyến khích tính tích cực lao động sáng tạo, cống hiến của đội ngũ trí thức; sự bất cập trong công tác đào tạo và bồi dưỡng đã làm cho đội ngũ trí thức chưa đáp ứng

yêu cầu phát triển của TPHCM; chính sách đãi ngộ chưa tương xứng với những đóng góp của đội ngũ trí thức TPHCM.

Năm là, từ thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM thời kỳ đổi mới, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy có hiệu quả hơn nữa vai trò của đội ngũ này trong thời gian tới như: nâng cao nhận thức cho người dân TPHCM về vai trò của đội ngũ trí thức; hoàn thiện chính sách sử dụng đội ngũ trí thức; tạo dựng môi trường và điều kiện hoạt động thuận lợi để phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức; đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ trí thức; đổi mới chính sách đãi ngộ vật chất và tinh thần đối với đội ngũ trí thức TPHCM.

Kết luận chương 1

Với một khối lượng tri thức phong phú, nghiên cứu vấn đề trí thức trên nhiều phương diện khác nhau như: trí thức khoa học xã hội và nhân văn, trí thức quân đội, trí thức ngành giáo dục, trí thức Thủ đô... và thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: những công trình được in thành sách, đề tài trọng điểm cấp Nhà nước, bài viết công bố trên các tạp chí khoa học... không chỉ cho thấy sức hấp dẫn của vấn đề này đối với các nhà khoa học, mà còn cho thấy tầm quan trọng đặc biệt của đội ngũ này đối với sự tồn tại và phát triển xã hội. Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần quan trọng trong việc làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn về trí thức Việt Nam nói chung và đội ngũ trí thức TPHCM nói riêng. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách độc lập và có hệ thống về vai trò đội ngũ trí thức TPHCM. Do đó, đề tài mà tác giả lựa chọn không trùng lặp với những công trình, luận văn, luận án đã công bố và bảo vệ trước đây.

Như vậy, qua các công trình đã tổng quan ở trên, một mặt tạo điều kiện cho tác giả kế thừa những giá trị mà các nghiên cứu trước đó đạt được để phục vụ cho luận án của mình; mặt khác, cung cấp thông tin giúp tác giả luận án nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn về những vấn đề, khía cạnh mà các công trình trước đó chưa đề cập, nghiên cứu, hoặc đã đề cập, nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ, hay mới chỉ làm rõ ở các khía cạnh, góc độ khoa học khác.

Chương 2

MỘT SỐ NỘI DUNG LÝ LUẬN VỀ TRÍ THỨC VÀ VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VIỆT NAM

2.1. QUAN NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TRÍ THỨC

2.1.1. Quan niệm về trí thức

Thuật ngữ “trí thức” bắt nguồn từ tiếng La-tinh “*Intelligentia*”, dùng để chỉ những người có hiểu biết, tri thức, trí tuệ... Với nghĩa như vậy, ở châu Á, thời Xuân Thu - Chiến Quốc (770 - 221 TCN) người Trung Quốc đã dùng từ “kê sĩ” hay “sĩ phu”... còn ở châu Âu, một số nghiên cứu cho rằng phải đến nửa đầu thế kỷ XIX mới xuất hiện thuật ngữ này. Như vậy, mặc dù đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử của nhân loại, nhưng do tiếp cận từ nhiều góc độ, khía cạnh và phương pháp nghiên cứu khác nhau nên hiện nay có khá nhiều quan niệm về trí thức cùng tồn tại.

Thứ nhất, quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về trí thức. Trong di sản lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta thấy không có một tác phẩm chuyên biệt nào bàn riêng về vấn đề trí thức; song từ những nghiên cứu về con người, các ông đã đi sâu nghiên cứu về đội ngũ trí thức. Theo C.Mác, xét về mặt nghề nghiệp, trí thức hình thành làm ba nhóm, tương ứng với ba hình thức cơ bản của lao động trí óc. Trong đó, có hai hình thức lao động trí óc ở lĩnh vực sản xuất phi vật chất, hình thức còn lại nằm ở khu vực sản xuất vật chất. Với xuất phát điểm như trên, C.Mác khái quát trí thức là: “những bác sĩ, kỹ sư, nhà hóa học, nông học và các chuyên gia” [80, tr.552]; đó là những người lao động trí óc, sáng tạo tri thức, hoạt động vì lợi ích của bản thân và tiến bộ của xã hội. Với Ph.Ăngghen, trí thức cũng là những người lao động trí óc, được hình thành từ hàng ngũ sinh viên ở các trường đại học. Trong cách mạng vô sản, họ kề vai sát cánh với những công nhân lao động chân tay không chỉ để nắm lấy quyền quản lý bộ máy chính trị, mà còn cả toàn bộ nền sản xuất xã hội. Bởi vì, trong cách mạng vô sản rất “cần đến những kiến thức vững chắc, chứ không phải là những câu xuông xáo oang oang” [80, tr.508].

Với V.I.Lênin, trí thức mặc dù không phải là giai cấp độc lập về kinh tế, cũng không phải là lực lượng chính trị độc lập, nhưng trong quá trình chuyển đổi

đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa họ có vai trò quan trọng: “Không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và có kinh nghiệm thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội được” [69, tr.217]. Với cách nhìn nhận đó, V.I.Lênin định nghĩa: “Trí thức bao hàm không những chỉ các nhà trước tác mà thôi, mà còn bao hàm tất cả mọi người có học thức, các đại biểu của những nghề tự do nói chung, các đại biểu của những người lao động trí óc” [69, tr.372]. Từ định nghĩa trên cho chúng ta thấy, quan niệm về trí thức của V.I.Lênin có phạm vi rộng hơn, cơ động hơn so với C.Mác và Ph.Ăngghen trước đó. Theo V.I.Lênin: “Người trí thức đấu tranh, tuyệt nhiên không phải là bằng cách dùng thực lực theo lối này hay lối khác, mà là bằng cách dùng những lý lẽ. Vũ khí của họ chính là sự hiểu biết của cá nhân họ, những năng lực của cá nhân họ, lòng tin của cá nhân họ” [69, tr.373]. Từ sự hiểu biết của bản thân, phẩm chất của cá nhân, người trí thức đã thể hiện vai trò đối với sự phát triển mọi mặt của xã hội.

Như vậy, theo quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, trí thức không phải một giai cấp mà là một tầng lớp xã hội đặc biệt, chuyên lao động trí óc phức tạp, có tư duy độc lập, là những người có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn cao, sáng tạo và phát triển tri thức, đại diện tiêu biểu cho trí tuệ, sự hiểu biết đương thời của xã hội. Tuy nhiên, do hoàn cảnh của lịch sử, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin mới chỉ đi sâu nghiên cứu về trí thức trong thời kỳ đấu tranh giai cấp quyết liệt giữa tư sản và vô sản trong cuộc cách mạng vô sản, chưa có điều kiện để đi sâu nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống về lực lượng quan trọng này trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan niệm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được vị trí và vai trò to lớn của trí thức đối với sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Người đã hết sức quan tâm, nâng đỡ, đào tạo trí thức; biết rõ khả năng của từng người, kể cả trí thức trong hàng ngũ của đối phương để có cách sử dụng cho hợp lý. Người đánh giá: “Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc. Ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như thế” [82, tr.184]. Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, Hồ Chí Minh đã đưa ra định nghĩa về trí thức khá chi

tiết và tương đối đầy đủ; Người viết: “Trí thức là hiểu biết. Trong thế giới chỉ có hai thứ hiểu biết: một là hiểu biết sự tranh đấu sinh sản. Khoa học tự nhiên do đó mà ra. Hai là hiểu biết tranh đấu dân tộc và tranh đấu xã hội. Khoa học xã hội do đó mà ra. Ngoài hai cái đó, không có trí thức nào khác” [81, tr.275]. Như vậy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bên cạnh trí thức, sự hiểu biết, người trí thức còn phải biết lấy trí thức, sự hiểu biết của mình để phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc; phải đồng hành cùng nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước độc lập, nhân dân tự do, ấm no, hạnh phúc. Quan niệm trên của Hồ Chí Minh không chỉ phê bình “trí thức nửa mùa”, mà còn cho chúng ta cơ sở quan trọng để phân biệt những người trí thức thực thụ, với những người mang danh trí thức nhưng lại không có đóng góp gì cho sự phát triển của xã hội.

Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, ngay từ khi thành lập năm 1930 đã sớm nhận ra được vai trò quan trọng của trí thức đối với sự nghiệp cách mạng. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã chỉ rõ: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông...để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp” [26, tr.4]. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm cho nhận thức về trí thức của một số người lãnh đạo trong Đảng ta lệch lạc, không đúng với thực tế. Trong một văn bản của Xứ ủy Trung Kỳ về vấn đề thanh Đảng ở Trung Kỳ năm 1930 viết: “Trí phú địa hào, đào tận gốc tróc tận rễ” [27, tr.4]. Sự đánh giá tả khuynh, thiếu khách quan, xa thực tế sau đó đã được Trung ương Đảng uốn nắn kịp thời, song vấn đề này vẫn còn ảnh hưởng rất nặng nề trong tư tưởng của những người cộng sản một thời gian sau đó. Phải đến từ Đại hội lần thứ II của Đảng trở đi, vấn đề này mới được nhận thức đầy đủ và tiến bộ hơn; từ đó nhiều trí thức, kể cả trí thức là người ngoài Đảng được trọng dụng, phát huy vai trò của mình đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ đổi mới, để đảm bảo thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước với mục tiêu xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, Đảng ta rất coi trọng đến việc xây dựng khối liên minh công - nông - trí thức để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Trong nhiều Văn kiện, Nghị quyết, Đảng đã đề ra đường lối chỉ đạo về trí thức và công tác trí thức khá cụ thể.

Nổi bật nhất trong số đó chính là Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) của Đảng đã ban hành *Nghị quyết số 27* ngày 6-8-2009 về *Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước*. Văn kiện đã xác định rõ mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức hiện nay và nhấn mạnh: “Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh CNH, HĐH hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế trí thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững” [33, tr.91]. Quan điểm trên của Đảng một mặt đã khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của trí thức đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới; mặt khác Đảng còn yêu cầu cần phải quan tâm đặc biệt đến lao động của lực lượng này trong mối quan hệ với các lực lượng lao động khác trong xã hội nhằm thúc đẩy đất nước ta phát triển một cách toàn diện và bền vững.

Tiếp tục phát triển quan điểm đó, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta đã cụ thể hóa đường lối về trí thức theo tinh thần sử dụng và phát huy có hiệu quả tiềm năng trí tuệ của lực lượng này khi cho rằng: “Xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước” [43, tr.161]. Từ đó, Đảng ta yêu cầu: phải tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của trí thức; có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước coi trọng vai trò tư vấn, phản biện, giám định xã hội của các cơ quan nghiên cứu khoa học trong việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và các dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Có thể nói, xuyên suốt thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn quan tâm sâu sắc đến công tác xây dựng đội ngũ trí thức và ngày càng đánh giá cao vai trò sáng tạo, phát minh, phản biện xã hội của họ đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh quan hệ giao lưu, hợp tác quốc tế. Trên cơ sở đó, trí thức đã có nhiều điều kiện để đóng góp vào những thành công của sự nghiệp đổi mới.

Thứ ba, một số quan niệm khác về trí thức. Trong *Từ điển Triết học* định nghĩa: “Trí thức - tập đoàn xã hội gồm những người làm nghề lao động trí óc. Giới trí thức bao gồm: kỹ sư, kỹ thuật viên, thầy thuốc, luật sư, nghệ sĩ, thầy giáo và người làm công tác khoa học, một bộ phận lớn viên chức” [115]. Ở *Từ điển Chủ nghĩa cộng sản khoa học* ghi: “Trí thức - một nhóm xã hội bao gồm những người chuyên làm nghề lao động trí óc phức tạp và có học vấn chuyên môn cần thiết cho ngành lao động đó” [114]. Còn *Từ điển Tiếng Việt* viết: “Trí thức là người chuyên làm việc trí óc và có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình” [126]. Các quan niệm trên đã tiếp cận dưới góc độ tính chất lao động – lao động trí óc và yêu cầu về trình độ chuyên môn – trình độ học vấn cao của người trí thức. Tuy nhiên, các quan niệm chủ yếu thiên về trí thức KH&CN, còn trí thức trên lĩnh vực khác như: lao động quản lý, lĩnh vực VH&NT...chưa được làm sáng rõ.

Bên cạnh đó, từ khi đổi mới đến nay, trong các công trình nghiên cứu, một số tác giả đã đưa ra quan điểm của mình về trí thức như: Phan Thanh Khôi quan niệm: “Trí thức là một tầng lớp xã hội, lao động trí óc với trình độ học vấn cao, sản xuất tinh thần là chủ yếu nhằm sáng tạo, giữ gìn và truyền đạt, nhất là ứng dụng tri thức khoa học góp phần đẩy nhanh sự phát triển của xã hội” [64, tr.4]. Có cùng quan niệm đó, tác giả Ngô Thị Phượng khẳng định: “Trí thức là một tầng lớp xã hội bao gồm những người lao động trí óc phức tạp, có trình độ học vấn và chuyên môn cao, có khả năng sáng tạo tri thức khoa học mới, đồng thời truyền bá và ứng dụng tri thức này vào thực tiễn, góp phần to lớn vào sự phát triển và trình độ văn minh của nhân loại” [94, tr.16]. Hai quan niệm đã phân định được vị trí của trí thức trong cơ cấu xã hội - giai cấp, về phương thức lao động của trí thức so với các lực lượng khác trong xã hội. Trên cơ sở phân tích trí thức trong cơ cấu xã hội - giai cấp, tác giả Hoàng Chí Bảo cho rằng: trí thức là một tầng lớp xã hội, có sự đa dạng về nghề nghiệp và phạm vi hoạt động, điều quan trọng đối với trí thức là “hiểu biết và sáng tạo, là năng lực làm chủ phương pháp, biết dùng phương pháp để mở rộng và nâng cao hiểu biết” [8, tr.16]. Cơ bản tán thành với các quan niệm trên, tác giả Đàm Đức Vượng viết: “Trí thức là người lao động trí óc, có trình độ phát triển về trí tuệ, có hiểu biết sâu về một lĩnh vực chuyên môn, thường có trình độ đại học trở lên, có

năng lực sáng tạo, nhạy bén với cái mới và quan tâm đến đổi mới để phát triển” [131, tr.30]. Do đó, ở người trí thức có nhu cầu cao về đời sống tinh thần, có khát vọng vươn tới các giá trị chân, thiện, mỹ, có lòng tự trọng, khát vọng cao về dân chủ, công bằng, tự do, lẽ phải, công lý. Những năm gần đây, trước tác động của cuộc cách mạng KH&CN, sự phát triển kinh tế tri thức, một số nhà khoa học nước ta đã nhấn mạnh đến bản lĩnh, dũng cảm, sự dấn thân để cùng chung sức tìm ra giải pháp tối ưu nhất cho đất nước và nhân loại phát triển của trí thức. Theo đó, người trí thức phải “có tinh thần phê phán hiện trạng” [59, tr.18-19]; hay “trách nhiệm xã hội của những người hiểu biết” [133]; nghĩa là, người trí thức phải nói lên chính kiến để đấu tranh cho tự do, dân chủ, bình đẳng, công bằng xã hội, mang lại hạnh phúc cho nhân dân; làm được như vậy, trí thức mới thực sự là người “dẫn đường cho văn hóa, cho học thuật, có trách nhiệm hướng dẫn đời sống tinh thần của xã hội” [59, tr.19].

Như vậy, trên cơ sở phân tích, so sánh các quan niệm khác nhau về trí thức, luận án cơ bản tán thành với quan điểm của Đảng ta khi cho rằng: *“Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội”* [33, tr.81-82]. Nhận thấy, định nghĩa trên đã bao quát khá đầy đủ các đối tượng, nêu bật được các đặc trưng tiêu biểu của trí thức. Trong đó, đặc trưng “có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo”, được trình bày một ý riêng nhằm nhấn mạnh đây là đặc trưng quan trọng nhất của trí thức. Bởi vì đặc trưng này gắn liền với đặc điểm tư duy nhạy cảm, năng lực dự báo, bản lĩnh tư duy. Mặt khác, định nghĩa này cũng nói rõ sản phẩm lao động của trí thức không chỉ là tri thức khoa học mà còn “tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội”. Sản phẩm tinh thần và vật chất có nội hàm rộng hơn so với sản phẩm tri thức khoa học mà một số quan niệm đã đề cập. Xuất phát từ những lý do đó, luận án cho rằng, đây là định nghĩa hoàn thiện hơn cả và sẽ là công cụ quan trọng phục vụ cho tác giả triển khai các nội dung tiếp theo của luận án.

Hiện nay, ngoài thuật ngữ “trí thức”, trong các văn bản, sách, báo, các công trình khoa học, hay phát biểu của các nhà nghiên cứu, học giả, chính khách... chúng ta còn thấy một số thuật ngữ khác như: “tầng lớp trí thức”, “đội ngũ trí thức”, “giới

trí thức”, “người trí thức”, “bộ phận trí thức”, “lực lượng trí thức”... Có thể nói, các thuật ngữ trên có nội hàm khá giống nhau; trong đó, thuật ngữ “đội ngũ trí thức” đang được dùng phổ biến hơn cả. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, năm 2009, khái niệm “đội ngũ” được hiểu theo hai nghĩa: thứ nhất là “khối đông người được tập hợp và tổ chức thành một lực lượng có quy củ”; thứ hai là, “một tập hợp số đông người có cùng chức năng hoặc nghề nghiệp”. Như vậy, có thể hiểu: “trí thức” thường dùng để chỉ một người, còn “đội ngũ trí thức” là một tập hợp số đông người có cùng chức năng, nhiệm vụ và nghề nghiệp, có sự thống nhất về mặt tổ chức, cùng hành động vì một mục tiêu. Tuy nhiên, trí thức là một phạm trù lịch sử, do đó, “tùy vào văn cảnh mà gọi, không nên câu nệ, gò bó vào một tên gọi cố định” [131, tr.29]. Nếu như trong văn cảnh liên hệ với các giai cấp khác thì chúng ta viết “tầng lớp trí thức”; hay khi diễn đạt trong văn cảnh về tổ chức, xã hội, đoàn thể, thì gọi “đội ngũ trí thức”, hay “lực lượng trí thức”, “giới trí thức”...

2.1.2. Đặc điểm cơ bản của trí thức

Từ quan niệm về trí thức như trên, có thể khái quát một số đặc điểm cơ bản mang tính đặc trưng của trí thức như sau:

Thứ nhất, là người lao động trí óc phức tạp. Lao động là hoạt động có mục đích riêng có của con người. Thông qua lao động, con người tác động vào giới tự nhiên, cải biến chúng thành những vật có ích nhằm đáp ứng nhu cầu tồn tại của mình. Trong mọi thời đại, con người tác động vào giới tự nhiên không giống nhau, có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua lao động chân tay hoặc lao động trí óc. Lao động trí óc xuất hiện là kết quả của quá trình phân công lao động trong xã hội và sự phát triển của lực lượng sản xuất. Chính sự xuất hiện lao động trí óc đã dẫn đến sự ra đời một lực lượng đặc biệt trong xã hội, đó là đội ngũ trí thức. Tuy nhiên, lao động trí óc có nhiều dạng. Xét một cách chung nhất gồm có lao động trí óc giản đơn và lao động trí óc phức tạp - “phức tạp là có nhiều thành phần hoặc nhiều mặt kết hợp, đan xen với nhau, khó mà tách bạch được” [113].

Như vậy, lao động trí óc phức tạp đòi hỏi chủ thể lao động phải phát huy cao độ khả năng tư duy để tổng hợp, phân tích, so sánh, đối chiếu, quy nạp, diễn dịch, khái quát hóa, trừu tượng hóa... nhằm làm sáng tỏ các sự vật, hiện tượng “rắc

rối khó hiểu, khó nắm bắt, khó giải quyết” [113] một cách khoa học, có hệ thống. Do đó, nếu như lao động trí óc giản đơn chỉ là những hoạt động thừa hành, thực hiện theo một kế hoạch, nhiệm vụ quy định cụ thể, được lặp lại nhiều lần và dần dần hình thành các thói quen, phản xạ, tạo ra những tri thức kinh nghiệm thông thường là chủ yếu; thì lao động trí óc phức tạp có sự hao phí năng lượng thần kinh trung ương nhiều hơn và thường tạo ra tri thức khoa học, tri thức lý luận, giá trị văn hóa kết tinh trong đó hàm lượng chất xám rất cao cao. Chính vì vậy, không phải tất cả những người lao động trí óc đều là trí thức, mà chỉ có người nào lao động trí óc phức tạp mới có khả năng trở thành người trí thức thực thụ.

Thứ hai, là người có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo. Từ điển Tiếng Việt định nghĩa tư duy là: “Giai đoạn cao của quá trình nhận thức, đi sâu vào bản chất và phát hiện ra tính quy luật của sự vật bằng những hình thức như biểu tượng, khái niệm, phán đoán và suy lý” [127]. Như vậy, tư duy là giai đoạn nhận thức lý tính, trình độ cao trong quá trình nhận thức của con người. Đó là quá trình phản ánh thế giới bằng những phương thức trừu tượng hóa, khái quát hóa một cách gián tiếp thông qua các khái niệm, phán đoán, suy luận, hoặc tưởng tượng bằng hình tượng. Theo đó, từ những hình ảnh của sự vật, hiện tượng ở mức độ trực tiếp, nguyên vẹn, trí thức là người có khả năng đi sâu nghiên cứu để tìm ra, nắm bắt những thuộc tính, mối liên hệ khách quan, bản chất, phát hiện ra tính quy luật chi phối sự vận động và phát triển, từ đó hình thành các khái niệm tương ứng với các mặt, các mối liên hệ để xây dựng nên hình ảnh mới về sự vật. Đây là phương thức hoạt động nhằm khám phá bản chất sự vật, hiện tượng. Do đó, thực chất hoạt động trong lao động của người trí thức là hoạt động của tư duy sáng tạo.

Tư duy sáng tạo đòi hỏi chủ thể lao động phải chủ động, tích cực, độc lập, không rập khuôn, gò bó, giáo điều, máy móc, phụ thuộc vào cái cũ; mà luôn phải suy nghĩ, tìm tòi, khám phá cái mới, phù hợp, tối ưu nhằm đáp ứng yêu cầu với những điều kiện lịch sử cụ thể. Để tiến hành hoạt động này, đòi hỏi người trí thức không chỉ có hệ thống tri thức khoa học cao, cách thức làm việc chuyên nghiệp, thế giới quan biện chứng; mà còn phải có quyết tâm, ý chí, nghị lực, kể cả sự nhạy bén trong suy nghĩ, sự hưng phấn, thăng hoa trong cảm xúc. Do vậy, sự sáng tạo đó

không phải ai cũng có và không phải khi nào cũng xuất hiện, mà nó thường có mầm mống và được tích lũy, thai nghén dần theo thời gian thông qua quá trình GD&ĐT, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, được nảy sinh trong quá trình say mê nghiên cứu, khám phá, biểu đạt, xúc cảm... Có thể nói, đây là đặc trưng tiêu biểu nhất của trí thức so với những người lao động khác trong xã hội.

Thứ ba, là người có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn cao. Trình độ học vấn là mức độ hay khả năng hiểu biết của con người do quá trình học tập có được. Do đặc thù lao động trí óc phức tạp, năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và áp dụng tri thức vào thực tiễn, nên trí thức phải có một trình độ học vấn cao mới đáp ứng được. Dấu hiệu này không hoàn toàn đồng nhất mà nó phụ thuộc vào lịch sử, thời đại, điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Đối với nước ta hiện nay, luận án tán thành với khá nhiều quan điểm cho rằng: tiêu chuẩn học vấn của người trí thức ít nhất phải tốt nghiệp từ trình độ đại học trở lên; nếu “thiếu học vấn tương đương đại học thì chẳng thể coi là trí thức” [21, tr.21]. Với trình độ kiến thức ban đầu như vậy sẽ là cơ sở, tiền đề quan trọng để hình thành nên người trí thức thực thụ, chân chính. Thế nên, so với mặt bằng chung của xã hội, trí thức chủ yếu là những người có trình độ học vấn cao hơn.

Tuy nhiên, bằng cấp mới chỉ là điều kiện cần, là dấu hiệu để xác định trí thức chứ chưa phải là điều kiện đủ để trở thành người trí thức thực thụ. Trên thực tế ở Việt Nam cũng như thế giới có những người dù không có bằng cấp cao nhưng do tư chất thông minh, tinh thần chịu khó tìm tòi, học hỏi nên có kiến thức sâu rộng, có nhiều sáng tạo được xã hội ghi nhận như là người trí thức thực thụ. Ngược lại, những người dù có trình độ đại học hay trên đại học, nhưng lao động của họ không phải là lao động trí óc phức tạp, không có năng lực tư duy độc lập, không sáng tạo tri thức khoa học thì chưa thể coi là trí thức, họ là nửa - trí thức!. Vậy nên, GS Vũ Khiêu có lý khi cho rằng: “Không thể căn cứ vào một trình độ kiến thức để xác định ai là trí thức. Giới trí thức cũng không bao giờ gồm một số nghề nghiệp. Sự tiếp cận tĩnh tại không làm cho chúng ta hiểu rõ hơn khái niệm phát sinh về người trí thức” [21, tr.21-22]. Bên cạnh trình độ học vấn cao, trí thức còn là người có trình độ chuyên môn cao. Trình độ chuyên môn là những kiến thức chuyên sâu về một lĩnh

vực nhất định. Đó là kết quả của sự đào tạo, bồi dưỡng và sự nỗ lực, tích lũy tri thức của bản thân bằng con đường tự đào tạo, tự hoàn thiện; cùng với đó là những tri thức kinh nghiệm được đúc kết từ hoạt động thực tiễn của bản thân người trí thức.

Thứ tư, là người tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với sự tiến bộ của xã hội. Do đặc thù lao động trí óc phức tạp, tư duy độc lập, sáng tạo, cộng với sự nhạy cảm trước thời cuộc, với cái mới, sớm nắm bắt được các quy luật và tính quy luật vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng. Thế nên, trước những vấn đề của hiện thực, “trí thức là người hiểu biết rộng hơn và nhìn xa hơn những người không phải là trí thức...lo trước khi người khác chưa lo...thấy rõ con đường phải đi khi người khác chưa thấy” [24, tr.116]. Chính vì vậy, trí thức thường dùng vốn tri thức của mình để sáng tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội. Sản phẩm đó là các công trình khoa học, tác phẩm VH&NT, phát minh, sáng chế, quyết sách chính trị...có hàm lượng chất xám cao, có khả năng dự báo, định hướng, giáo dục, có sức lay động, cảm hóa con người, lan tỏa, ảnh hưởng sâu rộng đến xã hội. Sản phẩm đó mang tính trung thực, kế thừa cái cũ, nhưng hoàn thiện hơn cái cũ, mang đậm dấu ấn của cá nhân và thường tồn tại dưới dạng tinh thần là chủ yếu. Các sản phẩm sáng tạo của trí thức tác động đến xã hội ở những mức độ khác nhau, có sản phẩm tác động đến xã hội một cách tức thời, trực tiếp, nên chúng ta rất dễ nhận biết; tuy nhiên, có những sản phẩm tác động một cách gián tiếp, thậm chí phải mất một thời gian dài mới được xã hội thừa nhận, được ứng dụng vào sản xuất, đời sống. Tuy vậy, các sản phẩm đó đều hướng đến các giá trị chân, thiện, mỹ, mang lại hạnh phúc cho nhân dân, thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

Thứ năm, là người truyền bá, áp dụng tri thức khoa học và giá trị văn hóa vào thực tiễn. Đây là quá trình phổ biến các kết quả nghiên cứu, sáng tạo của trí thức đến với người khác và đến toàn xã hội, thực chất là quá trình xã hội hóa các sản phẩm sáng tạo ra. Trước hết, nhờ quá trình truyền bá mà dung lượng tri thức khoa học, giá trị văn hóa trong xã hội được bổ sung, cải tạo, thay thế, góp phần làm cho nhận thức của con người ngày càng chính xác, hoàn thiện hơn; và cũng từ quá trình này, kho tàng tri thức khoa học, giá trị văn hóa của nhân loại được “giàu lên”, đồ sộ hơn và phát triển không giới hạn. Quá trình truyền bá cũng

là nhu cầu, nhưng đồng thời cũng là trách nhiệm của chính bản thân người trí thức; đó là nhu cầu được thừa nhận và trách nhiệm trong việc thúc đẩy xã hội phát triển. Kết quả của quá trình truyền bá tri thức khoa học, giá trị văn hóa một mặt góp phần nâng cao trình độ dân trí, giúp con người tìm hiểu, nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về các quy luật vận động và phát triển của thế giới; mặt khác, giúp con người thực hiện trí tuệ hóa quá trình lao động bằng cách chuyển hóa những tri thức khoa học, giá trị văn hóa thành các phương tiện kỹ thuật, cách thức tổ chức sản xuất nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của con người, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Vì lẽ đó, C.Mác đã từng khẳng định: “Tri thức xã hội phổ biến (khoa học)...thành *lực lượng sản xuất trực tiếp*” [79, tr.372].

Như vậy, sáng tạo và truyền bá là hai mặt, hai nhu cầu khách quan, có sự kế tiếp và bổ sung cho nhau đối với hoạt động của trí thức. Nếu sản phẩm sáng tạo tri thức khoa học, giá trị văn hóa mà không có quá trình truyền bá, không được xã hội hóa thì nó sẽ không mang lại ý nghĩa đối với sự phát triển của xã hội. Chính vì vậy, lúc sinh thời, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến sự cống hiến, tính thực hành của người trí thức, đồng thời phê phán những người chỉ biết lý luận suông. Hồ Chí Minh cho rằng, một người học xong đại học chưa thể gọi là trí thức nếu người đó “công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái trí thức đó áp dụng vào thực tế” [82, tr.275]. Theo Hồ Chí Minh, người trí thức chân chính bên cạnh tài năng cần phải có đạo đức, trong đó đạo đức là gốc, không có đạo đức thì cho dù có tài cũng trở nên vô dụng. Đạo đức của người trí thức chính là việc đem tri thức, sự hiểu biết của bản thân áp dụng vào thực tiễn, phục vụ nhân dân, Tổ quốc, thúc đẩy xã hội phát triển. Nếu không làm được điều đó thì chỉ được xem là người có trình độ học vấn cao, là người có bằng cấp, làm việc trí óc, chưa thể được coi là người trí thức thực thụ, đúng nghĩa.

Mặt khác, quá trình truyền bá và áp dụng tri thức khoa học, giá trị văn hóa vào thực tiễn cũng chính là cơ sở, mầm mống để hình thành sự sáng tạo tri thức khoa học, giá trị văn hóa mới của người trí thức. Bởi vì, quá trình này chính là thước đo, sự kiểm nghiệm chính xác nhất sản phẩm sáng tạo của trí thức và cũng

từ đó làm cơ sở cho người trí thức điều chỉnh, phát triển tri thức khoa học, giá trị văn hóa vốn có hoặc là nguồn cảm hứng để họ sáng tạo ra tri thức khoa học, giá trị văn hóa mới. Ngày nay, khi nhân loại chuyển sang nền kinh tế tri thức, thì việc tri thức hóa lao động, hay vận dụng tri thức khoa học, giá trị văn hóa để tạo ra các sản phẩm có hàm lượng chất xám và giá trị kinh tế cao mang một ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển nhanh và bền vững của mỗi quốc gia, đặc biệt đối với Việt Nam đang trong thời kỳ đẩy mạnh quá trình CNH, HĐH đất nước theo hướng rút ngắn. Do đó, phát huy vai trò đội ngũ trí thức nhằm thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng ở giai đoạn hiện nay.

Như vậy, để nhận diện, phân biệt trí thức - lực lượng tinh hoa của xã hội với các giai cấp, tầng lớp khác đòi hỏi chúng ta phải dựa trên tổng thể các đặc điểm cơ bản nêu trên. Tuy nhiên, “trí thức” là một phạm trù lịch sử, do đó, các đặc điểm cơ bản nêu trên cũng chỉ có ý nghĩa tương đối, chung nhất mà thôi.

2.2. VAI TRÒ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VIỆT NAM

Từ bao đời nay, ở bất kỳ quốc gia nào, dù cho thể chế chính trị khác nhau, trí thức vẫn luôn là nền tảng tiến bộ của xã hội. Việt Nam là một dân tộc từ rất sớm đã nhận thức được vai trò quan trọng của trí thức đối với sự tồn vong hay hưng thịnh của đất nước; chính vì vậy ông cha ta đã xếp trí thức ở vị trí hàng đầu: “nhất sĩ, nhì nông”, hay “sĩ - nông - công - thương”. Năm 1484, tại bia tiến sĩ đặt ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám, với mục đích nêu bật tầm quan trọng của giáo dục nhân tài đối với việc hưng thịnh của quốc gia, Thân Nhân Trung đã viết: “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí vững thì thể nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thể nước kém và suy”. Đến thế kỷ XVIII, Lê Quý Đôn đã tổng kết và đề ra bốn nguyên lý trị nước đến nay vẫn có giá trị vĩnh hằng cho hầu hết mọi quốc gia là: Phi nông bất ổn / Phi công bất phú / Phi thương bất hoạt / Phi trí bất hưng. Trong đó, ông đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng và ý nghĩa lớn lao của nguyên lý thứ tư, vì vậy ông đã nêu ra một khẩu độ: “Phi trí tắc vong”, có nghĩa là: không có trí thức, không có hiền tài, hoặc không biết sử dụng trí thức, hiền tài, thì chắc chắn sẽ mất nước, chứ không chỉ đơn giản là đất nước không hưng thịnh.

Kế tục truyền thống của dân tộc, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đến việc phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng người tài, đức. Ngay sau khi nước nhà vừa giành được độc lập, trên Báo Cứu quốc số 411 ra ngày 20/11/1946, Hồ Chí Minh đã viết: “Nước nhà cần phải kiến thiết. Kiến thiết cần phải có nhân tài” [81, tr.451]. Tiếp thu tư tưởng tiên bộ của dân tộc và thời đại, từ khi đổi mới đến nay, Đảng ta đã có những bước phát triển trong nhận thức về đội ngũ trí thức, vai trò đặc biệt quan trọng của đội ngũ này đối với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Vai trò đó được Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X của Đảng khái quát: “Đội ngũ trí thức đóng góp tích cực vào xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần làm sáng tỏ con đường phát triển của đất nước và giải đáp những vấn đề mới phát sinh trong sự nghiệp đổi mới; trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; sáng tạo những công trình có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, nhiều sản phẩm chất lượng cao, có sức cạnh tranh; từng bước nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới” [33, tr.83].

Quan điểm trên của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ góp phần bổ sung, phát triển lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh lên một tầm cao mới, mà còn thể hiện sự nhận thức ngày càng sâu sắc và toàn diện hơn về vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức nước ta trong giai đoạn hiện nay. Như vậy, vai trò của đội ngũ trí thức có rất nhiều nội dung; tuy nhiên, dựa trên quan điểm của Đảng ta và phạm vi, mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, luận án sẽ tập trung đi sâu phân tích vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trên các mặt cơ bản như sau:

2.2.1. Vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam

Thứ nhất, cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Theo Hiến pháp nước ta, một trong những vai trò quan trọng nhất của Đảng chính là việc đề ra các đường lối, chủ trương, gọi tắt là các quyết sách để lãnh đạo Nhà nước và toàn thể xã hội. Các quyết sách của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại và phát

triển của đất nước, vì nó tác động tới “vận mệnh thực tế của hàng triệu con người” [70, tr.150]. Do đó, nó phải được xây dựng một cách cẩn trọng, dựa trên những luận cứ khoa học, khách quan, chính xác. Với thiên chức lao động sáng tạo, đội ngũ trí thức là lực lượng giữ vai trò chủ đạo nhất trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tiêu biểu như, vào những thập niên cuối thế kỷ XX và đầu thập niên thế kỷ XXI, bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến con đường phát triển của dân tộc, về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính trong bối cảnh đó, đội ngũ trí thức đã “tham gia trực tiếp công tác lý luận của Đảng” [11, tr.143], đi sâu nghiên cứu một cách khách quan, có hệ thống học thuyết chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội. Kết quả từ các nghiên cứu đó, đội ngũ trí thức đã phát hiện ra quy luật vận động và phát triển của lịch sử, tính logic, xu hướng của thời đại, mâu thuẫn, động lực, hình thức, bước đi của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; từ đó cung cấp cho Đảng ta những căn cứ khoa học quan trọng để thông qua nhiều văn kiện xác định con đường phát triển của đất nước. Trong đó, sự ra đời của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1991) và Cương lĩnh bổ sung và phát triển năm 2011 được thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (2011), đã “mở ra bước ngoặt mới trong tiến trình cách mạng Việt Nam” [111, tr.87]. Hai bản Cương lĩnh trong thời kỳ đổi mới không chỉ thể hiện sự kiên định của Đảng ta về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, mà còn là những định hướng mang tính chiến lược cho sự phát triển đất nước ở những giai đoạn tiếp theo. Sinh thời V.I.Lênin đã nhấn mạnh: “Cương lĩnh là một bản tuyên ngôn vắn tắt, rõ ràng và chính xác nói lên tất cả những điều mà đảng muốn đạt được và vì mục đích gì mà đảng đấu tranh” [67, tr.203-204]. Do vậy, việc ra đời của Cương lĩnh năm 1991 và năm 2011 không chỉ là cơ sở thống nhất giữa ý chí và hành động của Đảng ta; mà còn cho thấy bản lĩnh, trí tuệ của dân tộc ta trước những thử thách về con đường phát triển của đất nước, trong đó có đội ngũ trí thức.

Công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo ngày càng đi vào chiều sâu, nhiều vấn đề thực tiễn đặt ra đòi hỏi phải được nghiên cứu

một cách đầy đủ, thấu đáo để mở đường cho sự phát triển. Trước yêu cầu đó, đội ngũ trí thức, nhất là trí thức khoa học xã hội và nhân văn đã tổ chức nghiên cứu nhiều chương trình khoa học cấp Nhà nước, nhiều đề tài độc lập các cấp, tổ chức nhiều cuộc điều tra, khảo sát, tổ chức hội thảo... Những kết luận, kiến nghị của đội ngũ trí thức từ các hoạt động trên đã trở thành những luận cứ khoa học quan trọng cho Đảng và Nhà nước ta hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách giải đáp các vấn đề phát sinh trong sự nghiệp đổi mới. Đơn cử như: trên lĩnh vực kinh tế, Đảng ta đã đề ra đường lối phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là bước chuyển lớn trong nhận thức của Đảng ta: từ việc coi kinh tế thị trường như một công cụ, cơ chế quản lý, đến việc coi kinh tế thị trường như một chỉnh thể, cơ sở kinh tế quan trọng của sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Với đường lối mang tính chiến lược đó, các nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường cũng dần được sáng tỏ qua các kỳ Đại hội của Đảng. Do đó, từ khi đổi mới đến nay, thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp đã được thay thế sang thể chế kinh tế thị trường. Thể chế kinh tế mới đó đã đi vào thực tiễn và phát huy được tính tích cực, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội trước đây, tạo ra những tiền đề cần thiết để đất nước phát triển trong giai đoạn mới.

Hơn nữa, đội ngũ trí thức còn cung cấp nhiều luận cứ khoa học quan trọng góp phần làm thay đổi căn bản tư duy của Đảng và Nhà nước về đường lối công nghiệp hóa. Theo đó, đội ngũ trí thức đã tham mưu cho Đảng và Nhà nước nhiều vấn đề mang tính định hướng chiến lược trên các lĩnh vực tiêu biểu như: GD&ĐT, KH&CN, VH&NT... Chính những đóng góp của đội ngũ trí thức đã giúp Đảng và Nhà nước nhận thức đầy đủ, toàn diện và sâu sắc hơn về vai trò, nhiệm vụ, nội dung cũng như quy luật vận động của GD&ĐT, KH&CN, VH&NT trong quá trình CNH, HĐH. Không những thế, trước xu thế toàn cầu hóa, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức, yêu cầu hội nhập ngày càng sâu rộng của đất nước; đội ngũ trí thức nước ta đã đi sâu nghiên cứu thực tiễn Việt Nam, xu thế phát triển của thế giới; từ đó tư vấn, đề xuất với Đảng và Nhà nước bổ sung một số quan điểm mới về mục tiêu, con

đường công nghiệp hóa rút ngắn; về CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức; CNH, HĐH và phát triển nhanh, bền vững. Sự bổ sung đó không chỉ phù hợp với yêu cầu của thời đại, mà còn là những yếu tố quan trọng đảm bảo cho dân tộc ta đứng vững, không bị tụt hậu xa hơn so với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới. Ngoài ra, trong thời kỳ đổi mới, đội ngũ trí thức nước ta còn cung cấp nhiều luận cứ khoa học trên các lĩnh vực: dân chủ và phát huy dân chủ, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền, về an ninh, quốc phòng, hội nhập quốc tế...

Như vậy, từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức đã “quân sư”, tham mưu cho Đảng nhiều luận cứ khoa học quan trọng trên tất cả các mặt của đời sống xã hội. Kết quả là, sau hơn ba mươi năm đổi mới, nhờ “đường lối đúng đắn của Đảng” [29, tr.82], đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đường lối đó là sản phẩm kết tinh trí tuệ, sức sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân, trong đó không thể không nhắc tới những đóng góp của đội ngũ trí thức Việt Nam.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng: mỗi quốc gia để phát triển bao giờ cũng rất cần các nguồn lực; trong đó, quan trọng và có vai trò quyết định nhất chính là nguồn lực con người. Nhà tương lai học A.Toffler nhận định mọi nguồn lực tự nhiên đều có thể bị khai thác cạn kiệt, chỉ có tri thức con người là không bao giờ cạn kiệt, bởi tri thức có tính chất lấy không bao giờ hết. Do đó, nguồn lực con người trở thành yếu tố trung tâm, nhân tố quyết định nhất đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, nguồn nhân lực được các quốc gia quan tâm hiện nay không còn dừng lại ở nguồn nhân lực nói chung mà là>NNLCLC. Đây là bộ phận tinh hoa nhất của nguồn nhân lực, bao gồm những người có trình độ học vấn và chuyên môn cao; có khả năng thích ứng nhanh với môi trường lao động và sự thay đổi của khoa học, công nghệ; có khả năng vận dụng, sáng tạo tri thức khoa học; có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt... Có thể nói,>NNLCLC không chỉ là nhân tố quyết định trực tiếp đến năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của một nền kinh tế; mà còn là yếu tố quyết định sự hưng thịnh, hay suy vong của mỗi quốc gia và nhân loại. Với điểm xuất phát thấp, các nguồn lực khác hạn hẹp hoặc không phù hợp, trong quá trình lãnh đạo cách

mạng, Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm đến yếu tố con người, luôn coi con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Trước yêu cầu của quá trình CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế, Đảng ta đã xác định: phát triển nguồn nhân lực, nhất là NNLCLC là một khâu đột phá chiến lược để đất nước phát triển nhanh và bền vững. Song, để phát triển NNLCLC đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và cân đối về cơ cấu tất yếu phải đẩy mạnh GD&ĐT. Bởi vì, chỉ có thông qua GD&ĐT, con người mới được trang bị tri thức một cách có hệ thống, nâng cao các kỹ năng, bồi dưỡng được những phẩm chất cần thiết để lao động và cống hiến. Vì vậy, “Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước” [36, tr.77]. Vai trò đào tạo nguồn nhân lực nói chung và NNLCLC nói riêng được phân định bởi ba đỉnh tam giác: “đội ngũ tri thức, tầng lớp chính khách và doanh nhân” [49, tr.3]. Trong đó, đội ngũ tri thức là lực lượng giữ vai trò quan trọng và trực tiếp nhất. Vai trò đó không chỉ thể hiện ở việc cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng và Nhà nước hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển NNLCLC, mà còn thể hiện trực tiếp trên các mặt khác như:

Trước hết, đội ngũ tri thức góp phần mở rộng quy mô đào tạo NNLCLC. Quy mô đào tạo NNLCLC được hiểu là số lượng cơ sở đào tạo, số lượng giảng viên, cán bộ quản lý, các ngành đào tạo, các hệ đào tạo, số lượng sinh viên, học viên... Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: không có thầy giáo thì không có giáo dục, không có giáo dục thì không có cán bộ, không có cán bộ thì không nói gì đến kinh tế - văn hoá. Do đó, cùng với các điều kiện vật chất thì số lượng, năng lực của đội ngũ tri thức, đặc biệt đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý – là nhân tố quyết định đến quy mô, tốc độ phát triển GD&ĐT. Chính quy mô GD&ĐT phát triển, nhất là giáo dục đại học và sau đại học là cơ sở quan trọng để đội ngũ tri thức thực hiện nhiệm vụ đào tạo NNLCLC đáp ứng yêu cầu quá trình CNH, HĐH của đất nước đang đặt ra trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh đó, đội ngũ tri thức còn góp phần trang bị tri thức, nâng cao trình độ chuyên môn cho NNLCLC thông qua việc trực tiếp giảng dạy, biên soạn tài liệu học tập, nghiên cứu, hướng dẫn thực hành, thực tập, hướng dẫn luận văn, luận án...

Các tài liệu đó chính là cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình đào tạo đối với từng môn học, ngành học, trình độ đào tạo. Nội dung các tài liệu giảng dạy và học tập phải phù hợp với mục tiêu, chương trình đào tạo, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thực tế của xã hội. Ngày nay, trước sự vận động, biến đổi liên tục của đời sống kinh tế - xã hội, đòi hỏi đội ngũ trí thức phải không ngừng nâng cao trình độ, sức sáng tạo, cập nhật những tri thức mới để nâng cao chất lượng trang bị tri thức đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động sản xuất; cùng với đó là phải tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tính độc lập, sáng tạo của người học.

Ngoài ra,>NNLCLC không chỉ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao; mà còn phải có trình độ lý luận chính trị. Hồ Chí Minh đã chỉ ra những hạn chế của sự yếu kém về lý luận: “Vì kém lý luận, cho nên gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại” [82, tr.274]. Thế nên, năng lực tư duy lý luận là một trong những điểm khác biệt cơ bản giữa>NNLCLC với bộ phận còn lại của nguồn nhân lực đất nước. Nếu nguồn nhân lực chưa đạt đến trình độ tư duy lý luận thì chưa thể xem là>NNLCLC; và cũng không thể thực hiện vai trò tiên phong của mình trong việc thúc đẩy xã hội phát triển. Bởi vậy, Ph.Ăngghen đã từng khẳng định rằng: “Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận” [78, tr.489]. Đối với Việt Nam, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa. Một trong những lực lượng giữ vai trò quan trọng đối với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của dân tộc đó chính là>NNLCLC. Vì thế, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho>NNLCLC là một trong những nhiệm vụ quan trọng của đội ngũ trí thức, nhất là trí thức lý luận chính trị. Vai trò đó được thể hiện bằng các hoạt động như: giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tuyên truyền... Thông qua đó, đội ngũ trí thức cung cấp cho>NNLCLC những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước; từ đó hình thành thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, có nhận thức, hành động đúng đắn góp phần thiết thực vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Thứ ba, nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao KH&CN góp phần thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Thuật ngữ “khoa học”, “công nghệ” mặc dù có nhiều cách diễn đạt khác nhau, song tựu chung lại có thể hiểu, khoa học là: “tổng hợp các quy tắc, thủ thuật, phương pháp, cách thức khai thác, chế biến, làm giàu nhiên, nguyên vật liệu, các sản phẩm trung gian, các sản phẩm sử dụng trong công nghiệp” [13, tr.189]; còn “công nghệ” là tổng hợp các phương pháp, quy trình, kỹ năng, công cụ, phương tiện...dùng để làm biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm. Giữa “khoa học” và “công nghệ” có sự tác động qua lại lẫn nhau, “thể hiện sự đồng hành gắn bó giữa lý luận, lý thuyết và thực tiễn, thực hành, giữa nghiên cứu và ứng dụng thực tế” [150]. Nếu như “khoa học” cung cấp tri thức làm tiền đề cho công nghệ ứng dụng và phát triển; thì hoạt động “công nghệ” là khả năng ứng dụng, phát triển và sáng tạo từ kết quả của hoạt động khoa học. Mặt khác, từ hoạt động của công nghệ sẽ kích thích, đòi hỏi khoa học phải đi sâu nghiên cứu sáng tạo, phát triển; qua đó thúc đẩy công nghệ luôn được cải tiến và ngày càng hoàn thiện.

Trải qua các giai đoạn lịch sử, KH&CN là một trong những nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Bởi, KH&CN một mặt nâng cao dân trí, giúp con người nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn về sự vận động, phát triển của thế giới; mặt khác còn giúp chuyển hóa những tri thức thành các phương tiện kỹ thuật tiên tiến, hiện đại để con người cải tạo thế giới. Do đó, sự suy vong hay hưng thịnh của mỗi quốc gia phụ thuộc phần lớn ở trình độ cũng như khả năng ứng dụng KH&CN vào quá trình sản xuất và đời sống xã hội. Đối với Việt Nam là một nước đi sau, có điểm xuất phát từ một nền nông nghiệp lạc hậu, để tránh nguy cơ tụt hậu, bắt kịp với các quốc gia tiên tiến trên thế giới, hội nhập thành công vào sân chơi toàn cầu của nhân loại tất yếu chúng ta phải đẩy mạnh phát triển KH&CN. Chính vì vậy, phát huy “tiềm năng trí tuệ của dân tộc, đặc biệt là năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức” [32, tr.81] nhằm tạo ra động lực cho quá trình CNH, HĐH, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới luôn được Đảng ta xem là quốc sách hàng đầu. Với vốn tri thức sâu rộng, năng lực lao động sáng tạo, phương pháp làm việc chuyên nghiệp, đội ngũ trí thức chính là lực lượng giữ vai trò chủ đạo nhất trong việc thúc đẩy KH&CN phát triển.

Trước hết, thông qua việc tổ chức nghiên cứu các đề tài, chương trình, phát minh, sáng chế... đội ngũ trí thức đã sáng tạo ra những giá trị KH&CN đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước. Đồng thời, đội ngũ trí thức đã tiến hành thu thập dữ liệu, thông tin, nắm bắt thuộc tính, bản chất, mối liên hệ, quy luật vận động, phát triển của các sự vật, hiện tượng; từ đó tổng kết, khái quát hóa, trừu tượng hóa thành hệ thống tri thức KH&CN. Hệ thống tri thức đó không chỉ trở thành luận cứ khoa học cho Đảng, Nhà nước ta hoạch định các đường lối, chủ trương chính sách mà còn góp phần nâng cao dân trí, đặc biệt nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho NNLCLC. Bên cạnh đó, đội ngũ trí thức còn là lực lượng chủ đạo trong việc ứng dụng, “vật chất hóa”, hay “vật thể hóa” các giá trị KH&CN, hay các phát minh, sáng chế thành những tư liệu sản xuất để phục vụ quá trình sản xuất của xã hội. Nói cách khác, đội ngũ trí thức chính là lực lượng tham gia trực tiếp vào quá trình vận dụng các kết quả nghiên cứu sáng tạo khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, góp phần hiện đại hóa các tư liệu, phương tiện sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất lao động. Ở vai trò này, đội ngũ trí thức với tư cách là người hướng dẫn quá trình ứng dụng KH&CN; vừa là người trực tiếp tham gia giải quyết những khâu trọng yếu của KH&CN đến quá trình sản xuất. Thông qua quá trình tuyên truyền, phổ biến, quảng bá, hướng dẫn thực hiện; đội ngũ trí thức còn có vai trò chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hay toàn bộ sản phẩm KH&CN cho các tổ chức, cá nhân nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất phát triển. Không những thế, đội ngũ trí thức còn tiếp thu, vận dụng sáng tạo các thành tựu KH&CN tiên tiến của thế giới để nâng cao tiềm lực KH&CN quốc gia. Kết quả sau hơn ba mươi năm đổi mới, mặc dù điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn; song với sự cố gắng, dành nhiều tâm huyết trong lao động sáng tạo, đội ngũ trí thức đã góp phần thúc đẩy KH&CN đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Những thành tựu đó là nền tảng, động lực để Đảng, Nhà nước ta đề ra nhiệm vụ đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

Thứ tư, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Việt Nam là một đất nước có bề dày hơn bốn nghìn năm lịch sử, từ lâu văn hóa đã trở thành sức mạnh “nội sinh” to lớn, nền tảng tinh thần vững chắc

để dân tộc ta tồn tại và phát triển. Sớm nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: văn hóa soi đường cho quốc dân đi, và yêu cầu xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc để bồi đắp tinh thần cho nhân dân trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập. Kế thừa tư tưởng đó, trong thời kỳ đổi mới Đảng ta tiếp tục khẳng định: “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước” [6, tr.15]. Do đó, xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc nhằm khơi dậy sức mạnh “nội sinh” để thúc đẩy đất nước phát triển là một trong những nhiệm vụ có tính cấp bách. Để thực hiện nhiệm vụ trên, Đảng ta đã phân định: “xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng” [40, tr.49]. Vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức thể hiện trên các mặt cơ bản như:

Trước hết, đội ngũ trí thức chính là lực lượng chủ đạo nhất trong việc sáng tạo ra các công trình, tác phẩm VH&NT có giá trị khoa học và văn hóa cao. Có thể nói, mọi thành tựu, giá trị văn hóa cả truyền thống và hiện đại của dân tộc luôn gắn liền với những trí thức tiêu biểu, những danh nhân văn hóa. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: quần chúng nhân dân trong đó có trí thức là những người sáng tạo, “Nhưng, quần chúng không phải chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là người sáng tác nữa... Những câu tục ngữ, những câu vè, ca dao rất hay là những sáng tạo của quần chúng” [85, tr.250]. Người xem “những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý” góp phần giữ vững nền tảng tinh thần của xã hội. Cùng với sáng tạo, đội ngũ trí thức có vai trò giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Thông qua các hoạt động như: sưu tầm, biên tập, lưu giữ, bảo tồn, khôi phục các hiện vật bị thất truyền, mai một; tuyên truyền, giáo dục, đấu tranh, phê phán để loại bỏ các hiện tượng phản văn hóa, xâm hại, không phù hợp với truyền thống dân tộc... Qua đó, những giá trị bền vững, tinh hoa của cộng đồng các dân tộc được chưng cất, kết tụ qua hàng ngàn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc được giữ vững, không bị biến mất. Đó là cơ sở để liên kết xã hội, kết nối các thế hệ, là “thẻ căn cước” để phân định dân tộc này với dân tộc khác trong quá trình hội nhập.

Tuy nhiên, giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc không có nghĩa là bảo vệ nghiêm ngặt theo kiểu “nội bất xuất, ngoại bất nhập”; mà theo hướng “mở”, nghĩa là phải tích cực tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại để bổ sung, bồi đắp cho văn hóa dân tộc thêm đa dạng, phong phú nhằm nâng tầm văn hóa dân tộc Việt Nam. Đồng thời, phải tích cực canh tân, mạnh dạn loại bỏ những cái lạc hậu để tạo lập các giá trị văn hóa mới tương ứng với yêu cầu, hoàn cảnh mới. Thông qua các hoạt động nghiên cứu, phê bình, điều tra, phân tích... đội ngũ trí thức chính là lực lượng có vai trò trong việc kiểm duyệt, phân biệt, định hướng đâu là những giá trị văn hóa tích cực, tiến bộ, phù hợp với truyền thống của dân tộc; đâu là những yếu tố văn hóa lai căng, cổ hủ ảnh hưởng tiêu cực đến thuần phong, mỹ tục, đạo đức, lối sống, nhân cách, thị hiếu thẩm mỹ... của con người Việt Nam. Ngày nay, quá trình hội nhập quốc tế của đất nước diễn ra toàn diện hơn trước. Bối cảnh đó, một mặt tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức tiếp xúc với những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, mặt khác còn là cơ hội để đội ngũ trí thức “giới thiệu với nhân dân các nước những giá trị tốt đẹp, độc đáo của văn hóa Việt Nam” [41, tr.79]. Nhờ các hoạt động: giao lưu, hợp tác, trao đổi văn hóa giữa nước ta với các nước trên thế giới; bằng các hình thức khác nhau, đội ngũ trí thức đã tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa của dân tộc ta đến với bạn bè quốc tế, tạo điều kiện cho cộng đồng thế giới hiểu biết hơn về lịch sử hình thành, truyền thống của dân tộc Việt Nam; từ đó, góp phần tăng cường sự tin cậy lẫn nhau trong quá trình hội nhập.

Nền văn hóa toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta xây dựng là nền văn hóa không chỉ tiên tiến trong hình thức biểu hiện, trong phương tiện truyền tải; mà phải là nền văn hóa “yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người” [41, tr.90]. Theo đó, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là hạt nhân, cốt lõi của nền văn hóa tiên tiến; mà còn là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực hiện sứ mệnh lãnh đạo đất nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, nền tảng tư tưởng của Đảng và nhân dân ta đang đứng trước những thách thức to lớn khi các thế lực thù địch thực hiện chiến lược “Diễn

biến hòa bình”, với nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc nhằm mục tiêu xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn. Chúng ra sức xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng ta. Trước tình hình đó, đội ngũ trí thức đã rất nhanh nhạy thể hiện vai trò của mình trong việc nhận diện âm mưu, phân tích, phản bác những luận điệu xuyên tạc, bóp méo, sự vu cáo, vạch trần động cơ, ý đồ đen tối của các thế lực thù địch. Hơn nữa, đội ngũ trí thức còn tích cực nâng cao chất lượng nghiên cứu, công tác tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng; giúp nhân dân hiểu rõ và có nhận thức đúng đắn, đầy đủ hơn về con đường phát triển của dân tộc; từ đó, góp phần củng cố niềm tin, lý tưởng, ổn định tình hình chính trị - xã hội của đất nước.

Thứ năm, phản biện xã hội góp phần hoàn thiện các đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Theo cách hiểu phổ biến hiện nay, phản biện là hoạt động đưa ra lập luận, chứng cứ, phân tích, đánh giá, chỉ ra tính hợp lý hay không hợp lý, từ đó có thể khẳng định, góp ý, bổ sung, phản bác một phần hoặc toàn phần về một vấn đề nào đó. Phản biện thường có tác dụng làm cho vấn đề được phản biện hoàn thiện hơn. Xét về bản chất, phản biện khác với góp ý, xây dựng, tư vấn. Trên thực tế có nhiều loại phản biện khác nhau với nhiều chủ thể tham gia như: phản biện khoa học, phản biện đại chúng, phản biện chính thức, phản biện không chính thức, phản biện nhà nước, phản biện xã hội... Trong đó, phản biện xã hội có phạm vi, đối tượng, quy mô, lực lượng tham gia rộng hơn và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển đất nước giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện sứ mệnh thay mặt nhân dân lãnh đạo, quản lý đất nước, Đảng và Nhà nước tất yếu phải xây dựng, thực thi các quyết sách nhằm thúc đẩy xã hội phát triển. Song, quá trình xây dựng và thực thi các quyết sách đó diễn ra trong một xã hội còn có giai cấp, tồn tại Nhà nước sẽ khó tránh khỏi sự độc đoán, chuyên quyền, thiếu sót, phiến diện, thậm chí gây ra xung đột lợi ích lẫn nhau của các nhóm xã hội. Vì vậy, các quyết sách đó cần được xem xét, đánh giá, phân tích trên nhiều phương diện, khía cạnh khác nhau để hạn chế, phòng ngừa sự chủ quan, một chiều, áp đặt; từ đó phát huy dân chủ, tạo sự đồng thuận, thống nhất giữa ý

Đảng với lòng dân, góp phần thúc đẩy đất nước phát triển. Với ưu thế về trình độ chuyên môn, ý thức, trách nhiệm cao đối nhân dân, sự tiến bộ của xã hội...đội ngũ trí thức chính là lực lượng tiên phong, nòng cốt nhất lãnh trách nhiệm phản biện xã hội. Vai trò đó được thể hiện trên các mặt cơ bản như:

Trước hết, khi Đảng và Nhà nước đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quyết định về quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội...nếu bộc lộ những khiếm khuyết, hạn chế, không phù hợp, ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi, đời sống của đông đảo nhân dân, đội ngũ trí thức sẽ tiến hành phản biện xã hội. Cố nhiên, không phải tất cả đội ngũ trí thức đều tham gia hoạt động này mà chỉ những người có trí tuệ, am hiểu đối tượng mới thực hiện phản biện xã hội. Hoạt động phản biện xã hội của trí thức có thể được thực hiện theo sự phân công của tổ chức, hoặc xuất phát từ sự tự giác của cá nhân trí thức. Sau khi xác định được đối tượng, am hiểu vấn đề cần phản biện, trí thức sẽ tiến hành phản biện xã hội thông qua các hình thức như: văn bản (bài viết khoa học, công trình khoa học), hay bằng lời nói (trao đổi, đối thoại), hoặc thông qua các phương tiện truyền thông, các diễn đàn... Kết quả từ hoạt động phản biện xã hội của trí thức sẽ là cơ sở để Đảng và Nhà nước điều chỉnh, hoàn thiện các quyết sách của mình. Trong những năm qua, một số dự thảo văn kiện, một số đề án kinh tế - xã hội quan trọng của Đảng, Nhà nước sau khi có phản biện xã hội của trí thức đã có sự sửa đổi, bổ sung, thậm chí thay đổi, hay ngừng thực hiện, hoặc tạm hoãn thời gian thi hành để phù hợp với thực tiễn xã hội, hợp lòng dân, tránh được những sai sót, gây thiệt hại cho nhân dân và cho Nhà nước. Vì vậy, để tập hợp rộng rãi sức mạnh trí tuệ của toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Đảng ta yêu cầu “Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân” [32, tr.125]. Bởi vì nhân dân, trong đó có trí thức là đối tượng chịu tác động, thụ hưởng nên rất nhạy cảm để phát hiện đúng, sai và có những góp ý xác đáng nhất để điều chỉnh, bổ sung các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, “nhân dân” là phức hợp của nhiều mối quan hệ nhiều chiều của cá nhân, cộng đồng, các nhóm lợi ích khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau về mặt lợi

ích. Do đó, khi tiến hành phản biện xã hội, trí thức thường luôn xuất phát từ mục đích, đối tượng là nhân dân để điều tiết xung đột lợi ích giữa các cá nhân, nhóm người, nhằm đạt tới sự đồng thuận, thống nhất, từ đó làm cho việc thực thi các quyết sách của Đảng và Nhà nước có hiệu quả.

Như vậy, đội ngũ trí thức không chỉ nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn cung cấp cho Đảng và Nhà nước những luận cứ khoa học để xây dựng các đường lối, chủ trương, chính sách; mà còn thực hiện phản biện xã hội góp phần hoàn thiện chúng. Ngày nay, khi cuộc cách mạng KH&CN bùng nổ, quá trình toàn cầu hóa, nhân loại chuyển sang nền kinh tế tri thức đã tạo ra nhiều cơ hội và cả những thách thức cho đất nước ta trên bước đường phát triển, hội nhập. Do đó, để xây dựng các quyết sách, thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy đất nước phát triển đòi hỏi rất cao về trí tuệ, bản lĩnh, tầm nhìn của chủ thể lãnh đạo và đặc biệt phải được định hướng, dẫn dắt bởi trí thức khoa học. Thế nên, coi trọng vai trò phản biện xã hội của trí thức đối với các đường lối, chính sách, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Đảng, Nhà nước nhằm tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với trí thức, giữa trí thức với Đảng và Nhà nước là yêu cầu quan trọng trong điều kiện thực hiện mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở nước ta hiện nay.

2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam

Vai trò của đội ngũ trí thức phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố, trong khuôn khổ phạm vi của đề tài, luận án tập trung phân tích một số nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến vai trò đội ngũ trí thức nước ta trong giai đoạn hiện nay như:

Thứ nhất, truyền thống văn hóa, tâm lý, phong tục, tập quán của dân tộc.

Với đặc trưng lao động sáng tạo, sản phẩm chủ yếu là các giá trị tinh thần, nên vai trò đội ngũ trí thức phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố truyền thống văn hóa, tâm lý, phong tục, tập quán của dân tộc. Nếu như các yếu tố đó tích cực, tiến bộ, phù hợp sẽ là cơ sở quan trọng để hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp cho đội ngũ trí thức. Lịch sử hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước đã hun đúc nên dân tộc Việt Nam với “Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc, lòng khoan dung,

trọng nghĩa tình đạo lý, tính cần cù sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống” [28, tr.56], truyền thống hiếu học, coi trọng tri thức, hiền tài... Chính các giá trị cao đẹp ấy đã và đang bồi đắp tâm hồn, tình cảm, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm, bản lĩnh, tạo động lực cho đội ngũ trí thức vươn lên lao động sáng tạo và cống hiến cho đất nước. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, chính tình yêu Tổ quốc, trách nhiệm với nhân dân, sự tồn vong của dân tộc đã lay động nhiều trí thức từ bỏ danh vọng, địa vị, lợi ích cá nhân, vượt qua thiếu thốn, hiểm nguy để đem trí tuệ góp phần cùng với nhân dân cả nước đấu tranh giành độc lập dân tộc. Ngày nay, chính những giá trị văn hóa truyền thống đó không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức nước ta ngày càng trưởng thành, phát triển; mà còn trở thành mục tiêu cao cả, động lực to lớn để thôi thúc lực lượng này hăng say lao động sáng tạo nhằm cống hiến nhiều hơn, hiệu quả hơn cho sự phồn vinh của đất nước, hạnh phúc của nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị tích cực, hiện nay dân tộc ta vẫn còn tồn tại một số phong tục, tập quán, tâm lý lạc hậu đã và đang kìm hãm sự hình thành, phát triển cũng như năng lực sáng tạo, sự cống hiến của đội ngũ trí thức. Sớm nhận thức được điều đó, Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở rằng: “Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngấm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài” [85, tr.287]. Điển hình như các phong tục, tập quán lạc hậu như: tâm lý an phận, đổ kỵ, trọng tình hơn lý, cục bộ địa phương... đã làm cho một bộ phận trí thức thiếu tự tin, không dám nói thẳng, nói thật trong phê bình, phản biện, ít táo bạo, mạo hiểm trong nghiên cứu khoa học... Hệ quả là, nước ta ít có tập thể trí thức mạnh, ít có sản phẩm sáng tạo KH&CN, VH&NT mang tính đột phá có tầm ảnh hưởng và sức lan tỏa lớn ở trong nước và trên thế giới; trí thức nữ, trí thức trẻ ít có cơ hội được bổ nhiệm vào các vị trí quan trọng. Do đó, phát triển các giá trị tích cực, loại bỏ dần mặt tiêu cực của truyền thống văn hóa dân tộc sẽ góp phần phát huy vai trò đội ngũ trí thức có hiệu quả.

Thứ hai, đường lối, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây là các nhân tố có vai trò định hướng, mở đường, tạo ra động lực, nâng cao tính tích cực của đội ngũ trí thức trong lao động sáng tạo và cống hiến. Theo đó, nếu như

đường lối, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước tiến bộ, đầy đủ, phù hợp với thời đại, thực tiễn đất nước, đặc thù lao động của trí thức sẽ khơi dậy tiềm năng, thôi thúc lòng say mê lao động sáng tạo của đội ngũ này; còn ngược lại, sẽ gây cản trở, kìm hãm, thậm chí làm thui chột tài năng, trí tuệ của họ. Ở nước ta trước đổi mới, với đường lối phát triển theo hướng “khép kín”, cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp đã làm cho đội ngũ trí thức rơi vào tình trạng thụ động, trông chờ, ỷ lại; vai trò của đội ngũ này chưa được coi trọng đúng mức, chưa được phát huy đầy đủ. Bước sang thời kỳ đổi mới, Đảng ta đề ra đường lối phát triển kinh tế thị trường, đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế, coi GD&ĐT, KH&CN là quốc sách hàng đầu... Với đường lối đó không chỉ đặt con người nói chung, đội ngũ trí thức nói riêng trở thành chủ thể đặc biệt quan trọng, mà còn tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho đội ngũ này phát huy vai trò của mình một cách có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Bên cạnh đó là các cơ chế, chính sách như: đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ trí thức...cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát huy vai trò của đội ngũ này. Đơn cử như chính sách sử dụng trí thức. Kinh nghiệm từ quá khứ đến hiện tại cho thấy, nếu như đất nước nào có chính sách sử dụng trí thức khoa học, hợp lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ này phát huy ở mức cao nhất năng lực lao động sáng tạo và cống hiến; từ đó, thúc đẩy đất nước giàu mạnh, tiến bộ, thịnh vượng. Ngược lại, nếu đất nước nào có chính sách sử dụng không phù hợp sẽ gây ra tình trạng “lãng phí chất xám”, “bạc chất xám”; thì việc phát huy vai trò đội ngũ trí thức bị hạn chế, hệ quả là đưa đất nước đến sự trì trệ, khủng hoảng, thậm chí suy vong.

Thứ ba, giáo dục và đào tạo. Theo C.Mác, để cải tạo bản tính chung của con người, làm cho nó có kiến thức và những thói quen khéo léo trong một ngành lao động nhất định, nghĩa là để con người trở thành một sức lao động phát triển và đặc thù thì phải có một trình độ học vấn hay giáo dục nào đó. Theo đó, muốn có tri thức, kỹ năng, phát triển toàn diện cả “đức” và “tài” tất yếu con người phải thông qua GD&ĐT. Nếu không có GD&ĐT thì không thể có đội ngũ trí thức, và ngược lại. Do đó, GD&ĐT đã từ lâu luôn được các quốc gia xem là quốc sách hàng đầu. Nguyên Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu đã khẳng định: “nếu thắng trong cuộc

đua trong giáo dục, sẽ thắng trong phát triển kinh tế”. Có thể nói, GD&ĐT là nhân tố tác động mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản, trực tiếp và sâu sắc nhất đối với việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức. Bởi vì, GD&ĐT có vai trò cung cấp những tri thức cơ bản, nền tảng và có hệ thống cho người học. Bên cạnh đó, GD&ĐT còn có vai trò nâng cao năng lực phát hiện, cách thức giải quyết vấn đề, tư duy lý luận, phương pháp làm việc khoa học... Nếu như không có những năng lực trên thì rất khó để trở thành người trí thức thực thụ. Ngoài ra, GD&ĐT còn góp phần phát triển và hoàn thiện nhân cách, đạo đức nghề nghiệp cho người học; “đạo đức của trí thức - những người sáng tạo ra những thành tựu KH&CN đóng một vai trò quan trọng vào việc định hướng khoa học, nghệ thuật cả trong nghiên cứu sáng tạo lẫn trong định hướng sử dụng” [100, tr.18]. Như vậy, nếu nội dung, chương trình GD&ĐT khoa học, hiện đại, tiên tiến; phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp thì chất lượng người học được nâng cao; đây là cơ sở quan trọng để hình thành đội ngũ trí thức lớn mạnh, hợp lý về cơ cấu, từ đó có nhiều đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Còn ngược lại, nếu một nền giáo dục lạc hậu, chậm phát triển, hay phát triển thiếu toàn diện sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sự hình thành và phát triển cũng như quá trình thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức. Vì vậy, để phát huy vai trò đội ngũ trí thức Việt Nam có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế tất yếu phải xây dựng một nền giáo dục tiên tiến và hiện đại ngang tầm khu vực và thế giới.

Thứ tư, môi trường và điều kiện hoạt động. Đây là nhân tố có phạm vi rất rộng, trong khuôn khổ của đề tài, luận án tập trung phân tích trên một số mặt như:

Một là, môi trường dân chủ xã hội. Nếu đội ngũ trí thức hoạt động trong môi trường thông thoáng, tự do về mặt tư tưởng, ngôn luận, học thuật; có sự cởi mở, thẳng thắn trao đổi, các sản phẩm lao động sáng tạo được trân trọng, nhất là các ý kiến phản biện xã hội được các cấp quản lý, lãnh đạo cầu thị, lắng nghe, phản hồi kịp thời; sẽ củng cố niềm tin, tạo sự yên tâm, tin tưởng, chất xúc tác cho đội ngũ này hăng say, nhiệt huyết trong lao động sáng tạo; từ đó cung cấp cho Đảng, Nhà nước những luận cứ khoa học có giá trị, thúc đẩy phát triển GD&ĐT, KH&CN, VH&NT... Còn ngược lại, nếu môi trường hoạt động mất dân chủ, công sức, trí tuệ

của đội ngũ trí thức không được coi trọng, sẽ tạo ra lực cản, kìm hãm sự say mê, sáng tạo, thậm chí làm thui chột tài năng của đội ngũ này.

Hai là, để phát huy vai trò đội ngũ trí thức mang lại hiệu quả, ngang tầm khu vực và thế giới rất cần có nguồn ngân sách đầu tư đầy đủ, dồi dào, các trường đại học, học viện, trung tâm, viện nghiên cứu có cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đạt các tiêu chuẩn quốc tế... Nếu như các yếu tố kể trên thiếu hụt, lạc hậu; không chỉ khó khăn trong việc thu hút chất xám, tập hợp nguồn lực trí tuệ, mà chất lượng, hiệu quả việc thực hiện vai trò sáng tạo, truyền bá, áp dụng tri thức khoa học vào thực tiễn của đội ngũ trí thức cũng khó có thể được đảm bảo.

Ba là, cách mạng KH&CN với việc sản sinh ra các máy móc, phương tiện kỹ thuật hiện đại sẽ chuyển tải những tinh hoa văn hóa, thành tựu KH&CN của nhân loại lan truyền một cách nhanh chóng; từ đó tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức tiếp cận thông tin nhanh, nâng cao trình độ. Mặt khác, chính những máy móc, phương tiện kỹ thuật tối tân ra đời góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu sáng tạo và truyền bá tri thức, phát triển văn hóa, nghệ thuật. Bên cạnh đó, nền kinh tế tri thức không chỉ buộc con người phải không ngừng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, học tập thường xuyên; mà còn thúc đẩy GD&ĐT, KH&CN nhận được sự ưu tiên hàng đầu của Đảng, Nhà nước. Hơn thế nữa, trong nền kinh tế tri thức, sự cạnh tranh gay gắt về trí tuệ buộc đội ngũ trí thức phải không ngừng năng động, sáng tạo những tri thức mới, phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh của thời đại. Quá trình toàn cầu hóa đã mở ra cơ hội cho đội ngũ trí thức nước ta tiếp cận với những tinh hoa văn hóa của nhân loại, khắc phục các tâm lý, phong tục, tập quán lạc hậu, cổ hủ; đẩy mạnh hợp tác, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm với tri thức thế giới; từ đó góp phần nâng cao chất lượng thực hiện vai trò, nâng tầm trí tuệ của dân tộc. Tuy nhiên, trước sự phát triển như vũ bão của KH&CN, với lượng tri thức đa dạng, phong phú của nhân loại ngày càng tăng; đòi hỏi con người phải có một tri thức, năng lực nhất định để tiếp nhận, sử dụng; nhưng trên thực tế, một bộ phận trí thức nước ta vẫn còn có những hạn chế về trình độ chuyên môn, nhất là năng lực ngoại ngữ, hiểu biết về pháp luật quốc tế... đã dẫn đến nhiều khó khăn trong việc tiếp cận, ứng dụng, chuyển giao những thành tựu KH&CN, tinh hoa văn hóa của nhân loại. Ngoài ra,

quá trình toàn cầu hóa, mặt trái của kinh tế thị trường sẽ làm cho một bộ phận trí thức bị phai nhạt lý tưởng, đạo đức xuống cấp, thờ ơ chính trị, ngại khó khăn, thiếu tâm huyết trong lao động để hoàn thành nhiệm vụ.

Thứ năm, số lượng, chất lượng, cơ cấu của đội ngũ trí thức. Ba yếu tố trên có mối quan hệ biện chứng, vừa có tính độc lập vừa có sự thống nhất. Do đó, sự thay đổi của bất kỳ yếu tố nào cũng đều ảnh hưởng đến các yếu tố còn lại. Trước hết, về số lượng: nếu số lượng đội ngũ trí thức quá ít sẽ khó khăn trong việc tổ chức hoạt động, cũng như khó có thể đạt được chất lượng, hiệu quả cao trong thực hiện vai trò; ngược lại, số lượng trí thức quá nhiều, vượt xa yêu cầu phát triển của xã hội sẽ gây lãng phí, tạo sức ép trong chi phí ngân sách cho đội ngũ này hoạt động. Còn về chất lượng của đội ngũ trí thức, đó là các nhân tố như: trình độ, năng lực cũng như sức khỏe, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, ý thức tự giác, năng khiếu, sự nỗ lực phấn đấu, quá trình tự học, tự nghiên cứu của mỗi cá nhân người trí thức... “Đây là yếu tố cơ bản quy định sức mạnh và hiệu quả phát huy vai trò của đội ngũ trí thức” [94, tr.191]. Nếu một quốc gia có đội ngũ trí thức chất lượng thì việc thực hiện vai trò của đội ngũ này mang lại hiệu quả cao, thúc đẩy đất nước phát triển, xã hội tiến bộ. Còn ngược lại, quá trình thực hiện vai trò của đội ngũ này cũng bị hạn chế, kéo theo đất nước, xã hội tụt hậu. Vì vậy, xây dựng đội ngũ trí thức có chất lượng luôn là mong muốn của các quốc gia, nhất là đối với Việt Nam đang thực hiện quá trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Còn đối với cơ cấu đội ngũ trí thức, nếu hợp lý, cân đối sẽ tạo một tập thể thống nhất, hỗ trợ lẫn nhau trong lao động sáng tạo và cống hiến; còn ngược lại sẽ rời rạc, gặp khó khăn trong quá trình hợp tác thực hiện vai trò. Thế nên, một cơ cấu hợp lý là cơ sở, tiền đề rất quan trọng để xây dựng một tập thể trí thức lớn mạnh, tạo ra sự nhịp nhàng; từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức. Rõ ràng, các yếu tố: số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ trí thức có ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện vai trò của đội ngũ này. Do đó, để phát huy vai trò đội ngũ trí thức một cách có hiệu quả tất yếu phải xây dựng đội ngũ trí thức đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu. Có như vậy, vai trò đội ngũ trí thức mới được phát huy đầy đủ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong quá trình CNH, HĐH đất nước.

Kết luận chương 2

Từ xưa đến nay, trí thức luôn có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội. Chính vì vậy, vấn đề trí thức luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của các lãnh tụ, nhà khoa học và toàn xã hội. Ở Việt Nam, vấn đề trí thức được nhìn nhận dựa trên cơ sở quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong suốt tiến trình lịch sử, đặc biệt từ khi đổi mới đất nước đến nay, đội ngũ trí thức đã có nhiều đóng góp to lớn thể hiện vai trò quan trọng của mình trên mọi mặt đời sống xã hội, trong đó đáng chú ý là các vai trò tiêu biểu như: cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát triển NNLC; nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao KH&CN; xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phản biện xã hội góp phần hoàn thiện các đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, vai trò của đội ngũ trí thức nước ta cũng chịu sự tác động từ các nhân tố cơ bản như: truyền thống văn hóa, tâm lý, phong tục, tập quán của dân tộc; đường lối, cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; giáo dục và đào tạo; môi trường và điều kiện hoạt động; số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ trí thức.

Trên cơ sở làm sáng tỏ những vấn đề lý luận chung về trí thức và vai trò của đội ngũ trí thức nước ta, luận án sẽ tập trung đi sâu phân tích vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong giai đoạn hiện nay trên các phương diện như: thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện vai trò của đội ngũ này.

Chương 3

VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. KHÁI QUÁT VỀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ ĐẶC ĐIỂM ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1.1. Khái quát về Thành phố Hồ Chí Minh

C.Mác cho rằng: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” [77, tr.11]. Theo đó, sự hình thành, phát triển của con người luôn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố tự nhiên và xã hội. Vì vậy, khi nghiên cứu vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM, chúng ta không thể không đi sâu phân tích một cách khái quát về TPHCM.

Về vị trí địa lý, TPHCM nằm trong tọa độ địa lý khoảng $10^{\circ}10' - 10^{\circ}38'$ vĩ độ Bắc và $106^{\circ}22' - 106^{\circ}54'$ kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương, phía Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh, phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, phía Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Long An và tỉnh Tiền Giang. Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, bề mặt địa hình Thành phố thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Vùng cao nằm ở phía Bắc - Đông Bắc, một phần Tây Bắc, ngược lại, vùng trũng nằm ở phía Nam - Tây Nam và Đông Nam. Với tổng diện tích hơn 2.095 km^2 , vùng đô thị với 140 km^2 được phân chia thành 19 quận và 5 huyện với 322 phường - xã, thị trấn.

Về lịch sử hình thành, vào thời kỳ cổ đại, khu vực nay là TPHCM thuộc đế quốc Phù Nam. Đến thế kỷ thứ VII, do thực hiện bành trướng lãnh thổ đã tạo ra nạn cát cứ và phân tán quyền lực là một trong những nguyên nhân dẫn đến vương quốc Phù Nam suy tàn, “từ đây vùng đất Sài Gòn - TPHCM hầu như vẫn là đất tự do của các dân tộc và hầu như vô chủ, là đất hoang cả về kinh tế lẫn chủ quyền” [124, tr.37]. Cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVII, những cư dân người Việt đầu tiên đã đến khai phá vùng đất mới này và lập nên xóm làng ở nơi đây. Đến năm 1698, Võ vương Nguyễn Phúc Chu cử Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược,

chính thức xác lập đơn vị hành chính của Việt Nam tại vùng đất mới. Từ đây, Bến Nghé - Sài Gòn năm xưa và thành TPHCM hôm nay chính thức trở thành một phần lãnh thổ của đất nước Việt Nam. Khi thực dân Pháp vào Đông Dương, để phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa, thành phố Sài Gòn được thành lập và nhanh chóng phát triển, trở thành một trong hai đô thị quan trọng nhất của Việt Nam. Trong giai đoạn 1887 - 1901, Sài Gòn là thủ đô của Liên bang Đông Dương. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, thực dân Pháp quay trở lại tái chiếm và thiết lập sự cai quản vùng đất này, nơi đây được gọi là thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Sau Hiệp định Giơnevơ, Sài Gòn được chính quyền Việt Nam Cộng hòa xây dựng làm thủ đô. Ngày 30/4/1975, chính quyền Việt Nam Cộng hòa bị giải thể và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam quản lý Sài Gòn. Ngày 2/7/1976, Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất quyết định đổi tên Sài Gòn thành “Thành phố Hồ Chí Minh”, theo tên của vị Chủ tịch nước đầu tiên của nước ta.

Về kinh tế, sau ngày được hoàn toàn giải phóng, đất nước độc lập, thống nhất; cũng như cả nước, nền kinh tế TPHCM hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp. Nền kinh tế đó hoạt động kém hiệu quả, dẫn đến tình trạng trì trệ, khủng hoảng; vì vậy, chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu. Từ khi đổi mới đến nay, kinh tế TPHCM tăng trưởng cao liên tục nhiều năm; nếu như, giai đoạn trước đổi mới (1976 - 1985) tổng sản phẩm nội địa chỉ tăng bình quân 2,7%/năm thì trong giai đoạn sau đổi mới (1986 - 2010) kinh tế Thành phố đạt mức bình quân 10,5%/năm [124, tr.10], và (2011 - 2015) đạt 9,6%; cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch đúng hướng, quy mô mở rộng, chất lượng tăng trưởng ngày càng được cải thiện. Với những thành tựu to lớn đã đạt được, TPHCM trở thành hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và là đầu tàu kinh tế của cả nước.

Về văn hóa - xã hội, có nghiên cứu đã cho rằng: TPHCM là nơi hội tụ của nhiều dòng chảy văn hóa, có cơ cấu kiến trúc Việt - Hoa - Châu Âu. Tính giao thoa, hội tụ đã biến TPHCM thành một phức thể văn hóa với nhiều nét đặc sắc. Nét đặc sắc đó không chỉ làm giàu và phong phú thêm văn hóa dân tộc, mà còn tạo nên “cốt

cách văn hóa phương Nam”. Các giá trị văn hóa đó đã trở thành sức mạnh to lớn giúp Thành phố vượt qua các thăng trầm lịch sử để tồn tại, phát triển; đồng thời là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển của Thành phố. Không chỉ có sự đa dạng trong bản sắc văn hóa, TPHCM còn là một trung tâm văn hóa lớn của cả nước với nhiều công trình kiến trúc cổ có giá trị văn hóa cao, nhiều đơn vị và nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Bên cạnh văn hóa, trong những năm qua, tình hình xã hội trên địa bàn TPHCM cũng có những chuyển biến khá tích cực. TPHCM là địa phương luôn đi đầu cả nước trong thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Chính những chuyển biến tích cực trên lĩnh vực văn hóa - xã hội đã tạo điều kiện thuận lợi để ổn định chính trị, phát triển kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, TPHCM vẫn còn đang đối mặt với một số hạn chế như: chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, quản lý đô thị, giao thông đô thị, GD&ĐT, KH&CN, nguồn nhân lực còn nhiều yếu kém, một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc khác chưa được giải quyết một cách triệt để.

Như vậy, tổng hòa các yếu tố nêu trên không chỉ là tiền đề quan trọng của sự hình thành, phát triển; mà còn quy định, tác động sâu sắc đến các đặc điểm và vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong giai đoạn hiện nay.

3.1.2. Đặc điểm đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Là một bộ phận của đội ngũ trí thức Việt Nam, ngoài những điểm chung, đội ngũ trí thức TPHCM còn có những đặc thù như sau:

Thứ nhất, hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của TPHCM. Có lịch sử hình thành muộn hơn so với một số tỉnh, thành phố khác của cả nước, do đó phải đến cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, vùng đất này mới có những ông đồ dạy học tại các hộ gia đình, các sân đình, đền, miếu. Đến khi nhà Nguyễn thiết lập chính quyền, “Trên đất Sài Gòn có nhà Tỉnh học, nhà Phủ học, có Trường thi...” [55, tr.12]; với những nhân vật tiêu biểu như: Võ Trường Toản, Trịnh Hoài Đức, Đặng Đức Thuật, Lê Quang Định, Ngô Nhân Tịnh... Có thể nói, đây chính là những trí thức đầu tiên của TPHCM.

Khi thực dân Pháp tấn công Gia Định (1859), với truyền thống quật cường, bất khuất, trí thức cùng với nhân dân Sài Gòn - Gia Định đã lập tức đứng lên chống

Pháp. Một số trí thức cầm vũ khí, số khác bất hợp tác với giặc, không chịu sống trong vùng giặc chiếm đóng, số khác nữa dùng ngòi bút lên án tội ác của kẻ thù xâm lược và ca ngợi những tấm gương anh dũng hi sinh, kêu gọi đồng bào tham gia kháng chiến. Sau khi đặt ách cai trị, thực dân Pháp đã ban hành một loạt chính sách làm cho Sài Gòn thay đổi nhanh chóng, đặc biệt trên lĩnh vực giáo dục. Theo đó, một số trường học được thành lập nhằm mục đích đào tạo tầng lớp trí thức mới thân Pháp phục vụ cho bộ máy thống trị và thay dần các trí thức Nho học trước đó. Trong thời kỳ này, chính “Nguồn đào tạo ở trong nước và ngoài nước đã tạo ra một đội ngũ trí thức Tây học” [100, tr.31] ở Sài Gòn. Những trí thức Tây học đã có vai trò to lớn trong việc “dịch thuật các tác phẩm chữ Hán, chữ Pháp ra chữ Quốc ngữ để phổ biến trong nhân dân và họ đã đi tiên phong xây dựng nền văn hóa, văn nghệ mới” [100, tr.32]. Ngoài ra, đội ngũ này còn tiếp thu và truyền bá những tư tưởng khoa học và dân chủ ở phương Tây đến với đông đảo nhân dân.

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp xây dựng Sài Gòn - Gia Định trở thành một trong những trung tâm kinh tế, chính trị lớn nhất ở Nam Kỳ. Do đó, nơi đây đã tập hợp số lượng trí thức khá đông đảo. Thời kỳ đầu, trí thức Sài Gòn tham gia tích cực trong các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản, về sau do được giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, trí thức Sài Gòn - Gia Định đi theo phong trào yêu nước khuynh hướng vô sản. Họ tích cực tuyên truyền về ý nghĩa của Cách mạng Tháng Mười Nga, về chủ nghĩa Mác - Lênin đến với công nhân và quần chúng nhân dân. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trí thức Sài Gòn đã sát cánh cùng với nhân dân cả nước tham gia tích cực trong các phong trào cách mạng do Đảng phát động, đặc biệt cùng với nhân dân Nam Bộ tiến hành cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940. Qua các phong trào trên, mặc dù bị tổn thất rất nặng nề, song tinh thần yêu nước của trí thức vẫn không hề thay đổi. Năm 1945, đội ngũ trí thức đã cùng với nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám thành công. Đánh giá các hoạt động của trí thức trong giai đoạn này, GS Trần Văn Giàu nhận xét: “từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến chiến tranh thế giới thứ hai, ở Sài Gòn, không có đợt phong trào yêu nước nào mà không có sự tham gia, ngay ở hàng đầu, của trí thức dân tộc” [47, tr.20].

Trong cuộc kháng chiến chín năm chống Pháp, sau đó là giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, phát huy truyền thống “Đất thép Thành đồng”, trí thức Sài Gòn đã sát cánh cùng với nhân dân cả nước đứng lên chống quân xâm lược bằng nhiều hình thức khác nhau. Mặc dù luôn phải đối mặt với khó khăn, hiểm nguy; song “nhiều người trong họ vẫn trung thành với Đảng, vẫn giữ được tiết tháo của người trí thức kháng chiến, không dao động trước mọi mua chuộc, lừa mỵ, khủng bố của kẻ thù. Họ đã phát huy tính tích cực sáng tạo trong công tác để hoàn thành nhiệm vụ” [100, tr.419]. Chính bản lĩnh kiên cường, anh dũng của trí thức Sài Gòn cùng với quân dân cả nước đã làm nên đại thắng mùa xuân 1975 lịch sử.

Hơn 40 năm hoàn toàn giải phóng, TPHCM giờ đây đã có sự phát triển về mọi mặt, chính sự phát triển của Thành phố đã tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để đội ngũ trí thức ngày càng trưởng thành, lớn mạnh; và cũng chính vì sự trưởng thành, lớn mạnh của đội ngũ trí thức là nhân tố có vai trò quyết định thúc đẩy sự phát triển nhanh, liên tục của TPHCM trong thời gian qua. Như vậy, qua sự phân tích trên có thể khẳng định: sự hình thành, phát triển đội ngũ trí thức TPHCM luôn gắn chặt với sự hình thành và phát triển của TPHCM - Thành phố được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: Thành phố Anh hùng thời kỳ đổi mới.

Thứ hai, được hội tụ từ nhiều nguồn, cả trong và ngoài nước. Lịch sử hơn 300 năm qua, Sài Gòn - Gia Định - TPHCM luôn là nơi hội tụ đông đảo dân cư của cả trong và ngoài nước về đây sinh sống, làm việc; trong đó có những trí thức. Ngay từ buổi đầu vùng đất này đã là nơi tập hợp dân cư của nhiều nơi khác đến sinh sống. Trong tác phẩm *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức nhận xét rằng: “Gia Định là đất miền Nam của nước Việt, khi bắt đầu khai thác, lưu dân của nước ta và người Đường (...), người Tây Dương, người Cao Miên, người Chà Và” [14, tr.251]. Có thể nói, kết quả đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau.

Trước hết, dưới thời nhà Nguyễn, do những ưu đãi về mặt tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên nên, vùng đất này đã thu hút nhiều đợt di cư của người dân từ các vùng, miền vào đây sinh sống. Đến thời Pháp thuộc, để phục vụ cho việc khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã đưa cả triệu người dân nghèo từ miền Bắc vào miền Nam làm việc ở các đồn điền và làm nô bộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt

Nam ra đời, các phong trào đấu tranh chống Pháp ở Sài Gòn diễn ra rất sôi nổi, thu hút nhiều giai cấp và tầng lớp tham gia. Trong đó nhiều trí thức ưu tú của dân tộc, nhiều chiến sĩ cộng sản kiên trung được sinh ra từ mọi miền đất nước đã về đây lãnh đạo, hay trực tiếp tham gia phong trào cách mạng. Sang giai đoạn chống Mĩ, đã có “gần một triệu người ở đồng bằng Bắc Bộ di cư vào Nam” [124, tr.709], cùng với đó là “cư dân miền Trung và miền Đông, miền Tây Nam Bộ cũng lên Sài Gòn tìm đất sinh sống, rồi trụ lại trong thời chiến tranh” [112, tr.102]. Cũng trong giai đoạn này, nhiều trí thức đã được lệnh vào Miền Nam nhằm tăng cường lực lượng cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, trí thức tại TPHCM gồm có trí thức đi theo cách mạng và trí thức của chế độ cũ, cùng với trí thức từ các tỉnh, thành khác được điều động về TPHCM để tiếp quản và kiến thiết Thành phố sau ngày giải phóng; ngoài ra còn có một số trí thức theo gia đình đi xây dựng vùng kinh tế mới cũng ở lại nơi đây.

Bước sang thời kỳ đổi mới, với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế - xã hội đã tạo cho TPHCM trở thành “miền đất hứa” của đông đảo cư dân cả nước, trong đó có trí thức. Theo Tổng Cục Thống kê TPHCM, tính đến cuối năm 2015, TPHCM có hơn 8,2 triệu dân, trong đó có khoảng 1/4 là dân nhập cư. Những năm gần đây, dân số TPHCM tăng nhanh, nhưng tăng cơ học là chủ yếu; tỷ suất nhập cư luôn ở mức cao, hàng năm có gần 2 triệu người từ khắp mọi miền đất nước về đây sinh sống. Chính vì số lượng nhập cư chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng dân số, nên trong các cơ quan, ban ngành trên địa bàn TPHCM, số lượng người lao động có nguồn gốc quê quán rất đa dạng. Tại Hội đồng Nhân dân TPHCM khóa VIII, nhiệm kỳ 2011 - 2016 có tổng số 95 đại biểu; trong đó, số người có quê quán Sài Gòn - Gia Định - TPHCM chỉ chiếm 38,95% (có 37 người); còn lại có nguồn gốc xuất thân từ các tỉnh, thành phố khác. Hiện nay, mặc dù chưa có số liệu thống kê một cách chính xác có bao nhiêu người ở các tỉnh khác đang sinh sống và làm việc tại TPHCM; nhưng thông qua lối kiến trúc đền chùa, tượng đài, nhà cửa, hay các trang phục, món ăn, giọng nói... chúng ta cũng định tính được sự đa dạng của người dân nơi đây.

Không chỉ là nơi hội tụ cư dân của cả nước, Thành phố còn là nơi thu hút số lượng lớn trí thức người Việt Nam ở nước ngoài và trí thức người nước ngoài đến

sinh sống, làm việc. Với quá trình hội nhập ngày càng toàn diện, đặc biệt là trước yêu cầu phát triển của GD&ĐT, KH&CN, trong những năm qua tại các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, các doanh nghiệp trên địa bàn TPHCM đã có hơn 300 GS, tiến sĩ, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài hay các GS, tiến sĩ, chuyên gia đến từ các nước phát triển tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao KH&CN. Đơn cử tại Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán đã có 10 nhà khoa học Việt kiều từ Bỉ, Ba Lan, Úc, Hoa Kỳ, Canada đang làm việc ở các vị trí chủ chốt của Viện. Còn tại Đại học Quốc gia TPHCM cũng đã mời được hơn 200 chuyên gia, GS từ các nước Mỹ, Nhật và Châu Âu về làm việc, giảng dạy tại các trường thành viên. Như vậy, trải qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, TPHCM luôn là nơi hội tụ đông đảo trí thức “từ nhiều nguồn khác nhau” [34, tr.1] của cả trong và ngoài nước. Chính sự hội tụ đa dạng đó không chỉ làm cho đội ngũ trí thức TPHCM tăng nhanh về số lượng, nâng cao về chất lượng; mà còn góp phần làm cho bản sắc văn hóa TPHCM thêm phong phú, đa dạng, độc đáo; có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố trong thời gian qua.

Thứ ba, năng động, sáng tạo và thích ứng nhanh với kinh tế thị trường.

Năng động, sáng tạo là đặc trưng nổi bật của người dân TPHCM nói chung và đội ngũ trí thức TPHCM nói riêng. Tính năng động, sáng tạo đó một mặt được kế thừa tính mềm dẻo, linh hoạt của truyền thống dân tộc; mặt khác được quy định bởi hoàn cảnh địa lý - tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, nền văn hóa, lịch sử phát triển của vùng đất này. Chính ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan đó được chuyển tải qua hoạt động sống - hoạt động chủ quan của con người. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã nhận xét: “Con người của Thành phố do những điều kiện, hoàn cảnh kinh tế, xã hội, thiên nhiên nhất định mà rất tự lực tự cường, dám nghĩ, dám làm, dám tháo gỡ, không chịu bó tay trước khó khăn, nhưng cũng lại rất phóng khoáng, hào hiệp, rộng rãi, ưa tự do” [75, tr.5].

Cụ thể, ngay từ những ngày đầu, các cư dân đầu tiên đến nơi đây buộc phải năng động, sáng tạo để thích nghi với hoàn cảnh sống mới. Với chế độ thủy triều lên xuống khá phức tạp, hệ thống kênh rạch, sông ngòi chằng chịt, sự xâm thực của nước biển... đòi hỏi người dân phải phát huy những kinh nghiệm vốn có của mình;

tiếp thu những phương tiện, công cụ sản xuất của những lưu dân khác; đồng thời năng động, sáng tạo tìm ra phương thức sản xuất mới phù hợp nhất với điều kiện tự nhiên để bảo đảm sự tồn tại và phát triển. Do là vùng đất mới, cộng với chính sách ruộng đất của nhà Nguyễn thời kỳ đầu khá cởi mở, nên cư dân ở đây từ rất sớm “đã hình thành quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất” [14, tr.365-366]. Bên cạnh đó, nhờ thiên nhiên ưu đãi, nên sản xuất vượt quá nhu cầu tự cung, tự cấp, cộng thêm sự xen kẽ của các lưu dân người Hoa - những người được biết đến rất giỏi trong việc buôn bán; đã làm cho TPHCM có nền kinh tế hàng hóa phát triển sớm hơn so với các địa phương khác của cả nước. Đến khi thực dân Pháp đặt ách cai trị, đặc biệt kể từ khi đế quốc Mỹ xâm lược thì kinh tế hàng hóa, nền sản xuất công nghiệp ở TPHCM phát triển lên một bước mới. Chính vì các yếu tố khách quan đó đã buộc người dân nơi đây phải không ngừng năng động, sáng tạo để thích ứng nhanh trước những biến động đầy phức tạp của thị trường, của nền sản xuất công nghiệp quy mô lớn.

Ngoài ra, với vị trí địa lý khá thuận lợi, hệ thống giao thông đa dạng và tương đối hoàn chỉnh đã biến TPHCM trở thành đầu mối, cửa ngõ giao lưu, hội nhập lớn của cả vùng và cả nước. Quá trình giao lưu, hội nhập với nhiều tộc người, với các phong tục, tập quán khác nhau, cả ở trong nước và ngoài nước đòi hỏi người dân TPHCM nói chung và trí thức TPHCM nói riêng phải năng động, sáng tạo để thích ứng với từng mối liên hệ. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, do xa cách về điều kiện địa lý, hạn chế về thông tin liên lạc, Xứ ủy, Thành ủy TPHCM đã thể hiện sự chủ động, sáng tạo trong giải quyết các tình thế cách mạng đặt ra. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, TPHCM phải đối diện với những khó khăn, thử thách, đặc biệt là kinh tế rơi vào trạng thái suy kiệt, khủng hoảng. Chính trong bối cảnh lịch sử đó, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân TPHCM đã kiên trì, chủ động, sáng tạo đề ra các chủ trương, chính sách quan trọng, kịp thời để tự “cởi trói”, “xé rào”, “bung ra”, “sản xuất lớn”... góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội, đưa kinh tế Thành phố thoát khỏi khủng hoảng trì trệ, kéo dài. Những cách thức, bước đi và biện pháp của TPHCM đã cung cấp cho Đảng Cộng sản Việt Nam những cơ sở thực tiễn quan trọng để từ đó đề ra đường lối đổi mới đất nước. Đại hội Đại biểu Đảng bộ TPHCM lần thứ VIII đã khẳng

định: Mười năm đầu sau giải phóng là thời kỳ đặc biệt trong quá trình ổn định, khôi phục, xây dựng và bảo vệ TPHCM. Đó là thời kỳ Đảng bộ và nhân dân TPHCM đã có những đóng góp rất quan trọng vào đường lối chung của Đảng.

Bước vào thời kỳ đổi mới, với nhiệm vụ “đi trước về đích trước” trong quá trình CNH, HĐH, với mục tiêu xây dựng một thành phố công nghiệp, văn minh, hiện đại và hội nhập quốc tế; đòi hỏi đội ngũ trí thức phải không ngừng năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm để đáp ứng trước những yêu cầu, nhiệm vụ phát triển của Thành phố cũng như của đất nước. Chính những phẩm chất năng động, sáng tạo của nhân dân nói chung, đội ngũ trí thức nói riêng đã tạo điều kiện để TPHCM tiên phong, đi đầu trong sự nghiệp đổi mới: là địa phương đầu tiên trong cả nước thành lập Ngân hàng thương mại cổ phần (1987), xây khu chế xuất Tân Thuận (1991), xây dựng khu công nghệ phần mềm Quang Trung (2001), trung tâm giao dịch chứng khoán TPHCM (2007), Viện Khoa học và Công nghệ Tính toán (2008)... Hay, thực hiện một số chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học trình độ cao người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc. Có thể nói, những kết quả TPHCM đã đạt được trong bốn mươi năm sau ngày giải phóng, đặc biệt là trong hơn ba mươi năm đổi mới là minh chứng rõ ràng nhất cho sự năng động, sáng tạo của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân nơi đây; trong đó không thể không nhắc tới đội ngũ trí thức. Như vậy, sự năng động, sáng tạo của đội ngũ trí thức TPHCM hiện nay một mặt do yêu cầu khách quan tác động; mặt khác, do chính sự phát triển và yêu cầu phát triển của Thành phố trong thời kỳ đổi mới là chất xúc tác tạo nên đặc điểm này.

Thứ tư, có điều kiện sinh sống và lao động sáng tạo thuận lợi hơn so với một số địa phương khác trong cả nước. Trước hết, do nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nên so với các địa phương khác của Việt Nam, khí hậu - thời tiết ở TPHCM tương đối thuận lợi hơn; nhiệt độ cao đều trong năm với hai mùa mưa - nắng rõ ràng, về cơ bản không có bão, lụt, khô hạn hay lạnh giá. Với khí hậu - thời tiết tương đối ổn định, ôn hòa; đã tạo cho cuộc sống, sức khỏe, công việc của những người dân nơi đây, trong đó có đội ngũ trí thức tương đối dễ chịu, ít bị đảo lộn. Hơn thế nữa, TPHCM còn có một vị trí địa lý rất thuận lợi. GS Nguyễn Duy Quý đã nhận xét rằng: “Sài Gòn ngay từ lúc mới thành lập đã là mảnh đất đứng ở vị

trí giao điểm các luồng văn minh. Đây là đặc điểm đáng lưu ý mà không phải thành phố nào cũng có được” [128, tr.48]. Vị trí địa lý đó đã giúp TPHCM trở thành đầu mối giao thông nối liền các tỉnh, thành phố trong vùng, đồng thời cũng là cửa ngõ quốc tế quan trọng bậc nhất của cả nước. Chính hệ thống giao thông đa dạng, khá toàn diện, kết nối linh hoạt, đã tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức di chuyển, đi lại giữa TPHCM với các tỉnh, thành trong khu vực và cả nước cũng như với các nước trên thế giới một cách dễ dàng, tiện lợi.

Mặt khác, TPHCM còn là trung tâm văn hóa, GD&ĐT, KH&CN, truyền thông và là đầu mối giao lưu, hội nhập quốc tế lớn bậc nhất của cả nước. Hiện nay, TPHCM cùng với Thủ đô Hà Nội là một trong hai địa phương có nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học lớn nhất cả nước; có nhiều khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao có quy mô lớn và hiện đại như: Đại học Quốc gia TPHCM, Công viên phần mềm Quang Trung, Khu công nghệ cao... TPHCM còn là một trong hai trung tâm truyền thông lớn nhất của cả nước với nhiều đơn vị báo chí, nhà xuất bản, mạng lưới thông tấn xã, các đài phát thanh, truyền hình địa phương và trung ương. Hiện nay, tại TPHCM có nhiều cơ quan lãnh sự quán nước ngoài, văn phòng đại diện kinh tế - thương mại - văn hoá và các tổ chức quốc tế trú đóng. Nơi đây, hàng năm có nhiều hội nghị, hội thảo, diễn đàn GD&ĐT, KH&CN trong nước và quốc tế diễn ra.

Đặc biệt, từ khi đổi mới đến nay, TPHCM là một trong số ít địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và liên tục nhiều năm. Chính sự phát triển của kinh tế một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và chính quyền Thành phố đầu tư ngân sách nhiều hơn cho các lĩnh vực then chốt như: GD&ĐT, KH&CN, VH&NT... mặt khác còn góp phần nâng cao mức sống, thu nhập của đội ngũ trí thức, giải quyết tốt các vấn đề an sinh, phúc lợi xã hội; từ đó làm cho đội ngũ trí thức yên tâm hơn, dành nhiều tâm huyết, trí tuệ hơn trong quá trình lao động, sáng tạo. Bên cạnh đó, TPHCM còn ban hành nhiều cơ chế, chính sách khá tích cực, táo bạo, đi đầu cả nước trong việc xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ trí thức như: đặt hàng trong nghiên cứu khoa học, đầu tư theo sản phẩm và đồng đầu tư nghiên cứu ứng dụng đến dự án sản xuất thử nghiệm; thực hiện cơ chế hợp đồng khoán việc và trả tiền

công cao cho trí thức trình độ cao; thí điểm mô hình GS Việt kiều giữ chức đồng viện trưởng, phó viện trưởng phụ trách khoa học và đào tạo làm việc bán thời gian tại các Viện nghiên cứu. Hơn nữa, TPHCM còn có chính sách đối với trí thức nữ, trí thức trẻ như: thành lập Câu lạc bộ nữ trí thức, hình thành các quỹ nhằm đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong giới trẻ, lập quỹ bảo trợ tài năng trẻ, hình thành chương trình “Vườn ươm sáng tạo khoa học - kỹ thuật trẻ”, hình thành giải thưởng Euréka, giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học...nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong thanh niên, sinh viên, học sinh. Ngoài ra, từ khi đổi mới đến nay, Việt Nam nói chung, TPHCM nói riêng luôn được quốc tế đánh giá cao về sự ổn định của nền chính trị - xã hội. Chính môi trường chính trị - xã hội ổn định đã làm cho đội ngũ trí thức phấn khởi hơn trong lao động, niềm tin yêu đối với Đảng, với chính quyền, với con đường chủ nghĩa xã hội ngày càng được củng cố, tăng cường, theo đó, niềm tin khoa học cũng được nhân lên.

Thứ năm, tăng nhanh cả về lượng lẫn chất và có cơ cấu đa dạng trong thời kỳ đổi mới

Một là, về số lượng. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, toàn Thành phố chỉ “13.000 người có trình độ từ cao đẳng trở lên” [34, tr.1]. Bước sang thời kỳ đổi mới, số người có trình độ từ đại học trở lên tại TPHCM tăng lên rất nhanh; nếu như năm 2002 có 16.2594 người, thì đến cuối năm 2015 có 990.804 người [Phụ lục 1]. Đây là nguồn lực đặc biệt quan trọng để TPHCM thực hiện các mục tiêu phát triển.

Hai là, về trình độ học vấn. Đây là một trong những yếu tố quan trọng thể hiện chất lượng của đội ngũ trí thức. Theo đó, chất lượng của đội ngũ trí thức TPHCM trong những năm qua ngày càng được nâng cao rất rõ nét. Chỉ tính giai đoạn từ 2002 - 2015, số lượng người có trình độ đại học tăng 6,2 lần, thạc sĩ tăng lên 4,6 lần và số người có trình độ tiến sĩ tăng lên 2,2 lần [Phụ lục 1].

Ba là, về cơ cấu. Hiện nay, đội ngũ trí thức TPHCM có mặt rộng khắp ở mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó, lĩnh vực GD&ĐT chiếm tỷ lệ lớn nhất. Nếu chỉ tính số người có trình độ tiến sĩ thì lĩnh vực GD&ĐT chiếm tỷ lệ là 53,7%, tiếp đến là lĩnh vực y tế và hoạt động cứu trợ xã hội chiếm tỷ lệ là 18,6%, còn các lĩnh vực khác chiếm tỷ lệ không đáng kể [Phụ lục 3].

Về loại hình kinh tế: khu vực Nhà nước và tư nhân hiện nay ở TPHCM thu hút nhiều người có trình độ cao nhất. Cụ thể, kinh tế Nhà nước có 37,7% đại học, 35,0% thạc sĩ và 76,2% tiến sĩ; còn kinh tế tư nhân có 38,9% đại học; 22,3% thạc sĩ và 16,5% tiến sĩ [Phụ lục 4]. Từ số liệu cho thấy, đa số người có trình độ học vấn cao chủ yếu phân bố trong bộ phận hành chính, sự nghiệp; điều này phản ánh một thực tế: các cơ quan của Nhà nước rất coi trọng bằng cấp, còn các đơn vị sản xuất, kinh doanh lại chủ yếu quan tâm đến hiệu quả thực tế. Với sự phân bố như vậy sẽ chi phối không nhỏ đến số lượng, chất lượng tăng trưởng kinh tế của TPHCM.

Về độ tuổi, nếu như trước đây ở TPHCM số người có trình độ tiến sĩ dưới 60 tuổi chiếm tỷ lệ khá thấp, thì trong những năm gần đây độ tuổi này chiếm tỷ lệ cao hơn, đặc biệt số người có trình độ tiến sĩ trong độ tuổi từ 40 - 45 có xu hướng ngày càng tăng. Xu hướng “trẻ hóa” này là một tín hiệu khá tích cực, là nguồn tài sản vô cùng quý giá để TPHCM nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế. [Phụ lục 5].

Về giới tính, nếu như năm 2002, tại TPHCM chỉ có 67.221 phụ nữ có trình độ đại học, thì đến năm 2015 đã có 397.326 người [Phụ lục 2]. Chính sự thay đổi đó đã làm cho sự chênh lệch giới tính giữa nam và nữ trong đội ngũ trí thức TPHCM dần được thu hẹp; chỉ tính riêng trình độ tiến sĩ, nếu như năm 2002 trí thức nữ chiếm tỷ lệ là 26,1% so với trí thức nam, thì đến năm 2015 đã tăng lên 28,2%.

Về dân tộc, hiện nay tại TPHCM có khoảng 46 thành phần dân tộc đang sinh sống và làm việc; trong đó, số người dân tộc Kinh có trình độ từ đại học trở lên chiếm đa số: 97,9%, còn các dân tộc khác chiếm tỷ lệ rất ít [Phụ lục 6].

Như vậy, so với các địa phương khác trong khu vực, TPHCM có số lượng trí thức khá đông đảo, cơ cấu đa dạng, xu hướng ngày càng nâng cao về chất lượng. Đây là tiền đề quan trọng để đảm bảo cho Thành phố thực hiện thành công quá trình CNH, HĐH. Tuy nhiên, số lượng, chất lượng cũng như cơ cấu đội ngũ trí thức TPHCM vẫn còn bộc lộ một số bất cập ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện vai trò của đội ngũ này. Do đó, đi sâu phân tích thực trạng để từ đó đề ra giải pháp khoa học nhằm xây dựng đội ngũ trí thức đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, hợp lý về cơ cấu là nhiệm vụ có tính cấp thiết đối với TPHCM trong giai đoạn hiện nay.

3.2. VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY – THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ

Là một bộ phận hữu cơ nên đội ngũ trí thức TPHCM mang đầy đủ các vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam. Tuy nhiên, do xuất phát từ bối cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể đã làm cho quá trình thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM có những điểm đặc thù thể hiện trên các mặt cơ bản như sau:

3.2.1. Thực hiện vai trò cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng bộ và chính quyền hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - thành tựu, hạn chế

Thứ nhất, những thành tựu đạt được. Từ khi đổi mới đến nay, để đề ra các quyết sách phát triển TPHCM “đi trước, về đích trước” trong quá trình CNH, HĐH; Đảng bộ, chính quyền Thành phố một mặt đã quán triệt sâu sắc các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, mặt khác còn chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng các đường lối, chính sách riêng phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển của mình. Bằng các hoạt động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đặc biệt là việc thực hiện hệ thống các chương trình khoa học cấp Thành phố với hàng trăm đề tài từ năm 1986 đến nay [Phụ lục 14], đội ngũ trí thức chính là lực lượng chủ đạo nhất trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho Đảng bộ, chính quyền hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển TPHCM thời kỳ đổi mới. Tiêu biểu như:

Trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, trước yêu cầu TPHCM phải “đi đầu cả nước về phát triển kinh tế” [30, tr.5], đội ngũ trí thức đã cung cấp cho Đảng bộ Thành phố những luận cứ khoa học về: chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, tái cấu trúc doanh nghiệp Nhà nước, phát triển các thành phần kinh tế, phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường... Trên cơ sở đó, các đường lối, chính sách phát triển kinh tế TPHCM ngày càng được định hình rõ nét. Nếu như giai đoạn đầu đổi mới, mô hình tăng trưởng kinh tế của Thành phố chủ yếu diễn ra theo chiều rộng, phát triển dựa vào tăng vốn đầu tư, sử dụng nhiều lao động giản đơn; thì nay đã phát triển theo chiều sâu, có chất lượng, hiệu quả và mang tính bền vững hơn với việc dựa trên yếu tố năng suất tổng hợp, tiến bộ KH&CN,>NNLCLC, tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh. Có thể nói, đường lối

phát triển kinh tế của TPHCM trong thời kỳ đổi mới, một mặt dựa trên đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta; mặt khác, đã vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo đường lối đó và mạnh dạn thể nghiệm cơ chế, chính sách mới, phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển của Thành phố để giải phóng các nguồn lực xã hội nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển. Kết quả, sau hơn ba mươi năm đổi mới, cơ cấu kinh tế Thành phố đã có sự chuyển dịch khá đúng hướng, đến năm 2014 “GDP khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 59,6%, tăng 7% so với năm 2000; khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 39,4%, giảm 6% so với năm 2000; khu vực nông nghiệp 1%, giảm 0,9% so với năm 2000” [107, tr.60]. Với những thành tựu đạt được, TPHCM đã khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của mình đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước: tuy chỉ chiếm 0,6% về diện tích tự nhiên, 8,8% dân số, nhưng đã đóng góp đến: “21,75% GDP cả nước, 30,3% tổng thu ngân sách Nhà nước, 29,8% khu vực dịch vụ, 29,8% khu vực công nghiệp - xây dựng, 21,4% giá trị kim ngạch xuất khẩu, 20,7% giá trị kim ngạch nhập khẩu, 22,3% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ” [107, tr.60].

Cùng với kinh tế, nhiều vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình đổi mới cũng được đội ngũ trí thức TPHCM tiến hành điều tra, nghiên cứu một cách có hệ thống như: lao động việc làm, lao động nhập cư, tác động của quá trình đô thị hóa đến đời sống người dân, phúc lợi và an sinh xã hội... Những kết luận, kiến nghị của đội ngũ trí thức về các vấn đề trên đã được Đảng bộ, chính quyền Thành phố tiếp thu và làm luận cứ khoa học để xây dựng các chủ trương, chính sách giải quyết các vấn đề xã hội như: “Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội 1996 - 2010”; các chương trình: giảm nghèo tăng hộ khá, chương trình ba giảm, chương trình an sinh xã hội... Nhờ những quyết sách đó đã làm cho các vấn đề xã hội trên địa bàn TPHCM có chuyển biến khá tích cực, tiêu biểu như: mức chênh lệch giữa thành thị với nông thôn giảm từ 1,8 lần năm 2008 xuống 1,2 lần năm 2014; năm 2015, tỉ lệ hộ nghèo (tiêu chuẩn thu nhập dưới 16 triệu đồng/người/năm) tại TPHCM còn 0,5%, tỉ lệ hộ cận nghèo còn 1,79% hộ dân; tỷ lệ thất nghiệp năm 2011 là 5,0%, năm 2015 giảm còn 4,5% [42, tr.78]; mức sàn kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương đã được điều chỉnh: nhà tình nghĩa từ 40 triệu lên 60 triệu đồng/căn, nhà tình thương từ

25 triệu lên 40 triệu đồng/căn. Với những kết quả đạt được, TPHCM không chỉ biết đến ở sự phát triển nhanh về kinh tế mà các vấn đề xã hội cũng có sự thay đổi rất rõ nét; chính sự chuyển biến tích cực của xã hội đã góp phần đáng kể tạo nên những thành tựu trên lĩnh vực kinh tế của Thành phố trong thời gian qua.

Bên cạnh đó, trước yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài phục vụ quá trình CNH, HĐH; thông qua các nghiên cứu, đội ngũ trí thức đã cung cấp cho Đảng bộ và chính quyền Thành phố những luận cứ khoa học về: các cơ chế, chính sách để phát triển GD&ĐT, xã hội hóa giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy, hợp tác quốc tế trong GD&ĐT... Những kết quả nghiên cứu đó là cơ sở quan trọng cho Đảng bộ và chính quyền Thành phố đề ra các chủ trương, chính sách như: xác định nguồn nhân lực là một trong những khâu đột phá để thúc đẩy Thành phố phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ đổi mới; thực hiện “Chương trình đào tạo 500 thạc sĩ, tiến sĩ”; “Quy hoạch phát triển nhân lực TPHCM giai đoạn 2011 - 2020”... Đến nay, TPHCM đã sớm hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, là địa phương duy nhất hoàn thành phổ cập giáo dục trung học phổ thông năm 2009. Với các đường lối, chủ trương, chính sách mà Đảng bộ và chính quyền Thành phố ban hành trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho GD&ĐT TPHCM phát triển khá mạnh mẽ và toàn diện về: quy mô, mạng lưới giáo dục, công tác xã hội hóa, hợp tác quốc tế... Nhờ vậy, đã đưa TPHCM trở thành “một trong những địa phương đi đầu trong cả nước về GD&ĐT” [107, tr.460].

Đối với lĩnh vực KH&CN, trên cơ sở các quan điểm của Đảng ta về chiến lược phát triển KH&CN, đặc biệt là các quan điểm của Nghị quyết số 07 - NQ/HNTW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII chủ trương: “Xây dựng hai trung tâm công nghệ cao ở Hà Nội và TPHCM”; tiếp đó là Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đề ra chủ trương: xây dựng các khu công nghệ cao tại Hà Nội và TPHCM làm nơi hội tụ các cơ quan khoa học và các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhằm tạo ra các ngành công nghệ cao và các ngành công nghiệp dựa trên công nghệ cao; đặc biệt là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên

chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) được Đại hội XI thông qua xác định: “KH&CN giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế” [36, tr.78]. Đội ngũ trí thức TPHCM đã đi sâu nghiên cứu cả mặt lý luận lẫn thực tiễn, từ đó cung cấp cho Đảng bộ và chính quyền Thành phố những luận cứ khoa học quan trọng để xây dựng các chương trình hành động, ban hành các chủ trương, chính sách về KH&CN thời kỳ đổi mới như: quan điểm coi KH&CN là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, chủ trương phát triển các ngành công nghệ cao, công nghệ mũi nhọn nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm... Thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển KH&CN của Đảng, TPHCM đã đi đầu cả nước trong việc xây dựng khu công nghệ cao, thành lập các viện, các trung tâm nghiên cứu tiên tiến. Cùng với đó là các chính sách như: chi ngân sách cho KH&CN chiếm 2,09% trong tổng chi ngân sách của Thành phố (cả nước chưa tới 2%); áp dụng một số chính sách mang tính “cởi trói” trong việc triển khai thực hiện đề tài khoa học; chính sách thu hút trí thức trình độ cao trong và ngoài nước tới làm việc ở các trung tâm, viện nghiên cứu... Nhờ vậy, đã thúc đẩy KH&CN phát triển, tạo tiền đề quan trọng để TPHCM có điều kiện thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, hội nhập quốc tế.

Còn trên lĩnh vực VH&NT, từ những luận cứ khoa học của đội ngũ trí thức, Đảng bộ và chính quyền Thành phố đề ra các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển VH&NT trong thời kỳ đổi mới như: Chương trình hành động số 19 - CTr/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII; hay Ủy ban Thành phố phê duyệt, thực hiện các dự án như: “Định hướng phát triển ngành Văn hóa - Thông tin đến năm 2010”, “Xây dựng đời sống văn hóa tinh thần ở TPHCM”, “Xây dựng, quy hoạch, trùng tu, bảo tồn các di sản kiến trúc cổ”... Nhờ đó, VH&NT TPHCM trong những năm qua có bước phát triển đáng kể. TPHCM trở thành trung tâm VH&NT lớn của cả nước, các giá trị VH&NT đã thâm nhập, tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trở thành nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thành phố đạt

được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong thời gian qua. Vì vậy, Đại hội đại biểu Đảng bộ TPHCM lần thứ IX đã khẳng định: “Đời sống văn hóa của nhân dân Thành phố ngày được nâng lên, những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của con người Thành phố được tiếp tục khơi dậy, phát huy” [35, tr.19]. Ngoài ra, từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức Thành phố còn đi sâu điều tra, nghiên cứu các vấn đề như: mối quan hệ giữa kinh tế với văn hóa, đạo đức, lối sống; về xây dựng chính quyền đô thị, cải cách hành chính, quy hoạch đô thị, kết cấu hạ tầng đô thị, bảo vệ tài nguyên và môi trường...

Như vậy, mặc dù “là địa bàn ít có cơ quan lý luận, cũng ít thảo về lý luận” [105, tr.44]; thế nhưng, sau hơn ba mươi năm đổi mới, TPHCM đã trở thành một trung tâm lớn của cả nước về kinh tế, GD&ĐT, KH&CN, VH&NT... Thành tựu đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, song một trong những nguyên nhân không thể không kể tới đó là xuất phát từ đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng bộ và chính quyền TPHCM do đội ngũ trí thức tham mưu, tư vấn. Đường lối đó được xây dựng không chỉ phù hợp với xu thế của thời đại, yêu cầu phát triển của đất nước và mà còn phù hợp với vị trí địa lý, tài nguyên – thiên nhiên, đặc điểm lịch sử - xã hội của TPHCM trong mỗi giai đoạn, mỗi lĩnh vực cụ thể. Đường lối đó có lúc phải “vượt rào”, bị “tuýt còi”, “cảnh cáo”; nhưng từ thực tiễn chứng minh nó phù hợp với quy luật vận động và phát triển khách quan của Thành phố, nó khai thác được các tiềm năng, phát huy được các thế mạnh, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân và được nhân dân đồng tình, ủng hộ, hưởng ứng. Đường lối đó một mặt đã tạo nên sự trưởng thành trong năng lực lãnh đạo, điều hành của Đảng bộ, chính quyền TPHCM; mặt khác còn góp phần quan trọng vào việc hình thành, hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước ta.

Thứ hai, một số hạn chế biểu hiện trên các mặt cơ bản như:

Số lượng và chất lượng từ các hoạt động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn thông qua việc triển khai các đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học ở các cấp, ở nhiều lĩnh vực của đội ngũ trí thức TPHCM còn tồn tại những hạn chế nhất định. Khá nhiều công trình nghiên cứu của đội ngũ trí thức chưa phục vụ thiết thực và mang lại hiệu quả tích cực cho việc hoạch định các đường lối, chủ trương, chính

sách phát triển của Thành phố; số lượng đề tài nghiên cứu không áp dụng được trong thực tiễn còn chiếm tỷ lệ khá cao. Đánh giá về vấn đề này, Thành ủy TPHCM đã thẳng thắn thừa nhận rằng: “nhiều công trình, đề tài, sản phẩm nghiên cứu của giới trí thức Thành phố chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn của Thành phố, hoạt động nghiên cứu còn dàn trải, thiếu tập trung” [106. tr.14].

Trước yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH và với mục tiêu xây dựng Thành phố văn minh, hiện đại; Đảng bộ TPHCM đã phân định: lực lượng trí thức khoa học xã hội và nhân văn có vai trò “tập trung nghiên cứu các vấn đề cơ bản, bức xúc của Thành phố để làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, xây dựng hệ thống chính trị” [34, tr.1]. Song, trên thực tế thời gian qua, một số chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học của đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn làm công việc thuyết minh các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là chủ yếu; khả năng tư vấn, dự báo, định hướng xã hội...rất hạn chế, chưa theo kịp với những biến đổi liên tục của đời sống kinh tế - xã hội Thành phố. Không những thế, trong thời kỳ đổi mới mặc dù đội ngũ trí thức TPHCM đã tổ chức nghiên cứu khá nhiều đề tài, nhiều lĩnh vực, cả vấn đề lý luận lẫn thực tiễn...nhưng vẫn còn nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển của Thành phố đến nay chưa được đội ngũ trí thức nghiên cứu một cách bài bản và có hệ thống như: quy hoạch đô thị, xây dựng chính quyền đô thị, lao động việc làm, giao thông đô thị, chênh lệch giàu nghèo, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc...

Có thể nói, những tồn tại kể trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân được xem là cơ bản nhất chính là do trình độ, năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức TPHCM còn một số hạn chế. Sự hạn chế đó đã dẫn đến các luận cứ khoa học có chất lượng chưa cao, chưa có thật nhiều luận cứ mang tính vĩ mô, tầm chiến lược, có tính đột phá. Vì vậy, một số chủ trương, chính sách mà Đảng bộ, chính quyền TPHCM ban hành thời gian qua còn mang nặng tư duy cũ, chưa theo kịp với yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế cũng như xu thế vận động của thời đại; trước những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình phát triển, Thành phố còn tỏ ra lúng túng khi thực thi các quyết sách chính trị. Chính hạn chế đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của TPHCM trong thời gian qua.

3.2.2. Thực hiện vai trò phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thành phố Hồ Chí Minh - thành tựu, hạn chế

Thứ nhất, những thành tựu đạt được. CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi một cách căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính với năng suất, chất lượng hiệu quả thấp sang sử dụng lao động được đào tạo để cho năng suất chất lượng và hiệu quả cao hơn, dựa trên phương thức sản xuất công nghiệp và các thành tựu của KH&CN. Do đó, trước yêu cầu phải “xây dựng TPHCM trở thành một thành phố xã hội chủ nghĩa văn minh, hiện đại” [37, tr.46-47] thì việc phát triển NNLCLC đủ về số lượng, cao về chất lượng và hợp lý về cơ cấu là một yêu cầu tất yếu. Với thiên chức là lực lượng sáng tạo và truyền bá tri thức, từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức TPHCM chính là lực lượng giữ vai trò trực tiếp nhất trong việc phát triển NNLCLC. Vai trò đó được thể hiện trên các mặt cơ bản như sau:

Trước hết, trong thời kỳ đổi mới, với sự trưởng thành của mình, đội ngũ trí thức TPHCM, nhất là trí thức ngành giáo dục đã góp phần quan trọng trong việc mở rộng quy mô đào tạo NNLCLC. Chỉ tính trong giai đoạn 2000 - 2015: số lượng trường cao đẳng, đại học từ 18 trường tăng lên 83 trường (gấp 4,6 lần), số lượng giảng viên từ 6.706 tăng lên 26.127 giảng viên (gấp 3,9 lần), còn đối với sinh viên từ 254.695 tăng lên 964.438 sinh viên (gấp 3,8 lần) [Phụ lục 7]. Không chỉ quy mô đào tạo cao đẳng, đại học, mà quy mô đào tạo sau đại học cũng tăng lên rất đáng kể. Nếu như trước đây, chỉ có một số trường đại học công lập lớn mới đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; thì hiện nay đại đa số các trường đại học cả công lập và ngoài công lập trên địa bàn TPHCM đã được Bộ GD&ĐT cho phép mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ. Chính vì thế, số lượng học viên sau đại học theo đó cũng tăng lên khá rõ nét: nếu như năm 2004, toàn Thành phố có 6.103 học viên sau đại học [16, tr.233], thì đến năm 2015, có hơn 1.300 nghiên cứu sinh, hơn 20.000 học viên cao học, chuyên khoa và các học viên thuộc chương trình 500 tiến sĩ, thạc sĩ của Thành phố. Tại Đại học Quốc gia TPHCM, trong giai đoạn 2010 - 2013, trung bình mỗi năm tăng lên 15%, tỷ lệ học viên sau đại học so với sinh viên đại học tăng từ 14% (năm

2011) lên 17% (năm 2013) [135, tr.28]. Như vậy, chính nhờ quy mô đào tạo đại học và sau đại học ngày càng tăng, nên hàng năm TPHCM đón nhận thêm hàng chục ngàn cử nhân, kỹ sư và hàng ngàn thạc sĩ, tiến sĩ. Đây là những người lao động có tài năng, giữ trọng trách trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, trong lãnh đạo và quản lý, cũng như trong lao động sản xuất trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội. Sự bổ sung này là tiền đề rất quan trọng để TPHCM xây dựng đội ngũ trí thức tinh hoa, lực lượng chuyên gia, nguồn nhân lực giữ vai trò quyết định nhất đến việc đẩy nhanh sự nghiệp CNH, HĐH trong giai đoạn hiện nay.

Cùng với đó, đội ngũ trí thức TPHCM còn góp phần trang bị tri thức, nâng cao trình độ chuyên môn cho nguồn NNLCLC. Để có tri thức và nâng cao trình độ chuyên môn, NNLCLC phải tích lũy tri thức thông qua nhiều hình thức khác nhau; trong đó, quan trọng nhất vẫn là hình thức giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên, các nhà khoa học. Những năm qua, đội ngũ trí thức TPHCM ở các cơ sở giáo dục đại học, trung tâm, viện nghiên cứu đã tích cực tham gia trang bị tri thức, phục vụ sự nghiệp đào tạo nguồn NNLCLC như: tổ chức biên soạn và xuất bản giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo. Chỉ riêng tại Đại học Quốc gia TPHCM, đến năm 2013: “đã biên soạn và xuất bản được 2.187 giáo trình” [135, tr.28]. Nội dung giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo NNLCLC được đội ngũ trí thức biên soạn không chỉ kế thừa, tiếp thu những tinh hoa trí tuệ mới của nhân loại và thời đại; mà còn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam và đặc thù của TPHCM.

Bên cạnh đó, đội ngũ trí thức TPHCM còn là lực lượng trực tiếp tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, hướng dẫn luận văn, luận án cho NNLCLC. Để nâng cao chất lượng đào tạo NNLCLC, đội ngũ trí thức đã tích cực đổi mới nội dung, chương trình đào tạo đại học và sau đại học hướng đến các tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế. Ngoài ra, đội ngũ trí thức còn áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại, cách thức đào tạo tiên tiến; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác truyền tải tri thức; tích cực tham gia nghiên cứu khoa học để cập nhật, bổ sung thêm những tri thức mới nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo NNLCLC. Kết quả, những năm qua công tác đào tạo NNLCLC tại TPHCM đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận: nếu như năm

2005, toàn Thành phố có 49.437 sinh viên tốt nghiệp thì đến năm 2015 có 121.476 sinh viên tốt nghiệp (tăng gấp 2,5 lần) [Phụ lục 8]. Do số lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm tương đối lớn nên cơ cấu lao động đã qua đào tạo trên địa bàn Thành phố thời gian qua đã có những thay đổi đáng kể: nếu như năm 2009, lao động có trình độ đại học trở lên chỉ chiếm 12,86%; thì năm 2014 đã tăng lên 18,91% [Phụ lục 9]. Bên cạnh đó, cơ cấu lao động cũng có sự chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH: trong giai đoạn 2005 - 2014, tỷ trọng lao động ngành nông - lâm - ngư nghiệp từ 5,4% giảm xuống còn 2,6%; ngành công nghiệp - xây dựng từ 45,8% xuống 31,7%; ngược lại ngành dịch vụ tăng từ 48,9% tăng lên 65,7% [Phụ lục 10]. Như vậy, chính sự trưởng thành về mọi mặt của đội ngũ trí thức đã góp phần thúc đẩy>NNLCLC phát triển cả về số lượng, chất lượng, từng bước hợp lý về cơ cấu. Sau hơn ba mươi năm đổi mới, giờ đây TPHCM không chỉ biết đến là trung tâm kinh tế mà còn là trung tâm đào tạo>NNLCLC có quy mô phát triển hàng đầu của cả nước.

Hơn thế nữa, đội ngũ trí thức TPHCM còn thể hiện vai trò của mình trong việc nâng cao trình độ lý luận chính trị cho>NNLCLC. Đây là lực lượng tiên phong, dẫn dắt và quyết định sự thành bại của sự nghiệp CNH, HĐH. Trước hết, đối với sinh viên, học viên ở các cơ sở giáo dục đại học: các môn Lý luận chính trị, chương trình Triết học sau đại học đã được tổ chức giảng dạy một cách bài bản, có hệ thống theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Thông qua đó, đội ngũ trí thức đã truyền tải các nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với sinh viên, học viên. Kết quả từ các hoạt động đó,>NNLCLC sẽ hình thành được thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản, nâng cao tư duy lý luận, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức. Một khi trình độ lý luận chính trị của>NNLCLC được nâng lên không chỉ tạo ra sức “đề kháng” trước luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; mà còn góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc của lực lượng này.

Ngoài ra, đội ngũ trí thức còn nâng cao trình độ lý luận chính trị cho các đối tượng là: cán bộ quản lý, lãnh đạo, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị TPHCM. Đây là lực lượng có vai trò quan trọng trong thực thi các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đưa ra các quyết sách không chỉ góp phần ổn

định chính trị mà còn thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Đơn cử như: tại Học viện Chính trị Khu vực II “trong 5 năm qua, trung bình mỗi năm Học viện đào tạo 32 lớp với 2.560 học viên” [54, tr.7] trình độ cao cấp lý luận chính trị; hay tại Học viện Cán bộ TP HCM, trong giai đoạn 2005 - 2014 đã mở gần 500 lớp đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị - hành chính [107, tr.445]. Nhờ vậy, nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị tại TP HCM đã được nâng lên rất rõ rệt. Chỉ tính riêng cán bộ chủ chốt, nếu như năm 2001 “có 50% trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân” [9, tr.68]; thì đến năm 2015 “có 97,8% trình độ lý luận chính trị cao cấp và cử nhân [42, tr.87]. Cùng với trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị được nâng cao đã góp phần quan trọng để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị mà họ đảm nhiệm.

Có thể nói, xét đến cùng con người nói chung, NNLCLC nói riêng luôn là chủ thể, lực lượng giữ vai trò quyết định nhất đối với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của TP HCM trong thời kỳ đổi mới. Vậy nên, với NNLCLC hiện có, không chỉ tạo điều kiện cho TP HCM đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy Nhà nước; mà còn góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, một số hạn chế biểu hiện trên các mặt cơ bản như:

Trước hết, trong những năm qua mặc dù đội ngũ trí thức đã đào tạo được số lượng lớn NNLCLC, nhưng trước yêu cầu phát triển của Thành phố và cả nước, “đội ngũ nhân lực chất lượng cao và công nhân lành nghề vẫn còn thiếu rất nhiều so với nhu cầu xã hội” [123, tr.33]. Nguồn nhân lực Thành phố hiện chưa qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật còn chiếm tỷ lệ khá cao 30,07% [Phụ lục 10]. Sự khan hiếm NNLCLC đang diễn ra ở tất cả các ngành nghề, các thành phần kinh tế; các ngành công nghệ thông tin, điện - điện tử, cơ khí, nguồn cung nhân lực mới “chỉ đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp” [139]. Bên cạnh đó là sự mất cân đối giữa quy mô đào tạo: cùng một thời gian, bậc cao đẳng, đại học có số trường tăng gấp 2 lần, quy mô đào tạo tăng 3,73 lần, số sinh viên tốt nghiệp hàng năm tăng 2,14 lần so với bậc trung cấp chuyên nghiệp. Đối với Việt Nam cũng như TP HCM, chúng ta đang trong thời kỳ đầu của quá trình CNH,

HDH, đại bộ phận lực lượng lao động hiện nay làm việc chủ yếu với quy trình công nghệ nửa cơ giới và cơ giới; vì vậy cơ cấu đào tạo như trên rõ ràng là chưa hợp lý, tất yếu sẽ dẫn đến tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”. Hơn nữa, hiện nay Thành phố đang chủ trương phát triển các ngành công nghệ như: Dệt may - Da giày, Hóa - Hóa chất - Y dược - Mỹ phẩm, Cơ khí - Luyện kim - Công nghiệp ô tô xe máy, Điện - Điện tử - Viễn thông - Công nghệ thông tin, Xây dựng - Kiến trúc - Giao thông vận tải, Chế biến thực phẩm; nhưng số sinh viên ra trường các ngành trên mỗi năm mới chỉ đạt 40%; trong khi đó các nhóm ngành kinh tế - quản trị kinh doanh lại chiếm tới 60%. Sự mất cân đối trong đào tạo>NNLCLC còn thể hiện rõ hơn ở bậc đào tạo sau đại học, đơn cử như tại Đại học Quốc gia TPHCM, trong những năm gần đây “khối ngành kỹ thuật - công nghệ chiếm 45%, khối ngành khoa học tự nhiên chiếm 20%, khối ngành khoa học xã hội và nhân văn chiếm 20% và khối ngành kinh tế - quản lý chiếm 15%” [135, tr.8].

Bên cạnh đó, vai trò đào tạo>NNLCLC của đội ngũ trí thức TPHCM không chỉ thể hiện qua các định lượng về trường học, ngành học, số sinh viên, học viên tốt nghiệp...mà quan trọng hơn, nó còn được đo lường, kiểm định bởi kết quả sử dụng>NNLCLC của xã hội. Theo đó, tỷ lệ sinh viên, học viên đáp ứng yêu cầu xã hội sau khi tốt nghiệp; sự phản hồi của các cơ quan, doanh nghiệp tuyển dụng là một trong những thước đo quan trọng nhất để nhận biết hiệu quả công tác trang bị tri thức, nâng cao trình độ chuyên môn cho>NNLCLC của đội ngũ trí thức. Hiện nay, mỗi năm tại TPHCM có khoảng hơn 55.000 sinh viên ra trường. Tuy nhiên, theo khảo sát của Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và thông tin thị trường lao động TPHCM công bố thời gian gần đây cho thấy: “chỉ có 80% sinh viên, học viên tốt nghiệp tại TPHCM tìm được việc làm, 20% không tìm được việc. Trong tổng số tìm được việc làm chỉ có 50% là có việc làm phù hợp với năng lực, sở thích” [149]. Như vậy, từ kết quả điều tra cho thấy, sinh viên, học viên tốt nghiệp không tìm được việc làm hoặc làm việc không phù hợp với chuyên ngành được đào tạo còn chiếm tỷ lệ khá cao; cho dù nhu cầu lao động trên địa bàn Thành phố luôn tăng lên hàng năm. Mâu thuẫn này được các doanh nghiệp đưa ra là do người lao động không đáp ứng yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật, khả năng sử dụng ngoại

ngữ, tác phong công nghiệp, đạo đức nghề nghiệp ở một bộ phận người lao động chưa cao...thế nên, sau khi được tuyển dụng, cơ quan sử dụng lao động phải mất thời gian để đào tạo lại; hoặc đào tạo, bồi dưỡng trước khi sử dụng. Sự bất cập này một mặt gây ra sự lãng phí lớn về kinh phí, thời gian đào tạo; mặt khác còn cản trở đến năng suất, chất lượng, hiệu quả của quá trình sản xuất, kinh doanh, sự ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của TPHCM.

Còn đối với vai trò nâng cao trình độ lý luận chính trị cho>NNLCLC. Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém trong công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị ở nước ta thời gian qua: “Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng (...) chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, phong cách lãnh đạo, quản lý. Phương pháp giảng dạy, học tập chậm được đổi mới...chưa phát huy được tính tích cực, sáng tạo của học viên” [86, tr.1]. Những hạn chế đó một mặt bắt nguồn từ sự bất cập, hạn chế trong việc xây dựng chương trình các môn lý luận chính trị hiện nay; mặt khác là do phương pháp giảng dạy của một số giảng viên còn theo lối thuyết giảng là chủ yếu, thiếu sự gắn kết giữa lý luận và thực tiễn...đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng học tập, nghiên cứu các môn lý luận chính trị trên địa bàn TPHCM. Còn đối với đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức; thời gian qua, mặc dù đội ngũ trí thức đã tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng quy mô đào tạo; tuy nhiên, số lượng cũng như chất lượng đào tạo đối tượng này vẫn còn không ít hạn chế. Về số lượng, theo bà Trương Thị Hiền, nguyên Giám đốc Học viện Cán bộ TPHCM cho biết: nếu vẫn duy trì tốc độ đào tạo như thời gian qua “phải mất 15 - 20 năm thì TPHCM mới hoàn thành được chỉ tiêu đào tạo, sau đó lại tiếp tục mất nhiều năm nữa để đào tạo bổ sung” [107, tr.446]. Còn về chất lượng đào tạo, bà Trương Thị Hiền nhận xét: “chưa thực sự đổi mới toàn diện, đồng bộ về phương pháp giảng dạy, chất lượng đội ngũ giảng viên chưa đáp ứng yêu cầu mới của việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho hệ thống chính trị” [107, tr.447]. Có thể nói, những hạn chế kể trên đang gây ra những cản trở không nhỏ đối với Đảng bộ, chính quyền trong thực hiện các chương trình đột phá để thúc đẩy TPHCM phát triển nhanh và bền vững.

3.2.3. Thực hiện vai trò nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thành phố Hồ Chí Minh - thành tựu, hạn chế

Thứ nhất, những thành tựu đạt được. Trong tiến trình lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy, một quốc gia để phát triển trở nên giàu mạnh luôn phụ thuộc trực tiếp và chủ yếu vào nền tảng, trình độ của KH&CN cũng như khả năng ứng dụng nó vào hoạt động sản xuất. Chính vì vậy, khi vạch ra phương hướng phát triển cho TPHCM, Nghị quyết số 20 của Bộ Chính trị năm 2002 đã chỉ rõ: để đi đầu cả nước và sớm thực hiện thành công sự nghiệp CNH, HĐH, TPHCM phải “phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ có hàm lượng khoa học công nghệ cao, hiện đại, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, bảo vệ tốt môi trường” [85, tr.3]. Với đường lối chỉ đạo đó, những năm qua, đội ngũ trí thức chính là lực lượng tiên phong, giữ vai trò quan trọng nhất trong việc đẩy mạnh nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao các thành tựu KH&CN phục vụ quá trình CNH, HĐH Thành phố. Sự đóng góp đó thể hiện trên các mặt cơ bản như:

Trước hết, đối với lĩnh vực công nghệ cao. Đây là lĩnh vực sử dụng những công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được tích hợp từ thành tựu KH&CN hiện đại như: công nghệ sinh học, công nghệ năng lượng, công nghệ vật liệu mới, công nghệ vi điện tử... Phát triển công nghệ cao là một trong những mục tiêu ưu tiên hàng đầu của Đảng bộ và chính quyền TPHCM nhằm hiện đại hóa và phát triển xã hội, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập quốc tế. Với thiên chức là lực lượng chủ đạo trong nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao KH&CN, đội ngũ trí thức đã tích cực thúc đẩy công nghệ cao TPHCM phát triển khá toàn diện. Tiêu biểu như, về công nghệ sinh học. Chỉ tính riêng tại Trung tâm Công nghệ Sinh học giai đoạn 2004 – 2015, đội ngũ trí thức đã triển khai hơn 70 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở ở các lĩnh vực: thực vật, vi sinh, thủy sản, y dược, động vật; hơn 15 đề tài cấp tỉnh, thành phố và 2 đề tài cấp Nhà nước. Kết quả từ các nghiên cứu sáng tạo của đội ngũ trí thức đã tạo ra một số sản phẩm, quy trình công nghệ hiện đại giúp TPHCM thực hiện các chương trình trọng điểm như: xây dựng nông thôn mới, thực hiện chương

trình phát triển hoa cây cảnh, rau an toàn, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tạo điều kiện để phát triển nền nông nghiệp chất lượng cao.

Hay, về công nghệ vật liệu mới, đội ngũ trí thức đã nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng có hiệu quả một số loại nguyên liệu từ thiên nhiên, các chất từ phế liệu, phế thải, vật liệu composit... để trở thành những vật liệu hữu ích, có tính năng ứng dụng cao phục vụ trong công nghiệp. Các kết quả nghiên cứu trên không chỉ góp phần quan trọng trong việc tìm nguồn vật liệu thay thế nguồn vật liệu thiên nhiên, nâng cao chất lượng cũng như tính năng, tác dụng của một số sản phẩm; mà còn mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo điều kiện cần thiết để ngành công nghệ vật liệu TPHCM phát triển theo hướng bền vững. Còn đối với công nghệ thông tin - điện tử - viễn thông, đội ngũ trí thức đã nghiên cứu sáng tạo hệ thống thông tin địa lý (GIS) để quản lý hạ tầng viễn thông, cơ sở dữ liệu bản đồ nền, ứng dụng GIS để quản lý, điều phối giao thông trực tuyến kết hợp với hệ thống định vị toàn cầu (GPS) và dịch vụ vô tuyến gói tổng hợp (GPRS); sáng tạo thành công sản phẩm phần mềm nhúng cho thiết bị viễn thông; tạo ra các bộ kit phục vụ ngành điện tử; thiết kế và sản xuất chip cho ngành công nghiệp vi mạch... Có thể nói, kết quả từ những hoạt động trên của đội ngũ trí thức không chỉ góp phần tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường; mà còn tạo điều kiện để TPHCM hình thành những ngành sản xuất, những dịch vụ mới và hiện đại hóa các ngành sản xuất, dịch vụ hiện có.

Còn trên lĩnh vực công nghiệp - một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, lĩnh vực sản xuất hàng hóa vật chất mà sản phẩm được “chế tạo, chế biến” đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hoặc phục vụ hoạt động kinh doanh tiếp theo. Đây là hoạt động kinh tế, sản xuất quy mô lớn, được sự hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ của các thành tựu KH&CN. Đối với Việt Nam nói chung, TPHCM nói riêng bước vào quá trình CNH, HĐH từ một nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu. Vì vậy, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế sang công nghiệp không chỉ là quy luật khách quan trong quá trình phát triển mà còn là một yêu cầu cấp thiết của quá trình CNH, HĐH. Từ khi đổi mới đến nay, những tri thức khoa học được đội ngũ trí thức TPHCM sáng tạo và phát triển không chỉ giúp người lao động nâng cao nhận thức, trình độ chuyên

môn, tay nghề, nắm bắt các kỹ năng của quy trình sản xuất, mà còn được “vật thể hóa” thành các máy móc, công cụ, trang thiết bị, phương tiện sản xuất hiện đại phục vụ quá trình sản xuất. Cùng với người lao động thì các bộ phận cấu thành tư liệu sản xuất là những yếu tố không thể thiếu được trong quá trình sản xuất vật chất. Thông qua các hoạt động nghiên cứu sáng tạo và phát triển KH&CN, đội ngũ trí thức TPHCM đã góp phần đổi mới, thay thế các máy móc, trang thiết bị, phương tiện sản xuất đã lỗi thời, lạc hậu, tiêu tốn nhiều lao động, năng suất, hiệu quả thấp, ô nhiễm môi trường bằng những máy móc, trang thiết bị, phương tiện sản xuất có năng suất, hiệu quả lao động, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao hơn, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, thúc đẩy xã hội phát triển. Theo Báo cáo của Sở KH&CN TPHCM, trong giai đoạn 2003 - 2014, có trên 90% đề tài, dự án xuất phát từ yêu cầu đổi mới công nghệ thiết bị, dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp; đội ngũ trí thức đã thiết kế, chế tạo 63 chủng loại thiết bị, sản phẩm, dây chuyền máy móc mới có trình độ tiên tiến. Đã chế tạo và chuyển giao trên 265 thiết bị, sản phẩm phục vụ sản xuất có chất lượng tương đương với giá thành rẻ hơn từ 20% - 60% so với giá nhập khẩu, tiết kiệm ngoại tệ ước tính gần 282,2 tỷ đồng, hiệu quả đầu tư tính trung bình đạt 7,02 lần [107, tr.493]. Kết quả từ các hoạt động khác nhau, đội ngũ trí thức đã làm cho trình độ KH&CN trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn TPHCM có chuyển biến khá tích cực: từ chỗ các ngành công nghiệp sản xuất chủ yếu bằng thủ công, sử dụng nhiều lao động, thì nay đã chuyển sang quá trình cơ khí, tự động hóa, giảm tác động trực tiếp của người lao động lên phương tiện, máy móc. Đơn cử, đến năm 2014, trình độ tự động hóa và cơ khí hóa trong 4 nhóm ngành công nghiệp trọng điểm của Thành phố chiếm tỷ lệ khá cao: nhóm ngành chế biến lương thực thực phẩm: 30,40% và 34,43%; nhóm ngành cơ khí: 28,11% và 42,12%; nhóm ngành điện tử: 25,23% và 33,64%; nhóm ngành hóa dược, cao su: 18,16% và 53,29% [Phụ lục 13]. Bên cạnh đó, đội ngũ trí thức còn góp phần tạo điều kiện cho ngành công nghiệp TPHCM nâng cao khả năng làm chủ KH&CN trong quá trình sản xuất. Điều đó không chỉ thể hiện ở việc người lao động TPHCM có khả năng lắp đặt, vận hành, sử dụng, sửa chữa, cải tiến, kiểm soát vận hành các máy móc, trang thiết bị không phải mời các chuyên

gia, cố vấn kỹ thuật nước ngoài hỗ trợ; mà còn sáng tạo ra các máy móc, trang thiết bị hiện đại, các phụ tùng, các nguồn nhiên liệu, năng lượng thay thế từ nguồn tài nguyên thiên nhiên...có chất lượng ngang bằng hoặc ưu thế hơn về giá thành, về tính năng tác dụng, thay thế đáng kể sản phẩm ngoại nhập.

Còn trên lĩnh vực dịch vụ, trong thời đại toàn cầu hóa và kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ như hiện nay, dịch vụ là ngành có vai trò ngày càng quan trọng đối với nền kinh tế của mỗi quốc gia. Đây là một ngành kinh tế độc lập, chủ yếu dựa trên các thành tựu KH&CN mà hạt nhân là công nghệ thông tin, nhằm cung ứng các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của con người; tiêu biểu các lĩnh vực như: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistics, bưu chính viễn thông, vận tải, du lịch, cảng, kho bãi, dịch vụ KH&CN, GD&ĐT, văn hóa, thông tin, thể thao, chăm sóc sức khỏe... Việc đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ là một trong những ưu tiên hàng đầu của Đảng bộ và chính quyền TPHCM. Trước yêu cầu đó, đội ngũ trí thức TPHCM đã tích cực nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao các thành tựu KH&CN góp phần đắc lực thúc đẩy ngành dịch vụ phát triển. Những đóng góp của đội ngũ trí thức TPHCM trước hết thể hiện ở sự hoàn thiện và ngày càng hiện đại của các phương tiện, cơ sở hạ tầng, tạo ra tiền đề thuận lợi cho việc hình thành, phát triển các ngành dịch vụ. Với việc áp dụng các thành tựu KH&CN, đội ngũ trí thức TPHCM đã góp phần thúc đẩy các lĩnh vực như: thông tin liên lạc, mạng, viễn thông, công nghệ mạng và internet, công nghệ 3G... ngày càng phát triển, hiện đại, dần thay thế những công nghệ, phương tiện thông tin lỗi thời, lạc hậu.

Bên cạnh đó, đội ngũ trí thức TPHCM còn góp phần khai thác tiềm năng và lợi thế của từng lĩnh vực dịch vụ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ trên thị trường cả trong nước và quốc tế. Đơn cử như: với sự phát triển của internet, các công ty lữ hành có thể cung cấp thông tin về các tuyến du lịch, về khách sạn, giá vé; các nhà phân phối chuyển từ hình thức bán hàng truyền thống sang thương mại điện tử. Hay, ở lĩnh vực ngân hàng, nhờ ứng dụng các thành tựu KH&CN hiện đại, các ngân hàng có thể đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và tạo ra nhiều dịch vụ mới

đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Không những thế, các ngân hàng phân tích, xử lý thông tin, quản lý khách hàng tốt hơn nhằm hạn chế tối đa rủi ro... Kết quả là, từ khi đổi mới đến nay, các ngành dịch vụ tại TPHCM không chỉ tăng trưởng khá nhanh mà còn chuyển hướng khá tích cực, mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát triển theo hướng bền vững. Trong đó, ngành dịch vụ ngân hàng và chứng khoán luôn có tốc độ tăng trưởng nhanh, ảnh hưởng to lớn đến sự ổn định vĩ mô của nền kinh tế Thành phố. Kết quả từ Cục Thống kê TPHCM cho biết, những năm qua, dịch vụ chính là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng sản phẩm nội địa của Thành phố, nếu như năm 2000 chiếm 52,60% thì đến năm 2014 chiếm đến 59,60% [Phụ lục 12].

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, từ xưa đến nay luôn có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế của mỗi quốc gia. Phát triển nông nghiệp không chỉ tạo điều kiện để giải quyết việc làm cho người lao động mà còn đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, nâng cao hiệu quả của cả nền kinh tế. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, nền nông nghiệp truyền thống với quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên, kinh nghiệm của người lao động, hiệu quả kinh tế thấp buộc phải chuyển sang nền sản xuất với việc ứng dụng các thành tựu KH&CN để cho năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao hơn. “Phát triển nông nghiệp đô thị hiện đại, hiệu quả, bền vững theo hướng nông nghiệp công nghệ cao” [42, tr.126] là một trong những nội dung chỉ đạo quan trọng của Đảng bộ TPHCM trong những năm qua. Trước yêu cầu đó, bằng các hoạt động nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao KH&CN, đội ngũ trí thức đã góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp TPHCM có chuyển biến khá tích cực. Theo đánh giá của Đảng bộ và chính quyền Thành phố, đa số các đề tài nghiên cứu của đội ngũ trí thức đều đáp ứng được các mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp Thành phố; có hơn 50% các nghiên cứu được ứng dụng phục vụ cho các mục tiêu phát triển giống cây, giống con chất lượng cao. Về trồng trọt, đã chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất rau an toàn, góp phần giảm chi phí trong sản xuất, tăng năng suất, chất lượng rau theo các tiêu chuẩn như: VIETGAP, HACCP, ASEANGAP... Về chăn nuôi, bằng việc ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong cải tiến chuồng trại, chế biến và cân đối khẩu phần ăn, phòng chống dịch bệnh, đã góp

phần làm tăng sản lượng sữa, cung cấp bò sữa giống và bò thịt cho các tỉnh phía Nam. Từ đó tạo điều kiện cho Thành phố chuyển đổi nền nông nghiệp truyền thống sang nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bước đầu hình thành một số vùng nông nghiệp công nghệ cao, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao giá trị các sản phẩm, phát triển theo hướng ổn định và bền vững. Kết quả thống kê đến năm 2015 cho thấy, giá trị thu được trên diện tích đất nông nghiệp tại TPHCM đã đạt hơn 320 triệu đồng/ha, cao nhất cả nước.

Như vậy, với các hoạt động nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao KH&CN, đội ngũ trí thức một mặt đã góp phần đắc lực trong việc hiện đại hóa xã hội, mặt khác còn tạo điều kiện cho TPHCM phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao, những dịch vụ chất lượng cao. Hàm lượng KH&CN trong nền kinh tế TPHCM ngày càng được nâng lên, chỉ tính trong giai đoạn 2011 - 2014, thông qua phát triển công nghệ, hỗ trợ ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của hoạt động chuyên môn và KH&CN đạt 16,9%, gấp 3,3 lần so với giai đoạn 2006 - 2010 và chiếm tỷ trọng 5,5% trong GDP [140]. Chỉ số năng suất tổng hợp (TFP) chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP của Thành phố: từ 2006 - 2010 chiếm tỷ lệ bình quân là 17,4% (cả nước giai đoạn 2005 - 2010 chỉ đạt 6%); từ 2011 - 2013 là 30,9% [107, tr.493]; và từ 2011 - 2015 đạt 32,8% [141]. Chính việc ứng dụng các thành tựu KH&CN đã thúc đẩy các ngành kinh tế của TPHCM có tốc độ tăng trưởng nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Các ngành dịch vụ, công nghiệp có tốc độ tăng trưởng cao hơn so với ngành nông nghiệp; cơ cấu kinh tế dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp đã được định hình khá rõ nét. Không chỉ có sự chuyển dịch trong toàn bộ nền kinh tế Thành phố, mà còn tác động mạnh mẽ đến việc chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ của từng ngành theo hướng ngày càng hiện đại và hiệu quả hơn.

Trong công nghiệp, nếu như tỷ trọng các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao ngày càng gia tăng, thì các ngành công nghiệp mang tính gia công, sử dụng nhiều lao động có xu hướng giảm. Đối với ngành dịch vụ, các lĩnh vực dịch vụ chất lượng cao như: tài chính, chứng khoán, viễn thông, truyền thông có sự tăng trưởng nhanh hơn so với các lĩnh vực còn lại. Còn đối với nông nghiệp, thì

nông nghiệp công nghệ cao đã mang lại năng suất, sản lượng và có giá trị gia tăng lớn hơn nông nghiệp truyền thống. Với những đóng góp kể trên, đội ngũ trí thức đã góp phần to lớn vào việc nâng cao tiềm lực KH&CN, tạo tiền đề để TPHCM đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH chuyển sang giai đoạn phát triển theo chiều sâu, tiến vào nền kinh tế tri thức, là cơ sở quan trọng để Đảng bộ, chính quyền Thành phố triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng “đô thị thông minh” thời gian tới.

Thứ hai, một số hạn chế biểu hiện trên các mặt cơ bản sau:

Trước hết, số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao KH&CN của đội ngũ trí thức chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố. Đội ngũ trí thức TPHCM hiện nay phân bố khá nhiều ở các trường đại học, học viện, trung tâm, viện nghiên cứu. Tuy nhiên, số lượng giảng viên, nghiên cứu viên tham gia nghiên cứu khoa học còn chiếm tỷ lệ khá thấp. Theo kết quả điều tra trên 120 giảng viên ở 3 trường đại học trên địa bàn TPHCM trong năm 2013 cho thấy: có hơn 1/5 số mẫu nghiên cứu tự đánh giá là không bao giờ nghiên cứu khoa học trong 5 năm gần đây [146]. Vì số lượng trí thức tham gia nghiên cứu khoa học khiêm tốn, nên số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp chưa tương xứng với số lượng trí thức hiện có. Bên cạnh đó, do các kế hoạch, chỉ tiêu hàng năm ở các trường đại học, học viện, trung tâm, viện nghiên cứu, dẫn đến tình trạng “nghiên cứu cho có đề tài”; hoặc do nguồn kinh phí hạn chế, quá trình nghiệm thu, kiểm duyệt một cách dễ dãi theo kiểu “tiền nào của đó”, đã làm cho một số công trình nghiên cứu khoa học của đội ngũ trí thức có chất lượng chưa cao. Vấn đề này, Đảng bộ TPHCM nhận xét: “nhiều công trình, đề tài, sản phẩm nghiên cứu của giới trí thức Thành phố chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn” [106, tr.14]. Hơn nữa, để thúc đẩy KH&CN TPHCM phát triển một cách bền vững không chỉ đòi hỏi ở việc tiếp thu, ứng dụng các thành tựu KH&CN của nhân loại; mà còn phải có các sản phẩm KH&CN là phát minh, sáng chế công bố quốc tế. Tuy nhiên, những năm qua tại TPHCM: “số công trình được công bố ở các tạp chí có uy tín trên thế giới và số sáng chế được đăng ký quốc tế còn ít” [34, tr.2]. Chính những hạn chế đó đã làm cho tiềm lực KH&CN của TPHCM vẫn còn khoảng cách khá xa so với các nước tiên tiến trên thế giới, một số lĩnh vực đang đứng trước nguy cơ tụt hậu.

Bên cạnh đó, tác động KH&CN đến đời sống kinh tế - xã hội còn thấp. Mặc dù TPHCM luôn xem phát triển KH&CN là một trong những nhân tố quan trọng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế; tuy nhiên hiệu quả tác động từ KH&CN đến kinh tế, xã hội, văn hóa trong thời gian qua vẫn còn có những hạn chế nhất định. Đảng bộ TPHCM đã thừa nhận: “KH&CN chưa thực sự là động lực thúc đẩy phát triển” [42, tr.23]. Những hạn chế đó trước hết thể hiện ở tỷ lệ ứng dụng các kết quả nghiên cứu từ các đề tài KH&CN vào hoạt động sản xuất khá thấp. Ví như, giai đoạn 2001 - 2005, tỷ lệ đạt khoảng 25%; giai đoạn 2006 - 2010, tỷ lệ đạt mức từ 25% - 30% [107, tr.493]. Do đó, hàm lượng tri thức khoa học và giá trị gia tăng của sản phẩm thấp, quá trình đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp diễn ra rất chậm. “Tính chung cho các doanh nghiệp, mức độ thiết bị hiện đại chỉ có 10%, mức trung bình 38%, lạc hậu và rất lạc hậu chiếm 52%. Đặc biệt ở nhóm sản xuất nhỏ, thiết bị lạc hậu và rất lạc hậu chiếm đến 70%” [152]. Tình trạng lạc hậu về KH&CN dẫn đến năng suất lao động thấp, thâm hụt lao động cao, tiêu tốn nhiều nhiên liệu, sức cạnh tranh trên thị trường yếu. Vì vậy, chỉ số năng suất tổng hợp (TFP) mặc dù chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP của Thành phố, tuy nhiên đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chưa cao; so với các nước trong khu vực còn có khoảng cách rất lớn. Theo Báo cáo Năng suất năm 2012 của Tổ chức Châu Á (APO) trong giai đoạn 2005 - 2010, mức đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP của nhiều quốc gia đã ở mức trên 40%: Hàn Quốc đạt 63%, Đài Loan: 59%, Ấn độ: 48%, Indonesia: 42%, Philippine: 41% [144]. Cùng với đó, việc nghiên cứu giải mã và nội địa hóa công nghệ nước ngoài đã được thực hiện nhưng chưa nhiều, chưa góp phần tích cực vào việc nâng cao trình độ công nghệ của các cơ sở sản xuất - kinh doanh trên địa bàn Thành phố: “kết quả ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học vào sản xuất và đời sống còn hạn chế; thị trường KH&CN phát triển chậm. Trình độ công nghệ của nhiều ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp còn lạc hậu” [42, tr.103]. Chính những hạn chế kể trên đang là thách thức không nhỏ đối với TPHCM trong việc chuyển đổi mô hình kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay.

3.2.4. Thực hiện vai trò xây dựng và phát triển văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc - thành tựu, hạn chế

Thứ nhất, những thành tựu đạt được. Mặc dù là một vùng đất còn khá trẻ, có lịch sử hình thành và phát triển mới hơn 300 năm, nhưng hiện nay TPHCM không chỉ là một trung tâm lớn về kinh tế, chính trị, mà còn là một trung tâm lớn về văn hóa của khu vực phía Nam cũng như cả nước. Diện mạo văn hóa TPHCM vừa có tính thống nhất với văn hóa dân tộc, vừa có những nét đa dạng, phong phú, đặc sắc của vùng đất sông nước phương Nam. Chính các giá trị văn hóa đã và đang trở thành sức mạnh tinh thần to lớn thúc đẩy kinh tế - xã hội TPHCM ổn định, phát triển. Kết quả đó là sự kết tinh công sức, trí tuệ của nhiều giai cấp, tầng lớp trong xã hội, đặc biệt đội ngũ trí thức là lực lượng tiên phong, tiêu biểu và quan trọng nhất. Vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM được thể hiện trên các mặt cơ bản như:

Trước hết, để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa TPHCM, với thiên chức riêng có và đặc trưng lao động trí tuệ, đội ngũ trí thức chính là lực lượng giữ vai trò quan trọng nhất trong việc sáng tạo ra “nhiều công trình, tác phẩm tốt đáp ứng yêu cầu ngợi ca nét đẹp trong cuộc sống, chiến đấu, lao động, học tập, xây dựng quê hương đất nước” [72, tr.2]. Trong số đó, có các công trình tiêu biểu như: “Nam bộ đất và người”, “Bến Nghé xưa và người Sài Gòn”, “Sài Gòn từ khi thành lập đến giữa thế kỷ 19”... Có thể nói, các công trình sáng tạo tiêu biểu kể trên một mặt đã khẳng định những giá trị cao đẹp của con người, đất nước, dân tộc Việt Nam; mặt khác còn góp phần làm sáng tỏ lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Sài Gòn - Gia Định - TPHCM; làm phong phú, sâu sắc thêm những nét đặc sắc của văn hóa TPHCM. Văn hóa đó chính là sự kết tinh, giao thoa, gặp gỡ của nhiều nền văn hóa ở trong và ngoài nước, với các đặc trưng nổi bật như: sự năng động, sáng tạo, phóng khoáng, khoan dung, nhân hậu, nghĩa tình...

Bản sắc văn hóa TPHCM không chỉ biểu hiện ở các giá trị tư tưởng, tâm lý, tình cảm, lối sống... mà còn thông qua các vật chứng, chứng tích lịch sử. Đây là những tư liệu gốc, cơ sở quan trọng để người dân, đặc biệt thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước, hiểu biết một cách có hệ thống, sâu sắc hơn về tổ tiên, nguồn cội của dân tộc và Thành phố. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong

những năm qua cùng với hoạt động nghiên cứu sáng tạo, đội ngũ trí thức TPHCM còn tiến hành điều tra, phát hiện, sưu tập các hiện vật, tài liệu về văn hóa. Nếu như năm 1998, đội ngũ trí thức đã sưu tập được 5.753 số hiện vật, tài liệu; thì đến năm 2012 đã có 15.615 số hiện vật, tài liệu được sưu tập; nâng tổng số hiện vật, tài liệu có được tại các Bảo tàng từ 91.658 lên 496.360 hiện vật [Phụ lục 15.2]. Chính các hiện vật, tài liệu trên một mặt đã góp phần khôi phục, hoàn thiện các giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam nói chung và TPHCM nói riêng; mặt khác còn góp phần giáo dục truyền thống, bồi dưỡng tình yêu quê hương, Tổ quốc; giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa đó đến với bạn bè quốc tế.

Không những thế, đội ngũ trí thức TPHCM còn đi sâu nghiên cứu, khảo sát và lập hồ sơ di tích, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, bảo vật quốc gia để trình lên các cơ quan có thẩm quyền quản lý, công nhận. Nhờ vậy, những năm qua nhiều công trình, di tích văn hóa trên địa bàn TPHCM đã được Nhà nước công nhận, xếp hạng. Tính đến năm 2010, tại TPHCM đã “có 124 công trình, địa điểm được xếp hạng di tích” [50, tr.90]. Trong số đó, có thể kể ra một số di tích, địa danh, công trình kiến trúc tiêu biểu tạo nên bản sắc, “linh hồn” của văn hóa Sài Gòn - TPHCM như: Bến Nhà Rồng, Dinh Thống Nhất, Chợ Bến Thành... Bên cạnh đó, đội ngũ trí thức TPHCM còn tham gia trong việc đánh giá, lý giải, thẩm định các tác giả, tác phẩm, sự kiện, hiện tượng VH&NT, dự báo xu hướng vận động của VH&NT đương đại. Đặc biệt, trước xu thế toàn cầu hóa, mặt trái của kinh tế thị trường đã làm cho một số tư tưởng, lối sống “ngoại lai” được dịp tràn vào nước ta, ảnh hưởng tiêu cực đến việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa TPHCM và dân tộc. Từ thực trạng đó, đội ngũ trí thức đã tiên phong đi đầu trong việc “phê bình, đấu tranh với những quan điểm sai trái, nhận thức thẩm mỹ lệch lạc” [38, tr.8]; từ đó, góp phần giáo dục thị hiếu, định hướng các giá trị chân, thiện, mỹ cho công chúng TPHCM.

Để tuyên truyền các giá trị văn hóa của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, những năm qua bằng các hoạt động như: giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, trưng bày, triển lãm...đội ngũ trí thức đã làm sống dậy quá khứ hào hùng, các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam cũng như TPHCM trong thời kỳ đổi mới. Thực hiện sứ mệnh này, đội ngũ trí thức đã đẩy mạnh trưng bày,

triển lãm các hiện vật, tư liệu về văn hóa tại TPHCM. Nếu năm 1998 chỉ có 35 cuộc trưng bày, triển lãm và thu hút 1.095.087 lượt khách tham quan; thì đến năm 2014 có 214 cuộc trưng bày, triển lãm và thu hút 2.787.746 lượt khách tham quan [Phụ lục 15.1]. Cùng với đó, đội ngũ trí thức còn truyền bá giá trị văn hóa Thành phố, dân tộc qua các “kênh” thông tin như: sách, báo, tạp chí, phát thanh, truyền hình. Số ấn phẩm báo in, kênh phát sóng và giờ phát sóng của báo nói, báo hình, báo điện tử thời gian qua đều tăng lên [Phụ lục 16.1]. Hoạt động xuất bản được đẩy mạnh đã làm cho số tựa, số bản in có những thay đổi rất đáng kể [Phụ lục 16.2]. Báo chí, xuất bản trở thành một mặt trận quan trọng để đội ngũ trí thức tuyên truyền các giá trị văn hóa của Thành phố và của dân tộc. Với những đóng góp đó, đội ngũ trí thức không chỉ cung cấp những thông tin kịp thời về văn hóa đến với đông đảo quần chúng nhân dân; mà còn góp phần tạo lập, định hướng dư luận xã hội, giáo dục, phổ biến kiến thức, nâng cao dân trí và đời sống tinh thần cho người dân TPHCM. Những năm gần đây, nhiều hoạt động giao lưu văn hóa giữa TPHCM với các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước được đội ngũ trí thức tổ chức; triển khai nhiều chuyến đi thâm nhập thực tế. Chính từ các hoạt động đó không chỉ góp phần tuyên truyền các giá trị văn hóa TPHCM đến với đông đảo quần chúng; mà còn khơi gợi niềm cảm hứng cho đội ngũ trí thức sáng tạo ra một số tác phẩm VH&NT không chỉ thấm đẫm chủ nghĩa yêu nước, tinh thần cách mạng kiên trung, đặc trưng văn hóa của vùng đất phương Nam; mà còn “hội tụ những nét văn hóa dân tộc của các vùng, miền trong cả nước, cũng như tinh hoa VH&NT thế giới” [71, tr.6].

Từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức còn là lực lượng đi đầu trong việc tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống cách mạng của dân tộc và TPHCM. Để thực hiện nhiệm vụ này, đội ngũ trí thức TPHCM đã “biên soạn và xuất bản 193 công trình lịch sử Đảng bộ, lịch sử truyền thống cách mạng, kỷ yếu và các chuyên đề lịch sử khác của địa phương, đơn vị; trong đó, có 31 ấn phẩm của ngành, đoàn thể cấp Thành phố, 63 ấn phẩm cấp quận, huyện và 98 ấn phẩm cấp phường, xã, thị trấn” [5, tr.188]. Trong số đó, đáng chú ý là cuốn sách: “Lịch sử Đảng bộ TPHCM 1930 - 1975”. Cuốn sách ra đời, không chỉ có giá trị sâu sắc về chính trị, tư tưởng mà còn có một ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục truyền thống lịch sử của

Đảng bộ Thành phố đến với quần chúng nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ nói chung, học sinh, sinh viên TPHCM nói riêng.

Ngoài ra, với vị trí chiến lược quan trọng đối với cả nước, cộng với những tàn dư của chế độ thực dân, đế quốc để lại; từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đến nay, TPHCM luôn bị các thế lực thù địch xác định là địa bàn trọng điểm để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” với nhiều âm mưu và thủ đoạn rất thâm độc, xảo quyệt. Chúng triệt để lợi dụng xu thế toàn cầu hóa và những thành tựu của cuộc cách mạng KH&CN, nhất là Internet để chuyển tải các thông tin xuyên tạc về các vấn đề cơ bản, cốt lõi của nền tảng tư tưởng, lý luận của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa nước ta. Núp dưới chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo”, các thế lực thù địch hằng ngày tung ra hàng chục tài liệu để phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước nói chung, Đảng bộ và chính quyền TPHCM nói riêng, nhằm làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào Đảng, vào lý tưởng mà chúng ta theo đuổi, hòng làm thay đổi chế độ chính trị của nước ta, đưa nước ta theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Trước tình hình đó, đội ngũ trí thức TPHCM cùng với trí thức cả nước, bằng các hình thức đấu tranh khác nhau đã đi sâu phân tích, nhận diện, lột tả bản chất thâm độc, luận điệu xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch; từ đó nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin, tạo ra “sức đề kháng” cho nhân dân, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn TPHCM cũng như cả nước. Chính vì vậy, Đại hội Đảng bộ TPHCM lần thứ VIII đã khẳng định: trong thời kỳ đổi mới, “Thành phố luôn giữ vững ổn định chính trị, kể cả trong những thời điểm tình hình trong nước khó khăn và thế giới có những diễn biến phức tạp, đã góp phần quan trọng vào giữ vững ổn định chung của đất nước” [31, tr.14].

Như vậy, từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức không chỉ có vai trò xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật mà còn thể hiện vai trò quan trọng của mình trong việc xây dựng nền tảng tinh thần - bản sắc văn hóa của dân tộc và TPHCM; tạo cơ sở vững chắc đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển xã hội của Thành phố. Chính các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp đó được đội ngũ trí thức khơi dậy, giữ gìn, phát

huy đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân TPHCM trong thời kỳ đổi mới. Và cũng chính các giá trị văn hóa đó “như một sức sống tiềm năng, bình thường thì như tia lửa nhỏ, khi có dịp thì bùng lên sáng chói, tiêu diệt bạo tàn, phát huy cao độ tinh thần dân tộc” [45, tr.24]; trở thành mục tiêu, động lực to lớn để TPHCM xây dựng Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, có chất lượng sống tốt.

Thứ hai, một số hạn chế biểu hiện trên các mặt cơ bản như:

Mặc dù thời gian qua đội ngũ trí thức đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử hình thành, quá trình phát triển, đặc trưng văn hóa TPHCM, cũng như các vấn đề khác về văn hóa...tuy nhiên, số lượng cũng như chất lượng các công trình nghiên cứu sáng tạo còn khá khiêm tốn, có quá ít các công trình nghiên cứu về văn hóa Thành phố một cách toàn diện, hệ thống. Đến nay, đội ngũ trí thức TPHCM vẫn chưa sáng tạo được công trình văn hóa nào tương xứng với vị trí, vai trò là một trong những trung tâm lớn về văn hóa của cả nước. Theo Sở KH&CN TPHCM, giai đoạn 2011 - 2015, trong chương trình nghiên cứu khoa học cấp Thành phố trên lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn, thì số lượng các đề tài xếp loại khá chiếm chủ yếu, còn đề tài xếp loại giỏi và xuất sắc nhiều năm không có. Trong hoạt động sáng tác, “VH&NT Thành phố còn ít tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật” [38, tr.8]. Số lượng tác phẩm phản ánh một cách chân thực, sâu sắc, đúng tầm vóc với truyền thống năng động, sáng tạo trong công cuộc đổi mới của quân và dân TPHCM còn quá ít. Trong khi đó, lại xuất hiện “một số khuynh hướng sáng tác lệch lạc, nhất là tập trung khai thác mặt tiêu cực của đời sống xã hội và có biểu hiện xu hướng “thương mại hóa”, mang nặng tính giải trí, hạ thấp chức năng tư tưởng, thẩm mỹ có chiều hướng gia tăng” [38, tr.8]; hay các xu hướng lai căng, sùng ngoại, đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng khá phổ biến. Hoạt động phê bình văn học nghệ thuật của đội ngũ trí thức vẫn “còn mang tính đơn lẻ, thiếu tổ chức, tập hợp để có đủ sức mạnh trên các lĩnh vực. Các bài phê bình trên báo còn nặng tính giới thiệu tác giả, tác phẩm” [147]. Từ thực trạng đó, Đảng bộ TPHCM đã chỉ ra rằng: Hoạt động lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật chưa đạt yêu cầu so với sự phát triển, chưa đồng hành với sáng tác, chưa làm tốt chức năng điều chỉnh, hướng dẫn, định hướng đối với hoạt động sáng tạo.

Trong hoạt động giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa TPHCM cũng như cả nước của đội ngũ trí thức vẫn còn một số hạn chế. Đơn cử như: công tác lập hồ sơ đề xuất công nhận di tích còn chậm; do đó, “số lượng di tích được công nhận còn ít so với bề dày truyền thống cách mạng và thực tiễn của Thành phố, hiện tượng di tích bị xâm phạm chưa được giải quyết triệt để” [38, tr.9]. Hoạt động ở các Bảo tàng còn đơn điệu, nội dung ít đổi mới. Là địa phương tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tuy nhiên hoạt động bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số còn hạn chế. Trên lĩnh vực thông tin, truyền thông vẫn còn một số trí thức chưa bám sát tôn chỉ, mục đích hoạt động; khuynh hướng “thương mại hóa” trong lĩnh vực báo chí chậm được khắc phục, “một số bài báo, xuất bản phẩm, chương trình phát thanh, truyền hình thiếu tính định hướng, giáo dục, không phù hợp với văn hóa dân tộc, thông tin sai sự thật, dẫn dắt công chúng nhận thức lệch lạc, gây tác động xấu trong đời sống xã hội” [38, tr.13].

Với lợi thế là đầu mối giao lưu, hợp tác quốc tế lớn của cả nước đã mở ra khá nhiều cơ hội cho đội ngũ trí thức TPHCM tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại; tuy nhiên, trên thực tế “việc tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của các nước còn hạn chế” [38, tr.15]. Công tác giới thiệu, quảng bá các sản phẩm VH&NT có giá trị nổi bật của Thành phố và đất nước đến bạn bè thế giới của đội ngũ trí thức đôi khi còn thiếu tính chủ động. Công tác quản lý văn hóa, nhất là trong hoạt động biểu diễn, xuất và nhập khẩu sản phẩm văn hóa tại TPHCM còn một số bất cập. Hệ quả là, xuất hiện ngày càng nhiều sản phẩm văn hóa ngoại nhập, các phong cách biểu diễn không thích hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc; những biểu hiện lai căng trong nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức thẩm mỹ của công chúng chậm được chấn chỉnh. Những hạn chế, yếu kém đó không chỉ làm cho sức mạnh “nội sinh” của Thành phố chưa được phát huy ở mức cao nhất, chưa tạo ra sự ảnh hưởng, sức lan tỏa lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội TPHCM cũng như cả nước; mà còn làm cho các giá trị truyền thống văn hóa của Thành phố và đất nước đứng trước nguy cơ bị mai một, phai nhạt.

Hoạt động đội ngũ trí thức trong công tác đấu tranh nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đường lối, chính sách của Nhà nước và TPHCM vẫn còn một số

hạn chế như: công tác nghiên cứu lý luận chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn, nhất là nội dung về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội chưa được giải đáp một cách đầy đủ, thuyết phục; một số vấn đề phát sinh trong công cuộc đổi mới chưa được làm sáng tỏ; công tác tuyên truyền, giáo dục các đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước chưa được quan tâm đúng mức, phương pháp tiến hành còn lạc hậu; công tác tư tưởng thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao, một bộ phận trí thức chưa thực sự chủ động, phối hợp chưa nhịp nhàng với các cơ quan chức năng... Những hạn chế đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc giữ vững ổn định tình hình chính trị, tư tưởng trên địa bàn TPHCM cũng như cả nước trong thời gian qua.

3.2.5. Thực hiện vai trò phản biện xã hội góp phần hoàn thiện chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ và chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh - thành tựu, hạn chế

Thứ nhất, những thành tựu đạt được. Hoạt động phản biện xã hội là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của đội ngũ trí thức nước ta nói chung và đội ngũ trí thức TPHCM nói riêng. Có ý kiến cho rằng, phản biện là hoạt động “làm rõ mặt trái để làm sáng tỏ mặt phải”, phản biện không đồng nghĩa với bác bỏ, càng trái ngược với bài bác; thực ra phản biện luôn gắn liền với việc góp ý nhằm sửa đổi, bổ sung sao cho hoàn thiện, phù hợp, mang lại hiệu quả tốt nhất. Hoạt động phản biện xã hội nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc tham gia quản lý Nhà nước. Đây là “nhu cầu cấp thiết và là đòi hỏi bắt buộc quá trình xây dựng và củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, khắc phục tệ quan liêu, xa dân” [102, tr.102]. Hoạt động phản biện xã hội không chỉ là cách thức phát huy sức mạnh trí tuệ của nhân dân, tạo ra sự thống nhất trong nhận thức, đồng thuận trong hành động về các đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật; mà còn góp phần làm giảm thiểu sai sót, lãng phí, tổn kém về thời gian, tiền của của nhân dân, Nhà nước; qua đó, tạo điều kiện để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Nhận thức được tầm quan trọng đó, từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức TPHCM đã tiến hành phản biện xã hội trên nhiều lĩnh vực, nhiều vấn đề, nhiều đường lối, chính sách, pháp luật, dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa

bàn Thành phố. Thông qua quá trình phản biện xã hội, đội ngũ trí thức đã chỉ ra những mặt hợp lý, bất hợp lý; cùng với đó là các kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội Thành phố.

Trong những năm qua, thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, đội ngũ trí thức TPHCM đã tích cực tham gia phản biện nhiều dự án, đề án, dự thảo do Thành ủy, Ủy ban Nhân dân, các sở, ban ngành của Thành phố đưa ra. Tiêu biểu như: trong đợt trình Dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội X (2015 - 2020) của Đảng bộ TPHCM đã thu hút hơn 15.800 lượt ý kiến đóng góp, trong đó có khá nhiều ý kiến phản biện rất tâm huyết của đội ngũ trí thức trên các mặt như: “giải pháp tạo đột phá trong nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh; phát triển đô thị bền vững, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển, ứng dụng mạnh mẽ KH&CN để thật sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an sinh xã hội và phúc lợi xã hội...” [138]. Những ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân, trong đó có ý kiến phản biện của đội ngũ trí thức đã được Đại hội Đảng bộ TPHCM lần thứ X tiếp thu và đưa một số nội dung vào Báo cáo chính trị trình Đại hội thông qua. Không những thế, đội ngũ trí thức TPHCM nhất là trí thức ở Hội Luật gia đã tham gia phản biện các nội dung trong dự thảo Hiến pháp, hàng trăm dự thảo Luật, bộ luật, các văn bản quy phạm pháp luật khác; từ đó góp phần tạo điều kiện cho Nhà nước hoàn thiện công cụ điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội.

Từ khi đổi mới đến nay, thông qua tổ chức chính trị - xã hội là Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, đội ngũ trí thức đã thể hiện vai trò quan trọng của mình trong thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội, góp phần hoàn thiện các đường lối, chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ và chính quyền TPHCM. Chỉ riêng giai đoạn 2007 - 2013, đội ngũ trí thức “đã tổ chức và thực hiện phản biện xã hội đối với 45 dự án” [73, tr.3]; trong số đó có các dự án tiêu biểu như: “Thí điểm chính quyền đô thị Thành phố Hồ Chí Minh”, “Đầu tư công trình xây dựng đường nối Bình Thái - Gò Dưa, quận Thủ Đức”, “Vệ sinh môi trường Thành phố lưu vực kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè”, “Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lê Văn Lương, quận 7”, “Chống sạt lở bán đảo Thanh Đa - Đoạn 4”, “Đầu tư xây dựng cầu Sài Gòn 2”, “Xây dựng công trình chống sạt lở bờ hữu rạch

Giồng - sông Kinh Lộ, huyện Nhà Bè”, “Sửa chữa đường Nguyễn Hữu Cánh, quận Bình Thạnh”, “Xây dựng sân bay Long Thành”... Ngoài ra, đội ngũ trí thức TPHCM còn tham gia phản biện xã hội các dự án “nóng” được dư luận Thành phố rất quan tâm như: việc di dời cảng Sài Gòn, nhà máy Ba Son ra khỏi nội thành; quy hoạch công trình ở các tuyến đường trung tâm quận 1; chống ngập nước, chống ùn tắc giao thông, mở rộng tuyến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Nguyễn Văn Trỗi; vấn đề giải quyết hộ khẩu thường trú cho hàng vạn hộ dân cư trú lâu nay ở Thành phố; vấn đề nhà tái định cư tại các nơi giải tỏa; nhà ở cho người thu nhập thấp, lao động nghèo, sinh viên; vấn đề bảo tồn, trùng tu các kiến trúc cổ trên địa bàn Thành phố...

Thực tế đã chứng minh rằng, để quản lý và thúc đẩy xã hội phát triển, bất kỳ một chính quyền nào đều phải ban hành các quyết sách chính trị. Tuy nhiên, các quyết sách đó bao giờ cũng xuất phát từ tính chủ quan của người có quyền lực hoặc mang dấu ấn rất đậm nét của cá nhân, tổ chức tiến hành soạn thảo. Do đó, các đường lối, chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ và chính quyền TPHCM trong quá trình xây dựng hoặc đã ban hành rất cần sự phản biện xã hội để có sự tiếp cận, đánh giá đa diện, nhiều chiều của mọi tầng lớp nhân dân. Hoạt động này không chỉ góp phần phát huy dân chủ, tránh quan liêu hóa trong các tổ chức công quyền, mà còn góp phần làm cho các quyết sách của Đảng bộ và chính quyền TPHCM sát, đúng, phù hợp hơn với mong muốn chính đáng của nhân dân; cơ sở để xây dựng chính quyền Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Xuất phát từ ý nghĩa đó, những năm qua, một số chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội dưới dạng dự thảo hay kế hoạch chuẩn bị hoặc đang triển khai; sau khi được đội ngũ trí thức phản biện, chính quyền TPHCM và các tổ chức, cá nhân có liên quan đã tiếp thu một cách rất nghiêm túc; từ đó nhanh chóng đề ra các chủ trương, kế hoạch điều chỉnh kịp thời. Tiêu biểu như các dự án “Cổ phần hóa Bệnh viện Bình Dân”, dự án “Thu phí xe vào nội thành”, dự án “Sơn lại tòa nhà Bưu điện TPHCM”... Sau khi được đội ngũ trí thức tiến hành phản biện xã hội, chỉ ra những bất cập, hạn chế; Ủy ban Nhân dân Thành phố đã tiếp thu và nhanh chóng đưa ra quyết định dừng triển khai. Hay, thông qua phản biện xã hội, đội ngũ trí thức đã chỉ ra tính khả thi của các dự án: “Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2”, “Xây dựng bãi giữ xe

ngầm tại địa điểm công viên Lê Văn Tám”... Trên cơ sở đó, Ủy ban Nhân dân TPHCM đã đi đến quyết định phê duyệt và cho triển khai dự án. Đến nay, các dự án trên đã phát huy được tác dụng, đáp ứng nhu cầu đi lại, gửi xe, mang lại sự tiện lợi cho người dân, khắc phục sự chia cắt giữa các khu vực; do đó, đại đa số người dân Thành phố đều đồng tình, phấn khởi, ủng hộ. Hiệu quả mang lại từ việc điều chỉnh các quyết sách chính trị trên không chỉ minh chứng cho sự thành công của chính quyền Thành phố; mà còn thể hiện tầm quan trọng của đội ngũ trí thức đối với sự nghiệp phát triển của TPHCM trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Sự đóng góp của đội ngũ trí thức một mặt đã nâng tầm trí tuệ trong việc thực thi quyết sách chính trị, mặt khác đảm bảo cho Đảng bộ và chính quyền TPHCM thực hiện mục tiêu xây dựng một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân.

Như vậy, thông qua hoạt động phản biện xã hội của đội ngũ trí thức, các chủ trương, chính sách, pháp luật, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ, chính quyền TPHCM đề ra trong thời gian qua đã được xây dựng ngày càng hoàn thiện, sát với yêu cầu của cuộc sống, giảm thiểu những sai sót, tạo sự thống nhất, đồng thuận trong xã hội; từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội TPHCM phát triển, an ninh - chính trị trên địa bàn Thành phố được ổn định, niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước được nâng cao. Vì vậy, phát biểu tại Đại hội đại biểu Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật TPHCM lần thứ VI, nguyên Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh Lê Thanh Hải đánh giá: đội ngũ trí thức đã có những đóng góp quan trọng và khá toàn diện vào việc “nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, chăm lo chất lượng cuộc sống nhân dân; đặc biệt, góp phần thực hiện 6 chương trình đột phá của Thành phố” [149].

Thứ hai, một số hạn chế biểu hiện trên các mặt cơ bản như:

TPHCM là một trung tâm kinh tế lớn, nơi có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh nhất và với quy mô lớn nhất của cả nước; hàng năm Thành phố có nhiều chủ trương, chính sách, kế hoạch, dự án, chương trình được triển khai. Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn còn khá nhiều chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố chưa được đội ngũ trí thức phản biện một cách kịp thời, đầy đủ. Báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ V (2007 - 2013) và phương hướng nhiệm vụ

công tác nhiệm kỳ VI (2013 - 2018) của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật TP HCM đã thẳng thắn thừa nhận: “Số lượng các công trình, dự án được tư vấn, giám định và phản biện xã hội còn ít so với tổng số các công trình, dự án đã được thực hiện trên địa bàn Thành phố” [73, tr.15]. Do không được tổ chức phản biện một cách kịp thời, đầy đủ nên một số chủ trương, chính sách, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại TP HCM được ban hành, triển khai trong thời gian qua có tính khoa học chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển cũng như thực tiễn cuộc sống của người dân, gây ra những thất thoát, lãng phí không đáng có về ngân sách, thời gian, làm mất trật tự xã hội ở một số địa điểm trên địa bàn Thành phố.

Mặc dù trong thời gian qua, đội ngũ trí thức đã đưa ra nhiều ý kiến phân tích, chứng minh, kiến nghị mặt đúng, sai của các chủ trương, chính sách, đề án kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố; tuy nhiên, chất lượng các ý kiến phản biện của đội ngũ trí thức còn có những hạn chế nhất định như: chưa có nhiều ý kiến phản biện đóng góp mang tầm chiến lược, tính đột phá cao để tạo cơ sở cho Đảng bộ và chính quyền TP HCM hoạch định các đường lối, chính sách phát triển Thành phố nhanh hơn, mạnh mẽ hơn. Bên cạnh đó, nội dung và phương thức hoạt động phản biện xã hội của đội ngũ trí thức vẫn còn mang tính đơn lẻ, thiếu tính chuyên nghiệp, tính chuyên sâu. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật TP HCM là nơi tập hợp đông đảo đội ngũ trí thức thuộc nhiều chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau, nhưng “số lượng các nhà khoa học tham gia trực tiếp vào hoạt động tư vấn, giám định và phản biện xã hội chưa nhiều” [73, tr.4].

Những hạn chế kể trên bắt nguồn từ các nguyên nhân cơ bản như: cơ chế cung cấp thông tin, sự cầu thị, lắng nghe của giới lãnh đạo đối với ý kiến phản biện của trí thức chưa được coi trọng đúng mức. Hiện chưa có quy định dự án bao nhiêu vốn, ảnh hưởng tới xã hội mức nào phải tiến hành phản biện. Các cơ chế, chính sách về phản biện vẫn chưa hoàn thiện nên chưa thu hút được đông đảo trí thức, nhất là trí thức trẻ, trí thức ở các doanh nghiệp, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia. Đặc biệt, sự thiếu tự giác, thái độ thờ ơ, bàng quan chính trị ở một bộ phận trí thức trước các vấn đề “quốc kế, dân sinh” của Thành phố cũng ảnh hưởng không nhỏ đến số lượng, chất lượng hoạt động phản biện xã hội của trí thức TP HCM.

3.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Từ khi đổi mới đến nay, với sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền TPHCM, đội ngũ trí thức đã không ngừng phát triển, có những đóng góp to lớn thể hiện vai trò quan trọng của mình đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển Thành phố. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác phát huy vai trò đội ngũ trí thức vẫn còn gặp không ít những khó khăn, vướng mắc, bất cập như:

3.3.1. Sự bất cập trong nhận thức ở một bộ phận người dân Thành phố Hồ Chí Minh về vai trò của đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Đội ngũ trí thức là lực lượng tinh hoa của xã hội, có trình độ học vấn cao, tiên phong trong lao động sáng tạo, chiếm lĩnh, làm chủ tri thức KH&CN, VH&NT; đại biểu cho nhân cách, văn hóa, đạo đức, trí tuệ đương thời của dân tộc, có sứ mệnh khai sáng, thiết kế, thúc đẩy xã hội tiến tới văn minh và tiên bộ. Với vị trí và tầm quan trọng đặc biệt đó, đội ngũ trí thức xứng đáng nhận được sự trân trọng, tôn vinh của toàn xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế, nhận thức của một bộ phận người dân TPHCM chưa thực sự đầy đủ về vai trò của đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Trước hết, trong hệ thống chính trị: nhận thức của một số cán bộ, đảng viên về vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM vẫn còn có những hạn chế, khuyết điểm. Trước thực trạng này, Đảng bộ TPHCM đã thẳng thắn thừa nhận: “Một số cán bộ đảng và chính quyền chưa nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí của trí thức; chưa coi trọng nguồn nhân lực có trình độ cao” [34, tr.6]. Cụ thể, một số cấp ủy, chính quyền các cấp còn có quan niệm: xem công tác trí thức là nhiệm vụ của các cơ quan ở Trung ương chứ không phải ở địa phương, đơn vị mình; hay, hiểu một cách đơn giản: công tác trí thức chỉ là việc đưa cán bộ đi đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Chính những hạn chế trên đã làm cho các đường lối, chủ trương trong văn kiện, nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam, chương trình hành động của Đảng bộ TPHCM về trí thức chưa được một số cấp ủy đảng, chính

quyền các cấp quán triệt một cách đầy đủ, sớm thể chế hóa để đi vào cuộc sống; chưa xây dựng được chiến lược tổng thể về công tác trí thức; chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc quan điểm: “GD&ĐT cùng với KH&CN là quốc sách hàng đầu”, “phát triển NNLC là khâu đột phá chiến lược” để thúc đẩy TPHCM phát triển nhanh và bền vững. Bên cạnh đó, một số cán bộ, lãnh đạo các cấp ở TPHCM chưa thực sự cầu thị, lắng nghe ý kiến đóng góp, tư vấn, phản biện của đội ngũ trí thức; vì vậy, không khích lệ, động viên, phát huy có hiệu quả năng lực sáng tạo của đội ngũ này. Một số cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chưa coi nghiên cứu khoa học, sáng tạo và phát triển trí thức là một nhiệm vụ trọng tâm, chưa bố trí cán bộ lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, có thẩm quyền lớn để chỉ đạo công tác GD&ĐT, KH&CN, VH&NT; chưa có các giải pháp đồng bộ và cơ chế giám sát, kiểm tra hoạt động của đội ngũ trí thức; chi ngân sách cho hoạt động KH&CN, VH&NT chưa đúng định mức mà Ủy ban Nhân dân TPHCM quy định... Từ nhận thức hạn chế đó, nên hiện nay TPHCM vẫn chưa xây dựng được chiến lược tổng thể cũng như kế hoạch cụ thể, riêng biệt để xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế trí thức và hội nhập quốc tế. Các tổ chức Đảng, chính quyền các cấp cũng chưa có nhiều đề xuất, giải pháp có giá trị nhằm phát huy vai trò của đội ngũ trí thức một cách có hiệu quả. Hoạt động của đội ngũ trí thức chưa được định hướng cụ thể, thậm chí có khi còn bị thả nổi, thiếu cả sự cầu thị, trân trọng, thừa nhận. Sự thiếu hụt trí thức đầu ngành, hụt hẫng về thể hệ kế cận, chưa xây dựng được “nhiều tập thể khoa học mạnh, có uy tín ở khu vực và quốc tế” [106, tr.5] là hệ quả tất yếu của những bất cập trên.

Còn trong xã hội: một bộ phận người dân TPHCM vẫn chưa nhận thức được mối quan hệ giữa vai trò của đội ngũ trí thức đối với sự nghiệp CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế trí thức và hội nhập quốc tế của đất nước cũng như của Thành phố. Đa số người dân trong xã hội vẫn lao động, sản xuất bằng thói quen, kinh nghiệm là chủ yếu, việc áp dụng các thành tựu KH&CN, VH&NT vào đời sống còn rất khiêm tốn. Theo kết quả điều tra sau bốn năm thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động của Thành ủy về trí thức, số người dân chưa nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của trí thức trong thời kỳ đổi mới còn

chiếm tỷ lệ khá cao: chỉ có 43,70% ý kiến đồng ý, có đến 25,17% ý kiến phân vân và 26,92% ý kiến không đồng ý [Phụ lục 17]. Còn trong hoạt động sản xuất kinh doanh: “Các doanh nghiệp chưa nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của KH&CN đối với sự phát triển của bản thân doanh nghiệp” [106, tr.13]. Do đó, số lượng doanh nghiệp quan tâm xây dựng NNLCLC, hình thành quỹ phát triển KH&CN còn ít. Theo số liệu thống kê cho thấy, năm 2008, chỉ có 8 doanh nghiệp trong tổng số 45.076 doanh nghiệp thành lập quỹ, đến năm 2012, chỉ có 35 doanh nghiệp đăng ký thành lập quỹ trong tổng số 104.657 doanh nghiệp [106, tr.6]. Sự bất cập đó dẫn đến quá trình đổi mới KH&CN, áp dụng các mô hình quản lý tiên tiến, hiện đại ở các doanh nghiệp trên địa bàn TPHCM trong thời gian qua diễn ra rất chậm.

Đối với bản thân đội ngũ trí thức: vẫn còn một bộ phận chưa nhận thức sâu sắc được vị trí, vai trò của mình đối với sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH. Do đó, chưa tự giác, nỗ lực cố gắng, tiên phong trong lao động sáng tạo và truyền bá tri thức, giá trị văn hóa. Một bộ phận trí thức trong Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ của Thành ủy, sau khi hoàn thành xong chỉ quan tâm đến việc “đề bạt, bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý mà chưa nỗ lực cao trong công tác” [148]. Trước tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã làm cho một bộ phận trí thức, nhất là trí thức trẻ suy thoái về phẩm chất đạo đức, chạy theo các thị hiếu tầm thường, lối sống hưởng thụ, thái độ thờ ơ chính trị, thiếu trách nhiệm; từ đó làm cho nguồn lực trí tuệ của TPHCM đứng trước thách thức bị suy giảm.

Như vậy, để phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức rất cần sự đồng thuận, thống nhất trong nhận thức của toàn xã hội TPHCM. Chính vì vậy, những bất cập kể trên cần được Đảng bộ, chính quyền Thành phố nhìn nhận một cách khách quan để từ đó đề ra các giải pháp phù hợp nhằm phát huy có hiệu quả hơn vai trò của đội ngũ này đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố trong thời gian tới.

3.3.2. Sự bất cập trong công tác tuyển dụng, sử dụng dẫn đến hạn chế việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức chính là công tác tuyển dụng, sử dụng. Nếu tuyển dụng, sử dụng “đúng người, đúng việc” sẽ thúc đẩy cơ quan, đơn

vị, xã hội phát triển; còn ngược lại sẽ kìm hãm, cản trở, thậm chí tiềm ẩn các mầm mống phát sinh tiêu cực trong xã hội. Những năm qua, công tác tuyển dụng, sử dụng trí thức ở TPHCM đã đạt được một số kết quả nhất định trong việc phát huy năng lực sáng tạo của lực lượng này trên mọi lĩnh vực. Tuy vậy, trước yêu cầu phát triển của đất nước cũng như của Thành phố trong giai đoạn mới, công tác này vẫn còn bộc lộ một số bất cập, biểu hiện trên một số mặt cơ bản như:

Trước hết, công tác tuyển dụng trí thức, đặc biệt ở một số cơ quan thuộc Nhà nước vẫn còn những hạn chế như: thông tin về tuyển dụng chưa được công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng; tình trạng tuyển dụng theo thứ tự “tiền tệ, hậu duệ, đồ đệ, trí tuệ” vẫn còn khá phổ biến. Trong khi một số người có đức, có tài thực sự không được tuyển dụng, lại có một số người năng lực kém hơn nhưng do “có mối quan hệ tốt” nên được tuyển dụng. Hệ quả là, hiện nay ở một số cơ quan thuộc khu vực Nhà nước xảy ra tình trạng thừa biên chế nhưng lại thiếu người làm được việc. Bất cập này không chỉ gây ra sự bất công, tước mất cơ hội lao động của một số trí thức, đặc biệt là những sinh viên, học viên tốt nghiệp loại giỏi mới ra trường; mà còn đẩy lùi chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan Nhà nước, tiềm ẩn nảy sinh các tiêu cực như: tham ô, nhận hối lộ để “thu hồi lại vốn”.

Bên cạnh đó là sự bất cập trong việc bố trí, bổ nhiệm ở một số cơ quan chưa tạo điều kiện để trí thức phát huy một cách tốt nhất vai trò của mình. Trước thực trạng đó, Thành ủy TPHCM đã nhận xét: “việc bố trí, phân công chưa hợp lý, trí thức không có điều kiện tốt để phát huy sở trường, năng lực công tác” [106, tr.9]. Hơn nữa, trong một số cơ quan, tổ chức vẫn còn tâm lý “sống lâu lên lão làng”, chưa thực sự nhận thức đúng và đầy đủ về vị trí, vai trò của lực lượng trí thức trẻ nên chưa tạo điều kiện, cũng như thiếu tin tưởng giao cho lực lượng này những nhiệm vụ quan trọng. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự hụt hẫng đội ngũ trí thức kế cận ở một số cơ quan, tổ chức tại TPHCM hiện nay. Không những thế, công tác sử dụng trí thức đã nghỉ hưu cũng còn một số bất cập. Hiện nay, Nhà nước đã có các quy định kéo dài tuổi nghỉ hưu đối với một số đối tượng; tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng, quy định này mới chỉ chú ý đến một số người có chức vụ và chức danh, trên thực tế có chức vụ và chức danh chưa hẳn là trí thức. Do đó, một số trí thức thực thụ,

mặc dù còn sức khỏe, có tâm huyết nhưng không thuộc diện được kéo dài tuổi nghỉ hưu đã dẫn đến sự lãng phí chất xám rất đáng tiếc. Hay, theo Điều lệ trường đại học quy định, độ tuổi bổ nhiệm các chức danh quản lý nhiệm kỳ đầu ở các trường đại học công lập không quá 55 đối với nam, 50 đối với nữ, nhưng ở các trường đại học tư thục lại 75 đối với nam, không quá 70 đối với nữ. Chính sự bất cập đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời gian qua.

Đối với công tác trọng dụng trí thức là người ngoài Đảng. Có thể khẳng định: trí thức dù là Đảng viên hay không đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng bổ nhiệm một số trí thức không phải là Đảng viên giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy Nhà nước. Hay, ở Trung Quốc - một nước có chế độ chính trị tương đồng với Việt Nam, những năm qua đã rất coi trọng việc bổ nhiệm trí thức không phải là Đảng viên giữ các chức vụ cao trong bộ máy chính quyền. Tại thời điểm năm 2012, ở Trung Quốc “đã có hai trí thức ngoài Đảng giữ chức vụ bộ trưởng, 205 người ngoài Đảng giữ các chức vụ từ phó tỉnh trưởng trở lên” [143]. Tuy nhiên, trên thực tế vấn đề trọng dụng trí thức không phải là Đảng viên tại TPHCM thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức; vẫn còn đó những “nghỉ ngơi”, quá đề cao quan điểm chính trị, xem nhẹ năng lực, hiệu quả công việc. Do đó, đến nay TPHCM mới bổ nhiệm một trí thức vào vị trí lãnh đạo không phải là Đảng viên giữ chức vụ tương đương Giám đốc Sở. Ngày nay khi chất xám, trí tuệ con người đang trở thành sức mạnh, nhân tố giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của mỗi quốc gia; thì sự bất cập trong công tác trọng dụng trí thức không chỉ tạo ra sự thiếu bình đẳng giữa trí thức là Đảng viên với trí thức không phải là Đảng viên; mà còn gây ra sự lãng phí rất lớn về nguồn lực trí tuệ của dân tộc. Vấn đề này nếu không được nhìn nhận một cách đúng đắn, sớm có các giải pháp khắc phục sẽ đưa đất nước cũng như TPHCM đứng trước nguy cơ tụt hậu so với các nước tiên tiến trên thế giới.

Đối với công tác trọng dụng trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài tại TPHCM thời gian qua vẫn còn một số bất cập. Mặc dù Đảng và Nhà nước ta nói chung, Đảng bộ và chính quyền TPHCM nói riêng đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm thu hút trí thức Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc, góp phần xây

dựng đất nước và Thành phố. Tuy nhiên, trên thực tế các cơ chế, chính sách đã ban hành vẫn chưa thực sự đầy đủ, đồng bộ, sát với thực tế và mong mỏi của trí thức người Việt Nam ở nước ngoài. Bên cạnh đó là môi trường, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ vật chất, tinh thần...chưa thực sự đảm bảo để thu hút đội ngũ này hướng về nguồn cội lao động và cống hiến. Đánh giá vấn đề này, Thành ủy TPHCM cho rằng: “Chưa có chính sách thỏa đáng để thu hút đông đảo trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia nghiên cứu, đào tạo, giải quyết những vấn đề bức xúc và cơ bản của Thành phố” [34, tr.8]. Hệ quả là, công tác trọng dụng trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài mới chỉ diễn ra trên phạm vi hẹp, với số lượng khá khiêm tốn.

Như vậy, kinh nghiệm từ lịch sử và một số nước trên thế giới, cũng như xuất phát từ yêu cầu thực tiễn; đòi hỏi Đảng bộ và chính quyền TPHCM cần ban hành cơ chế, chính sách mang tính đột phá trong công tác sử dụng trí thức; nhằm khai thác một cách có hiệu quả trí tuệ của nguồn lực này để “đi trước về đích trước” trong quá trình CNH, HĐH. Cơ chế, chính sách đó không chỉ dừng lại ở lời mời gọi, hứa hẹn, dựa trên tình yêu quê hương, đất nước; mà cần phải thể hiện ở thái độ cầu thị, sự thành tâm của các cấp lãnh đạo, sự đổi mới của các thể chế chính trị. Có như vậy, các cơ chế, chính sách đó mới ăn sâu, bám rễ, phát huy được hiệu quả tích cực.

3.3.3. Môi trường và điều kiện hoạt động chưa thực sự khuyến khích tích cực lao động sáng tạo, cống hiến của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Môi trường và điều kiện hoạt động ảnh hưởng rất lớn đến quá trình lao động sáng tạo của đội ngũ trí thức. Nếu môi trường và điều kiện hoạt động có nhiều yếu tố tích cực sẽ là chất xúc tác, tạo hứng thú, trở thành động lực thúc đẩy đội ngũ trí thức hăng say lao động sáng tạo. Ngược lại, môi trường và điều kiện hoạt động tiêu cực, thiếu hoàn thiện sẽ gây ra lực cản kìm hãm, thậm chí làm thu hẹp khả năng sáng tạo của trí thức. Trong những năm qua, môi trường và điều kiện hoạt động của đội ngũ trí thức tại TPHCM có những thay đổi khá tích cực, tuy nhiên vẫn còn một số bất cập. Trước thực trạng đó, Thành ủy TPHCM đã thẳng thắn thừa nhận rằng: “Môi trường hoạt động của trí thức còn nhiều hạn chế” [34, tr.3] đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát huy vai trò của đội ngũ trí thức. Cụ thể như:

Thứ nhất, môi trường dân chủ của xã hội. Với đặc thù lao động và phẩm chất của người trí thức, họ rất cần bầu không khí dân chủ, thông thoáng để lao động sáng tạo và cống hiến. Chỉ có dân chủ và môi trường dân chủ của xã hội mới đảm bảo cho đội ngũ trí thức phát huy hết khả năng sáng tạo của mình, thúc đẩy xã hội tiến bộ, phát triển. Đây chính là mục tiêu mà Đảng bộ và chính quyền TPHCM đang hướng tới. Dù vậy, trên thực tế tại TPHCM ở một số cấp, một số cán bộ lãnh đạo, quản lý vẫn chưa nhận thức một cách đầy đủ về vấn đề này nên chưa tạo lập được môi trường thuận lợi nhất để đội ngũ trí thức lao động sáng tạo, cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Thành phố. Một số cán bộ lãnh đạo quản lý còn có tâm lý “lo sợ”, hay ngại tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe các ý kiến đóng góp của đội ngũ trí thức. Trong hoạt động phản biện xã hội, cơ chế cung cấp thông tin, phản hồi thông tin của một số cơ quan chức năng còn chưa kịp thời, khách quan, đầy đủ đã làm cho đội ngũ trí thức gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện vai trò của mình. Không những thế, trước ý kiến phản biện xã hội của đội ngũ trí thức đối với các đường lối, chủ trương, chính sách, đề án, dự án do các cơ quan Nhà nước đề ra; một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa thực sự cầu thị, lắng nghe, thậm chí có lúc, có nơi còn có hiện tượng quy chụp, nâng cao quan điểm chính trị một cách thái quá. Có thể nói, chính những bất cập đó đã ảnh hưởng rất lớn đến thái độ, tâm lý của trí thức khi tham gia phản biện xã hội. Hệ quả là, nguồn lực trí tuệ chưa được phát huy đúng mức, một số đường lối, chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội của TPHCM còn hạn chế, không chỉ gây ra sự lãng phí về thời gian, tiền của Nhà nước và nhân dân mà còn gây ra sự bất bình trong xã hội. Bên cạnh đó, chủ trương xây dựng quy chế dân chủ trong nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra khung pháp lý cho việc mở rộng dân chủ, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo, bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của cá nhân, tập thể trí thức để tạo ra nhiều công trình khoa học thật sự có giá trị lại chậm được triển khai. Hiện nay, tại TPHCM chưa có nhiều diễn đàn thảo luận, tranh luận khoa học một cách cởi mở, thẳng thắn, dân chủ để đội ngũ trí thức có điều kiện đưa ra chính kiến của mình trước các vấn đề “quốc kế dân sinh” của Thành phố. Với những bất cập kể trên rất cần được Đảng bộ và chính quyền TPHCM nhìn nhận một cách nghiêm túc nhằm không chỉ tạo lập môi trường thuận

lợi cho đội ngũ trí thức tự tin, yên tâm lao động sáng tạo; mà còn góp phần xây dựng một xã hội văn minh dân chủ - tạo ra động lực, mục tiêu quan trọng để phát triển TPHCM trở thành “hòn ngọc viễn đông” trong giai đoạn mới.

Thứ hai, môi trường lành mạnh trong cơ quan, tổ chức hoạt động của đội ngũ trí thức: Cùng với môi trường dân chủ của xã hội, đội ngũ trí thức cũng rất cần sự đoàn kết, hợp tác, chia sẻ, nhất là trong cơ quan, tổ chức hoạt động của đội ngũ này. Trên thực tế, tại TPHCM ở một số cơ quan, tổ chức vẫn còn tình trạng mất đoàn kết nội bộ, “tinh thần hợp tác, gắn kết đội ngũ trong nghiên cứu khoa học nhìn chung còn yếu” [34, tr.6]; sự chia sẻ kinh nghiệm của những trí thức lớn tuổi, có thâm niên và thành công trong thực hiện các công trình KH&CN, VH&NT với những trí thức trẻ, trí thức bước đầu tham gia nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Hệ quả là, “chưa có nhiều tập thể khoa học mạnh, có uy tín ở khu vực và quốc tế” [34, tr.6]. Sự bất cập này là thách thức không nhỏ đối với đội ngũ trí thức TPHCM trước yêu cầu thực hiện phương pháp nghiên cứu liên ngành, đa ngành. Hơn nữa, đối với đội ngũ trí thức, họ không chỉ cần sự tự do về mặt tư tưởng, ngôn luận, học thuật; mà họ còn cần đến sự tự do đi lại, chủ động về thời gian trong hoạt động. Do đó, công tác quản lý đội ngũ trí thức không nên áp dụng theo lối hành chính, giờ giấc thuần túy; mà phải quản lý về mặt kỷ luật, văn hóa, đạo đức nghề nghiệp, hay hiệu quả trong lao động sáng tạo của đội ngũ này. Tuy nhiên, hiện nay ở một số cơ quan, nhất là các cơ quan GD&ĐT, KH&CN tại TPHCM vẫn còn duy trì cơ chế quản lý hành chính máy móc, đã làm cho đội ngũ trí thức gặp rất nhiều khó khăn trong việc giao lưu, trao đổi học thuật...với các cơ quan, đơn vị khác.

Thứ ba, công tác triển khai thực hiện, thanh quyết toán tài chính đối với công trình KH&CN. Trong thời gian qua, một số nhà khoa học có ý kiến cho rằng: việc tuyển chọn, phân bổ cá nhân, tổ chức thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN vẫn còn theo cơ chế “xin - cho”; mặc dù có tổ chức đấu thầu nhưng còn mang nặng tính hình thức, chưa thực sự công bằng, dân chủ và bình đẳng; các tiêu chí làm căn cứ xét chọn còn chung chung. Những hạn chế đó đã dẫn đến một số công trình KH&CN được triển khai nhưng chậm tiến độ, hoặc không thể thực hiện được buộc phải thanh lý hợp đồng, hay có thực hiện nhưng chất lượng chưa được

đảm bảo. Điều này không chỉ gây lãng phí thời gian, tiền của mà còn tạo ra sự bất bình ở một số trí thức. Bên cạnh đó, công tác thanh quyết toán tài chính đối với việc thực hiện công trình KH&CN hiện vẫn còn nhiều thủ tục hành chính rườm rà, buộc nhà khoa học phải “nói dối”, phải chờ đợi mất thời gian, trải qua nhiều khâu, hoàn thành nhiều loại giấy tờ, đặc biệt là các loại giấy tờ để thực hiện các thủ tục giải ngân từ kho bạc Nhà nước. Nguyên Giám đốc Sở KH&CN TPHCM Phan Minh Tân đã phải ngán ngẩm thốt lên rằng: thủ tục giải ngân từ kho bạc rất lâu, nhanh nhất mất 3 tháng cho 1 đề tài; mỗi đề tài triển khai phải trình Giám đốc sở ký 100 chữ ký [137]. Có thể nói, chính những bất cập kể trên đã làm cho việc huy động trí thức tham gia nghiên cứu khoa học bị hạn chế, hoặc nếu có tham gia thì sự đầu tư chất xám cũng ở mức độ nhất định vì trước đó phải mất nhiều thời gian để giải quyết các loại giấy tờ thủ tục, hoặc tâm lý “tiền nào của đấy”; hệ quả là, chất lượng các công trình KH&CN tại TPHCM thời gian qua còn hạn chế là điều tất yếu.

Thứ tư, sự liên kết, hợp tác giữa trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu và doanh nghiệp. Hiện nay, đội ngũ trí thức nước ta nói chung, TPHCM nói riêng tập trung chủ yếu ở các trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu. Tuy nhiên “Trí thức công tác ở các trung tâm, viện nghiên cứu chủ yếu thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Còn trí thức công tác ở các trường đại học chủ yếu thực hiện nhiệm vụ đào tạo, giảng dạy” [74, tr.74]. Do đó, một số trí thức ở các trung tâm, viện nghiên cứu có khả năng giảng dạy, đào tạo>NNLCLC nhưng lại tham gia rất khiêm tốn; trong khi ở trường đại học lại đang thiếu hụt đội ngũ giảng viên. Hơn nữa, ở trường đại học, do áp lực phải giảng dạy nhiều nên đội ngũ giảng viên ít có điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học, cập nhật, tiếp cận các kết quả nghiên cứu từ trung tâm, viện nghiên cứu để đổi mới chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, doanh nghiệp là một trong những địa chỉ tiếp nhận nhiều nhất sản phẩm lao động sáng tạo của đội ngũ trí thức. Tuy nhiên, một số trí thức ở trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu chưa xem doanh nghiệp là trung tâm của hoạt động GD&ĐT, KH&CN, VH&NT. Hệ quả là, một bộ phận sinh viên ra trường chưa đáp ứng yêu cầu nên doanh nghiệp phải đào tạo lại; sản phẩm nghiên cứu sáng tạo của đội ngũ trí thức được doanh nghiệp ứng dụng, chuyển giao để đổi mới quy trình sản

xuất kinh doanh ở mức thấp. Sự bất cập trên đã gây ra tình trạng lãng phí chất xám, cũng như chưa thể tạo ra được môi trường và điều kiện thuận lợi để đội ngũ trí thức TPHCM phát huy vai trò của mình một cách có hiệu quả.

Thứ năm, thị trường KH&CN, VH&NT là nơi diễn ra quá trình mua bán, chuyển giao các sản phẩm KH&CN, VH&NT. Phát triển thị trường KH&CN, VH&NT sẽ thúc đẩy đội ngũ trí thức TPHCM miệt mài hơn trong sáng tạo, phát minh, sáng chế bởi họ thấy được công sức, trí tuệ của mình sẽ được trả công xứng đáng, được xã hội ghi nhận, góp phần thiết thực trong việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Bên cạnh đó, thị trường này phát triển không chỉ giúp “xã hội hóa” các sản phẩm nghiên cứu khoa học của đội ngũ trí thức một cách nhanh chóng, mà còn gắn kết giữa KH&CN, VH&NT với hoạt động sản xuất - kinh doanh, giúp gia tăng tốc độ đổi mới KH&CN, VH&NT để nâng cao hiệu quả của nền kinh tế. Hơn thế nữa, nó còn góp phần mở rộng sự tham gia của khu vực tư nhân, gia tăng tính cạnh tranh, đa dạng nguồn cung sản phẩm; từ đó, góp phần làm giảm ngân sách của Nhà nước cho hoạt động KH&CN, VH&NT. Mặc dù trên thế giới thị trường KH&CN, VH&NT đã rất phát triển; song tại TPHCM vấn đề này mới bắt đầu giai đoạn hình thành, sơ khai; sản phẩm KH&CN, VH&NT còn nghèo nàn, các thể chế, chính sách còn thiếu chặt chẽ, đồng bộ.

Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là phải tạo dựng được môi trường dân chủ, lành mạnh thực sự; đổi mới công tác triển khai thực hiện, thanh quyết toán tài chính đối với công trình KH&CN, đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác giữa trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; hoàn thiện thị trường KH&CN, VH&NT, từ đó tạo các tiền đề thuận lợi nhất để đội ngũ trí thức thực hiện quá trình lao động sáng tạo và cống hiến, đáp ứng yêu cầu xây dựng TPHCM trở thành Thành phố xã hội chủ nghĩa văn minh, hiện đại, nghĩa tình, có chất lượng sống tốt.

3.3.4. Sự bất cập trong công tác đào tạo và bồi dưỡng đã làm cho đội ngũ trí thức chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh

Chất lượng, hiệu quả cũng như sự lớn mạnh của đội ngũ trí thức xuất phát từ nhiều nhân tố, trong đó GD&ĐT là nhân tố tác động trực tiếp, cơ bản và quan trọng nhất. Từ khi đổi mới đến nay, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác đào tạo

và bồi dưỡng đội ngũ trí thức tại TPHCM vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Trước thực trạng đó, Thành ủy TPHCM đã thẳng thắn đánh giá rằng: “Hệ thống giáo dục còn lạc hậu, nhất là ở bậc đại học còn bất cập, chưa đủ sức đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao, dẫn đến tình trạng sản phẩm đào tạo vừa thừa, vừa thiếu” [34, tr.6]. Cụ thể như:

Hiện nay, so với các nước phát triển trên thế giới, tỷ lệ sinh viên, học viên trên tổng dân số ở TPHCM vẫn còn ở mức thấp, khoảng 10%. Hàng năm số lượng người đăng ký thi tuyển, xét tuyển vào đại học và sau đại học thường lớn hơn gấp nhiều lần so với chỉ tiêu tuyển sinh của các trường đại học, học viện. Điều đó chứng tỏ, chính sách giáo dục hiện nay vẫn chưa đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Ngày nay, sự phát triển mạnh mẽ của KH&CN và kinh tế tri thức, nền giáo dục nhân loại đang chuyển từ giáo dục dành cho ít người sang giáo dục dành cho nhiều người, hình thành nền giáo dục đại học đại chúng. Theo đó, giảm dần hình thức đào tạo chính quy, tập trung và tăng hình thức đào tạo ngoài chính quy để bớt gánh nặng ngân sách Nhà nước, mở ra nhiều cơ hội cho người dân được “học tập thường xuyên”, “học tập suốt đời”. Tuy nhiên, ở TPHCM hình thức đào tạo không chính quy đang đứng trước nguy cơ “chết dần” vì chưa đồng nhất về chương trình, nội dung, đặc biệt là chất lượng đào tạo còn có khoảng cách khá lớn với hình thức đào tạo chính quy nên thu hút rất ít người theo học. Vì vậy, mở rộng quy mô, đa dạng, thống nhất các hình thức đào tạo là việc làm cần thiết đối với TPHCM hiện nay.

Không những thế, trong những năm qua do quy mô tuyển sinh ở các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn TPHCM ngày càng tăng nhưng quy mô đội ngũ giảng viên phát triển không theo kịp. Hệ quả là, đại đa số các trường đại học tại TPHCM có tỷ lệ giảng viên/sinh viên vượt quá quy định của Bộ GD&ĐT. Hơn nữa, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên ở các trường đại học, học viện cũng chiếm tỷ lệ khá thấp, chưa tới 10%. Có thể nói, số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên là một trong những yếu tố giữ vai trò quyết định đến chất lượng đào tạo đội ngũ trí thức. Sự thiết hụt về số lượng, chưa đáp ứng về trình độ chuyên môn sẽ là thách thức rất lớn đối với TPHCM trước yêu cầu phải nâng cao chất lượng>NNLCLC để đáp ứng quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

Thêm vào đó là sự khan hiếm các chức danh khoa học ở các trường đại học, học viện trên địa bàn TPHCM. Đơn cử như, tại trường Đại học Công nghiệp TPHCM, tính đến tháng 12/2015 số lượng giảng viên có học hàm GS, PGS chỉ chiếm tỷ lệ 1,7% trên tổng số giảng viên; hay, tại Học viện Chính trị Quốc gia Khu vực II, chỉ có 1 PGS trong tổng số 118 cán bộ giảng dạy [99, tr.26]. Điều đáng lưu ý ở đây là số lượng trí thức có học hàm cao hiện nay đều cao tuổi, phần lớn đã nghỉ hưu; trong khi đó đội ngũ kế cận khá mỏng, trình độ, năng lực cũng như bản lĩnh chính trị còn nhiều hạn chế, chưa bắt kịp với tốc độ phát triển của KH&CN. Có thể nói, trí thức có học hàm khoa học cao thường là những trí thức đầu ngành, đại diện tiêu biểu cho trí tuệ dân tộc, hiền tài của đất nước; có vai trò quan trọng trong việc định hướng phát triển nền khoa học của quốc gia. Sự khan hiếm đội ngũ trí thức đầu ngành không chỉ là trở ngại rất lớn đối với sự phát triển của nền khoa học nước nhà, mà có ý kiến còn cho rằng: sẽ đe dọa sự phát triển bền vững của xã hội nhất là ở những thời điểm bước ngoặt hay chuyển tiếp. Vì vậy, việc đề ra giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh, nhất là đối với đội ngũ trí thức đầu ngành là một yêu cầu cấp thiết đối với TPHCM trong giai đoạn hiện nay.

Về nội dung và chương trình đào tạo. Thời gian gần đây, chương trình đào tạo đại học và sau đại học ở TPHCM đã có những thay đổi khá tích cực; song, nhìn chung nội dung, chương trình đào tạo hiện vẫn còn khá lạc hậu, chậm được bổ sung, đổi mới, chưa gắn với thực tiễn, nặng về lý thuyết, nhẹ thực hành, quá dàn trải, thiếu tính toàn diện. Ở một số ngành đào tạo mới, nhất là các ngành khoa học mang tính liên ngành, nội dung, chương trình vẫn còn mang nặng tính lắp ghép, chắp vá, không thích ứng kịp với sự phát triển của KH&CN, có khoảng cách khá xa so với các tiêu chuẩn của quốc tế. Do đó, sinh viên, học viên sau khi tốt nghiệp ra trường rất khó thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở trong nước và tham gia thị trường lao động quốc tế. Về phương pháp giảng dạy, một số giảng viên vẫn truyền thụ kiến thức theo lối truyền thống như: “thầy đọc trò chép”, “thầy chiếu trò ghi”, chưa quan tâm đến việc phát huy tính tự chủ, năng lực sáng tạo của người học. Hệ quả là: mặc dù đã tốt nghiệp đại học, thậm chí cao học, song năng lực sáng tạo, tư duy lý luận, tư duy phản biện của các cử nhân, kỹ sư... nhìn chung còn ở mức thấp.

Bên cạnh đó là sự bất cập trong việc quản lý, kiểm định chất lượng công tác đào tạo đại học và sau đại học của các trường đại học và học viện. Nhiều năm qua, hình thức đào tạo ngoài chính quy như: vừa làm vừa học, từ xa, văn bằng hai, liên thông...chưa được quản lý, giám sát, kiểm định một cách chặt chẽ, liên tục và có hệ thống. Chính vì vậy, chất lượng đào tạo từ các hình thức này đang bị xã hội “ngại ngùng”, ít được thừa nhận; một số tỉnh, thành phố, cơ quan, đơn vị đã “nói không” với những người có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy. Ngoài ra, công tác quản lý, kiểm định hoạt động đào tạo sau đại học của các trường đại học, học viện trên địa bàn TP HCM thời gian qua cũng đang tồn tại khá nhiều hạn chế. Chính vì sự “buông lỏng” quản lý đã dẫn đến không ít người “trình độ chưa tương xứng với bằng cấp” [33, tr.67]; hay “bằng thật, học giả” vẫn diễn ra trong xã hội.

Có thể nói, chính những bất cập kể trên là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến vai trò của đội ngũ trí thức TP HCM chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển của Thành phố cũng như đất nước. Để khắc phục hạn chế này, vấn đề đặt ra là phải đổi mới mạnh mẽ và toàn diện công tác GD&ĐT, bồi dưỡng, nhất là giáo dục đại học và sau đại học để phát triển đội ngũ trí thức đủ về số lượng, cao về chất lượng, hợp lý về cơ cấu; xứng đáng là lực lượng tiên phong trong sáng tạo, phát triển KH&CN, VH&NT, phản biện xã hội...góp phần thúc đẩy TP HCM phát triển nhanh, bền vững, sớm ngang tầm với các thành phố trong khu vực và trên thế giới.

3.3.5. Chính sách đãi ngộ chưa tương xứng với những đóng góp của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh

Trong những năm qua, Đảng bộ và chính quyền TP HCM đã có một số cơ chế, chính sách đãi ngộ vật chất và tinh thần đối với đội ngũ trí thức khá tích cực. Tuy nhiên, trước sự biến đổi liên tục của đời sống kinh tế - xã hội, nhu cầu vật chất và tinh thần của con người nói chung, đội ngũ trí thức nói riêng ngày càng cao đã làm cho một số cơ chế, chính sách trở nên lạc hậu, bất cập, không theo kịp. Trước thực trạng đó, Ban Chấp hành Đảng bộ TP HCM đã đánh giá: “Những cơ chế, chính sách đã ban hành chưa đủ mạnh để trí thức yên tâm cống hiến, phát triển; chưa có chính sách thỏa đáng tôn vinh các kết quả chuyên môn, nghề nghiệp” [34, tr.7]. Sự bất cập đó biểu hiện trên các mặt cơ bản như:

Thứ nhất, chính sách đãi ngộ vật chất. Hiện nay, ở Việt Nam nói chung, TPHCM nói riêng, việc xác định giá trị sức lao động của đội ngũ trí thức còn mang nặng tính bình quân chủ nghĩa, không dựa trên tính đặc thù của từng hình thức lao động, sự cống hiến, đóng góp thực tế, mà chủ yếu dựa trên cơ sở bằng cấp, thâm niên công tác. Trong bối cảnh vật giá liên tục leo thang như hiện nay, sự bất cập đó không chỉ làm cho giá trị thực tế của đồng tiền bị suy giảm mà đồng lương của đội ngũ trí thức luôn ở mức thấp, chưa đảm bảo các nhu cầu vật chất và tinh thần của đội ngũ này; cho nên, đội ngũ trí thức chưa thể toàn tâm, toàn ý đề lao động sáng tạo và cống hiến, chất lượng thực hiện vai trò của đội ngũ này chưa cao cũng là điều tất yếu. Một vấn đề rất đáng quan tâm hiện nay tại TPHCM chính là tình trạng “chảy máu chất xám” ở khu vực công có xu hướng ngày càng gia tăng, nhiều nhất trong cả nước. Chỉ từ năm 2003 đến năm 2008, “bình quân mỗi năm có hơn 1000 công chức, viên chức xin nghỉ việc, trong số đó có cả những người đã làm quản lý cao cấp ở các ban ngành của Thành phố” [142]. Đặc biệt, trong chương trình thạc sĩ, tiến sĩ của Thành ủy, từ khi triển khai đến nay đã có “88 cán bộ xin nghỉ việc hoặc chuyển công tác về các đơn vị không thuộc Thành phố” [156]. Một trong những lý do được các trí thức đưa ra là do tiền lương quá thấp, không đảm bảo được cuộc sống nên buộc họ phải “dứt áo ra đi”.

Không chỉ tiền lương, mà các chính sách ngoài lương cũng đang tồn tại khá nhiều bất cập. Hiện nay, thù lao ngoài lương của đội ngũ trí thức như: thù lao giảng dạy, chấm luận văn, luận án, nhuận bút viết bài báo khoa học...chưa có sự thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị. Cùng một giảng viên, giảng dạy cùng một môn học nhưng ở các trường đại học, học viện khác nhau, hệ đào tạo khác nhau thì có thù lao được hưởng không giống nhau. Sự không thống nhất đó còn được thể hiện ở mức thù lao nhuận bút đối với các bài báo khoa học được đăng ở kỷ yếu hội thảo hay tạp chí khoa học ở trong và ngoài nước. Cùng là tạp chí chuyên ngành như nhau, nhưng lại có mức chi trả nhuận bút khác nhau. Chính sự bất cập đó đã gây ra những “tâm tư”, ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM. Bên cạnh đó, với chính sách tiền lương “thua kém nhiều nước trong khu vực” như hiện nay, đội ngũ trí thức, nhất là những trí thức trẻ rất khó mua được nhà ở tại

TPHCM để “an cư lạc nghiệp”. Ngoài ra, hiện nay đại đa số các khu công nghệ cao, trường đại học trên địa bàn TPHCM có cơ sở hoạt động ở ngoại thành đã gây khó khăn không nhỏ đến việc đi lại của đội ngũ trí thức. Vì vậy, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức đi lại cũng là vấn đề đặt ra cần được quan tâm giải quyết.

Thứ hai, chính sách về khen thưởng, tôn vinh trí thức. Bên cạnh sự bất cập của chính sách đãi ngộ vật chất, các chính sách khen thưởng, tôn vinh đội ngũ trí thức về mặt tinh thần như: tặng thưởng huân chương, huy chương, phong tặng các danh hiệu, trao tặng các giải thưởng... cũng đang tồn tại một số hạn chế. Theo các quy định hiện hành, để được phong tặng danh hiệu hay chức danh, giải thưởng; trí thức phải thu thập rất nhiều loại giấy tờ, xác nhận ở nhiều nơi, trải qua rất nhiều khâu bình bầu, xét tặng. Chính vì quá nhiều thủ tục hành chính, cộng với bản tính tự trọng cao; nên một số trí thức mặc dù có nhiều đóng góp, cống hiến cho xã hội đã không làm hồ sơ nên không được phong tặng. Trong khi đó, một bộ phận trí thức mặc dù chưa có đóng góp gì xứng đáng; song lợi dụng “kẽ hở” của cơ chế, chính sách đã “chạy”, “mua bán” để có được phần thưởng, danh hiệu hay giải thưởng cao quý. Có thể nói, chính sách khen thưởng, tôn vinh là sự động viên, khích lệ, thừa nhận của xã hội đối với quá trình lao động, cống hiến của trí thức. Nếu chính sách khen thưởng, tôn vinh thiếu công bằng, không thực chất, khách quan, nhiều khi sẽ không khuyến khích được đội ngũ trí thức hăng say trong lao động sáng tạo; mà còn làm giảm đi ý nghĩa cao quý của các phần thưởng mà Đảng, Nhà nước, TPHCM trao tặng. Hơn nữa, trên thực tế hiện nay, các sản phẩm lao động sáng tạo của đội ngũ trí thức thường mang lại giá trị cho toàn xã hội; tuy nhiên, công tác tôn vinh, khen thưởng đội ngũ này mới chủ yếu được thực hiện bởi các cơ quan của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, đẩy mạnh hơn nữa công tác “xã hội hóa” hoạt động tôn vinh, khen thưởng cũng là giải pháp khá quan trọng để phát huy vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong giai đoạn hiện nay.

Như vậy, từ xưa đến nay, “chiêu hiền, đãi sĩ” là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Kinh nghiệm từ truyền thống của dân tộc là bài học lớn cho Đảng bộ và chính quyền TPHCM trong công tác kêu gọi, tập hợp, huy động nguồn lực trí tuệ để xây dựng TPHCM trở thành trung tâm đô thị hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

Kết luận chương 3

Là bộ phận của đội ngũ trí thức Việt Nam, bên cạnh những đặc điểm chung, do các điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử - xã hội riêng, đội ngũ trí thức TPHCM có những điểm đặc thù như: hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của TPHCM; được hội tụ từ nhiều nguồn, cả trong nước và ngoài nước; rất năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường; có điều kiện sinh sống, học tập, làm việc thuận lợi hơn so với một số địa phương khác; tăng nhanh về số lượng và chất lượng, có cơ cấu đa dạng. Bước sang thời kỳ đổi mới, trước yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH gắn với kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế một cách sâu rộng, đội ngũ trí thức TPHCM đã thể hiện vai trò to lớn của mình trên các mặt cơ bản như: cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng bộ và chính quyền hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển TPHCM; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao KH&CN góp phần thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH TPHCM; xây dựng và phát triển văn hóa TPHCM theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phản biện xã hội góp phần hoàn thiện chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ và chính quyền TPHCM.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác phát huy vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM trong thời gian qua vẫn còn tồn tại một số bất cập như: nhận thức ở một bộ phận người dân TPHCM chưa đầy đủ về vai trò của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp CNH, HĐH; công tác tuyển dụng, sử dụng chưa hợp lý; môi trường và điều kiện hoạt động chưa thực sự hoàn thiện để khuyến khích đội ngũ trí thức tích cực lao động sáng tạo, cống hiến; công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ trí thức chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố; chính sách đãi ngộ chưa tương xứng với những đóng góp của đội ngũ trí thức TPHCM. Từ những bất cập kể trên, đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền Thành phố và bản thân đội ngũ trí thức cần nghiêm túc nhìn nhận một cách khách quan, để từ đó đề ra các giải pháp khoa học, kịp thời nhằm phát huy có hiệu quả hơn vai trò của đội ngũ này trong thời gian tới vì sự phát triển của TPHCM cũng như của cả nước.

Chương 4

GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Từ thành tựu, hạn chế và một vấn đề đặt ra của việc thực hiện vai trò đội ngũ trí thức TPHCM thời kỳ đổi mới, luận án đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau đây nhằm phát huy có hiệu quả hơn vai trò của đội ngũ này trong thời gian tới.

4.1. NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO NGƯỜI DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Để phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức trong giai đoạn hiện nay, giải pháp đầu tiên thực hiện là phải nâng cao nhận thức cho mọi người dân TPHCM hiểu một cách đúng đắn và toàn diện về vai trò của đội ngũ này đối với sự nghiệp CNH, HĐH. Bởi vì, khi nhận thức được nâng cao, người dân TPHCM mới hiểu rõ được bản chất, quy luật, tầm quan trọng, mối liên hệ giữa vai trò của đội ngũ trí thức đối với sự nghiệp CNH, HĐH; từ đó tạo ra sự đồng thuận, thống nhất trong xã hội, thúc đẩy mọi người dân tự giác, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc chủ động, sáng tạo đề ra các biện pháp, cách thức phù hợp, kịp thời, nhằm phát huy vai trò đội ngũ trí thức TPHCM có hiệu quả. Mặt khác, khi nhận thức của người dân được nâng cao, họ sẽ không chỉ hưởng ứng, ủng hộ các chủ trương, chính sách của Đảng bộ và chính quyền Thành phố liên quan đến hoạt động của đội ngũ trí thức; mà còn thôi thúc họ tìm cách để liên kết, hợp tác, tiếp cận, ứng dụng các sản phẩm sáng tạo của đội ngũ này nhằm phục vụ cuộc sống, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh. Hơn nữa, khi nhận thức được nâng cao mỗi cá nhân trí thức TPHCM sẽ chuyển từ hoạt động tự phát, đơn lẻ, thiếu tổ chức sang tự giác, tạo thành một tập thể mạnh, thống nhất, hỗ trợ nhau vượt qua khó khăn, thử thách để thực hiện vai trò một cách có chất lượng, hiệu quả.

Trong những năm qua, đa số người dân TPHCM nhận thức khá đầy đủ về vai trò của đội ngũ trí thức đối với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận người dân, trong đó có cả một số trí thức chưa nhận thức thực sự đầy đủ và sâu sắc về vai trò của đội ngũ này. Vì vậy, đề ra giải pháp để người dân

TPHCM “hiểu đúng và đề cao vai trò của trí thức; đề đội ngũ trí thức nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình đối với đất nước, dân tộc, đoàn kết phấn đấu, lao động sáng tạo, hoàn thành tốt trọng trách trong thời kỳ mới” [34, tr.98] là một trong những yêu cầu có tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện giải pháp này cần chú ý đến vai trò của các tổ chức chính trị, các nhóm xã hội cơ bản như:

Thứ nhất, đối với quần chúng nhân dân. Để nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân tại TPHCM về vai trò của đội ngũ trí thức trong giai đoạn hiện nay, có thể tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau như: tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, tổ chức hội thi, hội thảo... Trong đó, trọng tâm vẫn là công tác tuyên truyền và giáo dục, thông qua các hình thức, phương tiện đa dạng như: tổ chức lớp học, biên tập tài liệu giáo dục, kết hợp tuyên truyền trực tiếp với tuyên truyền gián tiếp qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Trong quá trình tuyên truyền và giáo dục, cần đưa nội dung các Văn kiện, Nghị quyết, Chương trình hành động, các văn bản pháp luật...liên quan tới trí thức đến với quần chúng nhân dân. Cùng với đó, phải thường xuyên tổ chức, phổ biến, quảng bá những tri thức khoa học, những thành tựu mới về KH&CN, VH&NT rộng khắp trong xã hội. Từ đó, quần chúng nhân dân có điều kiện nắm bắt, lựa chọn những thành tựu KH&CN, sản phẩm VH&NT phù hợp để phục vụ nhu cầu sinh sống, lao động, mang lại lợi ích cho bản thân. Thực hiện quá trình tuyên truyền, giáo dục, bên cạnh tính đại trà, cần phải nhắm vào một số đối tượng tiêu biểu như: người đứng đầu doanh nghiệp, học sinh, sinh viên.

Đối với người đứng đầu trong các doanh nghiệp, khi nhận thức sâu sắc vai trò của đội ngũ trí thức, họ sẽ thấy được tầm quan trọng của đội ngũ này đối với sự tồn tại và phát triển của chính bản thân doanh nghiệp. Từ đó thôi thúc các doanh nghiệp tích cực, chủ động hơn trong việc liên kết, hợp tác với đội ngũ trí thức ở các trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu để tuyển dụng NNLC, tiếp cận, chuyển giao các sản phẩm KH&CN, VH&NT. Mặt khác, khi nhận thức được nâng cao các doanh nghiệp cũng sẽ tự giác hơn trong việc trích lập quỹ phát triển KH&CN; tích cực tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học với trường đại học, viện nghiên cứu để gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra sự phát triển bền vững đối với doanh nghiệp.

Còn đối với học sinh, sinh viên TPHCM, công tác tuyên truyền, giáo dục được đẩy mạnh sẽ khơi gợi sự tìm tòi, xây dựng ý tưởng, tình yêu khoa học, định hình sự phát triển trong nhận thức của đội ngũ này. Khi nhận thức được nâng cao sẽ thôi thúc học sinh, sinh viên tự giác, chủ động, năng động, sáng tạo hơn trong học tập, nâng cao trình độ để chiếm lĩnh tri thức, làm chủ KH&CN; từ đó tạo nguồn lực dự trữ quan trọng cho công tác xây dựng đội ngũ trí thức TPHCM về sau.

Thứ hai, đối với các cấp ủy Đảng và cơ quan quản lý Nhà nước các cấp.

Đội ngũ trí thức là tập hợp những người có trình độ, trí tuệ cao; họ không dễ dàng chấp nhận tổ chức, đặc biệt là người lãnh đạo, quản lý của mình lại non kém về trình độ, trí tuệ, bản lĩnh. Vì vậy, để tìm ra cách thức, phương pháp lãnh đạo đội ngũ trí thức có hiệu quả, tất yếu phải nâng tầm trí tuệ của các cấp ủy Đảng và cơ quan quản lý Nhà nước. Theo đó, các cấp ủy Đảng và cơ quan quản lý Nhà nước tại TPHCM phải không ngừng nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy; để từ đó đề ra các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển Thành phố đúng đắn, phù hợp với thực tiễn và xu thế của thời đại, đảm bảo lợi ích của toàn thể nhân dân trong đó có đội ngũ trí thức. Một khi tầm trí tuệ của các cấp ủy Đảng và cơ quan quản lý Nhà nước được nâng cao sẽ góp phần tạo ra môi trường, điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức tin tưởng, yên tâm, tích cực hơn trong lao động sáng tạo và cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Thành phố cũng như đất nước.

Bên cạnh đó, trước sự đổi mới và hội nhập của đất nước; hiện nay, đội ngũ trí thức TPHCM đang có xu hướng tăng nhanh về số lượng và chất lượng, có thành phần xuất thân, nguồn gốc đào tạo khá đa dạng; số lượng trí thức làm việc trong các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước và các tổ chức nước ngoài ngày càng gia tăng; cùng với đó là thế giới quan, nhân sinh quan, quan điểm chính trị trong đội ngũ này cũng đang có nhiều thay đổi so với trước. Vì vậy, đòi hỏi cán bộ lãnh đạo, quản lý phải nhận thức được thực trạng đó để linh hoạt, mềm dẻo, khéo léo trong từng quyết sách, trong từng cách thức tiếp cận, giải quyết vấn đề; nhất là trước các ý kiến phản biện xã hội của đội ngũ này. Nếu vẫn duy trì cách thức lãnh đạo và quản lý theo lối áp đặt, mệnh lệnh hành chính sẽ triệt tiêu sự chủ động, thậm chí làm thui chột năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức. Nhận thức được tầm

quan trọng đặc biệt đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X, Đảng ta đã yêu cầu: “Nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng và chính quyền về vai trò, vị trí quan trọng của trí thức trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế” [33, tr.97-98] là nhiệm vụ quan trọng để phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức trong giai đoạn hiện nay.

Để nâng tầm trí tuệ của các cấp ủy Đảng và cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tại TPHCM; trước hết, cần nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu, quán triệt các Nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chương trình hành động của Đảng bộ TPHCM về trí thức. Bởi vì, thông qua quá trình học tập, nghiên cứu, cán bộ, đảng viên mới nhận thức đầy đủ, có hệ thống những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức, vai trò của đội ngũ trí thức, cũng như các chủ trương, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh trí thức. Hơn thế nữa, đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là những cán bộ làm chuyên trách GD&ĐT, KH&CN, VH&NT... cần được đào tạo, tập huấn một cách bài bản, có hệ thống để có những tri thức về các kỹ năng, nghiệp vụ, công tác gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi, tiếp thu, phản hồi ý kiến của trí thức.

Thứ ba, đối với bản thân đội ngũ trí thức. Chất lượng, hiệu quả việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM không chỉ phụ thuộc vào các yếu tố ngoại lực, mà còn chịu sự tác động từ các yếu tố nội lực. “Nội lực là toàn bộ những yếu tố thuộc từng cá nhân cũng như toàn đội ngũ này...bộc lộ chủ yếu trong lao động sáng tạo khoa học của họ. Những yếu tố đó là số lượng, cơ cấu, trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực sáng tạo của từng người cũng như toàn đội ngũ” [94, tr.195]. Nâng cao nhận thức cho đội ngũ trí thức TPHCM có thể được thực hiện bằng nhiều cách như: tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng, tự ý thức... Trong đó, tự ý thức của mỗi cá nhân trí thức có vai trò quyết định nhất. Bởi vì, nếu mỗi trí thức không tự ý thức được vị trí, vai trò, trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển Thành phố sẽ dẫn tới sự thụ động, trông chờ, ỷ lại vào các yếu tố trợ giúp từ bên ngoài, từ đó khó có thể vượt qua những khó khăn, vướng mắc, để lao động sáng tạo và cống hiến. Chính vì vậy, sinh thời Chủ tịch Hồ

Chí Minh đã nhắc nhở: “trí thức ta nên tự động đi bước trước tìm đến công nông, và tôi chắc rằng công nông sẽ nhiệt liệt hoan nghênh trí thức” [83, tr.377]. Có thể nói, việc nâng cao nhận thức để đội ngũ trí thức TPHCM hiểu sâu sắc hơn về xu thế của thời đại, yêu cầu phát triển của Thành phố, đất nước; cũng như tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức là một nhiệm vụ mang tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Chỉ khi nào nhận thức được nâng cao, vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM mới được phát huy đầy đủ, cao nhất và diễn ra một cách tự giác, tích cực. Có như vậy mới thôi thúc mỗi cá nhân trí thức phải không ngừng học tập ở trường và tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, chiếm lĩnh tri thức, tiếp cận với những thành tựu KH&CN tiên tiến, các tinh hoa VH&NT của nhân loại; từ đó thực hiện có hiệu quả vai trò của mình, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển về mọi mặt. Hơn nữa, khi nhận thức được nâng cao, đội ngũ trí thức TPHCM sẽ không ngừng tự giác tu dưỡng đạo đức, nâng cao bản lĩnh chính trị, đi đầu trong hoạt động sáng tạo và phát triển tri thức, để không chỉ là những chiến sĩ tiên phong trên các lĩnh vực văn hóa - tư tưởng...mà còn là hình mẫu, nhân cách tiêu biểu của xã hội.

4.2. HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngày nay, trước sự phát triển mạnh mẽ của KH&CN, nền kinh tế tri thức, quá trình toàn cầu hóa; cạnh tranh giữa các quốc gia thực chất là cạnh tranh về KH&CN, về trí tuệ, trí thức. Vấn đề không nằm ở chỗ sở hữu trí thức nhiều hay ít, mà quan trọng hơn là sử dụng, phát huy vai trò của đội ngũ này như thế nào, hiệu quả ra sao. Do đó, sự tồn vong hay hưng thịnh của một quốc gia phụ thuộc rất lớn vào việc sử dụng đội ngũ trí thức. Trong suốt chiều dài lịch sử “thu phục nhân tâm, trọng dụng hiền tài” đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Truyền thống đó luôn được Đảng bộ, chính quyền TPHCM kế thừa, phát huy trong công cuộc đổi mới đất nước. Mặc dù vậy, công tác sử dụng trí thức ở TPHCM thời gian qua vẫn còn tồn tại một số bất cập. Để khắc phục tình trạng “sử dụng trí thức còn nhiều điểm không hợp lý” [6, tr.88], TPHCM cần tập trung một số nội dung như:

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách tuyển dụng và bổ nhiệm. Có một thực tế hiện nay, nhiều người có bằng cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ xếp loại khá, giỏi ra trường

không tìm được việc làm; trong khi đó có tới “30% công chức” [151] có trình độ, năng lực không đảm bảo yêu cầu công việc. Từ thực trạng trên, TPHCM nên tiến hành điều tra tổng thể về số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trên toàn địa bàn Thành phố. Trên cơ sở đó, nên mạnh dạn thực hiện thanh lọc, đào thải những người có trình độ chuyên môn, đạo đức, bản lĩnh chính trị non kém, không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Tuyển dụng những người mới có trình độ, năng lực cao hơn; nhất là sinh viên, học viên mới ra trường tốt nghiệp khá, giỏi ở trong và ngoài nước nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị tại TPHCM. Để công tác tuyển dụng đi vào thực chất, hạn chế tiêu cực, TPHCM nên có quy định bắt buộc các cơ quan, đơn vị phải thực hiện công bố thông tin tuyển dụng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Khi thi tuyển hoặc xét tuyển, công tác đánh giá cần công bằng, minh bạch và bình đẳng; cần chú ý đến năng lực tư duy sáng tạo, tư duy lý luận của người được tuyển dụng. Cần có chính sách tuyển dụng linh hoạt, phù hợp với từng vị trí việc làm; nên tiến hành đặc cách đối với những người có học hàm, học vị cao như: tiến sĩ, PGS, GS, sinh viên thủ khoa ở các trường đại học.

Bên cạnh đó, TPHCM cần đẩy mạnh công tác bổ nhiệm trí thức thông qua hình thức thi tuyển để khắc phục hiện tượng “chạy chức, chạy quyền”, “tìm người nhà”; tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh để “tìm người tài”, “có tâm và có tầm” đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố. Trong quá trình thực hiện, hình thức thi tuyển không nên quá coi trọng bằng cấp, thâm niên công tác, trình độ lý luận chính trị... mà phải đặc biệt chú ý đến nội dung, chất lượng, tính khả thi của đề án, chương trình hành động mà ứng viên đưa ra. Hội đồng đánh giá phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, sáng suốt, công tâm, chính xác trong việc ra quyết định lựa chọn.

Thứ hai, tăng cường trọng dụng trí thức trẻ, trí thức cao tuổi có tài năng còn đủ sức khỏe. TPHCM hiện nay có lực lượng trí thức trẻ khá đông đảo, đại đa số họ được đào tạo bài bản ở trong và ngoài nước, rất năng động, nhạy bén với thời cuộc, có năng lực ngoại ngữ, tin học tốt, có khát vọng vươn lên mạnh mẽ. Trong những năm qua, Đảng bộ và chính quyền TPHCM đã đạt được một số kết quả khá tích cực trong việc trọng dụng đội ngũ trí thức trẻ. Tuy nhiên, trên thực tế một số cá

nhân, tổ chức vẫn còn quá coi trọng kinh nghiệm hơn tài năng, e ngại sử dụng, bổ nhiệm những người trẻ tuổi vào các vị trí quan trọng; dẫn tới việc bỏ sót tài năng, trở thành lực cản cho những trí thức trẻ tuổi lao động sáng tạo và cống hiến. Vì vậy, TPHCM cần mạnh dạn bổ nhiệm những trí thức trẻ có tài năng vào các vị trí quản lý, lãnh đạo quan trọng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của họ. Các đơn vị GD&ĐT, KH&CN cần mạnh dạn giao cho trí thức trẻ làm chủ nhiệm một số đề tài, chương trình khoa học cấp Thành phố, cấp Bộ, cấp Nhà nước dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ, kèm cặp của những trí thức có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học. Hơn nữa, cần làm tốt công tác tư tưởng đối với một số cán bộ làm công tác tổ chức để xóa bỏ những định kiến, thói quen lạc hậu nhằm tạo môi trường thuận lợi, thu hút nhiều hơn trí thức trẻ có tài năng tham gia. Giải pháp này một mặt khắc phục tình trạng hụt hẫng thế hệ; mặt khác tạo điều kiện cho Thành phố xây dựng đội ngũ trí thức ổn định, phát triển bền vững. Để khắc phục tình trạng thiếu hụt đội ngũ trí thức, nhất là trí thức đầu ngành ở các cơ sở giáo dục đại học, trung tâm, viện nghiên cứu; TPHCM nên có chính sách sử dụng trí thức đã nghỉ hưu, có tài năng thực sự, nhưng còn đủ sức khỏe, nhiều tâm huyết một cách hợp lý, nhằm khai thác có hiệu quả chất xám, kinh nghiệm của họ. Trong công tác sử dụng, không nên quá phụ thuộc vào chức vụ, chức danh, học hàm, học vị, mà phải dựa trên năng lực, sự cống hiến thực sự của đội ngũ này.

Thứ ba, đẩy mạnh trọng dụng trí thức là người ngoài Đảng. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: mặc dù nhân tài nước ta chưa nhiều, nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng, thì nhân tài ngày càng phát triển, càng nhiều thêm. Do đó, “Việc dùng nhân tài, ta không nên căn cứ vào những điều kiện quá khắt khe. Miễn là không phản lại quyền lợi dân chúng, không là Việt gian, thân Pháp, thân Nhật, có lòng trung thành với Tổ quốc là có thể dùng được. Tài to ta dùng làm việc to, tài nhỏ ta cất làm việc nhỏ, ai có năng lực về việc gì, ta đặt ngay vào việc ấy” [81, tr.43]. Theo đó, trong công tác sử dụng trí thức phải linh hoạt, không máy móc. Bởi, trí thức là những người có lòng tự trọng rất cao, nếu như có sự cầu thị, trọng dụng thực sự; họ sẵn sàng đóng góp sức lực, trí tuệ của mình xây dựng, phát triển Thành phố cũng như đất nước. Trong quá trình

lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất linh hoạt trong việc trọng dụng những trí thức là người ngoài Đảng. Người đã từng căn dặn: “Phong trào giải phóng sôi nổi, nảy nở ra rất nhiều nhân tài ngoài Đảng. Chúng ta không được bỏ rơi họ, xa cách họ. Chúng ta phải thật thà đoàn kết với họ, nâng đỡ họ. Phải thân thiết với họ, gần gũi họ, đem tài năng của họ giúp ích vào công cuộc kháng chiến cứu nước” [85, tr.276]. Với nhận thức đó, Người đã quy tụ được nhiều trí thức ưu tú phục vụ đất nước. Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, trong những năm qua, Đảng bộ và chính quyền TPHCM đã có nhiều chủ trương thể hiện sự trọng dụng, không phân biệt trí thức là người trong Đảng hay ngoài Đảng. Tuy nhiên, trên thực tế có lúc, có nơi vẫn còn tâm lý e ngại khi giao những trọng trách quan trọng cho trí thức là người ngoài Đảng. Do đó, ở nhiều đơn vị, tổ chức tại TPHCM hiện nay, người đứng đầu đều là Đảng viên. Vì vậy, trong thời gian tới, Đảng bộ và chính quyền TPHCM cần xác định cụ thể cương vị lãnh đạo, quản lý nào phải bố trí Đảng viên nắm giữ. Cùng với đó, TPHCM nên mạnh dạn giao cho những trí thức không phải là Đảng viên nắm giữ những cương vị lãnh đạo, quản lý mang tính nghề nghiệp chuyên môn, sản xuất kinh doanh. Giải pháp này không chỉ khắc phục tình trạng bỏ sót người có tài năng, mà còn quy tụ, tập hợp được những trí thức tài giỏi, đức độ thực sự, tham gia lao động sáng tạo, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng, phát triển TPHCM thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH.

Thứ tư, tận dụng nguồn lực trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài. Từ khi đổi mới đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhất quán khẳng định: “Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam” [32, tr.123]. Từ đó đề ra phương hướng chỉ đạo: “Có chính sách khuyến khích người Việt Nam, trí thức Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước” [32, tr.123]. Thực hiện đường lối của Đảng, trong những năm qua Đảng bộ, chính quyền TPHCM đã có nhiều chủ trương, chính sách khá tích cực trong việc trọng dụng trí thức người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và phát triển TPHCM. Tuy nhiên, do hạn chế của một số cơ chế, chính sách, môi trường và điều kiện làm việc chưa được đảm bảo, thông thoáng, thuận lợi nên số lượng trí thức người Việt

Nam ở nước ngoài về tham gia lao động, cống hiến ở TPHCM còn mang tính đơn lẻ, trên phạm vi hẹp, chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Vì vậy, để phát huy có hiệu quả nguồn lực trí tuệ người Việt Nam ở nước ngoài, TPHCM nên:

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về đất nước, con người, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật... của nước ta nói chung, TPHCM nói riêng, nhằm giúp trí thức người Việt Nam ở nước ngoài biết tình hình của đất nước và Thành phố; từ đó khơi gợi tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc, thôi thúc họ hướng về Tổ quốc. Cần tạo điều kiện thuận lợi cho họ về thăm quê hương, tham dự hội thảo khoa học dễ dàng. Nếu có nguyện vọng định cư tại Việt Nam lâu dài, Thành phố nên bố trí nơi làm việc, chỗ ở tốt nhất, sắp xếp công việc cho vợ (chồng) họ ổn định cuộc sống; trong những trường hợp cần thiết, có thể bố trí họ vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy Nhà nước. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn TPHCM cần giúp đỡ họ trong việc khai thác các phòng thí nghiệm, giảng dạy ở trường đại học, hợp tác với trí thức trong nước thực hiện các công trình KH&CN, VH&NT, phản biện xã hội... Nên tạo lập cơ chế, chính sách thông thoáng để trí thức người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư xây trường đại học, trung tâm, cơ sở nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, cần có các chính sách đãi ngộ vật chất và tinh thần tương xứng với sự đóng góp của họ. Lãnh đạo Thành phố nên định kỳ tổ chức gặp gỡ, thăm hỏi để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của trí thức Việt kiều; từ đó điều chỉnh các cơ chế, chính sách cho phù hợp với đặc thù lao động của họ. Hiện nay có gần 400.000 trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, tận dụng nguồn lực này không chỉ góp phần thắt chặt khối đại đoàn kết dân tộc; mà còn góp phần nâng tầm trí tuệ dân tộc, tiềm lực KH&CN, VH&NT của TPHCM đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.

4.3. TẠO DỰNG MÔI TRƯỜNG VÀ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THUẬN LỢI ĐỂ PHÁT HUY CÓ HIỆU QUẢ VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đội ngũ trí thức là những người lao động trí óc phức tạp, do đó môi trường và điều kiện hoạt động có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, hiệu quả việc thực hiện vai trò của đội ngũ này. Trong những năm qua, bên cạnh những mặt tích cực, môi

trường và điều kiện hoạt động của đội ngũ trí thức TPHCM vẫn còn tồn tại một số bất cập. Vì vậy, “Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức” [33, tr.91] nhằm giải quyết một trong những vấn đề bức xúc nhất, mong muốn nhất của đội ngũ trí thức, đặc biệt đối với những trí thức cao niên, trí thức có trình độ cao là yêu cầu mang tính cấp thiết. Khi thực hiện giải pháp này, TPHCM cần chú ý đến các nội dung cơ bản như:

Thứ nhất, tạo lập môi trường xã hội dân chủ và lành mạnh trong các cơ quan hoạt động của đội ngũ trí thức

Một là, môi trường hoạt động của đội ngũ trí thức bao gồm nhiều yếu tố khác nhau, song, yếu tố quan trọng hàng đầu được trí thức quan tâm nhất là môi trường dân chủ. Dân chủ là bản chất của chế độ chính trị nước ta, dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng để phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức. Do đó, Đảng ta yêu cầu phải: “Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” [33, tr.91]. Môi trường dân chủ đề cập ở đây chính là: sự cởi mở, đối thoại, tin tưởng lẫn nhau, nếu có ý kiến khác nhau thì cùng nhau tranh luận, phản biện một cách bình đẳng, trên tinh thần tôn trọng, lắng nghe, không có định kiến hay dùng quyền uy để áp đặt... Với đặc thù lao động của đội ngũ trí thức, nếu có sự gò bó, định kiến, hẹp hòi về mặt tư tưởng, sẽ làm cho đội ngũ này giảm nhiệt huyết, hạn chế trong cảm xúc, thăng hoa để lao động sáng tạo. Nhà tương lai học Alvin Toffler cho rằng: “Chính phủ nào càng bóp nghẹt sự tự do lưu thông tư liệu, thông tin và tri thức, thì quốc gia ấy càng chậm tiến vào mô hình kinh tế mới” [110, tr.391]. Vì vậy, tạo lập môi trường dân chủ thực sự là điều kiện quan trọng để đội ngũ trí thức TPHCM giải phóng về mặt tư tưởng, không đi theo lối mòn, rập khuôn, từ đó tự tin, tích cực trong lao động sáng tạo để cho ra đời các sản phẩm có giá trị khoa học, văn hóa cao. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, đội ngũ trí thức luôn mong muốn tìm tòi, sáng tạo ra “cái mới”. Thế nhưng, “cái mới” ban đầu bao giờ cũng là cái đơn nhất; song đó có thể là cái tiến bộ, tích cực. Do đó, đòi hỏi chúng ta, nhất là người lãnh đạo phải hết sức tôn trọng, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để cho “cái mới” nảy nở, nhân rộng thành cái chung, cái phổ biến.

Ngày nay, phản biện xã hội đã trở thành một động lực của sự phát triển xã hội. Nhờ phản biện xã hội mà con người có thể loại bỏ yếu tố sai, tiếm cận tới sự hợp lý, chân lý, cơ sở xây dựng một xã hội dân chủ. Tuy nhiên, trên thực tế tại TPHCM thời gian qua, “vẫn còn hiện tượng ngại tiếp xúc, đối thoại, không thực sự lắng nghe, thậm chí quy chụp, nhất là khi trí thức phản biện những chủ trương, chính sách, những đề án, dự án do các cơ quan lãnh đạo và quản lý đưa ra” [34, tr.88]. Từ thực trạng đó, đòi hỏi các cơ quan Nhà nước ở TPHCM cần có thái độ cầu thị, lắng nghe ý kiến phản biện của đội ngũ trí thức. Kịp thời cung cấp thông tin đầy đủ, khách quan, rộng rãi các nội dung cần phản biện nhằm thu hút đông đảo đội ngũ trí thức tham gia. Cần có cơ chế phản hồi ý kiến phản biện, xây dựng văn hóa trong phản biện, tránh quy chụp về mặt tư tưởng, nói xấu, đả kích lẫn nhau. TPHCM nên thành lập các tổ chức phản biện độc lập nhằm khắc phục tình trạng “cấp dưới phản biện cấp trên”, “phản biện nội bộ”. Xây dựng thêm nhiều diễn đàn để huy động đông đảo trí thức tham gia phản biện.

Có thể nói, phản biện xã hội là một hoạt động dân chủ để hướng đến xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ; tuy nhiên, ở đây cũng cần nhấn mạnh rằng: dân chủ trong hoạt động sáng tạo của đội ngũ trí thức cũng như trong phản biện xã hội không có nghĩa là “tự do vô chính phủ”, mà phải tuân thủ theo các nguyên tắc dân chủ, quy định của pháp luật, vì lợi ích chính đáng của nhân dân, vì sự phồn vinh của TPHCM và dân tộc. Vì vậy, Đảng ta từng nhấn mạnh: “Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hóa, văn học nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân” [32, tr.107] là một yêu cầu có tính nguyên tắc.

Hai là, để phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, Đảng ta đã yêu cầu: “tạo môi trường lành mạnh để phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ trí thức” [33, tr.97]. Nội dung này bao gồm: xây dựng các cơ quan, tổ chức hoạt động của đội ngũ trí thức đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ... Có thể nói, hoạt động của đội ngũ trí thức là hoạt động phức tạp; do đó, bên cạnh sự độc lập về tư duy của chính bản thân mỗi trí thức, trong những trường hợp nhất định rất cần sự hợp tác, trao đổi, chia sẻ tri thức, kinh nghiệm lẫn nhau. Sự đoàn kết, hợp tác của trí thức càng quan trọng hơn khi ngày nay sự phát triển mạnh

mẽ của cuộc cách mạng KH&CN đã dẫn đến sự chia nhỏ của các ngành khoa học. Đây là xu hướng phát triển tất yếu nhằm giúp con người hiểu biết sâu sắc hơn về bản chất thế giới. Tuy nhiên, việc chia nhỏ và đi quá sâu nghiên cứu ở phạm vi hẹp sẽ gây nhiều khó khăn cho nhận thức của con người trở lại đúng với chính thể các sự vật, hiện tượng. Do đó, một mặt yêu cầu trí thức phải có sự chuyên môn hóa, chuyên ngành hóa; mặt khác cần có sự liên kết, thâm nhập vào nhau giữa các chuyên ngành để có nhận thức đầy đủ, đúng đắn. Chính vì vậy, đoàn kết, hợp tác để thực hiện phương pháp nghiên cứu liên ngành, đa ngành đang trở thành xu thế tất yếu trong giai đoạn hiện nay. Ngoài ra, để tạo dựng môi trường lành mạnh ở các cơ quan, tổ chức hoạt động của trí thức, đòi hỏi các thành viên, nhất là người đứng đầu đơn vị phải quan tâm, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhau để từ đó có sự cảm thông, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Khi đánh giá, xem xét một vấn đề khoa học phải dựa trên cơ sở chân thành, trung thực, khách quan, tôn trọng lẫn nhau và mang tính chất xây dựng của tình đồng nghiệp. Một môi trường lành mạnh không chỉ đem lại sự tự tin, yên tâm cho mỗi cá nhân trí thức lao động sáng tạo, cống hiến; mà còn là điều kiện để trí thức trẻ học hỏi kinh nghiệm, chia sẻ ý tưởng, được sự dìu dắt của những trí thức đi trước giúp họ ngày càng trưởng thành và tiến bộ.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế, chính sách thực hiện công trình KH&CN và thanh quyết toán tài chính

Một là, đối với việc triển khai thực hiện công trình KH&CN. Để tạo sự bình đẳng, khách quan, xóa bỏ cơ chế “xin - cho” trong triển khai thực hiện công trình KH&CN; TPHCM nên đẩy mạnh hình thức đấu thầu công khai, minh bạch, kèm theo các tiêu chí rõ ràng, cụ thể đối với từng cá nhân, tổ chức có nhu cầu thực hiện đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN. Mặt khác, TPHCM cần xây dựng bộ tiêu chí đối với từng đề tài, dự án KH&CN phù hợp với từng cấp thật sự chi tiết, mang tính định lượng để làm căn cứ xét tuyển. Thành phố cũng nên mời các nhà khoa học có phẩm chất đạo đức tốt, uy tín khoa học cao tham gia hội đồng xét duyệt đề tài, dự án KH&CN. Ngoài ra, cần tăng cường cơ chế đặt hàng đối với cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước thực hiện các đề tài, dự án KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề cấp bách trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Bên cạnh đó, các cơ

quan quản lý, mà đầu mối là Sở KH&CN cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện, kế hoạch tài chính cũng như chất lượng các đề tài, dự án, các công trình nghiên cứu KH&CN để khắc phục tình trạng chậm tiến độ, phê duyệt nhưng không thực hiện. Trong quá trình kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện cá nhân, tổ chức nào không đủ năng lực thực hiện, hoặc nếu thực hiện xong sẽ không phát huy hiệu quả thì nên mạnh dạn tiến hành các thủ tục chấm dứt hợp đồng, hoặc giao cho các cá nhân, tổ chức khác có năng lực cao hơn để thực hiện công trình KH&CN. Ngoài ra, để đảm bảo tiến độ về mặt thời gian, chất lượng, TPHCM nên có các chính sách thưởng, phạt, nghĩa vụ bồi thường kinh phí, nhằm nâng cao trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức khi thực hiện công trình KH&CN.

Hai là, về thanh quyết toán trong việc triển khai thực hiện công trình KH&CN. Nghị quyết Trung ương lần thứ bảy khóa X của Đảng ta đã cho rằng: cơ chế, chính sách tài chính hiện nay trong các hoạt động KH&CN chưa tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích đội ngũ trí thức tích cực lao động sáng tạo, mà còn gây ra nhiều khó khăn, “dẫn đến một số trường hợp trí thức phải tìm cách đối phó, làm giảm chất lượng của các công trình sáng tạo, lãng phí thời gian, công sức, tiền của, ảnh hưởng tới uy tín và danh dự của trí thức” [33, tr.89]. Vậy nên, để thu hút nhiều hơn nữa trí thức tham gia nghiên cứu, phát triển KH&CN, các cơ quan, ban ngành TPHCM cần cải cách mạnh mẽ cơ chế, chính sách thanh quyết toán tài chính theo hướng nhanh, gọn, nâng cao định mức thuê khoán, tinh giảm các thủ tục giấy tờ không cần thiết. Đặc biệt, cần đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các cá nhân, tổ chức nhằm giảm bớt các hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước trong quá trình triển khai nhiệm vụ KH&CN. Ngoài ra, TPHCM nên đẩy mạnh việc thành lập thêm các quỹ đầu tư nghiên cứu, phát triển KH&CN bên cạnh quỹ phát triển KH&CN quốc gia (Nafosted) đang hoạt động hiện nay.

Thứ ba, tăng cường sự liên kết, hợp tác giữa trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu và doanh nghiệp

Một là, cần đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác giữa trường đại học với trung tâm, viện nghiên cứu. Trước thực trạng một số trường đại học thiếu hụt đội ngũ giảng viên, gặp khó khăn trong việc đổi mới chương trình đào tạo>NNLCLC; trong

khi đó, một số trí thức ở trung tâm, viện nghiên cứu có năng lực giảng dạy, sáng tạo ra tri thức khoa học mới nhưng không có môi trường, điều kiện để truyền bá, xã hội hóa tri thức. Để khắc phục bất cập này, các trường đại học tại TPHCM cần tích cực, chủ động, thay đổi một số quy định không cần thiết như: yêu cầu phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm... để tận dụng nhân lực, sản phẩm nghiên cứu sáng tạo từ trung tâm, viện nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo>NNLCLC. Ngược lại, đội ngũ trí thức ở các trung tâm, viện nghiên cứu cũng cần tích cực tiếp cận chương trình, rèn luyện năng lực sư phạm để đáp ứng yêu cầu giảng dạy của trường đại học. Có thể nói, đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác giữa trường đại học với trung tâm, viện nghiên cứu là giải pháp khá quan trọng trong việc tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức ở trường đại học cũng như ở các trung tâm, viện nghiên cứu phát huy vai trò của mình một cách có hiệu quả.

Hai là, cần tăng cường sự liên kết, hợp tác giữa trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu với doanh nghiệp. Để “Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu, giữa cơ sở đào tạo với các cơ sở sản xuất, kinh doanh” [39, tr.142] nhằm hình thành tổ hợp giáo dục - nghiên cứu - sản xuất, kinh doanh đòi hỏi các chủ thể phải:

Khi xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức nghiên cứu khoa học của trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu cần có sự liên kết, hợp tác với doanh nghiệp. Sự liên kết, hợp tác này một mặt giúp các trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu biết được yêu cầu của doanh nghiệp để từ đó có cơ sở đào tạo, nghiên cứu sát với yêu cầu thực tế; mặt khác, các doanh nghiệp cũng có điều kiện tuyển dụng>NNLCLC, lựa chọn các sản phẩm KH&CN, VH&NT phù hợp với chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh. Hiện nay một số trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu trên địa bàn TPHCM thường đào tạo, nghiên cứu cái mình có, ít quan tâm đào tạo, nghiên cứu cái xã hội cần. Hay, trong nghiên cứu khoa học, đội ngũ trí thức thường hướng tới các vấn đề mang tính hàn lâm, vấn đề mới, có tính thời sự; trong khi đó, doanh nghiệp lại quan tâm đến những công trình, đề tài khoa học góp phần thiết thực đến hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại. Hệ quả là, một số sản phẩm lao động sáng tạo của đội ngũ trí thức nghiệm thu xong “cất ngăn kéo”, ít được áp dụng vào thực tiễn, gây lãng phí rất lớn cho xã hội. Vì vậy, trong quá trình mở

ngành học mới, xây dựng chương trình đào tạo cũng như triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học cần có sự tham gia tư vấn, đóng góp ý kiến, phản biện từ phía doanh nghiệp. Ngược lại, cần tạo điều kiện cho các doanh nhân, nhà quản lý thực hiện các đề tài khoa học với trí thức ở trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu.

Doanh nghiệp không chỉ “đặt hàng”, thẩm định kết quả lao động sáng tạo của đội ngũ trí thức; mà còn góp phần thúc đẩy hoạt động đào tạo và phát triển KH&CN. Doanh nghiệp là nơi sinh viên của trường đại học thực hành, thực tập, đội ngũ trí thức đến ứng dụng, triển khai KH&CN. Đại đa số các trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu ở TPHCM hiện nay hoạt động chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách của Nhà nước và học phí của sinh viên, học viên; do đó gặp không ít khó khăn về tài chính, nhất là nguồn tài chính trong việc triển khai nghiên cứu khoa học, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Vì vậy, tăng cường sự liên kết, hợp tác giữa trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu nhằm huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp để hiện đại hóa cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện hiệu quả nghiên cứu khoa học là một nhu cầu tất yếu, tương hỗ lẫn nhau để cùng phát triển.

Thứ tư, phát triển dịch vụ, thị trường KH&CN, VH&NT

Một là, cần phát triển dịch vụ KH&CN, VH&NT. Đây là hoạt động có vai trò cung cấp thông tin về nhu cầu của thực tiễn đặt ra đối với đội ngũ trí thức; hay nói cách khác là việc cung cấp các “đơn hàng” của xã hội cho đội ngũ trí thức nghiên cứu sáng tạo. Hoạt động này phát triển không chỉ kích thích đội ngũ trí thức phải năng động, sáng tạo mà còn khắc phục sự lãng phí thời gian và chất xám trong hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ trí thức TPHCM hiện nay. Bên cạnh đó, dịch vụ này còn có vai trò cung cấp thông tin về tình hình phát triển KH&CN, VH&NT của TPHCM cũng như của Việt Nam và thế giới. Nhờ đó, các trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu sẽ “biết mình, biết ta”; các cơ quan quản lý Nhà nước cũng có cơ sở đề ra chủ trương, xây dựng các chính sách nhằm định hướng KH&CN, VH&NT phát triển một cách phù hợp với bối cảnh đất nước, xu thế của thời đại; còn các doanh nghiệp cũng có cơ hội lựa chọn các sản phẩm KH&CN, VH&NT phù hợp với nhu cầu phát triển của bản thân doanh nghiệp mình. Với cách thức này một mặt tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức TPHCM nghiên cứu, sáng tạo

cho ra các sản phẩm KH&CN, VH&NT phục vụ thiết thực cuộc sống; mặt khác, giúp cho các doanh nghiệp không bị rơi vào tình trạng ứng dụng các KH&CN lạc hậu, lỗi thời ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đây cũng là giải pháp để khắc phục thực trạng Việt Nam có nguy cơ trở thành “bãi rác” công nghiệp của thế giới. Bên cạnh đó, phát triển dịch vụ KH&CN, VH&NT còn tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức TPHCM “rảnh tay”, chuyên tâm hơn vào hoạt động sáng tạo; đẩy nhanh, nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN, VH&NT; từ đó góp phần nâng cao trình độ KH&CN, VH&NT của xã hội, tạo cơ sở, tiền đề để hiện đại hóa quy trình quản lý, dây chuyền sản xuất, thúc đẩy quá trình CNH, HĐH, phát triển kinh tế tri thức tại TPHCM.

Hai là, cần phát triển thị trường KH&CN, VH&NT. Xuất phát từ nền kinh tế thị trường hình thành khá sớm và phát triển rất năng động, cộng với việc sở hữu đội ngũ trí thức khá hùng hậu so với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước; TPHCM nên đẩy mạnh phát triển thị trường KH&CN, VH&NT. Để thực hiện giải pháp này, TPHCM phải: “Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường thực thi việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả đối với các sản phẩm sáng tạo, nhằm bảo đảm lợi ích của trí thức khi chuyển giao phát minh, sáng kiến và khuyến khích đội ngũ trí thức gia tăng sự cống hiến” [33, tr.95]. Bởi vì, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả không chỉ là biện pháp để chống “ăn cắp” bản quyền, làm hàng giả, hàng nhái, phân biệt phải trái, đảm bảo tính cạnh tranh lành mạnh của thị trường; mà còn tạo cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện sự đãi ngộ, tôn vinh xứng đáng công sức, trí tuệ của trí thức. Ngoài ra, cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm KH&CN, VH&NT dưới các hình thức như: tổ chức hội chợ, triển lãm, sàn giao dịch...nhằm tạo chất xúc tác giữa cung và cầu, từ đó thúc đẩy thị trường phát triển.

Thứ năm, tăng ngân sách đầu tư cho KH&CN và đẩy mạnh giao lưu, hợp tác quốc tế

Một là, cần tăng ngân sách đầu tư cho các hoạt động của đội ngũ trí thức TPHCM. Mặc dù trong thời gian qua, ngân sách đầu tư cho hoạt động KH&CN của TPHCM cao nhất cả nước, tuy nhiên so với một số nước trong khu vực thì mức đầu

tư trên vẫn còn một khoảng cách rất lớn: từ năm 2010 ở Trung Quốc đã là 2,2% GDP, còn ở Hàn Quốc là 4,5% GDP [145]. Có thể nói, với ngân sách đầu tư cho KH&CN hạn hẹp như vậy, rất khó để nâng cao trình độ KH&CN của Thành phố cũng như của đất nước. Vì vậy, trong thời gian tới, TPHCM cần phải tăng ngân sách đầu tư cao hơn nữa cho hoạt động KH&CN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức lao động, sáng tạo và cống hiến. Thêm vào đó, TPHCM cần đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa, bằng cách kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động GD&ĐT, KH&CN, VH&NT; đặc biệt là lĩnh vực VH&NT, bởi vì: sau bốn mươi năm giải phóng, “Thành phố chưa xây dựng được một công trình nào đạt chuẩn về biểu diễn nghệ thuật đỉnh cao, công trình mang tính biểu trưng văn hóa cho Thành phố hoặc đáp ứng việc tổ chức các sự kiện văn hóa nghệ thuật tầm cỡ quốc tế” [33, tr.17]. Khi các doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất cho các trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu; đổi lại trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu cần hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tư vấn chiến lược phát triển, đào tạo nguồn nhân lực, hợp tác trong nghiên cứu khoa học. Mặt khác, TPHCM nên có chính sách ưu đãi về sở hữu đất đai, giảm thuế, hạ lãi suất đối với doanh nghiệp tham gia đầu tư vào trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu.

Hai là, hoạt động mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự trưởng thành cũng như chất lượng thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức. Bởi vì, chỉ có thông qua hoạt động này đội ngũ trí thức mới có điều kiện tiếp cận nhanh hơn, nhiều hơn những tinh hoa VH&NT, thành tựu KH&CN của nhân loại; được hợp tác làm việc, chia sẻ kinh nghiệm với các chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, được sự giúp đỡ từ các cá nhân, tổ chức quốc tế trong nghiên cứu khoa học, hay được tham gia giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu của nhân loại... Nếu quá trình giao lưu, hợp tác quốc tế được đẩy mạnh không chỉ nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ trí thức, mà còn góp phần nâng tầm trí tuệ, tiềm lực KH&CN, VH&NT của TPHCM trên trường quốc tế. Thực tế thời gian qua, hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế của đội ngũ trí thức TPHCM mới chỉ diễn ra ở phạm vi hẹp, một chiều, chủ yếu dừng lại ở việc giới thiệu, quảng bá các sản phẩm KH&CN, GD&ĐT, VH&NT và Việt Nam thường là “bên nhận, bên được hỗ trợ”,

còn các đối tác nước ngoài là “bên cho, bên hỗ trợ”. Vì vậy, để hoạt động này trong thời gian tới được đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, đòi hỏi Đảng bộ và chính quyền TPHCM cần có chính sách đầu tư, khuyến khích các trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu tích cực đăng cai tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế; nên cử một số trí thức ưu tú đến làm việc tại các đơn vị nghiên cứu hàng đầu thế giới. Ngoài ra, Nhà nước cũng như TPHCM cần đơn giản hóa các thủ tục đi lại trong và ngoài nước, có cơ chế hỗ trợ kinh phí để trí thức có điều kiện tham gia các diễn đàn, hội thảo khoa học, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí uy tín quốc tế.

Thứ sáu, kết hợp việc kiện toàn và xây dựng mới một số cơ sở nghiên cứu KH&CN, trường đại học ngang tầm khu vực và quốc tế. Trong giai đoạn hiện nay, để thực hiện thành công quá trình CNH, HĐH, thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển, tất yếu chúng ta phải thu hẹp khoảng cách về trình độ KH&CN. Tuy nhiên, với nguồn ngân sách hạn hẹp không thể cho phép chúng ta mua ngay các sản phẩm KH&CN nguồn, KH&CN có trình độ cao cấp từ các nước phát triển. Hơn nữa, xuất phát từ mong muốn giữ thế độc quyền nhằm tìm kiếm siêu lợi nhuận nên rất khó để các nước đó thực hiện quá trình chuyển nhượng, hay trao đổi mua bán. Vì vậy, việc kiện toàn, đầu tư xây mới một số cơ sở nghiên cứu, “một số trường đại học ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới” [33, tr.95] sẽ góp phần nâng cao tiềm lực, tiến tới làm chủ một số thành tựu KH&CN; mặt khác, còn tạo ra môi trường, điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức phát huy có hiệu quả năng lực sáng tạo, khắc phục tình trạng một số trí thức có tài năng phải “chạy” ra nước ngoài, hay không “chịu” về nước làm việc do điều kiện không được đảm bảo. Tuy nhiên, kinh nghiệm quốc tế cho thấy, để xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học hay trường đại học ngang tầm khu vực và quốc tế đòi hỏi phải mất rất nhiều thời gian, cần nguồn tài chính lớn, trình độ nhân lực yêu cầu trình độ chuyên môn rất cao. Trong bối cảnh nước ta nói chung, TPHCM nói riêng, nếu xây mới hoặc kiện toàn cùng một lúc nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học, trường đại học ngang tầm khu vực và quốc tế sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, TPHCM nên lựa chọn một số cơ sở nghiên cứu khoa học, một số trường đại học có bề dày thành tích, có đội ngũ nhân lực khá tương đối để kiện toàn, nâng cấp là hướng đi phù hợp với bối cảnh hiện nay.

Theo bảng xếp hạng các viện nghiên cứu, trường đại học, cơ sở nghiên cứu trên toàn thế giới của SCImago (SCImago Institutions Rankings) vào tháng 8/2016, Đại học Quốc gia TP HCM xếp thứ 2 trong nước và xếp thứ 608/5.147 thế giới [Phụ lục 11]. Còn theo tổ chức xếp hạng các trường đại học châu Á (QS University Rankings Asia), tại tháng 6/2016 Đại học Quốc gia TP HCM được xếp thứ 147 (tăng 54 bậc so với năm 2015), nằm trong top 350 trường đại học hàng đầu châu Á. Hay, sau 15 năm thành lập, giờ đây các sản phẩm nghiên cứu sáng tạo của Công viên phần mềm Quang Trung đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận; thương hiệu Công viên phần mềm Quang Trung đang “đứng vị trí thứ 4 tại Đông Nam Á, sau Philippines, Malaysia và Singapore” [134]. Với những tiền đề quan trọng kể trên, thời gian tới TP HCM cần đầu tư mạnh mẽ hơn nữa về nguồn vốn, có cơ chế, chính sách thu hút “chất xám” trong và ngoài nước tích cực sẽ rút ngắn được khoảng cách và sớm bắt kịp trình độ GD&ĐT, KH&CN với các nước phát triển trên thế giới.

Bên cạnh đó, hiện nay TP HCM đã có kế hoạch xây dựng mới một số cơ sở nghiên cứu KH&CN, trường đại học đạt chuẩn quốc tế như: quyết định thành lập trường Đại học Fulbright Việt Nam (FUV), xây dựng Công viên KH&CN... Thời gian tới, Thành phố cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan ở Trung ương, các đối tác nước ngoài để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nhằm đưa các cơ sở GD&ĐT, KH&CN đẳng cấp quốc tế sớm đi vào hoạt động. Như vậy, việc thực hiện các giải pháp trên sẽ là “lực đẩy”, sức lan tỏa cho GD&ĐT, KH&CN Thành phố phát triển nhanh hơn; từ đó tạo môi trường và điều kiện cho đội ngũ trí thức trưởng thành, nâng cao chất lượng sản phẩm sáng tạo ngang tầm khu vực và quốc tế.

4.4. ĐỔI MỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trình độ chuyên môn, năng lực sáng tạo, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị... của đội ngũ trí thức không thể hình thành một cách tự phát; nó là sản phẩm của quá trình đào tạo, bồi dưỡng một cách lâu dài và có hệ thống. Do đó, công tác đào tạo và bồi dưỡng được xem là con đường trực tiếp, hình thức cơ bản nhất để xây dựng, phát huy vai trò đội ngũ trí thức TP HCM đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế. Trong những năm qua, công tác đào tạo và

bồi dưỡng đội ngũ trí thức tại TPHCM đã đạt được một số kết quả quan trọng. Tuy nhiên, công tác này hiện vẫn còn tồn tại một số bất cập. Trước thực trạng đó, Thành ủy TPHCM đã thẳng thắn nhận xét rằng: chất lượng đội ngũ trí thức còn hạn chế, “trong nhiều lĩnh vực, có tình trạng vừa thiếu, vừa thừa lực lượng trí thức; trình độ của một bộ phận trí thức chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế; số lượng chuyên gia đầu ngành rất thiếu, đội ngũ kế cận còn hụt hẫng” [106, tr.13-14]. Vì vậy, thực hiện đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ trí thức TPHCM đủ về số lượng, cao về chất lượng, hợp lý về cơ cấu là yêu cầu có tính cấp thiết giai đoạn hiện nay. Thực hiện giải pháp này TPHCM cần lưu ý các nội dung cơ bản như:

Thứ nhất, tăng chỉ tiêu, đa dạng hình thức đi liền với điều chỉnh cơ cấu và nâng cao chất lượng đào tạo. Số lượng đội ngũ trí thức không chỉ là nền tảng vật chất tạo nên sức mạnh, mà còn ảnh hưởng đến nội dung, hình thức, hiệu quả việc thực hiện vai trò của đội ngũ này. Do đó, tăng chỉ tiêu đào tạo nhằm phát triển số lượng là một trong những giải pháp quan trọng để phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức TPHCM giai đoạn hiện nay. Thực hiện giải pháp này cùng với việc xây dựng một số trường đại học đạt “trình độ khu vực và quốc tế” như đã phân tích; các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học tại TPHCM cần tăng cường phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo số lượng và chất lượng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại để đáp ứng. Có thể nói, những người có học vị thạc sĩ, tiến sĩ là lực lượng có trình độ học vấn cao, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo>NNLCLC cũng như trong nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao KH&CN, phát triển VH&NT. Tuy nhiên, trên thực tế, số lượng người có học vị thạc sĩ, đặc biệt là tiến sĩ ở các cơ sở giáo dục đại học, trung tâm, viện nghiên cứu tại TPHCM còn thiếu so với nhu cầu. Do đó, tăng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ là giải pháp khắc phục sự thiếu hụt trên.

Cùng với hình thức đào tạo chính quy, tập trung, các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học tại TPHCM cần đẩy mạnh hơn nữa hình thức đào tạo: vừa làm vừa học, liên thông, từ xa, văn bằng hai... Đây không chỉ là giải pháp tạo cơ hội cho người dân được “học tập thường xuyên”, “học tập suốt đời”, phát triển bền vững

nền đại học đại chúng; mà còn góp phần đáng kể trong việc xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh. Trên thực tế, đã có nhiều trí thức trên thế giới và ở Việt Nam “thành danh” được đào tạo từ hình thức không chính quy.

Bên cạnh đó, TPHCM cũng cần điều chỉnh lại cơ cấu đào tạo đội ngũ trí thức một cách khoa học, hợp lý để khắc phục sự mất cân đối giữa các ngành nghề, các bậc học đang diễn ra hiện nay; nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp, sự phối hợp nhịp nhàng, linh hoạt, đảm bảo cho sự phát triển Thành phố theo hai tốc độ, “một tốc độ nhanh đi vào các lĩnh vực khoa học công nghệ cao, tiếp cận với kinh tế tri thức, một tốc độ bình thường giải quyết hài hòa phù hợp với trình độ và khả năng của nguồn nhân lực trong một cấu trúc nhiều hình thái kinh tế đa dạng, phát triển không đồng đều đang tồn tại” [57, tr.171]. Hơn nữa, TPHCM nên xem xét mở thêm một số ngành thuộc lĩnh vực KH&CN cao đang có xu hướng phát triển trên thế giới mà Thành phố có tiềm năng nhằm chủ động, đón đầu nhu cầu nguồn nhân lực trong tương lai. Đi cùng với việc tăng quy mô đào tạo, TPHCM cần phối hợp với Bộ GD&ĐT đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác quản lý, kiểm tra, thẩm định các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học trên địa bàn Thành phố, nhằm đảm bảo phát triển về số lượng đi liền với nâng cao chất lượng, khắc phục tình trạng chạy theo bệnh thành tích, thương mại hóa trong giáo dục hiện nay.

Thứ hai, đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo. Để xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức TPHCM “từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ của trí thức các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới” [34, tr.8], tất yếu phải đổi mới một cách toàn diện và triệt để nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo ở các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học. Trước hết, các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học trên địa bàn TPHCM cần tiến hành tổng rà soát, đánh giá lại toàn bộ nội dung, chương trình đang có; từ đó loại bỏ những phần trùng lặp, những phần không còn thiết thực, lạc hậu, xa rời thực tế. Song song với đó là phải bổ sung thêm những tri thức mới, đảm bảo tính hiện đại, liên thông, liên ngành. Trong quá trình thực hiện, các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học nên mời các nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài nước, các doanh nhân, nhà quản lý tham gia tư vấn, phản biện, đóng góp ý kiến; nhằm xây dựng chương trình, nội dung

đào tạo không chỉ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố mà còn ngang bằng các tiêu chuẩn của quốc tế, nhằm tạo ra NNLCCLC đủ năng lực tham gia thị trường lao động toàn cầu trong quá trình hội nhập hiện nay.

Bên cạnh đó, cần đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy. Bởi vì, nếu như có nội dung, chương trình đào tạo toàn diện, tiên tiến, nhưng phương pháp giảng dạy thiếu khoa học, bảo thủ, trang thiết bị phục vụ giảng dạy lạc hậu, thiếu đồng bộ thì không thể nâng cao được chất lượng đào tạo đội ngũ trí thức. Do đó, các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học, mà cụ thể là các giảng viên, cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học, khắc phục lối truyền thụ kiến thức một chiều, áp đặt, ghi nhớ máy móc; tạo cho người học sự hứng thú, tích cực, tự giác trong việc nêu vấn đề và giải quyết vấn đề; xây dựng các kỹ năng gắn lý luận với thực tiễn, nâng cao năng lực sáng tạo, tư duy lý luận, phản biện... Để hiện thực hóa giải pháp trên, các cơ sở giáo dục đại học và sau đại học trên địa bàn TPHCM cần đầu tư, nâng cấp trang thiết bị máy móc, phương tiện kỹ thuật đầy đủ, hiện đại nhằm phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy của giảng viên, sinh viên và học viên.

Thứ ba, đào tạo lại đội ngũ trí thức và trí thức đầu ngành. Trong thời đại ngày nay, khi nhân loại đang hướng tới nền kinh tế tri thức toàn cầu, vòng đời công nghệ ngày càng bị rút ngắn, các lý thuyết khoa học luôn bị phủ định; cùng với đó là quá trình CNH, HĐH ở TPHCM hiện đang tiến dần vào chiều sâu... Trước bối cảnh đó đã làm cho một bộ phận trí thức TPHCM tỏ ra tụt hậu, tri thức, trình độ, năng lực không theo kịp với sự thay đổi nhanh chóng của KH&CN, quá trình hội nhập sâu rộng của đất nước. Chính vì vậy, thực hiện công tác định kỳ “đào tạo lại chuyên môn cho đội ngũ trí thức” [33, tr.96] là một nhiệm vụ cần được coi trọng trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện công tác này có hiệu quả, TPHCM nên thực hiện bằng các hình thức như: tập huấn cập nhật kiến thức, tổ chức hội thảo chuyên đề, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn, cử một số trí thức đi tu nghiệp nước ngoài... Trong quá trình “đào tạo lại”, cần chú ý đến việc bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ trí thức TPHCM. Bởi vì, khi thực hiện quá trình CNH, HĐH theo hình thức “rút ngắn”, đòi hỏi chúng ta không chỉ chủ động sáng tạo, mà còn phải biết kế thừa, tiếp thu,

chuyển giao, làm chủ các thành tựu KH&CN của nhân loại để nâng tầm tiềm lực KH&CN của quốc gia. Nếu năng lực ngoại ngữ của đội ngũ trí thức TPHCM không đáp ứng sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc giao lưu, hợp tác, trao đổi học thuật, tiếp cận với các thành tựu KH&CN, tinh hoa VH&NT của thế giới. Do đó, nâng cao năng lực ngoại ngữ phải được coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức TPHCM hiện nay.

Để khắc phục tình trạng “khan hiếm trí thức đầu ngành”, hướng đến việc xây dựng đội ngũ trí thức tinh hoa; trước hết, TPHCM cần đầu tư ngân sách nhiều hơn vào lĩnh vực đào tạo sau đại học, bởi vì đây là tiền đề quan trọng để hình thành đội ngũ trí thức đầu ngành. Bên cạnh đó, TPHCM nên tuyển chọn một số cán bộ khoa học trẻ tuổi, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, thông thạo ngoại ngữ, có năng lực sáng tạo, có nhiều triển vọng cử đến các nước có nền giáo dục, KH&CN tiên tiến trên thế giới để đào tạo, bồi dưỡng. Khi thực hiện giải pháp này, TPHCM nên chọn một số lĩnh vực hiện nay đang rất “khan hiếm” và một số lĩnh vực mang tầm chiến lược để đào tạo như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ hạt nhân, công nghệ vật liệu mới...

Thứ tư, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ của Thành ủy. TPHCM là địa phương đi đầu cả nước thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ nhằm cung cấp>NNLCLC cho hệ thống chính trị và các đơn vị sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố. Từ khi triển khai đến nay, chương trình bước đầu đã mang lại những kết quả rất tích cực, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, mà còn góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội Thành phố phát triển. Vì vậy, trong thời gian tới, TPHCM cần đẩy mạnh hơn nữa chương trình này bằng cách: tăng chỉ tiêu đào tạo, mở rộng hơn nữa đối tượng tham gia chương trình, không nên chỉ giới hạn trong phạm vi cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị TPHCM, hay chỉ có những người có hộ khẩu thường trú tại TPHCM...để từ đó chọn được nhiều đối tượng đào tạo có chất lượng. Nên cử đối tượng được tuyển chọn đi đào tạo ở những nền giáo dục hiện đại hàng đầu thế giới để đảm bảo chất lượng đào tạo; cần lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá sau khi đào tạo nhằm lựa chọn những người có đức, có tài thực sự, đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố.

4.5. ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN ĐỐI VỚI ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng: con người là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội. Do đó, để tồn tại và phát triển tất yếu con người phải được đáp ứng các nhu cầu về vật chất lẫn tinh thần; và chính các nhu cầu đó sẽ thôi thúc con người hành động. Thế nên, sinh thời C.Mác khẳng định: không có nhu cầu, thì không có sản xuất; ngược lại không có sản xuất cũng không có nhu cầu, bởi vì, chính sản xuất đã làm nảy sinh nhu cầu. Vì vậy, thực hiện “các cơ chế, chính sách mới bảo đảm để trí thức được hưởng đầy đủ lợi ích vật chất, tinh thần tương xứng với giá trị từ kết quả lao động sáng tạo của mình” [33, tr.94]; không chỉ tạo ra động lực, kích thích đội ngũ trí thức lao động sáng tạo; mà còn thể hiện mức độ quan tâm, thừa nhận công sức, trí tuệ của xã hội đối với đội ngũ này.

Thứ nhất, cải cách mạnh mẽ chính sách tiền lương và mức chi trả thù lao ngoài lương cho đội ngũ trí thức

Một là, về chính sách tiền lương. Kinh nghiệm từ các nước phát triển, đặc biệt là Singapore, Nhật Bản, Mỹ...cho thấy: việc trả lương cao chính là nhân tố quan trọng để tăng năng suất, chất lượng, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động. Đồng thời trả lương cao còn góp phần làm lành mạnh hóa các quan hệ chính trị - xã hội, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Như vậy, chính sách tiền lương không chỉ đơn giản để nuôi sống bản thân, gia đình mà quan trọng hơn còn thể hiện sự quan tâm, đối xử của Nhà nước, của xã hội đối với công sức, trí tuệ của đội ngũ trí thức. Do đó, chỉ khi nào chính sách tiền lương đảm bảo cho đội ngũ trí thức tái sản xuất sức lao động thì việc phát huy vai trò của đội ngũ này mới có chất lượng, hiệu quả. Để có chính sách tiền lương đãi ngộ xứng đáng, kích thích năng lực sáng tạo, thu hút được nhiều người có đức, có tài gia nhập đội ngũ trí thức, Nhà nước nói chung, TPHCM nói riêng cần:

Thực hiện quyết liệt việc tinh giảm bộ máy hành chính, bằng cách sắp xếp lại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính theo hướng gọn nhẹ, đa ngành, đa lĩnh vực. Tăng thêm quyền hạn cho người đứng đầu, giảm bớt các cấp phó; sàng lọc, sa thải những người làm việc có hiệu quả lao động thấp, năng lực chuyên môn

không đáp ứng yêu cầu, không chịu học tập để nâng cao trình độ, có biểu hiện xuống cấp về đạo đức, yếu kém về phẩm chất chính trị. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong nền hành chính để không chỉ tiết kiệm thời gian, giảm chi phí giấy tờ, văn bản, mà còn bớt số người tham gia thực hiện. Tiến hành xã hội hóa và giao quyền tự chủ ở khu vực sự nghiệp cung cấp dịch vụ công nhằm giảm chi ngân sách quốc gia, từ đó có điều kiện tăng quỹ ngân sách để tăng lương. Hơn nữa, cần phải xây dựng chính sách tiền lương một cách hợp lý hơn, tránh sự chênh lệch quá lớn giữa khu vực công với khu vực tư, khu vực hành chính sự nghiệp với khu vực sản xuất kinh doanh, khu vực trong nước với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, giữa nước ta với các nước trên thế giới.

Trong việc thực hiện chính sách tiền lương, không nên cào bằng mà phải chú ý đến tính đặc thù của từng loại hình lao động, đặc biệt là phải dựa trên vị trí việc làm và hiệu quả của lao động. Chính sách tiền lương phải bám sát với sự vận động, phát triển của xã hội. Bên cạnh đó, cần có các chính sách tiền lương đặc biệt đối với những trí thức giữ trọng trách trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy; đặc biệt là những trí thức đầu ngành. Cùng với các chính sách tăng lương cần có các chính sách giảm lương; theo đó, nên ban hành cơ chế thưởng, phạt trong các hoạt động của đội ngũ trí thức. Nếu trí thức nào hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì tăng bậc lương trước thời hạn, còn ngược lại nên thực hiện giảm bậc lương, trừ lương. TPHCM là một đô thị lớn, nơi có mức sống và vật giá khá cao, song chính sách tiền lương hiện nay vẫn áp dụng chung như các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Vì vậy, TPHCM cần đề xuất, kiến nghị Trung ương cho phép thực hiện một số chính sách đặc thù về tiền lương nhằm thu hút nhiều hơn nữa trí thức trình độ cao trong và ngoài nước đến Thành phố làm việc và cống hiến.

Hai là, bên cạnh tiền lương, chính sách ngoài lương như: phụ cấp, nhuận bút, thù lao giảng dạy vượt chuẩn... của đội ngũ trí thức TPHCM cũng bộc lộ khá nhiều hạn chế. Vì vậy, nâng mức chi trả thù lao ngoài lương để góp phần cải thiện đời sống vật chất, tạo sự công bằng, thống nhất, tránh các “tâm tư” ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM. Có thể nói, tiền lương và các chính sách ngoài lương đang là vấn đề được toàn xã hội đặc biệt

quan tâm, trong đó có đội ngũ trí thức. Một chính sách tiền lương và thù lao ngoài lương hợp lý, thỏa đáng không chỉ tạo điều kiện thực hiện thành công chiến lược “chiêu hiền đãi sĩ” mà còn góp phần nâng cao chất lượng lao động, giá trị sản phẩm; những yếu tố giữ vai trò quyết định sự thắng lợi trong cạnh tranh của nền kinh tế.

Ba là, thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở và phương tiện đi lại đối với đội ngũ trí thức TPHCM. Trên thực tế, với mức tiền lương Nhà nước chi trả và mức giá cả sinh hoạt như hiện nay thì rất khó cho đội ngũ trí thức, nhất là những trí thức trẻ có thể mua được nhà ở tại TPHCM để “an cư, lạc nghiệp”. Vì vậy, “Đừng để tình trạng lương công chức làm cả đời không mua được căn hộ để ở” [136], đòi hỏi Nhà nước cũng như TPHCM cần thực hiện các chính sách hỗ trợ về nhà ở để trí thức yên tâm lao động và cống hiến. Thực hiện giải pháp này, TPHCM cần: trích lập các quỹ đất để giao cho các cơ quan như: GD&ĐT, KH&CN, y tế; hoặc có các chính sách ưu đãi thỏa đáng để các doanh nghiệp tham gia xây dựng nhà công vụ cho trí thức thuê với giá thấp. Bên cạnh đó, Nhà nước nên đẩy mạnh hơn nữa chính sách tín dụng ưu đãi cho vay mua nhà; trong đó cần phải nâng mức cho vay, kéo dài thời gian vay và đơn giản hóa các thủ tục hành chính không cần thiết. Mặc dù Quốc hội đã thông qua Luật Nhà ở năm 2014, trong đó có quy định các tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền sở hữu nhà ở tại Việt Nam; tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn dưới luật vẫn chưa đầy đủ, đồng bộ. Với mục đích thu hút và phát huy có hiệu quả vai trò của trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, trí thức người nước ngoài đang sinh sống, làm việc tại Việt Nam đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền cần sớm hoàn thiện các văn bản dưới luật để tạo điều kiện cho họ ổn định chỗ ở, từ đó toàn tâm, toàn ý lao động sáng tạo và cống hiến, phục vụ sự nghiệp phát triển Thành phố. Ngoài ra, trước thực trạng đa số các trường cao đẳng, đại học, khu công nghệ cao, công viên phần mềm Quang Trung... đều có trụ sở làm việc và hoạt động cách xa trung tâm Thành phố. Do đó, nhằm tạo sự tiện lợi trong việc đi lại của trí thức, TPHCM nên hình thành các tuyến xe buýt với giá ưu đãi để đưa đón trí thức đi từ nội thành ra ngoại thành và ngược lại.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế, chính sách tôn vinh, khen thưởng đội ngũ trí thức. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta nói chung, Đảng bộ và chính

quyền TPHCM nói riêng đã tổ chức nhiều hình thức tôn vinh khác nhau để động viên, khuyến khích đội ngũ trí thức. Có thể nói, những hình thức tôn vinh đang triển khai tuy không mang lại giá trị vật chất lớn, song lại mang giá trị tinh thần không nhỏ đối với đội ngũ trí thức. Chính sự động viên, khích lệ đó đã tác động to lớn đến sự tự giác, sáng tạo của đội ngũ trí thức trong việc đóng góp trí tuệ của mình phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển TPHCM cũng như cả nước. Bên cạnh những kết quả đạt được, các hình thức tôn vinh, khen thưởng trí thức vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: thủ tục hành chính rườm rà, chế độ khen thưởng chưa tương xứng với hình thức khen thưởng... Vì vậy, “để trí thức được hưởng đầy đủ lợi ích vật chất, tinh thần tương xứng với giá trị từ kết quả lao động sáng tạo của mình” [33, tr.94], các cơ quan ở Trung ương và TPHCM nên:

Một là, đơn giản hóa các thủ tục hành chính bằng cách bỏ qua các khâu trung gian, áp dụng kê khai điện tử trong việc phong tặng các danh hiệu, chức danh đối với trí thức là một việc làm cấp thiết hiện nay.

Hai là, để tạo sự công bằng trong việc ghi nhận những đóng góp của trí thức, Nhà nước cũng như TPHCM không nên chỉ dựa trên hồ sơ, kết quả bỏ phiếu mà cần phải dựa trên sự ghi nhận của công chúng để tôn vinh.

Ba là, để đạt các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước và TPHCM, trí thức phải trải qua quá trình nỗ lực phấn đấu, lao động sáng tạo miệt mài mới có được. Tuy nhiên, chế độ khen thưởng đối với các giải thưởng, danh hiệu hiện khá thấp. Do đó, Nhà nước và TPHCM cần nâng mức khen thưởng cao hơn để tương xứng với những đóng góp, sáng tạo của trí thức.

Bốn là, hiện nay, đa số các lĩnh vực đã xây dựng được các giải thưởng; tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ, rộng khắp. Ví như, chúng ta hiện đang có các danh hiệu như: Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú...nhưng chưa có các danh hiệu như: Nhà khoa học nhân dân, Nhà khoa học ưu tú cho những trí thức có những đóng góp to lớn cho sự phát triển KH&CN. Vì vậy, chúng ta cần xây dựng thêm các giải thưởng để khuyến khích, động viên, ghi nhận khả năng sáng tạo, sự đóng góp của trí thức đầy đủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Năm là, cần đẩy mạnh tuyên truyền các quy định, hình thức tôn vinh, khen thưởng cho đội ngũ trí thức biết. Bên cạnh đó, cần tuyên dương những trí thức, nhà khoa học có công trình, phát minh, sáng chế đóng góp cho sự nghiệp phát triển của Thành phố và đất nước. Giải pháp này không chỉ thể hiện sự quan tâm, trân trọng của Nhà nước, TPHCM đối với sản phẩm lao động sáng tạo của đội ngũ trí thức; mà còn tạo ra phong trào thi đua lao động, sáng tạo trong nhân dân.

Kết luận chương 4

Từ khi đổi mới đến nay, Đảng bộ, chính quyền TPHCM đã tạo điều kiện, đề ra khá nhiều giải pháp nhằm phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển Thành phố. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát huy vai trò đội ngũ trí thức TPHCM vẫn còn một số hạn chế. Vì vậy, để phát huy hơn nữa vai trò của đội ngũ này trong thời gian tới, theo chúng tôi cần tiến hành thực hiện đồng bộ một số giải pháp cơ bản như: nâng cao nhận thức cho người dân TPHCM về vai trò của đội ngũ trí thức; hoàn thiện chính sách sử dụng đội ngũ trí thức; tạo dựng môi trường và điều kiện hoạt động thuận lợi để phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức; đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ trí thức; đổi mới chính sách đãi ngộ vật chất và tinh thần đối với đội ngũ trí thức TPHCM.

Với truyền thống anh dũng, “bản lĩnh kiên cường, khí phách hiên ngang, ý chí dời non lấp biển; trí tuệ thông minh, tinh thần ham học hỏi, khả năng hợp tác cao và tài ứng biến khôn lường luôn thích nghi với hoàn cảnh; phong cách thoáng đạt, tinh thần nghĩa hiệp và tâm hồn quảng giao nhân ái; đầu óc thực tế cùng với phương pháp tính toán đến năng suất - chất lượng - hiệu quả; ý thức tôn trọng luật pháp, tinh thần dân chủ và tính công khai” [87, tr.20-21]... Chúng tôi tin rằng, nếu như những giải pháp trên được triển khai, áp dụng không chỉ đáp ứng sự mong mỏi của bản thân đội ngũ trí thức, mà còn tạo ra các điều kiện thuận lợi để đội ngũ này phát huy có hiệu quả hơn vai trò của mình, đáp ứng các yêu cầu phát triển TPHCM, cũng như đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế.

KẾT LUẬN CHUNG

1. Ngày nay, do sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng KH&CN, kéo theo đó là sự hình thành nền kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa đã tác động sâu rộng đến sự phát triển của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Các quốc gia dù có chế độ chính trị khác nhau đều phải xác định chiến lược phát huy vai trò đội ngũ trí thức phù hợp với đặc điểm của dân tộc mình nhằm đưa đất nước tiến lên, tránh tụt hậu trong cuộc chạy đua toàn cầu. Đối với Việt Nam nói chung và TPHCM nói riêng, tiến vào thế kỷ XXI với sứ mệnh đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Trước bối cảnh thời đại và yêu cầu phát triển của Thành phố, đòi hỏi phải phát huy có hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực trí tuệ, năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức. Vì vậy, nghiên cứu trí thức nói chung và vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM nói riêng không chỉ có ý nghĩa lý luận, ý nghĩa thực tiễn; mà còn mang tính cấp thiết sâu sắc. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu vai trò đội ngũ trí thức TPHCM trong giai đoạn hiện nay còn có ý nghĩa và tính cấp thiết cao hơn bởi vì, là địa phương có lượng trí thức khá đông đảo, nhưng công tác phát huy vai trò đội ngũ này trong thời gian qua vẫn còn một số hạn chế. Hơn nữa, mặc dù đã có nhiều học giả, nhà khoa học nghiên cứu về trí thức TPHCM, nhưng cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp và có hệ thống về vai trò đội ngũ trí thức TPHCM. Vì thế, đóng góp và điểm mới của luận án là làm rõ vai trò đội ngũ trí thức TPHCM thời kỳ đổi mới; trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả hơn vai trò của đội ngũ này trong thời gian tới.

2. Trí thức và vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam đã được tiếp cận, diễn đạt ở nhiều phương diện khác nhau. Trên cơ sở tán thành quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức, luận án đã đi sâu phân tích một số đặc điểm cơ bản để nhận diện đội ngũ trí thức trong giai đoạn hiện nay. Đối với vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam, dựa trên mục đích, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài, luận án đã phân tích trên năm nội dung cơ bản như: cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; phát triển NNLCCLC đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN góp phần hoàn thành sự nghiệp CNH, HĐH đất nước; xây dựng và phát triển

nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phản biện xã hội góp phần hoàn thiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Vai trò đội ngũ trí thức với tư cách là một “nguồn lực đặc biệt quan trọng” thể hiện ở các quốc gia, dân tộc, địa phương không hoàn toàn giống nhau; do phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử - xã hội, điều kiện kinh tế - văn hóa của mỗi nơi. Từ khi đổi mới đến nay, đội ngũ trí thức TPHCM đã có nhiều đóng góp to lớn thể hiện vai trò quan trọng của mình đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển của TPHCM; tuy nhiên, việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Trong khuôn khổ luận án, chúng tôi đã đi sâu phân tích những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM thời kỳ đổi mới trên các mặt cơ bản như: cung cấp những luận cứ khoa học cho Đảng bộ và chính quyền hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách phát triển TPHCM; phát triển NNLC; nghiên cứu sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao KH&CN góp phần thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH; xây dựng và phát triển văn hóa TPHCM tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phản biện xã hội góp phần hoàn thiện các chủ trương, chính sách, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ, chính quyền TPHCM. Có thể khẳng định: từ khi đổi mới đến nay, TPHCM đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Một trong những nhân tố tạo nên thành tựu đó không thể không nhắc tới sự đóng góp quan trọng của đội ngũ trí thức. Với vị trí chính trị trọng yếu đối với khu vực và cả nước, những thành tựu TPHCM đạt được không chỉ có sức lan tỏa lớn mà còn là cơ sở đảm bảo để Đảng, Nhà nước ta thực hiện thành công sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH.

4. Những thành tựu đạt được trong thực hiện vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM thể hiện sâu sắc sự quan tâm, nỗ lực của Đảng và Nhà nước nói chung, Đảng bộ và chính quyền TPHCM nói riêng. Tuy nhiên, công tác phát huy vai trò đội ngũ trí thức TPHCM vẫn còn một số bất cập như: nhận thức ở một bộ phận người dân TPHCM chưa đầy đủ về vai trò của đội ngũ trí thức; công tác tuyển dụng, sử dụng chưa hợp lý; môi trường và điều kiện hoạt động chưa thực sự hoàn thiện để khuyến khích đội ngũ trí thức tích cực lao động sáng tạo, cống hiến; công tác đào tạo đội ngũ trí thức chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố; chính sách đãi ngộ chưa tương xứng với những đóng góp của đội ngũ trí thức TPHCM.

5. Đội ngũ trí thức ngày càng giữ vai trò quan trọng trong thực hiện các mục tiêu xây dựng và phát triển TPHCM. Song do nhiều nguyên nhân khác nhau, vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM vẫn chưa được phát huy một cách đầy đủ, ở mức cao nhất để đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố trong giai đoạn mới. Vì vậy, đề ra các giải pháp nhằm phát huy có hiệu quả hơn vai trò của đội ngũ này là một trong những nhiệm vụ quan trọng hiện nay đối với TPHCM. Trong phạm vi, mục đích nghiên cứu của đề tài, luận án đã mạnh dạn đề ra năm giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò đội ngũ trí thức TPHCM trong thời gian tới như: nâng cao nhận thức cho người dân TPHCM về vai trò của đội ngũ trí thức; hoàn thiện chính sách sử dụng đội ngũ trí thức; tạo dựng môi trường và điều kiện hoạt động thuận lợi để phát huy có hiệu quả vai trò đội ngũ trí thức; đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ trí thức; đổi mới chính sách đãi ngộ vật chất và tinh thần đối với đội ngũ trí thức. Chúng tôi tin tưởng rằng: nếu như những giải pháp trên được thực hiện một cách đồng bộ, khoa học thì vai trò của đội ngũ trí thức TPHCM sẽ được phát huy có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH của TPHCM cũng như của cả nước.

6. Sau khi nghiên cứu đề tài này, tác giả luận án nhận thức sâu sắc hơn về vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam nói chung và đội ngũ trí thức TPHCM nói riêng trong thời đại kinh tế tri thức, quá trình toàn cầu hóa quốc tế; hiểu được đặc điểm và tầm quan trọng của đội ngũ trí thức đối với sự nghiệp phát triển đất nước cũng như của TPHCM. Thực hiện nghiên cứu xong đề tài này mới chỉ là bước đầu trong quá trình hoạt động của tác giả. Vì vậy, trong thời gian tới, trước tiến trình thực hiện Nghị quyết của Đảng và Chương trình hành động của Thành phố về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, các vấn đề như: trí thức trẻ, trí thức nữ, trí thức TPHCM ở nước ngoài là những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đang đặt ra sẽ được tác giả nghiên cứu tiếp theo sau công trình luận án này.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

-----o0o-----

I. Bài báo khoa học

1. Biền Quốc Thắng (2014), *“Thành phố Hồ Chí Minh phát huy vai trò đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”*, Tạp chí Khoa học, số 2, tr.39-45.
2. Bùi Thị Hào, Biền Quốc Thắng (2014), *“Hồ Chí Minh – nhân cách văn hóa tiêu biểu”*, Tạp chí Thể thao, số 8, tr.22-23.
3. Biền Quốc Thắng (2015), *“Vai trò đội ngũ trí thức Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới”*, Tạp chí Tuyên giáo, số 3, tr.42-45.
4. Trương Văn Tuấn, Biền Quốc Thắng (2015), *“Yêu cầu đối với đội ngũ nhà giáo trong công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam hiện nay”*, Tạp chí Khoa học Chính trị, số 1 + 2, tr.133-139.
5. Biền Quốc Thắng (2015), *“Hoạt động nghiên cứu khoa học ở Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh”*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, số 71, tr.56-59.
6. Biền Quốc Thắng (2015), *“Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay”*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học cấp Thành phố: “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo yêu cầu tái cơ cấu kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh”, tr.219-226.
7. Biền Quốc Thắng (2015), *“Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế”*, Tạp chí Khoa học Chính trị, số 7, tr.52-56.
8. Biền Quốc Thắng (2015), *“Tìm hiểu quan niệm về “Trí thức””*, Tạp chí Phát triển Nhân lực, số 6, tr.21-26.
9. Lại Quang Ngọc, Biền Quốc Thắng (2016), *“Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh”*, Tạp chí Giáo dục, số 388, tr.21-24.

10. Biền Quốc Thắng (2016), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng*, Tạp chí Phát triển Nhân lực, số 1, tr.17- 21.
11. Biền Quốc Thắng (2016), *“Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình kinh tế”*, Tạp chí Xây dựng Đảng, số 3, tr.18-20 và tr.62.
12. Biền Quốc Thắng (2016), *“Các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức Việt Nam hiện nay”*, Tạp chí Khoa học Chính trị, số 3, tr.33-37 và tr.42.
13. Biền Quốc Thắng (2016), *“Nhận diện “Trí thức” hiện nay”*, Tạp chí Nghiên cứu Con người, số 3, tr.68-77.

II. Đề tài khoa học

1. Thành viên tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ: *“Nâng cao hiệu quả hợp tác công tư trong xây dựng kết cấu hạ tầng ở thành phố Hồ Chí Minh”*. Mã số: B15-20, nghiệm thu ngày 29/5/2016, xếp loại: Đạt.
2. Thành viên tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ: *“Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay: Yêu cầu và giải pháp”*, Mã số: Bộ 2013-2014, nghiệm thu ngày 19/9/2016, xếp loại: Khá.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Bách (1995), “Mấy vấn đề cần đổi mới tạo động lực và điều kiện để trí thức nước ta phát huy tài năng trí tuệ”, *Tạp chí Công tác khoa giáo*, (4).
2. Nguyễn Đức Bách (2008), “Suy ngẫm và nhận thức về vấn đề trí thức”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (9).
3. Ban Thường vụ Thành ủy, Đảng Cộng sản Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh (1995), *Thành phố Hồ Chí Minh hai mươi năm (1975 - 1995)*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh (2005), *Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh 60 năm tiếp bước con đường Cách mạng tháng Tám 1945 - 2005*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Truyền thống và phát triển*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), *Tài liệu học tập nghị quyết và một số chủ trương của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (Dùng cho cán bộ, đảng viên cơ sở)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Quốc Bảo, Đoàn Thị Lịch (1998), *Trí thức trong công cuộc đổi mới đất nước*, Nxb Lao động, Hà Nội.
8. Hoàng Chí Bảo (2006), *Bản chất của hoạt động sáng tạo trong nghiên cứu khoa học*, Tài liệu tham khảo, Hà Nội.
9. Tần Xuân Bảo (2012), *Đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý, kinh nghiệm từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Khánh Battles (2011), “Vị trí, vai trò của trí thức trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Đại hội XI của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, (828).
11. Nguyễn Khánh Battles, Trần Thị Huyền (2012), *Xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Phan Xuân Biên, Trần Nhu (2005), *Thành phố Hồ Chí Minh 30 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Giáo trình Triết học (Dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Doãn Chính (Chủ biên) (2013), *Lối sống và tư duy của cộng đồng người Việt vùng Đông Nam Bộ trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Nguyễn Trọng Chuẩn (2013), “Trí thức và trách nhiệm xã hội”, *Tạp chí Cộng sản*, (853).
16. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2005), *Niên giám thống kê năm 2004*, Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Niên giám thống kê năm 2014*, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Cục Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Niên giám thống kê năm 2015*, Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Lý Quang Diệu (1994), *Tuyển 40 năm chính luận của Lý Quang Diệu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Phạm Tất Dong (1994), “*Luận cứ khoa học cho các chính sách nhằm phát huy năng lực sáng tạo của giới trí thức và sinh viên*”, Đề tài KX 04 - 06, Hà Nội.
21. Phạm Tất Dong (1995), *Trí thức Việt Nam thực tiễn và triển vọng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Phạm Tất Dong, Bùi Khắc Việt (1999), “Chính sách của Đảng đối với trí thức”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, (30-31).
23. Phạm Tất Dong (2001), *Định hướng phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Phạm Tất Dong (2013), *Khuyến tài*, Nxb Dân trí, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, Nxb

Chính trị quốc gia, Hà Nội.

27. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

28. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 18/11 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010*, Hà Nội.

31. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ VIII*, Lưu hành nội bộ, Thành phố Hồ Chí Minh.

32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

34. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2008), *Chương trình hành động số 44 - CTr/TU thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Thành phố Hồ Chí Minh.

35. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ IX*, Thành phố Hồ Chí Minh.

36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

37. Đảng Cộng sản Việt Nam - Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Tài liệu quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, Nghị quyết, ngày 10/8/2012*, Lưu hành nội bộ, Thành phố Hồ Chí Minh.

38. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt*

Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Thành phố Hồ Chí Minh.

39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng.

40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn hóa soi đường cho quốc dân đi (Văn kiện của Đảng về văn hóa)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

42. Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ X*, Lưu hành nội bộ, Thành phố Hồ Chí Minh.

43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

44. Phạm Đình Đạt (2012), “Đội ngũ trí thức trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, (11).

45. Trần Bạch Đằng (1998), *Văn hóa - động lực phát triển kinh tế, xã hội*, Chuyên đề: “Văn hóa và phát triển ở Thành phố Hồ Chí Minh”, Thành phố Hồ Chí Minh.

46. Đinh Ngọc Giang (2008), “Thu hút và sử dụng trí thức phục vụ đẩy mạnh CNH, HĐH”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (7).

47. Trần Văn Giàu (1994), *Huỳnh Tấn Phát trong cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Sài Gòn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

48. Lê Thị Mỹ Hà (chủ nhiệm) (2010), “Khảo sát thực trạng làm việc của cán bộ nghiên cứu giảng dạy các ngành khoa học xã hội và nhân văn tại Thành phố Hồ Chí Minh”, Đề tài cấp Viện, Viện nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

49. Lương Đình Hải (2009), “Trách nhiệm đào tạo nguồn nhân lực trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, (6).

50. Nguyễn Thị Hậu (2014), *Xây dựng môi trường văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh văn minh hiện đại*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.

51. Thẩm Vinh Hoa, Ngô Quốc Diệu (chủ biên) (2008), *Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài, kế lớn trăm năm chấn hưng đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

52. Trần Quốc Hoàn (2008), “Vai trò đội ngũ trí thức trong lĩnh vực nghệ thuật ở Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Tuyên giáo*, (10).

53. Hà Minh Hồng, Lê Hữu Phước (2011), *Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh hành trình 100 năm (1911 - 2011)*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

54. Phạm Hùng (2014), Nhìn lại công tác quản lý đào tạo nhân kỷ niệm 65 năm truyền thống Học viện Chính trị Khu vực II (1949-1914), *Tạp chí Khoa học chính trị*, (8).

55. Nguyễn Đắc Hưng (2005), *Trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

56. Nguyễn Đắc Hưng (2008), *Trí thức Việt Nam tiến cùng thời đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

57. Nguyễn Đắc Hưng (2009), *Trí thức Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

58. Nguyễn Mạnh Hường, (chủ nhiệm) (2012), “*Xây dựng đội ngũ trí thức quân đội trong thời kỳ mới*”, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Hà Nội.

59. Đặng Hữu (2008), “Đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (7).

60. Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Quốc Bảo (2001), *Một số vấn đề về trí thức Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.

61. Nguyễn Văn Khánh (chủ biên), (2004), *Trí thức với Đảng, Đảng với trí thức trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.

62. Vũ Đức Khiển (2013), “Tìm hiểu về thực trạng đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa”, *Tạp chí Phát triển Nhân lực*, (2).

63. Phan Thanh Khôi (1996), “Những bài học từ quan điểm của Lênin về trí thức”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, (4).

64. Phan Thanh Khôi (2008), *Đội ngũ trí thức Việt Nam, quan niệm, thực trạng, phát huy vai trò và xu hướng biến đổi*, Tài liệu tham khảo, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

65. Phan Thanh Khôi, Nguyễn Văn Sơn (2011), “Các văn kiện của Đảng tiếp

tục những quan điểm đổi mới đối với trí thức”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (6).

66. Phan Thanh Khôi (2012), “Tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển mới của trí thức Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, (250).

67. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

68. V.I. Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

69. V.I. Lênin (1975), *Toàn tập*, tập 36, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

70. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 40, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

71. Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (2010), *Văn kiện Đại hội đại biểu các Hội Văn học Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ VII 2010 – 2015*, Thành phố Hồ Chí Minh.

72. Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Báo cáo 3 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 45-Ctr/TU của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh*, Thành phố Hồ Chí Minh.

73. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Văn kiện Đại hội đại biểu nhiệm kỳ VI (2013 - 2018)*, Thành phố Hồ Chí Minh.

74. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo Tổng kết dự án nghiên cứu “Khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển nguồn nhân lực khoa học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức ở Thành phố Hồ Chí Minh”*, chủ nhiệm dự án, Nguyễn Thế Nghĩa.

75. Nguyễn Văn Linh (1985), *Về công tác tư tưởng và văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

76. Trường Lưu (2008), “Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (791).

77. C.Mác, Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

78. C.Mác, Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

79. C.Mác, Ph. Ăngghen (1998), *Toàn tập*, tập 46, phần II, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

80. C.Mác, Ph.Ăngghen (2006), *Tuyển tập*, gồm 6 tập, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

81. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Đỗ Mười (1999), *Trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. Nghị quyết của Bộ Chính trị số 20-NQ/TW: “Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010”, ngày 18/11/2002.
86. Nghị quyết của Bộ Chính trị số 32-NQ/TW: “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý”, ngày 26/5/2014.
87. Nguyễn Thế Nghĩa, Lê Hồng Liêm (2000), *Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh thế kỷ XX những vấn đề lịch sử - văn hóa*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
88. Nhiều tác giả (2009), *Về trí thức Nga*, Nxb Trí thức.
89. Hồ Hữu Nhựt (2001), *Trí thức Sài Gòn - Gia Định 1945 - 1975*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Nguyễn An Ninh (2008), *Phát huy tiềm năng trí thức Khoa học Xã hội Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Nguyễn Xuân Phương (2004), *Vai trò của trí thức Thủ đô trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
92. Nguyễn Thị Thu Phương (chủ biên) (2009), *Chiến lược nhân tài của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. Trần Văn Phương (2009), “Khả năng thu hút và thực tế sử dụng trí thức Việt kiều về làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình phát triển và hội nhập”, Đề tài nghiên cứu cấp Viện, Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
94. Ngô Thị Phụng (2007), *Đội ngũ trí thức khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. Nguyễn Quới (1989), “Trí thức Thành phố Hồ Chí Minh và những vấn đề của trí thức xây dựng chủ nghĩa xã hội”, *Tạp chí Xã hội học*, (4).

96. Lê Quang Quý (2006), *Trí thức ngành kiến trúc trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

97. Hoàng Xuân Sinh (2008), “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (7).

98. Nguyễn Văn Sơn (2002), *Trí thức giáo dục đại học Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

99. Hà Văn Tác (2014), “Đội ngũ cán bộ Học viện Chính trị Khu vực II - Thực trạng và định hướng xây dựng, phát triển”, *Tạp chí Khoa học Chính trị*, (8).

100. Đỗ Thị Thạch (2005), *Phát huy nguồn lực trí thức nữ Việt Nam trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

101. Đỗ Thị Thạch (2008), “Trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (6).

102. Hồ Bá Thâm, Nguyễn Tôn Thị Tường Vân (2009), *Phản biện xã hội và phát huy dân chủ pháp quyền*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

103. Nghiêm Ngạn Thân (2012), *Phát hiện và sử dụng nhân tài*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

104. Võ Văn Thắng (2013), “Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Triết học*, (261).

105. Thành ủy - Hội đồng Nhân dân - Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tạp chí Lý luận chính trị (2010), *Thành phố Hồ Chí Minh 35 năm xây dựng và phát triển (1975 - 2010)*, Nxb Thanh niên.

106. Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Báo cáo sơ kết bốn năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Thành phố Hồ Chí Minh.

107. Thành Ủy - Hội đồng Nhân dân - Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Thành phố Hồ Chí Minh 40 năm xây dựng, phát triển và hội nhập*. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

108. Nguyễn Thị Thom (2012), “Tạo động lực và môi trường để phát huy tính

sáng tạo của đội ngũ trí thức”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (11).

109. Ngô Huy Tiếp (2008), *Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với trí thức nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

110. Alvin Toffler (2006), *Thăng trầm quyền lực*, Khổng Đức (dịch), Nxb Thanh niên, Hà Nội.

111. Nguyễn Công Trí (2012), *Trí thức Việt Nam trong phát triển kinh tế tri thức*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

112. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh (2002), *Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh: con người & văn hóa trên đường phát triển*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

113. Trung tâm từ điển học (2014), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

114. *Từ điển Chủ nghĩa Cộng sản khoa học* (1986), Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

115. *Từ điển Triết học* (1986), Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

116. Nguyễn Thanh Tuấn (1998), *Một số vấn đề về trí thức Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

117. Hoàng Anh Tuấn (2004), “*Thực trạng sử dụng đội ngũ khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên nhân và các giải pháp phát huy hiệu quả*”, Đề tài cấp Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

118. Trương Văn Tuấn (2009), “*Trí thức Thành phố Hồ Chí Minh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”, *Tạp chí Phát triển Nhân lực*, (2).

119. Trương Văn Tuấn (2012), “*Thực trạng đội ngũ trí thức Thành phố Hồ Chí Minh và giải pháp phát triển đội ngũ trí thức phục vụ sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế*”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, (07).

120. Trương Văn Tuấn (2015), *Xây dựng đội ngũ trí thức tại thành phố Hồ Chí Minh trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Luận án tiến sĩ Triết học, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

121. Trần Anh Tuấn (2015), “*Nguồn nhân lực chất lượng cao – nhu cầu cơ cấu trình độ đào tạo đáp ứng hội nhập và phát triển kinh tế tại Thành phố Hồ Chí Minh*”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*, (01).

Mình: kiến nghị các giải pháp”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo yêu cầu tái cơ cấu kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực nhân tài Việt Nam - Thành phố Hồ Chí Minh và Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

122. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Khoa học và Công nghệ (2005), *Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh 30 năm một chặng đường phát triển*, Lưu hành nội bộ.

123. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011- 2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.

124. Ủy ban Nhân dân thành Phố Hồ Chí Minh, Viện Nghiên cứu Phát triển (2012), *Thành phố Hồ Chí Minh 35 năm xây dựng và phát triển*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

125. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *“Nhân sĩ trí thức Sài Gòn - Gia Định đồng hành cùng dân tộc”*, Kỷ yếu truyền thống Ban Trí vận - Mặt trận Sài Gòn - Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

126. Viện Ngôn ngữ học (1994), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

127. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

128. Viện nghiên cứu xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (2006), *Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh: Con người và văn hóa trên đường phát triển*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

129. Vũ Quang Vinh (2008), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với trí thức và nhân tài”, *Tạp chí Thông tin đối ngoại*, (8).

130. Nguyễn Võ (2013), “5 năm thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW ở Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh - những chuyển biến bước đầu”, *Sổ tay Xây dựng Đảng*, (12).

131. Đàm Đức Vượng (2014), *Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

132. Okuhina Yasuhiro (1994), *Chính trị và kinh tế Nhật Bản*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

*** Một số tài liệu từ website:**

133. “*Câu chuyện trí thức hay là bàn về trách nhiệm xã hội của những người*

hiếu biết”, <http://tiasang.com.vn>, truy cập ngày 15/02/2016.

134. “*Công viên phần mềm Quang Trung phải tăng tốc, đáp ứng sự phát triển của TPHCM*”, <http://www.sggp.org.vn>, truy cập ngày 2/05/2016.

135. Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo thường niên*, www.vnuhcm.edu.vn, truy cập ngày 15/12/2015.

136. “*Đừng để lương công chức cả đời không mua được nhà*”, <http://www.tienphong.vn>, truy cập ngày 15/12/2015.

137. “*Giám đốc sở phải ký 100 chữ ký cho mỗi đề tài khoa học*”, <http://tuoitre.vn>, truy cập ngày 20/06/2016.

138. “*Hơn 15.800 lượt góp ý Dự thảo Báo cáo Đại hội Đảng bộ TPHCM*” <http://hochiminhcity.vn>, truy cập ngày 24/06/2016.

139. “*“Khát” nguồn lao động chất lượng cao*”, <http://www.sggp.org.vn>, truy cập ngày 15/12/2015.

140. “*Khoa học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh: “Những dấu ấn điển hình”*”, <http://www.sggp.org.vn>, truy cập ngày 15/12/2015.

141. “*Khoa học công nghệ tạo động thúc đẩy phát triển TPHCM*”, <http://hiee.org.vn>, truy cập ngày 20/8/2016.

142. “*Khu vực công “chảy máu chất xám” trầm trọng vì lương thấp*”, <http://giaoduc.net.vn>, truy cập ngày 24/02/2016.

143. “*Một số kinh nghiệm về công tác trí thức của Trung Quốc*”, <http://www.tapchiconsan.org.vn>, truy cập ngày 20/06/2016.

144. “*Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) là gì?*”, <https://skhcn.thuathienhue.gov.vn>, truy cập ngày 24/06/2016.

145. “*Ngân sách - sự tôn trọng khoa học công nghệ*”, <http://www.vawr.org.vn>, truy cập ngày 24/02/2016.

146. “*Nghiên cứu khoa học trong trường đại học: Quy định lơ mơ, giảng viên thờ ơ!*”, <http://www.sggp.org.vn>, truy cập ngày 24/06/2016.

147. “*Phê bình văn học nghệ thuật: Đất rộng người thưa*”, <http://plo.vn>, truy cập ngày 24/06/2016.

148. “*Tránh lãng phí trong đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ, cán bộ lãnh đạo: Cần loại*

bỏ tư tưởng bằng cấp”, <http://laodong.com.vn>, truy cập ngày 24/06/2016.

149. “*Vì sao nhiều sinh viên ra trường khó tìm việc làm?*”, <http://nhandan.com.vn>, truy cập ngày 15/12/2015.

150. “*Vai trò của khoa học công nghệ đối với phát triển kinh tế xã hội*”, <http://vienthongke.vn>, truy cập ngày 15/6/2015.

151. “*30% công chức sáng cấp ô đi, tối cấp về*”, <http://vnexpress.net>, truy cập ngày 12/06/2016.

152. “*40 năm Khoa học và Công nghệ TP.HCM: Thành công bởi dám nghĩ, dám làm và dám đột phá*”, <http://www.pcworld.com.vn>, truy cập ngày 24/06/2016.

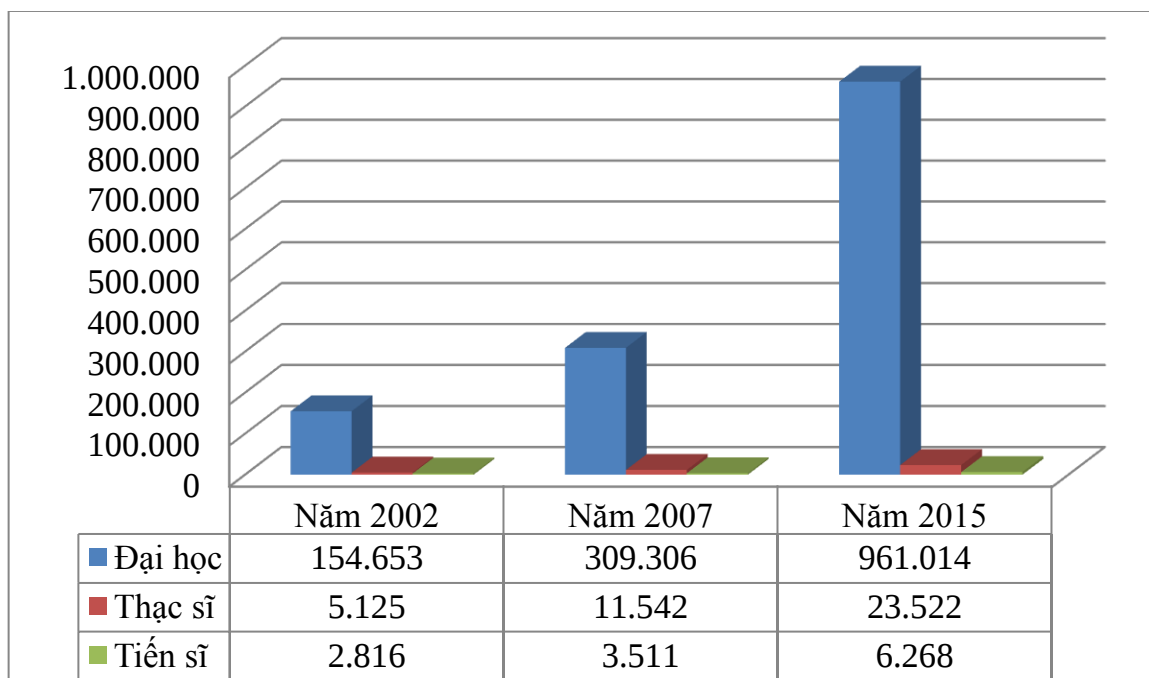
*** Tiếng Anh**

153. SCImago Institutions Rankings (2016), *4 ranked institutions in Viet Nam*.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

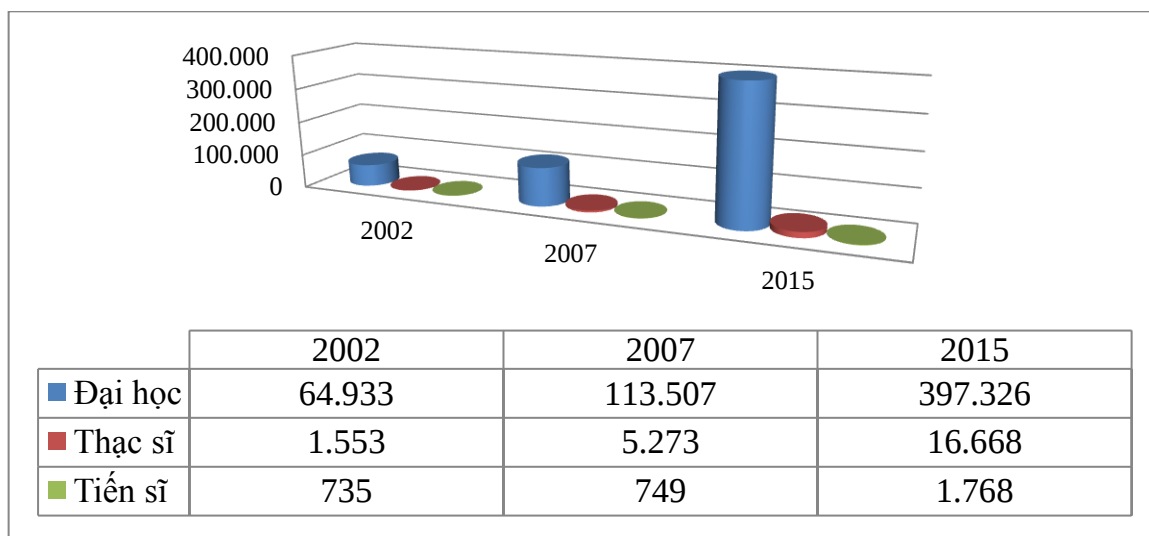
Số lượng trí thức TPHCM giai đoạn 2002 - 2015



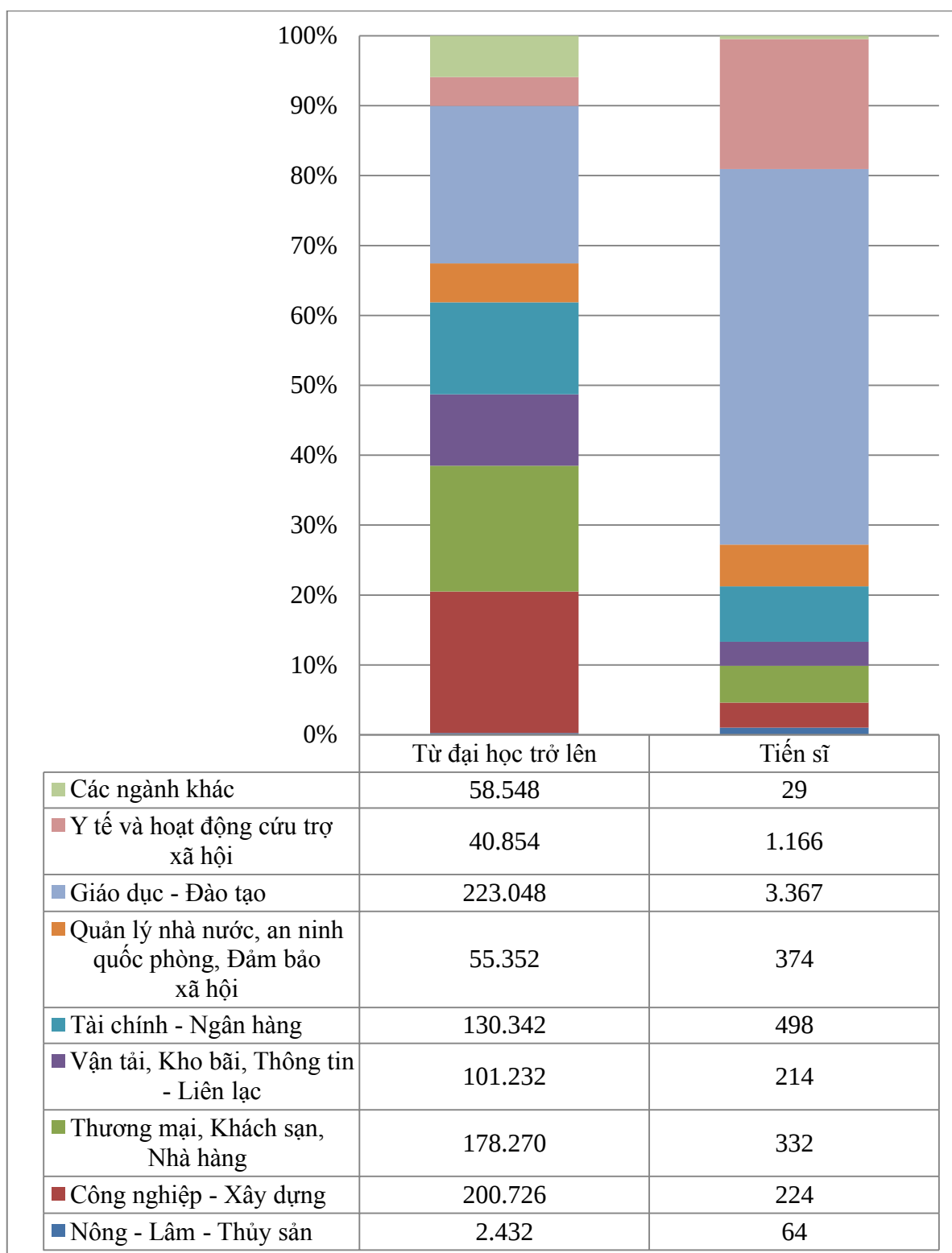
Nguồn: Cục Thống kê TPHCM năm 2016.

Phụ lục 2

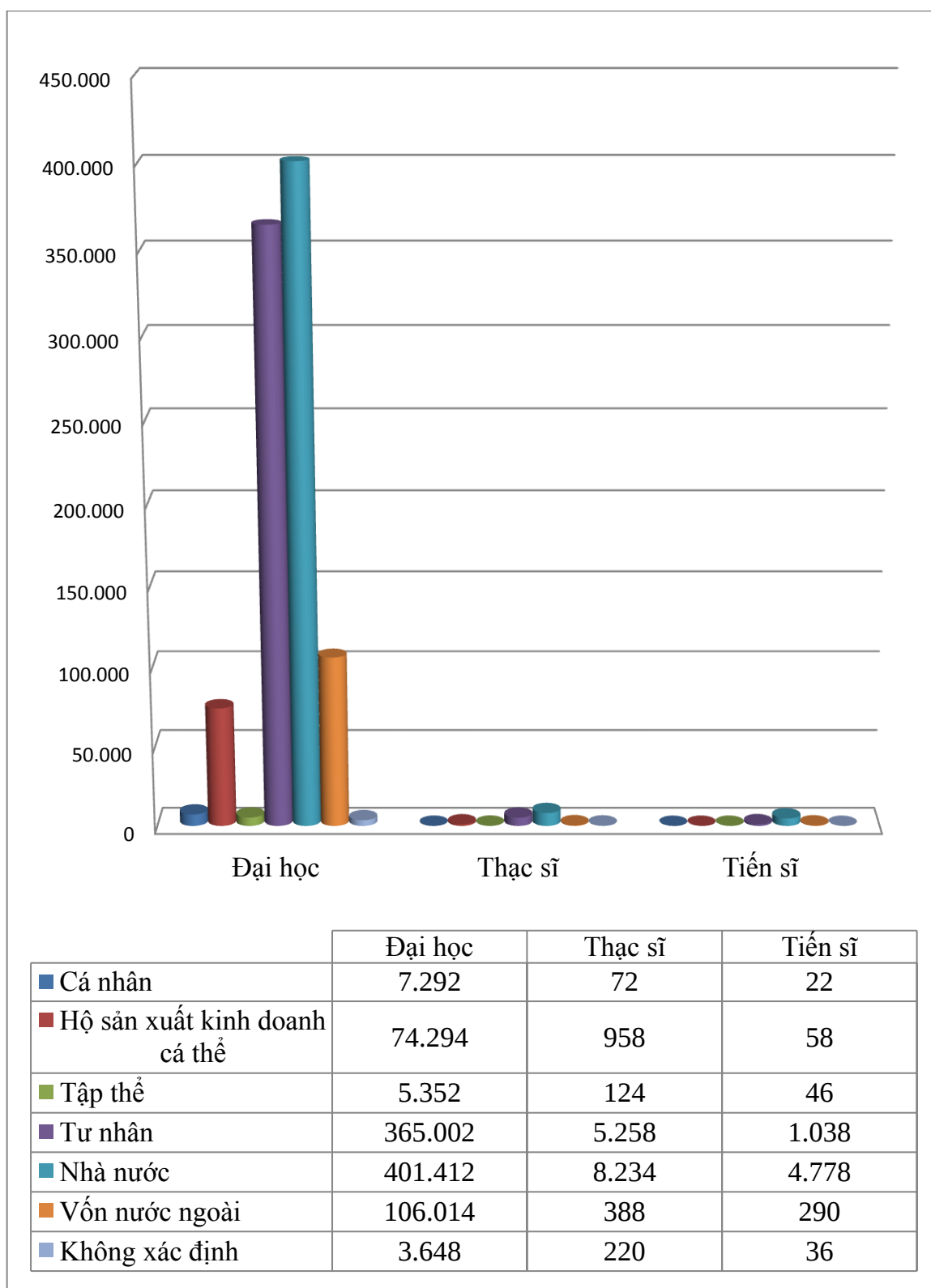
Số lượng trí thức nữ trong giai đoạn 2002 - 2015



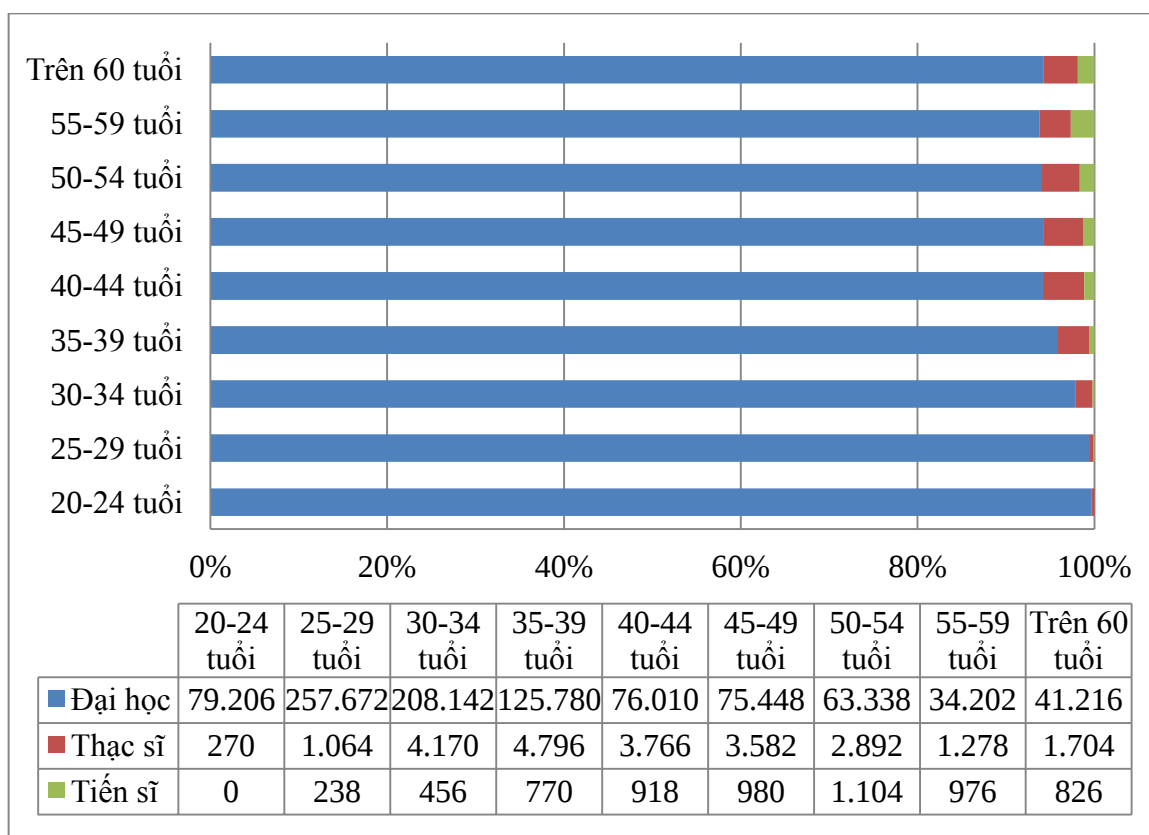
Nguồn: Cục Thống kê TPHCM năm 2016.

Phụ lục 3**Trí thức phân theo ngành nghề chuyên môn, năm 2015**

Nguồn: Cục Thống kê TPHCM năm 2016.

Phụ lục 4**Trí thức phân theo loại hình kinh tế, năm 2015**

Nguồn: Cục Thống kê TPHCM năm 2016.

Phụ lục 5**Trí thức phân theo nhóm tuổi, năm 2015**

Nguồn: Cục Thống kê TPHCM năm 2016.

Phụ lục 6**Trí thức phân theo dân tộc, năm 2015**

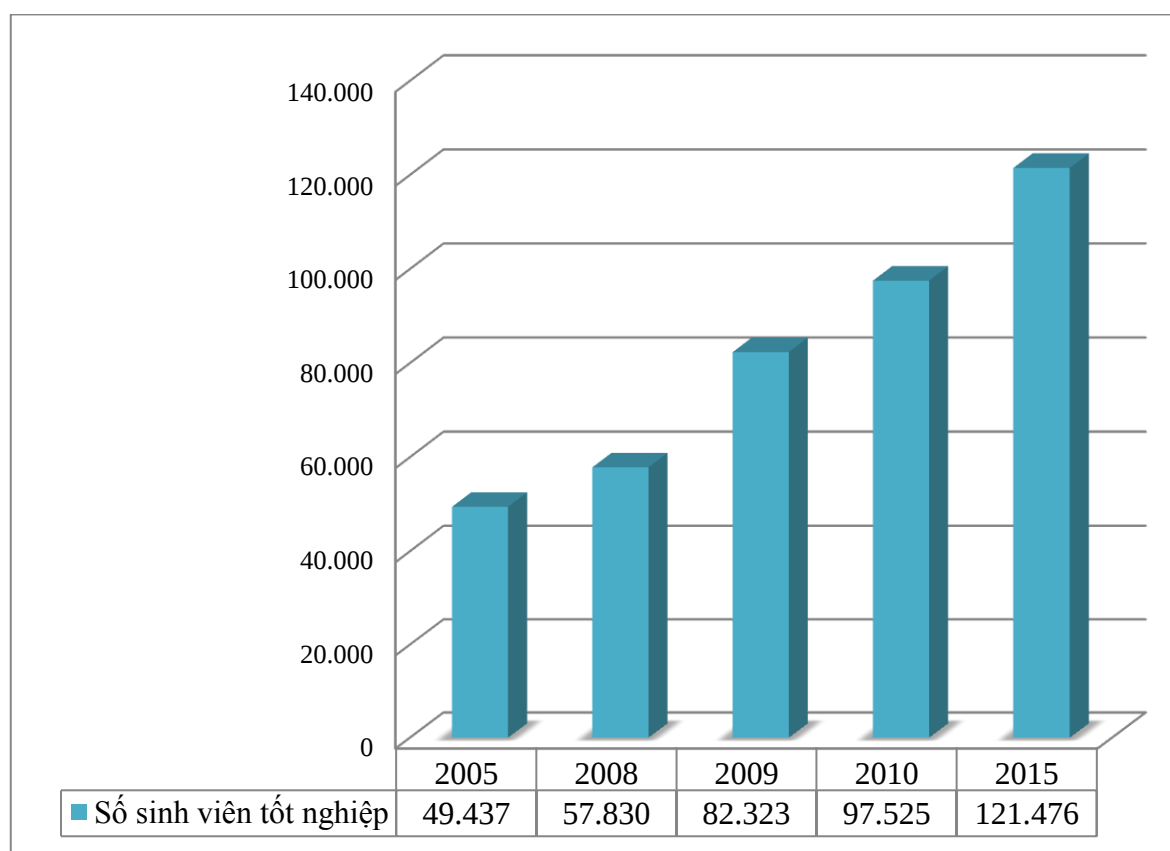
Dân tộc	Đại học		Thạc sĩ		Tiến sĩ	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Kinh	503.465	97,9	21.269	99	4.771	99
Khơ Me	217	0,0	5	0	4	0
Hoa	9.796	1,9	201	0,9	27	0,1
Chăm	208	0,0	4	0	5	0
Các dân tộc khác	685	0,1	26	0,1	16	0

Nguồn: Cục Thống kê TPHCM năm 2016.

Phụ lục 7**Giáo dục đại học, cao đẳng giai đoạn 2000 - 2015**

Năm	2000	2005	2011	2015
Trường học	18	58	72	83
Giảng viên	6.706	11.392	19.441	26.127
Sinh viên	254.695	321.072	704.118	964.438

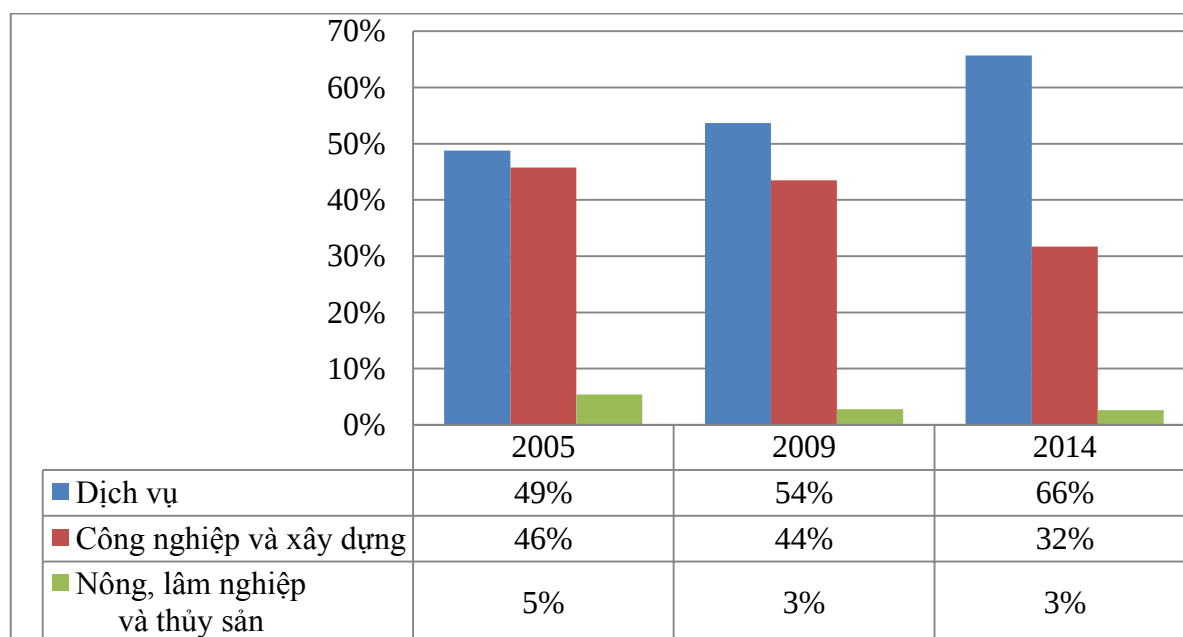
Nguồn: [16] và [18]

Phụ lục 8**Số lượng sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2005 - 2015**

Nguồn: [18]

Phụ lục 9**Cơ cấu lực lượng lao động theo trình độ nghề giai đoạn 2009 - 2014***Đơn vị tính: %*

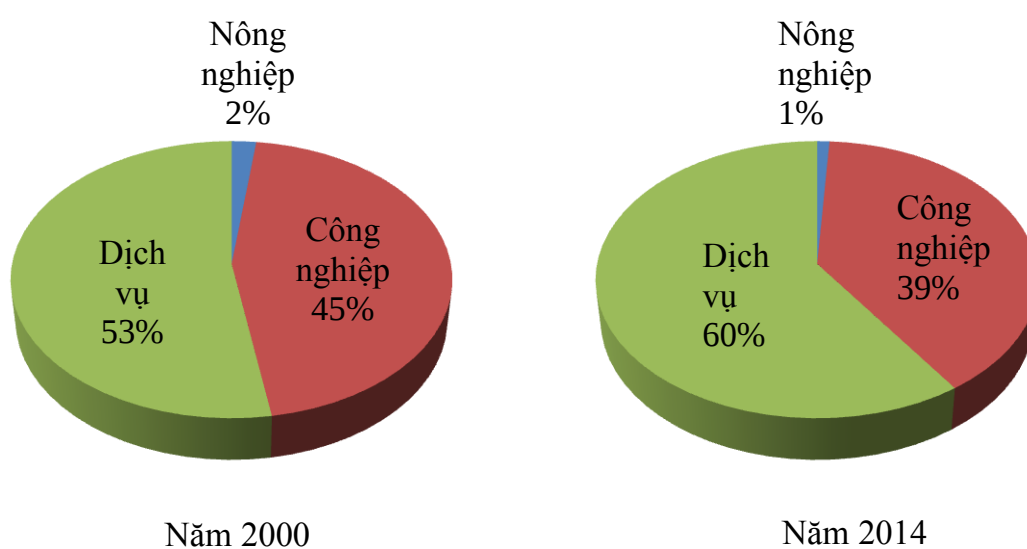
	2009	2014
Tổng	100	100
1. Đã qua đào tạo nghề	58,00	69,93
<i>Trong đó</i>		
Dạy nghề	40,30	44,52
Trung cấp chuyên nghiệp	2,55	3,77
Cao đẳng	2,29	2,73
Đại học trở lên	12,86	18,91
2. Chưa qua đào tạo nghề	42,00	30,07

*Nguồn: [121, tr.285]***Phụ lục 10****Cơ cấu lực lượng lao động theo ngành kinh tế giai đoạn 2005 - 2014***Nguồn: [121, tr.283]*

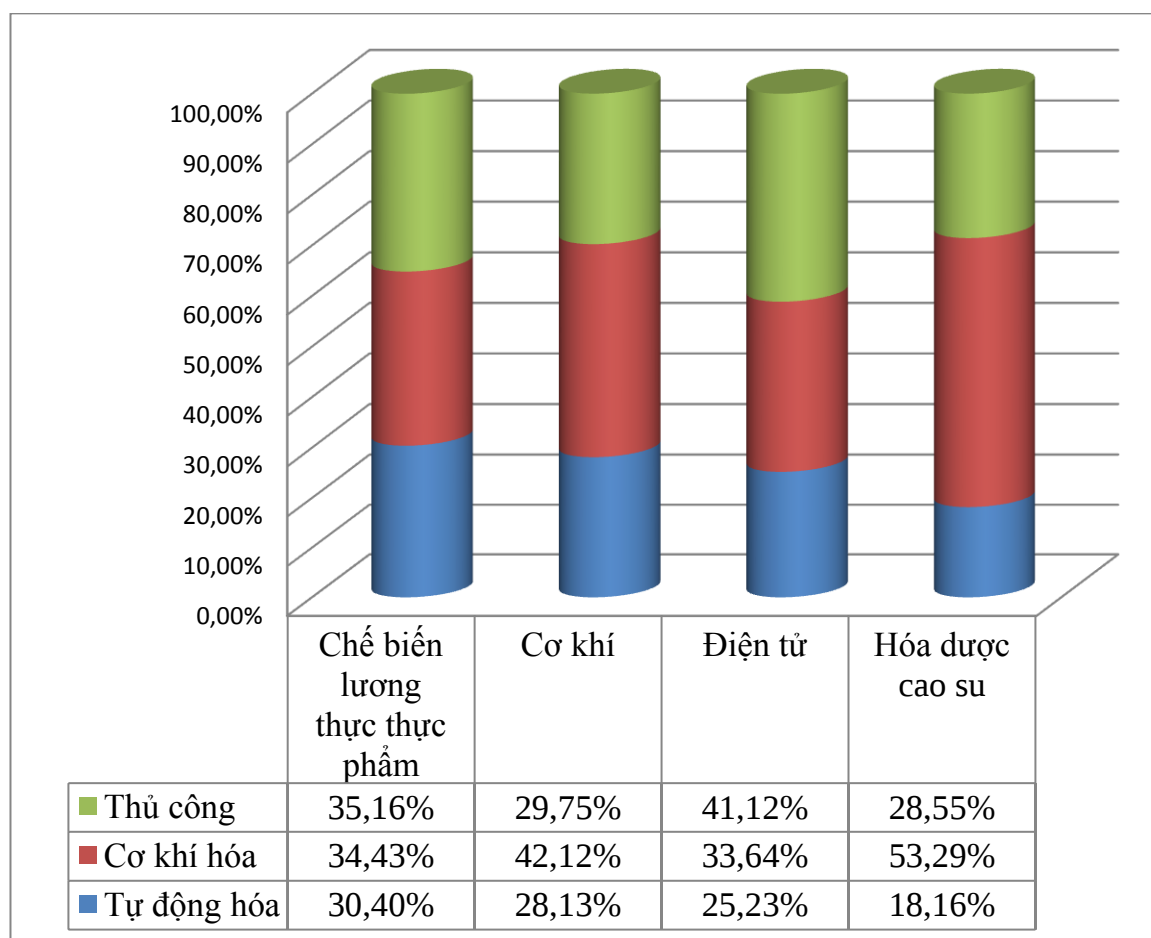
Phụ lục 11**Bốn tổ chức của Việt Nam được xếp hạng theo SCImago năm 2016****Four institutions in Vietnam are ranked according SCImago, 2016**

Đơn vị	Hạng trong nước	Hạng thế giới
Trường Đại học Bách khoa Hà Nội Việt Nam	1	577/ 5.147
ĐHQG - TPHCM	2	608/ 5.147
Viện Hàn Lâm KH&CN	3	620/ 5.147
Đại học Quốc gia Hà Nội	4	632/ 5.147

Nguồn: <http://www.scimagoir.com/rankings.php?country=VNM> [153].

Phụ lục 12**GDP của các ngành kinh tế TPHCM giai đoạn 2000 – 2014**

Nguồn: [16] và [17]

Phụ lục 13**Trình độ công nghệ 4 nhóm ngành công nghiệp trọng điểm TPHCM năm 2014**

Nguồn: [17]

Phụ lục 14

**Hệ thống chương trình khoa học cấp thành phố
trên các lĩnh vực từ năm 1986 - 2015**

Giai đoạn	1986 – 1990	1991 – 1995	1996 – 2000	2001 – 2005	2006 – 2010	2011 – 2015
Số lượng chương trình	16	15	17	18	15	13

Nguồn: Sở KH&CN TPHCM năm 2016.

Phụ lục 15
Hoạt động tại các Bảo tàng

Phụ lục 15.1:

Đơn vị	Số cuộc trưng bày, triển lãm					Số lượt khách tham quan				
	1998	2000	2005	2010	2012	1998	2000	2005	2010	2012
Bảo tàng TP HCM	4	14	14	45	39	34.565	143.418	241.250	373.076	444.562
Bảo tàng Mỹ Thuật	5	7	12	26	35	58.450	62.460	86.900	247.694	282.232
Bảo tàng chứng tích chiến tranh	10	12	13	16	31		335.162	398.076	568.403	946.577
Bảo tàng Lịch sử Việt Nam – TP HCM	5	11	12	27	26	197.275	220.417	377.895	522.350	365.495
Bảo tàng phụ nữ Nam Bộ		5	7	8	13		101.427	374.000	245.035	232.813
Bảo tàng Hồ Chí Minh – chi nhánh TP HCM	9	8	6	19	38	115.000	133.329	146.298	234.633	312.627
Bảo tàng Tôn Đức Thắng	2	2	3	22	32	225.082	98.874	59.947	143.979	203.440
Tổng cộng	35	59	67	163	214	630.372	1.095.087	1.684.366	2.335.170	2.787.746

Nguồn: [38]

Phụ lục 15.2:

Đơn vị	Số hiện vật, tài liệu được sưu tầm					Tổng số hiện vật, tài liệu				
	1998	2000	2005	2010	2012	1998	2000	2005	2010	2012
Bảo tàng TP HCM				1.663	2.852	12.000	19.043	24.364	44.591	345.070
Bảo tàng Mỹ Thuật	2.363	2.168	156	418	119	15.905	18.564	19.859	20.714	21.619
Bảo tàng chứng tích chiến tranh			177	460	6.174			2.385	14.842	14.898
Bảo tàng Lịch sử Việt Nam – TP HCM	1.976	1.581	265	218	4.152	23.084	26.349	33.719	38.707	43.582
Bảo tàng phụ nữ Nam Bộ		143	2.877	483	639		15.609	19.744	32.958	35.739
Bảo tàng Hồ Chí Minh – chi nhánh TP HCM	1.010	526	420	565	1.092	10.108	12.093	14.039	18.724	20.091
Bảo tàng Tôn Đức Thắng	404	353	148	559	587				13.508	15.361
Tổng cộng	5.753	4.771	4.043	4.366	15.615	61.097	91.658	114.110	184.004	496.360

Nguồn: [38]

Phụ lục 16**Kết quả thực hiện trong lĩnh vực Báo chí, Xuất bản****Phụ lục 16.1: Báo chí**

Giai đoạn	Báo in		Báo nói		Báo hình		Báo điện tử	Đội ngũ
	Cơ quan báo chí	Ấn phẩm	Các kênh	Giờ phát sóng	Các kênh	Giờ phát sóng		
1998-2002	38	60	AM 610 KHz AM 855 KHz	15,5 giờ/ ngày 17 giờ/ ngày	HTV9, HTV7	24 giờ/ ngày	4 trang tin	1.028 nhà báo
2003-2007	43	76	AM 610 KHz FM 99.9 MHz	15,5 giờ/ ngày 20 giờ/ ngày	HTV9, HTV7 4 kênh kỹ thuật số	24/24 giờ 18 giờ/ ngày	12 trang tin	1.200 nhà báo
2008-2012	40	70	AM 610 KHz FM 99.9 MHz FM 95.6 MHz	20 giờ/ ngày 24 giờ/ ngày 18 giờ/ ngày	HTV9, HTV7 15 kênh kỹ thuật số	24/24 giờ 20-22 giờ/ ngày	12 trang tin	1.200 nhà báo

Nguồn: [38]

Phụ lục 16.2: Xuất bản

Nhà xuất bản	Năm 1998		Năm 2003		Năm 2008		Năm 2012	
	Số tựa	Số bản in	Số tựa	Số bản in	Số tựa	Số bản in	Số tựa	Số bản in
Nhà xuất bản Tổng hợp (Thành lập: 1977)	468	1.509.200	456	857.000	718	2.366.000	1.665	3.593.000
Nhà xuất bản Trẻ (Thành lập: 1981)	1.032	5.913.300	1.460	6.195.800	1.776	5.866.790	1.619	4.496.000
Nhà xuất bản Văn nghệ (1980 – 2010)	179	138.700	76	50.850	264	320.370	/	/
Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn (2005 – 2010)	/	/	/	/	360	654.960	/	/
Nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ (Sáp nhập: 2010)	/	/	/	/	/	/	422	1.031.000

Nguồn: [38]

Phụ lục 17

Có ý kiến cho rằng công tác trí thức hiện nay còn có những hạn chế sau, ý kiến của ông/ bà như thế nào? (mỗi hàng chọn 1 ý)

Đơn vị %

Những hạn chế	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
1. Công tác vận động, tập hợp, đoàn kết đội ngũ trí thức chưa đổi mới và còn hạn chế.	438 76,57%	88 15,38%	32 5,59%
2. Chưa nhận thức sâu sắc ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của trí thức trong thời kỳ mới.	250 43,70%	144 25,17%	154 26,92%
3. Cách thức giải quyết các vấn đề của giới trí thức chưa phù hợp với tâm lý, nhu cầu, nguyện vọng của trí thức.	357 62,41%	143 25%	52 9,09%
4. Một số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và xã hội còn thiếu quan tâm, chưa tin tưởng vào hoạt động chuyên môn, kiến thức, kinh nghiệm của giới trí thức.	344 60,13%	131 22,90%	80 13,98%
5. Một số cán bộ, đảng viên còn thiếu tôn trọng, thiếu niềm tin vào trí thức.	292 51,04%	133 23,25%	127 22,20%
6. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành đối với công tác trí thức còn chung chung.	396 69,23%	121 21,15%	37 6,46%
7. Chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị chậm trễ trong việc thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác trí thức.	326 56,99%	156 27,27%	66 11,53%
8. Thiếu đầu tư thích đáng và chưa có tổ chức chuyên trách về công tác trí thức.	328 66,78%	134 23,42%	32 5,59%
9. Vai trò và ảnh hưởng của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật, Văn học và Nghệ thuật thành phố và các hội thành viên trực thuộc đối với trí thức bị giảm sút.	238 41,60%	226 39,51%	86 15,03%
10. Các cơ quan, ban ngành và đoàn thể, các tổ chức xã hội chưa quan tâm đầy đủ đến việc phát huy vai trò, trách nhiệm, góp sức vào sự nghiệp đổi mới và phát triển của giới trí thức	308 53,84%	155 27,09%	90 15,73%
11. Những thành quả nghiên cứu, sáng tạo của trí thức chưa đáp ứng nhu cầu của xã hội.	314 54,89%	153 26,74%	87 15,20%
12. Trí thức trẻ ít chịu rèn luyện về phẩm chất, đạo đức, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên về chuyên môn.	250 43,70%	159 27,79%	144 25,17%

Nguồn: [106]